

HỒ SƠ MỜI THẦU

TẬP 3-CÁC BẢN VẼ

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):

Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Gói 09-BLVC1: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt VTTB công trình Đường dây 110kV Bạc Liêu 2-Vĩnh Châu (Đoạn tuyến từ TBA 220kV Bạc Liêu đến vị trí 53)

Dự án/dự toán mua sắm (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Công trình: Đường dây 110kV Bạc Liêu 2-Vĩnh Châu

Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Nam

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC MIỀN NAM TNHH
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐIỆN LỰC MIỀN NAM
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Uyên Nhật

BIÊN CHẾ E-HSMT:

E-HSMT “Gói 09-BLVC1: Cung cấp, xây dựng và lắp đặt VTTB công trình Đường dây 110kV Bạc Liêu 2-Vĩnh Châu (Đoạn tuyến từ TBA 220kV Bạc Liêu đến vị trí 53): bao gồm VTTB phần đường dây, CBSX, phát quang hành lang tuyến” được biên chế thành các tập như sau:

- TẬP 1: CHỈ DẪN NHÀ THẦU
- TẬP 2: YÊU CẦU KỸ THUẬT
- TẬP 3: CÁC BẢN VẼ

LIỆT KÊ CÁC BẢN VẼ

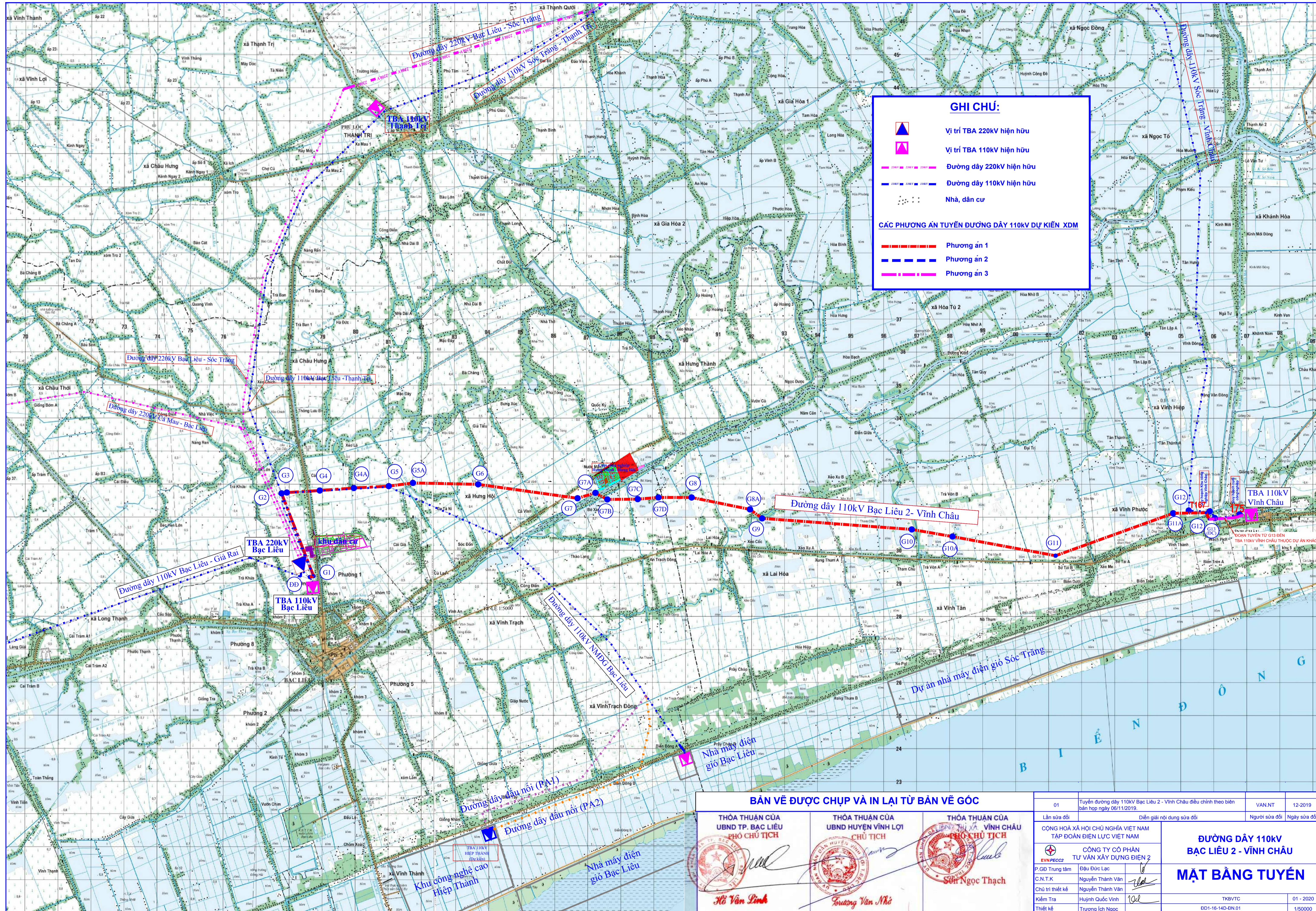
STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU
PHẦN A: ĐƯỜNG DÂY 110kV		
I. CÁC BẢN VẼ PHẦN ĐIỆN		
1	MẶT BẰNG TUYẾN	ĐD1-16-14D.ĐN-01
2	BÌNH ĐỒ ĐẦU NỐI TẠI TBA	ĐD1-16-14D.ĐN-02
	BÌNH ĐỒ ĐẦU NỐI 110kV HIỆN HỮI TẠI TBA 220kV BẠC LIÊU	ĐD1-16-14D.ĐN-02/1
	BÌNH ĐỒ MỞ RỘNG NGẮN VÀ ĐẦU NỐI 110kV TẠI TBA 220kV BẠC LIÊU	ĐD1-16-14D.ĐN-02/2
	BÌNH ĐỒ ĐẦU NỐI TẠI TBA 110kV VĨNH CHÂU	ĐD1-16-14D.ĐN-02/3
3	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ ĐẦU NỐI ĐD VÀO HTĐ	ĐD1-16-14D.ĐN-03
4	BỐ TRÍ CỘT TRÊN MẶT CẮT DỌC (Bao gồm 8 bản vẽ từ --.ĐN.04/1--> --.ĐN.04/8)	
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN TC-ĐD-G2	ĐD1-16-14D.ĐN-04/1
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G2-G5	ĐD1-16-14D.ĐN-04/2
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G5-G6	ĐD1-16-14D.ĐN-04/3
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G6-G7B	ĐD1-16-14D.ĐN-04/4
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G7B-G8A	ĐD1-16-14D.ĐN-04/5
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G8A-G10	ĐD1-16-14D.ĐN-04/6
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G10-G11	ĐD1-16-14D.ĐN-04/7
	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G11-G13	ĐD1-16-14D.ĐN-04/8
5	CÁC BẢN VẼ CHUỖI CÁCH ĐIỆN (Bao gồm các bản vẽ từ --.ĐN.05/1--> --.ĐN.05/11)	
	CHUỖI CĐ ĐƠN ĐƠN DÂY DẪN ĐIỆN DDD.1-70(F2)	ĐD1-16-14D.ĐN-05/1
	CHUỖI CĐ ĐÔI KÉP DÂY DẪN ĐIỆN DDD.2-70(F2)	ĐD1-16-14D.ĐN-05/2
	CHUỖI CĐ ĐÔI LÈO DÂY DẪN ĐIỆN DLD.1-70(F2)	ĐD1-16-14D.ĐN-05/3
	CHUỖI CĐ NÉO ĐƠN DÂY DẪN ĐIỆN NDD.1-210(F2)	ĐD1-16-14D.ĐN-05/4
	CHUỖI CĐ NÉO KÉP DÂY DẪN ĐIỆN NDD.2-210(F2)	ĐD1-16-14D.ĐN-05/5

STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU
	CHUỖI CỘ NÉO ĐƠN DÂY DẪN ĐIỆN NDD.1-120	ĐD1-16-14D.ĐN-05/6
	CHUỖI CỘ ĐỠ LÈO DÂY DẪN ĐIỆN DLD.1-70	ĐD1-16-14D.ĐN-05/7
	CHUỖI ĐỠ CHỐNG SÉT DCS-70	ĐD1-16-14D.ĐN-05/8
	CHUỖI NÉO DÂY CHỐNG SÉT NCS-120	ĐD1-16-14D.ĐN-05/9
	CHUỖI ĐỠ CHỐNG SÉT CẤP QUANG DCQ-70	ĐD1-16-14D.ĐN-05/10
	CHUỖI NÉO CHỐNG SÉT CẤP QUANG NCQ-70	ĐD1-16-14D.ĐN-05/11
6	BẢN VẼ TIẾP ĐỊA	
	TIẾP ĐẤT TĐ-B2	ĐD1-16-14D.ĐN-06
7	BIÊN BÁO - BIÊN SỐ (Bao gồm các bản vẽ từ --.ĐN.07/1--> --.ĐN.07/3)	
	BIÊN BÁO NGUY HIỂM CỘT THÉP	ĐD1-16-14D.ĐN-07/1
	BIÊN SỐ CỘT THÉP	ĐD1-16-14D.ĐN-07/2
	BIÊN SỐ VÀ PHÂN MẠCH CỘT THÉP	ĐD1-16-14D.ĐN-07/3
8	BIÊN BÁO VƯỢT ĐƯỜNG, VƯỢT SÔNG (Bao gồm 5 bản vẽ từ --.ĐN.08/1--> --.ĐN.08/6)	
	CHI TIẾT BIÊN BÁO VƯỢT SÔNG C4.1 & C2.1-1200	ĐD1-16-14D.ĐN-08/1
	CHI TIẾT BIÊN BÁO CẮM ĐỠ C1.4 & C5.5-1200	ĐD1-16-14D.ĐN-08/2
	CHI TIẾT BIÊN BÁO VƯỢT SÔNG C4.1 & C2.1-1500	ĐD1-16-14D.ĐN-08/3
	CHI TIẾT BIÊN BÁO CẮM ĐỠ C1.4 & C5.5-1500	ĐD1-16-14D.ĐN-08/4
	CHI TIẾT MÓNG BB VƯỢT SÔNG VÀ CẮM ĐỠ (1500)	ĐD1-16-14D.ĐN-08/5
	BIÊN BÁO VƯỢT ĐƯỜNG	ĐD1-16-14D.ĐN-08/6
II. CÁC BẢN VẼ PHẦN XÂY DỰNG		
1	SƠ ĐỒ TOÀN THỂ CÁC LOẠI CỘT TRÊN TUYẾN (Bao gồm 14 bản vẽ từ --.XD.01/01--> --.XD.01/14)	
	CỘT ĐỠ 110kV 02 MẠCH Đ1.2-30	ĐD1-16-14D.XD-01/01
	CỘT ĐỠ 110kV 02 MẠCH Đ1.2-34	ĐD1-16-14D.XD-01/02
	CỘT ĐỠ 110kV 02 MẠCH Đ1.2-38	ĐD1-16-14D.XD-01/03
	CỘT ĐỠ 110kV 02 MẠCH Đ1.2-42	ĐD1-16-14D.XD-01/04
	CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 30° N1.2-28(30)	ĐD1-16-14D.XD-01/05

STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU
	CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 45° N1.2-28(45)	ĐD1-16-14D.XD-01/06
	CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 60° N1.2-32(60)	ĐD1-16-14D.XD-01/07
	CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 60° N1.2-45(60)	ĐD1-16-14D.XD-01/08
	CỘT NÉO CUỐI 110KV 2 MẠCH N1.2 – 28(NC)	ĐD1-16-14D.XD-01/09
	CỘT NÉO CUỐI 110KV 2 MẠCH TẬN DỤNG N110-2T+9(90)	ĐD1-16-14D.XD-01/10
	CỘT ĐỠ 110KV 3 MẠCH Đ1.3 - 42	ĐD1-16-14D.XD-01/11
	CỘT ĐỠ 110KV 3 MẠCH Đ1.3 - 50	ĐD1-16-14D.XD-01/12
	CỘT NÉO GÓC 110KV 3 MẠCH ĐẾN 90° N1.3-37.5(90)	ĐD1-16-14D.XD-01/13
	CỘT NÉO HẦM 110KV 3 MẠCH N1.3-41.5(H)	ĐD1-16-14D.XD-01/14
2	SƠ ĐỒ TOÀN THỂ CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN (Bao gồm 18 bản vẽ từ --.XD.02/01--> --.XD.02/18)	
	CÁC LOẠI BULONG NEO	ĐD1-16-14D.XD-02/01
	CỘT ĐỠ THẰNG D1.2-30 – MÓNG BẢN VẼ MB3.74-10.5x12.5	ĐD1-16-14D.XD-02/02
	CỘT ĐỠ THẰNG D1.2-34 – MÓNG BẢN VẼ MB4.3-11.5x13	ĐD1-16-14D.XD-02/03
	CỘT ĐỠ THẰNG D1.2-38 – MÓNG BẢN VẼ MB4.8-12x13.5	ĐD1-16-14D.XD-02/04
	CỘT ĐỠ THẰNG D1.2-42 – MÓNG BẢN VẼ MB5.33-12.5x14	ĐD1-16-14D.XD-02/05
	CỘT NÉO GÓC N1.2-28(30) – MÓNG BẢN VẼ MB6.3-13x15.5	ĐD1-16-14D.XD-02/06
	CỘT NÉO GÓC N1.2-28(45) – MÓNG BẢN VẼ MB6.3-15x17	ĐD1-16-14D.XD-02/07
	CỘT NÉO GÓC N1.2-32(60) – MÓNG BẢN VẼ MB7.5-16.5x18.5	ĐD1-16-14D.XD-02/08
	CỘT NÉO GÓC N1.2-45(60) – MÓNG BẢN VẼ MB11.4-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-02/09
	CỘT NÉO CUỐI N1.2-28(NC) – MÓNG BẢN VẼ MB6.3-15.5x17.5	ĐD1-16-14D.XD-02/10
	CỘT NÉO GÓC N110-2T+9(90) – MÓNG BẢN MB7.5-16x18	ĐD1-16-14D.XD-02/11
	CỘT ĐỠ THẰNG D1.3-42 – MÓNG BẢN MMB5.97-12.5x14.5	ĐD1-16-14D.XD-02/12
	CỘT ĐỠ THẰNG D1.3-50 – MÓNG BẢN MMB7.63-14x16	ĐD1-16-14D.XD-02/13

STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU
	CỘT NÉO GÓC N1.3-37.5(90) – MÓNG BẢN MB8.56-22x22	ĐD1-16-14D.XD-02/14
	CỘT NÉO HẪM N1.3-41.5(H) – MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-02/15
	BẢN VẼ DIỆN TÍCH THU HỒI ĐẤT MÓNG BẢN CỘT THÉP	ĐD1-16-14D.XD-02/16
	BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT VĨNH VIỄN VÀ ĐẤT MƯỢN TẠM ĐỀ THI CÔNG	ĐD1-16-14D.XD-02/17
	BIỆN PHÁP THI CÔNG CÁC VỊ TRÍ MÓNG NẪM TRONG AO TÔM	ĐD1-16-14D.XD-02/18
3	LIÊN KẾT CỘT VÀ MÓNG BULONG NÉO (Bao gồm 05 bản vẽ từ --.XD.03/01--> --.XD.03/05)	
	BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL48-250	ĐD1-16-14D.XD-03/1
	BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL64-400	ĐD1-16-14D.XD-03/2
	BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL72-400	ĐD1-16-14D.XD-03/3
	BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL90-400	ĐD1-16-14D.XD-03/4
	SƠ ĐỒ BỐ TRÍ STUR-BAR SỬ DỤNG CHO CỘT N1.3-37.5(90)	ĐD1-16-14D.XD-03/5
4	BẢN VẼ CHI TIẾT CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN (Bao gồm 14 bản vẽ từ --.XD.04/01--> --.XD.04/14) từ 1/2	
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB3.74-10.5x12.5	ĐD1-16-14D.XD-04/1
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.3-11.5x13	ĐD1-16-14D.XD-04/2
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.8-12x13.5	ĐD1-16-14D.XD-04/3
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.33-12.5x14	ĐD1-16-14D.XD-04/4
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-13x15.5	ĐD1-16-14D.XD-04/5
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15x17	ĐD1-16-14D.XD-04/6
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16.5x18.5	ĐD1-16-14D.XD-04/7
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB11.4-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-04/8
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15.5x17.5	ĐD1-16-14D.XD-04/9
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16x18	ĐD1-16-14D.XD-04/10
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.97-12.5x14.5	ĐD1-16-14D.XD-04/11
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.63-14x16	ĐD1-16-14D.XD-04/12
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-22x22	ĐD1-16-14D.XD-04/13

STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-04/14
5	BẢN VẼ CHI TIẾT CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN (Bao gồm 14 bản vẽ từ --.XD.04/01--> --.XD.04/14) tờ 2/2	
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB3.74-10.5x12.5	ĐD1-16-14D.XD-04/1
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.3-11.5x13	ĐD1-16-14D.XD-04/2
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.8-12x13.5	ĐD1-16-14D.XD-04/3
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.33-12.5x14	ĐD1-16-14D.XD-04/4
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-13x15.5	ĐD1-16-14D.XD-04/5
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15x17	ĐD1-16-14D.XD-04/6
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16.5x18.5	ĐD1-16-14D.XD-04/7
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB11.4-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-04/8
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15.5x17.5	ĐD1-16-14D.XD-04/9
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16x18	ĐD1-16-14D.XD-04/10
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.97-12.5x14.5	ĐD1-16-14D.XD-04/11
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.63-14x16	ĐD1-16-14D.XD-04/12
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-22x22	ĐD1-16-14D.XD-04/13
	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-04/14



GHI CHÚ:

- Vị trí TBA 220kV hiện hữu
- Vị trí TBA 110kV hiện hữu
- Đường dây 220kV hiện hữu
- Đường dây 110kV hiện hữu
- Nhà dân cư

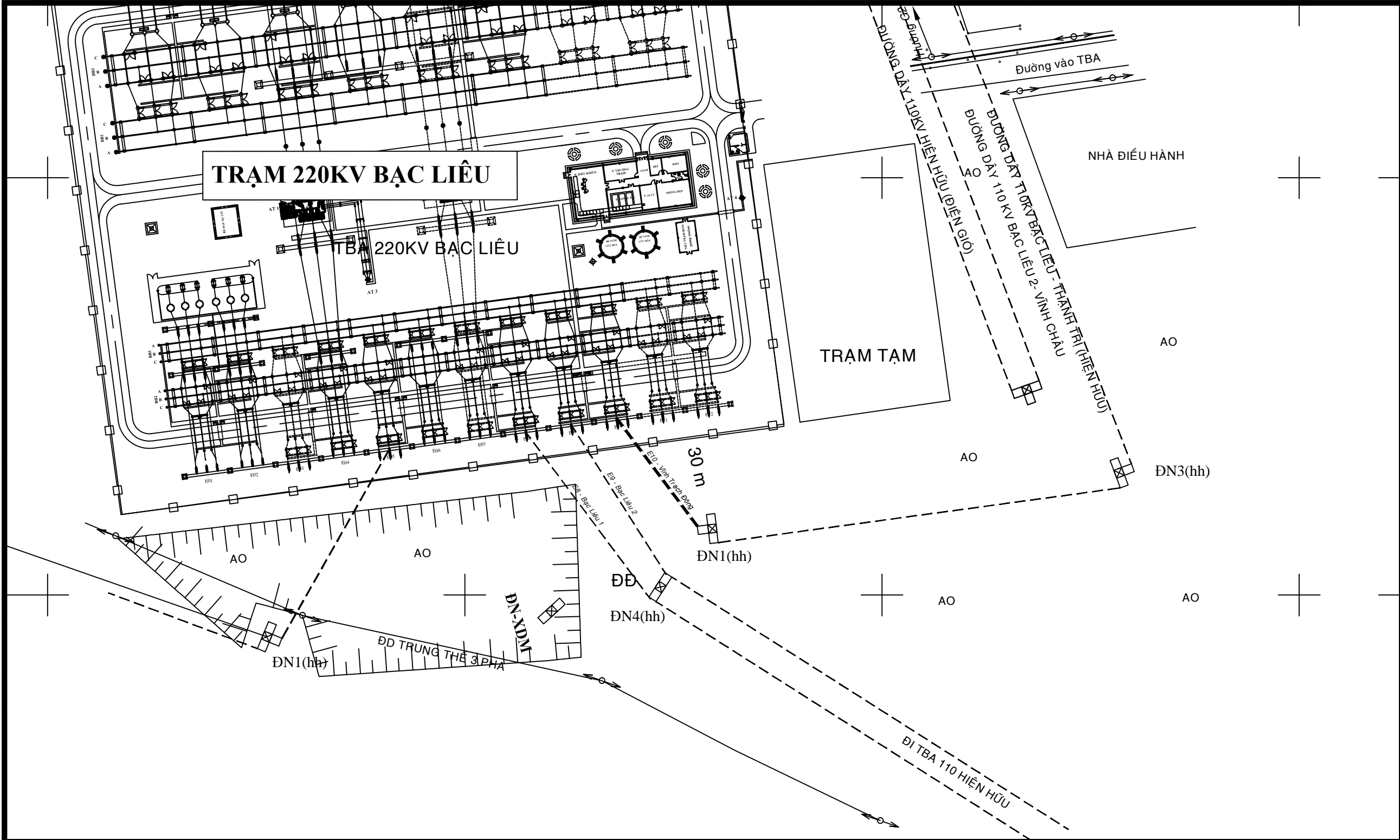
CÁC PHƯƠNG ÁN TUYẾN ĐƯỜNG DÂY 110kV DỰ KIẾN XDM


- Phương án 1
- Phương án 2
- Phương án 3

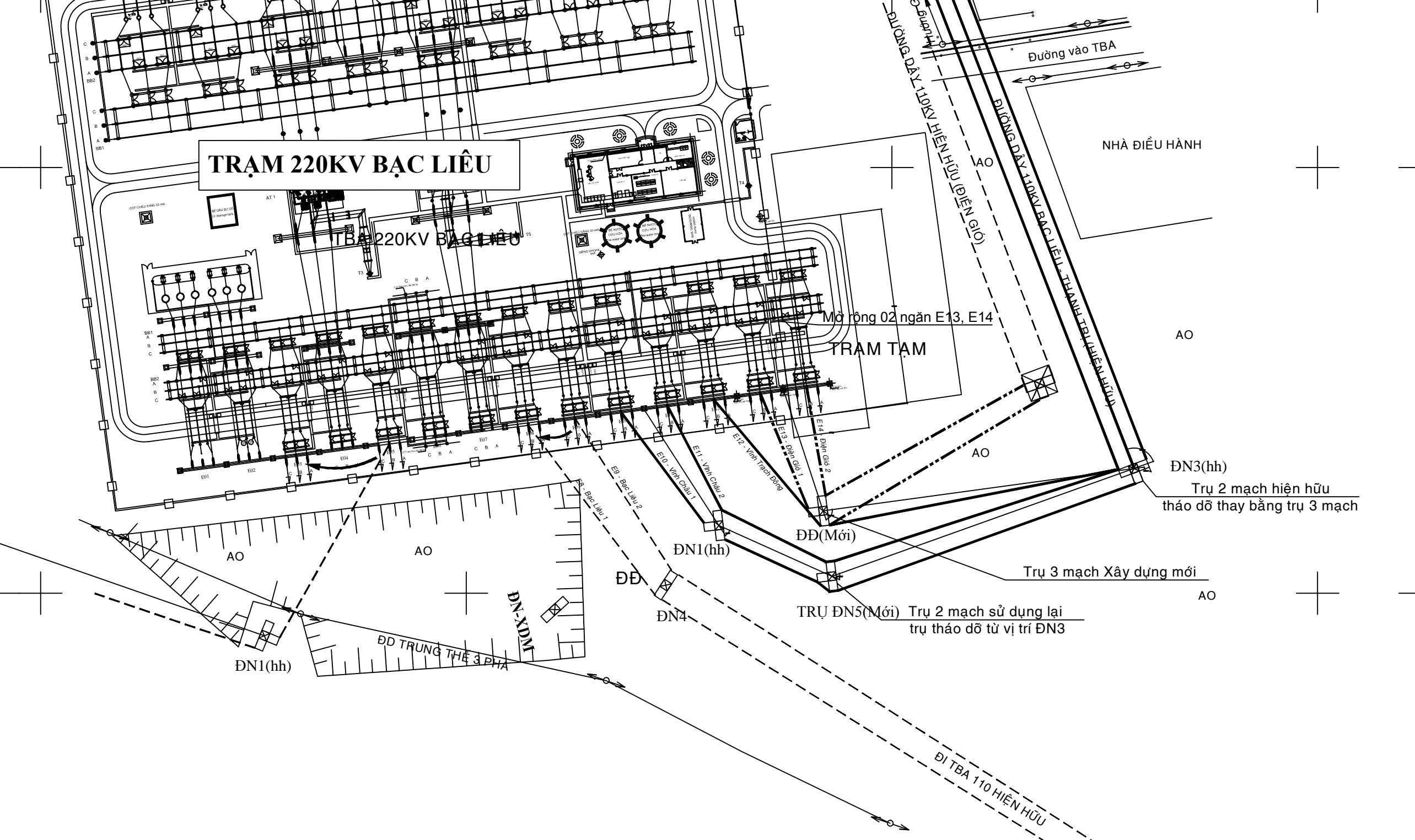
BẢN VẼ ĐƯỢC CHỤP VÀ IN LẠI TỪ BẢN VẼ GỐC


THỎA THUẬN CỦA UBND TP. BẠC LIÊU PHÓ CHỦ TỊCH	THỎA THUẬN CỦA UBND HUYỆN VINH LỢI CHỦ TỊCH	THỎA THUẬN CỦA UBND HUYỆN VINH CHÂU CHỦ TỊCH

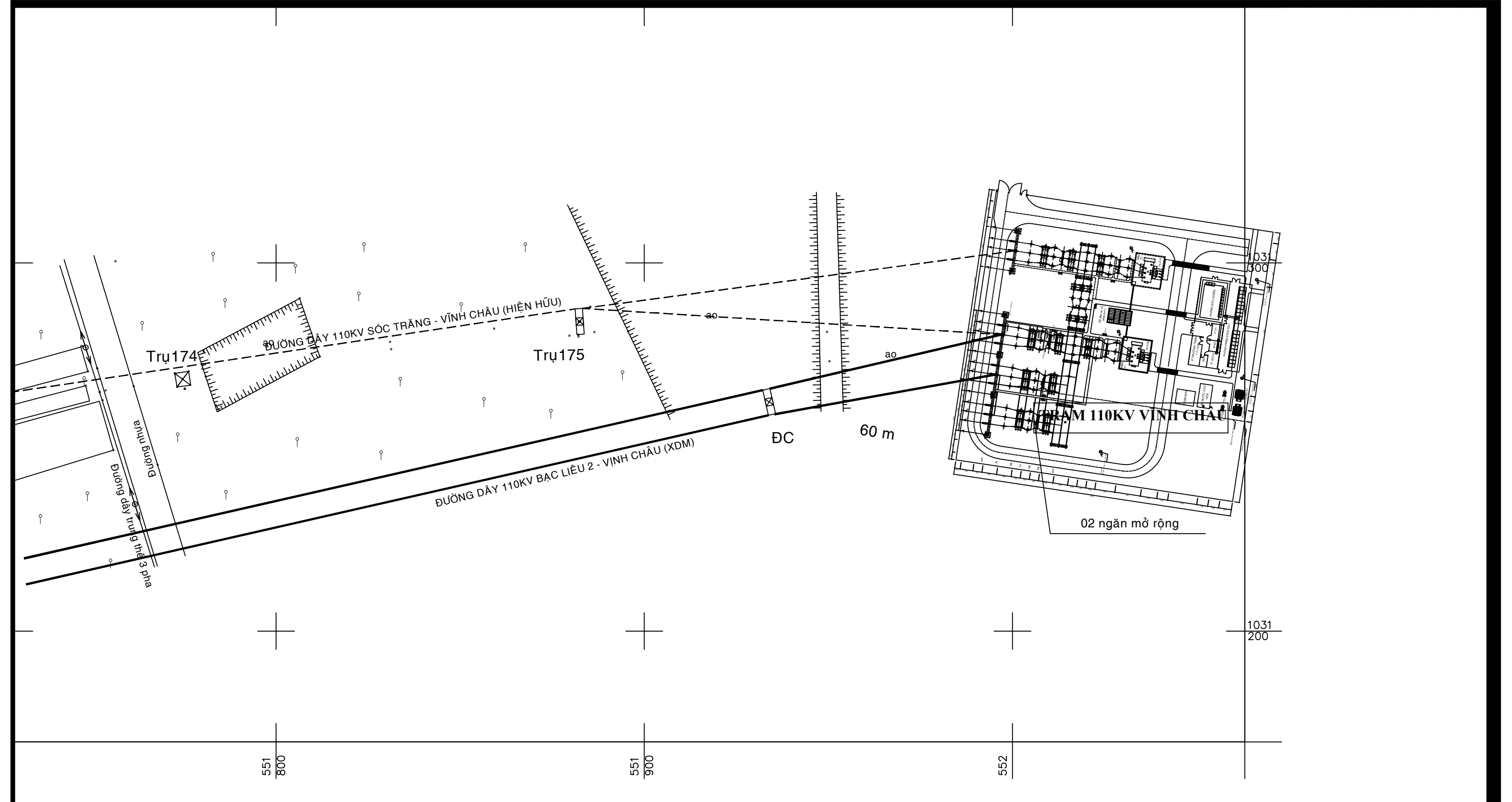
01	Tuyến đường dây 110kV Bạc Liêu 2 - Vĩnh Châu điều chỉnh theo biên bản họp ngày 06/11/2019.	VAN.NT	12-2019
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM			
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
P.GD Trung tâm	Đầu Đức Lạc	<p>ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU</p> <p>MẶT BẰNG TUYẾN</p> <p>TKBVTCT 01 - 2020 ĐD1-16-14Đ-ĐN.01 1/50000</p>	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Ích Ngọc		




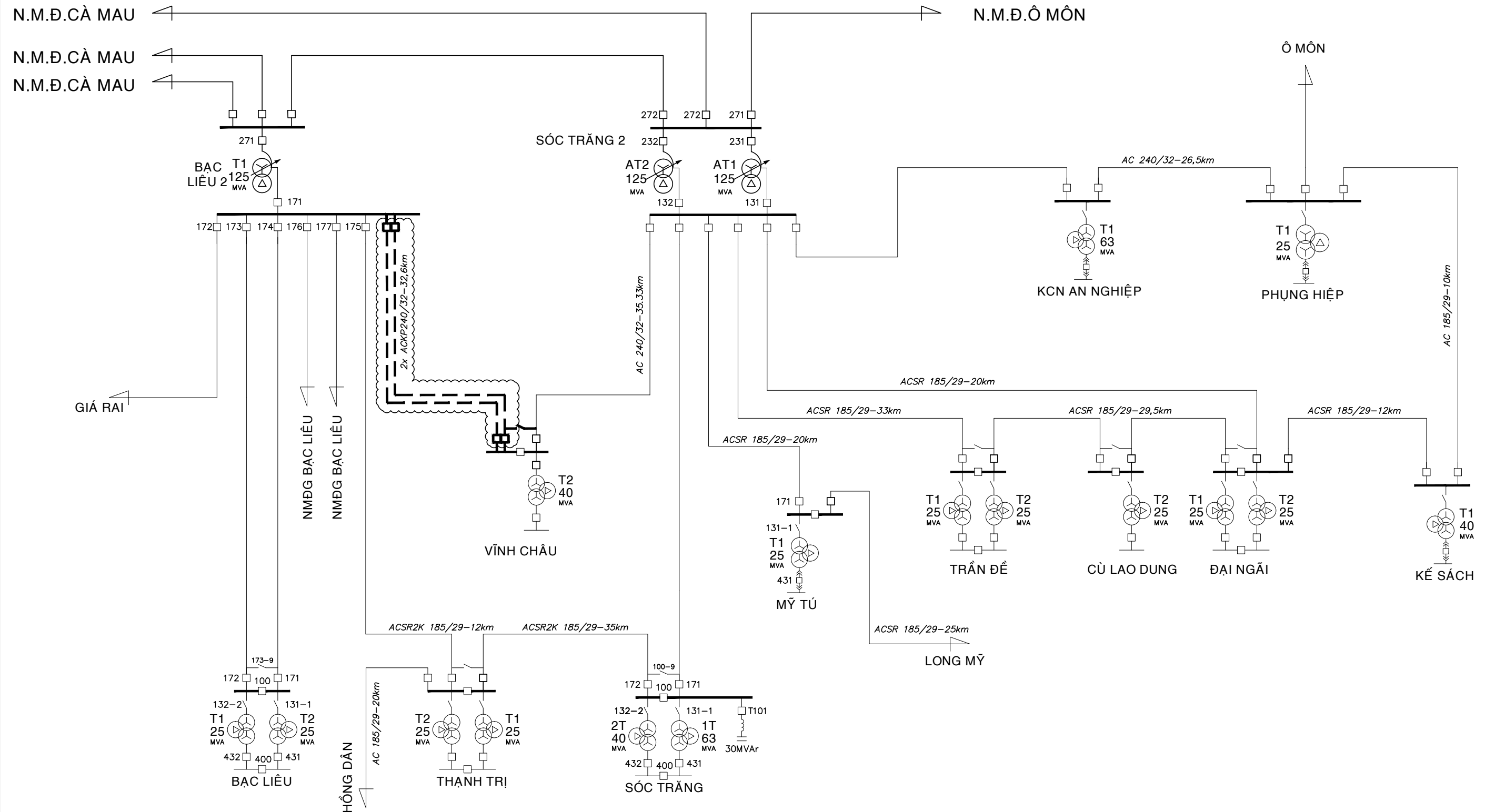
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Đậu Đức Lạc	BÌNH ĐỒ ĐẦU NÓI 110KV HIỆN HỮU TẠI TBA 220KV BẠC LIÊU		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG 8 - 2019	
CNLDA	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	ĐD1-16-14D.ĐN-02/1			
Thiết kế	Trương Ích Ngọc				



Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Đậu Đức Lạc	BÌNH ĐỒ MỞ RỘNG NGĂN VÀ ĐẦU NỐI 110KV TẠI TBA 220KV BẠC LIÊU			
CNLDA	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc				
		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		01 - 2019	
		ĐD1-16-14D.ĐN-02/2			



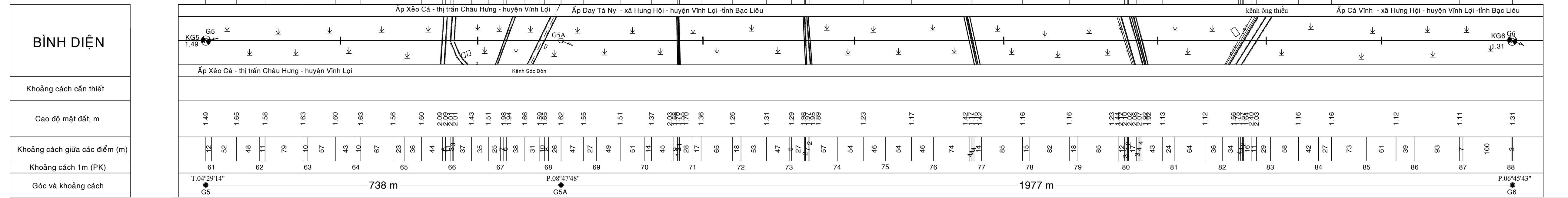
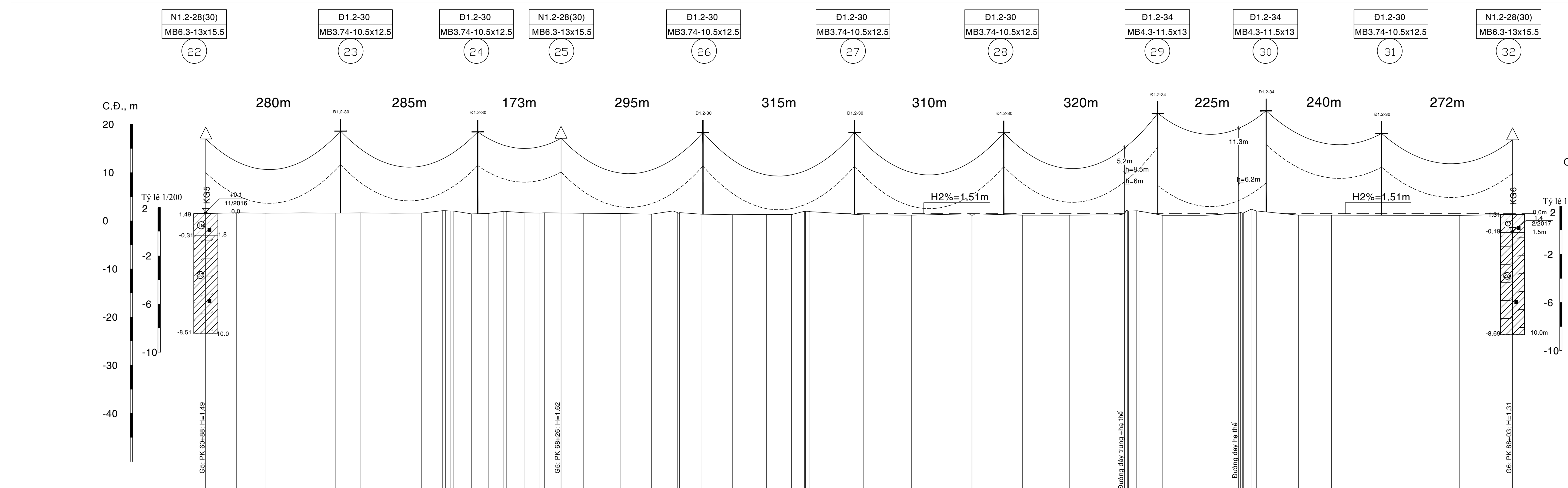
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Đậu Đức Lạc	BÌNH ĐỒ ĐẦU NỐI TẠI TBA 110KV VĨNH CHÂU		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
CNTK	Nguyễn Thành Văn			01 - 2019	
CCTK	Nguyễn Thành Văn			ĐD1-16-14D.ĐN-02/3	
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc				



GHI CHÚ:

- ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM 220kV HIỆN HỮU
- ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM 110kV HIỆN HỮU
- ĐƯỜNG DÂY 110KV THUỘC PHẠM VI DỰ ÁN

Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ ĐẦU NỐI ĐD VÀO HỆ THỐNG ĐIỆN	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Ich Ngọc		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		01 - 2020	
ĐD.1-16-14D-ĐN.03			



BÌNH DIỆN
Khoảng cách cần thiết
Cao độ mặt đất, m
Khoảng cách giữa các điểm (m)
Khoảng cách 1m (PK)
Góc và khoảng cách

GHI CHÚ

KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI
1. ĐỊA HÌNH			
	Đường dây cao thế		Ranh thực phủ
	Đường dây điện lực		Cà phê
	Đường dây thông tin		Ruộng lúa
	Bờ đất		Màu
	Sông - suối		Cỏ hoang
	Bờ ruộng		Dừa
	Ranh giới xã		Được
	Đường nhựa		Cây ăn trái
	Đường đất		
	Đường mòn		
	Mố - mả		
	Nhà		
2. ĐỊA CHẤT			
Ký hiệu địa tầng			
	Lớp 1.: Sét màu xám nâu, xám vàng trạng thái dẻo mềm.		
	Lớp 1a.: Sét màu xám nâu, xám vàng trạng thái dẻo cứng.		
	Lớp 2a.: Bùn sét màu xám nâu, nâu đen trạng thái chảy.		
	Trái: Cao độ đáy lỗ khoan (m)		
	Phải: Độ sâu lỗ khoan (m)		
	Tên lỗ khoan		
	Cao độ		
	Mẫu nguyên dạng, ký hiệu và vị trí lấy.		

GHI CHÚ CỘT

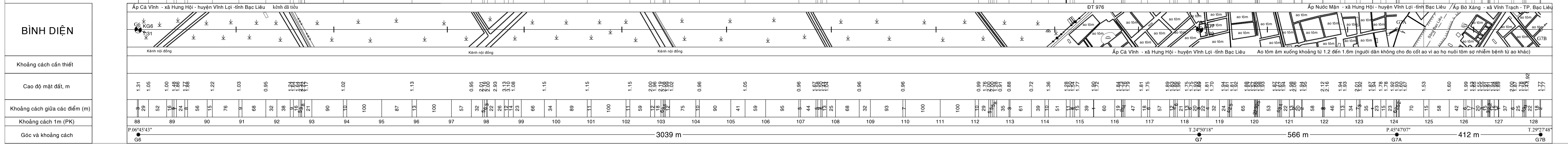
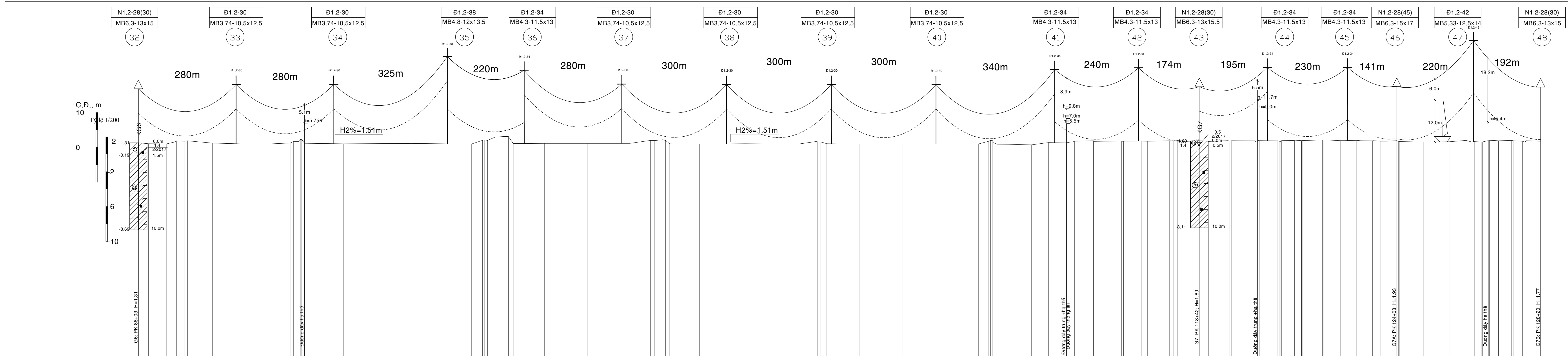
KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI
	CỘT ĐỒ THẲNG
	CỘT NÉO GÓC
	CỘT NÉO CUỐI
	CỘT CỐNG TBA

	N1.3-41.5 MB8.56-20x22
	Ký hiệu cột
	Số hiệu cột

BẢNG CHỈ TIÊU CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT

Tên lớp đất	Lớp 1 Sét mềm	Lớp 1a Sét cứng	Lớp 2a Bùn sét
Độ ẩm tự nhiên (W%)	43.2	30	66.6
Dung trọng tự nhiên γ_n (g/cm ³)	1.8	1.9	1.6
Dung trọng khô γ_d (g/cm ³)	1.2	1.5	1.0
Tỉ trọng Δ (g/cm ³)	2.8	2.8	2.7
Độ lỗ rỗng n%	55.1	46.4	64.6
Hệ số rỗng e_0	1.2	0.9	1.8
Độ bão hòa G%	96.5	95.9	97.2
Độ sụt B	0.5	0.2	1.4
Hệ số nền lún a (cm ³ /kG)	0.054	0.028	0.556
Góc ma sát trong ϕ_0	09°05'	15°55'	02°29'
Lực dính C (kG/cm ²)	0.186	0.284	0.050
Mô đun tổng biến dạng E_0 (kG/cm ²)	39.7	154	4.57
Áp lực chịu tải tiêu chuẩn R_0 (kG/cm ²)	1.08	1.98	0.36

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TU VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
PGĐ Trung tâm	Đầu Đúc Lạc	MẶT CẮT ĐỌC ĐOẠN G5-G6	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Kiểm tra	Huyền Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Lạc Ngọc	ĐD1-16-14D.DN-04/3	01-2020 1/500 - 1/5000



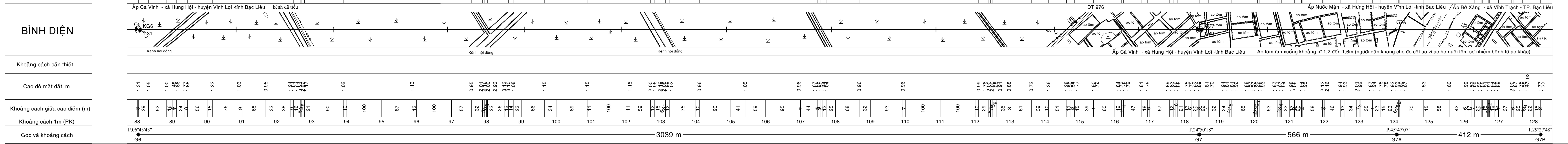
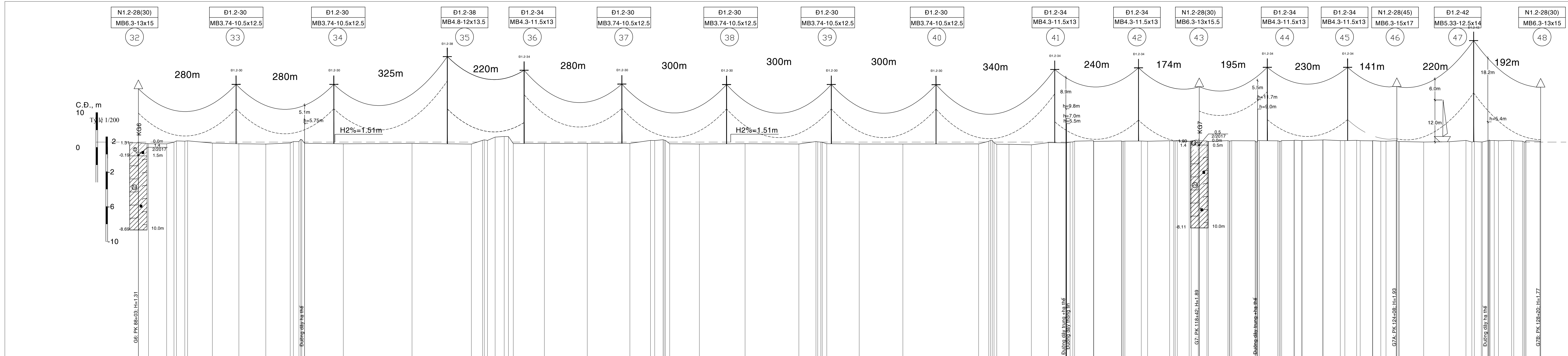
BÌNH DIỆN	
Khoảng cách cần thiết	
Cao độ mặt đất, m	
Khoảng cách giữa các điểm (m)	
Khoảng cách 1m (PK)	
Góc và khoảng cách	

GHI CHÚ			
KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI
1. ĐỊA HÌNH			
	Đường dây cao thế		Ranh thực phủ
	Đường dây điện lực		Cà phê
	Đường dây thông tin		Ruộng lúa
	Bờ đất		Màu
	Sông - suối		Cỏ hoang
	Bờ ruộng		Dừa
	Ranh giới xã		Được
	Đường nhựa		Cây ăn trái
	Đường đất		
	Đường mòn		
	Mổ - mã		
	Nhà		
2. ĐỊA CHẤT			
2. ĐỊA CHẤT			
Ký hiệu địa tầng			
	Lớp 1: Sét màu xám nâu, xám vàng trạng thái dẻo mềm.		
	Lớp 1a: Sét màu xám nâu, xám vàng trạng thái dẻo cứng.		
	Lớp 2a: Bùn sét màu xám nâu, nâu đen trạng thái chảy.		
	Trái: Cao độ đáy lỗ khoan (m)		
	Phải: Độ sâu lỗ khoan (m)		
	Tên lỗ khoan		
	Cao độ		
	Mẫu nguyên dạng, ký hiệu và vị trí lấy.		

GHI CHÚ CỘT			
	CỘT ĐỒ THẲNG		CỘT NÉO GÓC
	CỘT NÉO CUỐI		CỘT CỐNG TBA
	N1.3-41.5 MB6.56-20x22 6		Ký hiệu cột Ký hiệu móng Số hiệu cột

BẢNG CHỈ TIÊU CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT			
Tên lớp đất	Lớp 1 Sét mềm	Lớp 1a Sét cứng	Lớp 2a Bùn sét
Đặc trưng cơ lý đất			
Độ ẩm tự nhiên (W%)	43.2	30	66.6
Dung trọng tự nhiên γ_d (g/cm ³)	1.8	1.9	1.6
Dung trọng khô γ_d (g/cm ³)	1.2	1.5	1.0
Tỷ trọng Δ (g/cm ³)	2.8	2.8	2.7
Độ lỗ rỗng w	55.1	46.4	64.6
Hệ số rỗng e_s	1.2	0.9	1.8
Độ bão hòa G	96.5	95.9	97.2
Độ sụt B	0.5	0.2	1.4
Hệ số nén lún a (cm ² /kG)	0.054	0.028	0.556
Góc ma sát trong ϕ_0	09°05'	15°55'	02°29'
Lực dính C (kG/cm ²)	0.186	0.284	0.050
Mô đun tổng biến dạng E_0 (kG/cm ²)	39.7	154	4.57
Áp lực chịu tải tiêu chuẩn R_0 (kG/cm ²)	1.08	1.98	0.36

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TU VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
PGD Trung tâm		MẶT CẮT ĐỌC ĐOẠN G6-G7-G7A-G7B	
CNTK	Nguyễn Thành Văn	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
CTTK	Nguyễn Thành Văn	01-2020	
Kiểm tra	Huyền Quốc Vinh	ĐD1-16-14D.DN-04/4	
Thiết kế	Trương Lịch Ngọc	1/500 - 1/5000	



BÌNH DIỆN

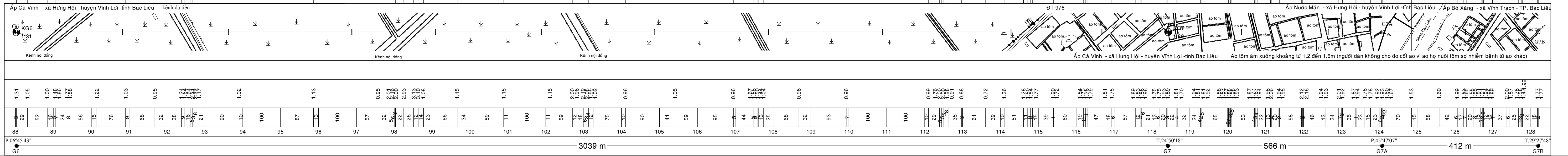
Khoảng cách cần thiết

Cao độ mặt đất, m

Khoảng cách giữa các điểm (m)

Khoảng cách 1m (PK)

Góc và khoảng cách



GHI CHÚ

KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI
1. ĐỊA HÌNH			
—•••••	Đường dây cao thế	Ranh thực phủ
—•••••	Đường dây điện lực	┆	Cà phê
—•••••	Đường dây thông tin	⋈	Rượu lúa
▨	Bờ đất	▨	Màu
▧	Sông - suối	⋈	Cỏ hoang
▩	Bờ ruộng	┆	Dừa
—•••••	Ranh giới xã	┆	Đước
—•••••	Đường nhựa	┆	Cây ăn trái
—•••••	Đường đất		
—•••••	Đường mòn		
⊖	Mổ - mã		
□	Nhà		
2. ĐỊA CHẤT			
2. ĐỊA CHẤT			
Ký hiệu địa tầng			
⊖	Lớp 1: Sét màu xám nâu, xám vàng trạng thái dẻo mềm.		
⊖	Lớp 1a: Sét màu xám nâu, xám vàng trạng thái dẻo cứng.		
⊖	Lớp 2a: Bùn sét màu xám nâu, nâu đen trạng thái chảy.		
	Trái: Cao độ đáy lỗ khoan (m)		
	Phải: Độ sâu lỗ khoan (m)		
	Tên lỗ khoan		
	Cao độ		
	Mẫu nguyên dạng, ký hiệu và vị trí lấy.		

GHI CHÚ CỘT

KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI
⊖	CỘT ĐỖ THẲNG	⊖	CỘT NÉO GÓC
⊖	CỘT NÉO CUỐI	⊖	CỘT CỐNG TBA
N1.3-41.5		Ký hiệu cột	
MB6.56-20x22		Ký hiệu móng	
6		Số hiệu cột	

BẢNG CHỈ TIÊU CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT

Tên lớp đất	Lớp 1 Sét mềm	Lớp 1a Sét cứng	Lớp 2a Bùn sét
Đặc trưng cơ lý đất			
Độ ẩm tự nhiên (W%)	43.2	30	66.6
Dung trọng tự nhiên γ_s (g/cm ³)	1.8	1.9	1.6
Dung trọng khô γ_d (g/cm ³)	1.2	1.5	1.0
Tỷ trọng Δ (g/cm ³)	2.8	2.8	2.7
Độ lỗ rỗng w	55.1	46.4	64.6
Hệ số rỗng e_s	1.2	0.9	1.8
Độ bão hòa G	96.5	95.9	97.2
Độ sụt B	0.5	0.2	1.4
Hệ số nén lún a (cm ² /kg)	0.054	0.028	0.556
Góc ma sát trong φ_0	09°05'	15°55'	02°29'
Lực dính C (kg/cm ²)	0.186	0.284	0.050
Mô đun tổng biến dạng E ₀ (kg/cm ²)	39.7	154	4.57
Áp lực chịu tải tiêu chuẩn R ₀ (kg/cm ²)	1.08	1.98	0.36

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

**ĐƯỜNG DÂY 110KV
BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU**

**MẶT CẮT ĐỌC
ĐOẠN G6-G7-G7A-G7B**

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

PGĐ Trung tâm: Điều Đức Lạc

CNTK: Nguyễn Thành Văn

CTTK: Nguyễn Thành Văn

Kiểm tra: Huỳnh Quốc Vinh

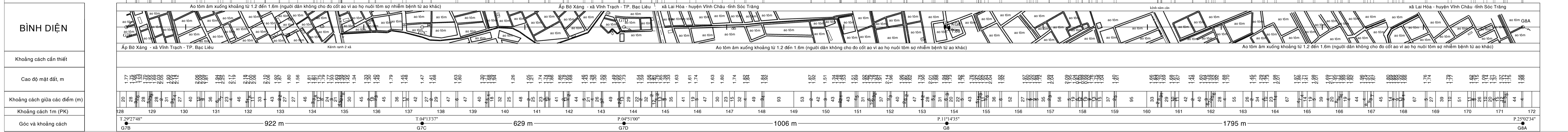
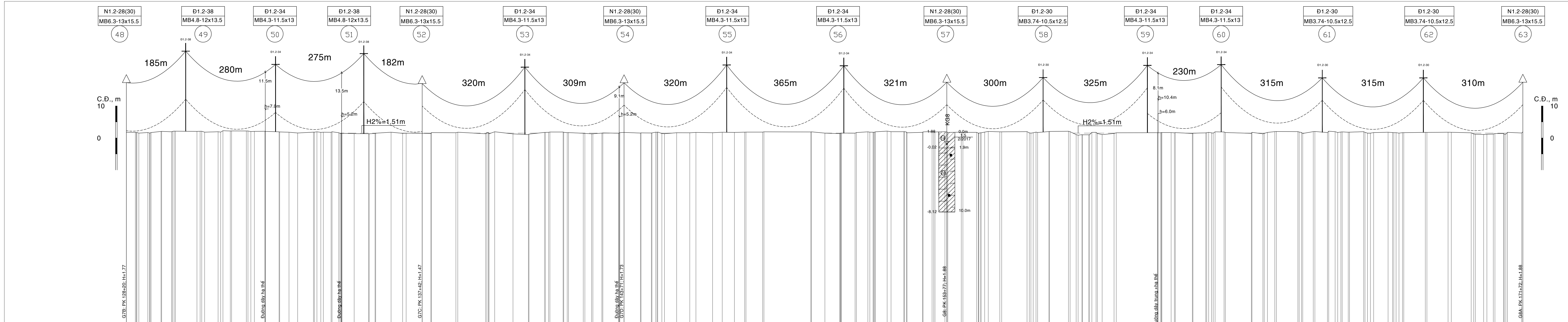
Thiết kế: Trương Lịch Ngọc

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

ĐD1-16-14D.DN-04/4

01-2020

1/500 - 1/5000



BÌNH DIỆN

Khoảng cách cần thiết

Cao độ mặt đất, m

Khoảng cách giữa các điểm (m)

Khoảng cách 1m (PK)

Góc và khoảng cách

GHI CHÚ

KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI
1. ĐỊA HÌNH			
	Đường dây cao thế		Ranh thức phase
	Đường dây điện lực		Cà phê
	Đường dây thông tin		Ruộng lúa
	Bờ đất		Màu
	Sông - suối		Cỏ hoang
	Bờ ruộng		Đừa
	Ranh giới xã		Được
	Đường nhựa		Cây ăn trái
	Đường đất		
	Đường mòn		
	Mố - mả		
	Nhà		
2. ĐỊA CHẤT			
2. ĐỊA CHẤT			
	Lớp 1a: Sét màu xám sẫm trạng thái dẻo mềm.		
	Lớp 2a: Bùn sét màu xám nâu, nâu đen trạng thái chảy.		
	Trái: Cao độ đáy lỗ khoan (m)		
	Phải: Độ sâu lỗ khoan (m)		
	Tên lỗ khoan		
	Cao độ		
	Mẫu nguyên dạng, ký hiệu và vị trí lấy.		

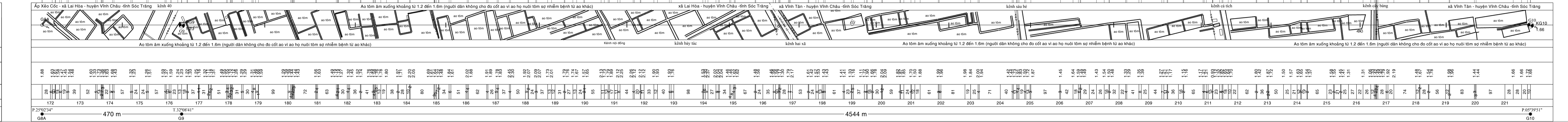
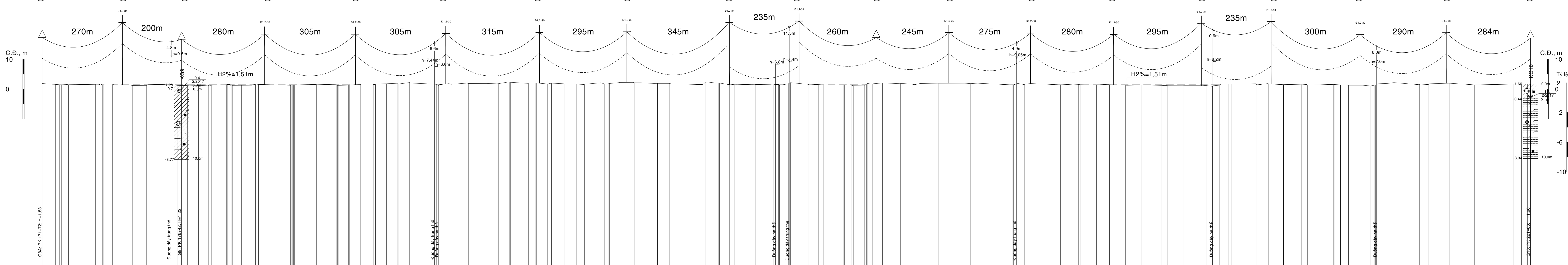
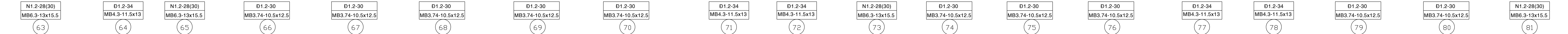
GHI CHÚ CỘT

KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI
	CỘT ĐỒ THẲNG		CỘT NÉO GÓC
	CỘT NÉO CUỐI		CỘT CỐNG TBA
	N1.3-41.5		MB8.56-20x22
	6		6
	6		6

BẢNG CHỈ TIÊU CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT

Tên lớp đất	Lớp 1a Sét cứng	Lớp 2a Bùn sét
Đặc trưng cơ lý đất		
Độ ẩm tự nhiên (W%)	30	66.6
Dung trọng tự nhiên γ_n (g/cm ³)	1.9	1.6
Dung trọng khô γ_d (g/cm ³)	1.5	1.0
Tỷ trọng Δ (g/cm ³)	2.8	2.7
Độ lỗ rỗng n%	46.4	64.6
Hệ số rỗng e_s	0.9	1.8
Độ bão hòa G%	95.9	97.2
Độ sệt B	0.2	1.4
Hệ số nén lún a (cm ² /kG)	0.028	0.556
Góc ma sát trong ϕ	15°55'	02°29'
Lực dính C (kG/cm ²)	0.284	0.050
Mô đun tổng biến dạng E_0 (kG/cm ²)	154	4.57
Áp lực chịu tải tiêu chuẩn R_0 (kG/cm ²)	1.98	0.36

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VINH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
PGĐ Trung tâm	Đầu Đức Lạc	MẶT CẮT DỌC ĐOẠN G7B-G7C-G7D-G8-G8A	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn	THIỆT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐỒ 1-16-14D.ĐN-04/S	
Kiểm tra	Huyền Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Lịch Ngọc	01-2020 1/500 - 1/5000	

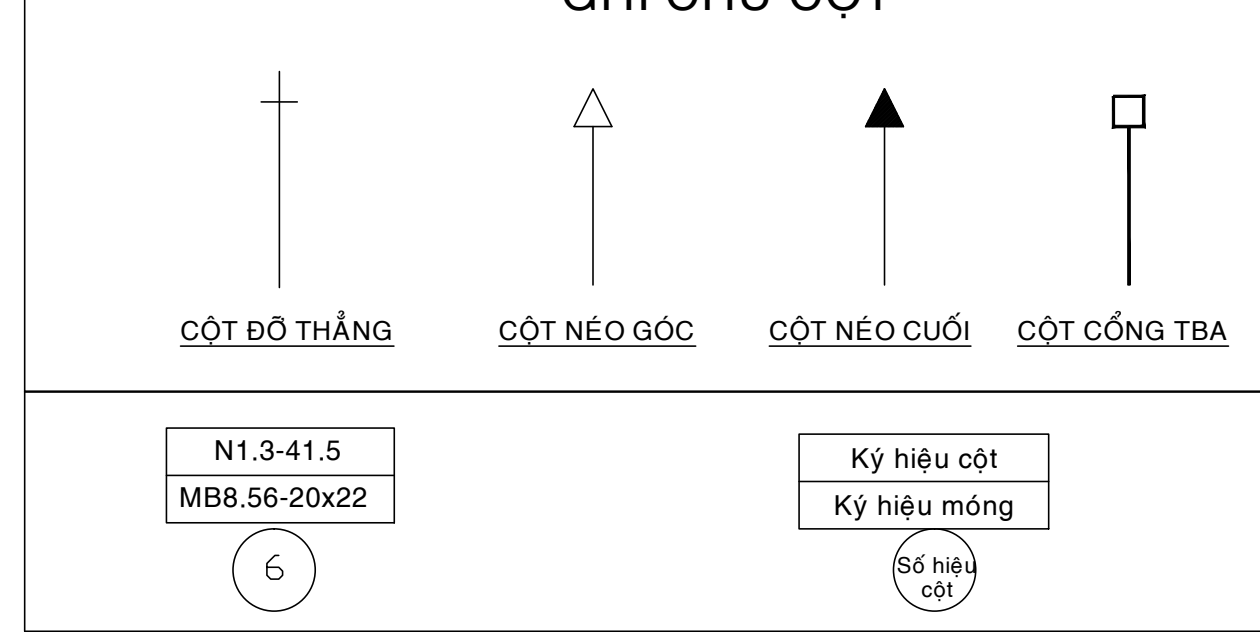


BÌNH DIỆN	
Khoảng cách căn thiết	
Cao độ mặt đất, m	
Khoảng cách giữa các điểm (m)	
Khoảng cách 1m (PK)	
Góc và khoảng cách	

GHI CHÚ

KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI
1. ĐỊA HÌNH			
	Đường dây cao thế		Ranh thực phủ
	Đường dây điện lực		Cà phê
	Đường dây thông tin		Ruộng lúa
	Bờ đất		Màu
	Sông - suối		Cỏ hoang
	Bờ ruộng		Dứa
	Ranh giới xã		Được
	Đường nhựa		Cây ăn trái
	Đường đất		
	Đường mìn		
	Mố - má		
	Nhà		
2. ĐỊA CHẤT			
Ký hiệu địa tầng			
	Lớp 1.: Sét màu xám sẫm trạng thái dẻo mềm.		
	Lớp 1a.: Sét màu xám sẫm trạng thái nửa cứng.		
	Lớp 2: Bùn á sét màu xám nâu, nâu đen trạng thái chảy.		
	Lớp 2a: Bùn á sét màu xám nâu, nâu đen trạng thái chảy.		
	Trái: Cao độ đáy lỗ khoan (m)		
	Phải: Độ sâu lỗ khoan (m)		
	Tên lỗ khoan		
	Cao độ		
	Mẫu nước, ký hiệu và vị trí lấy.		
	Mẫu nguyên dạng, ký hiệu và vị trí lấy.		
	Mức nước ngầm		
	Độ sâu, m		
	Tháng-năm đo		

GHI CHÚ CỘT

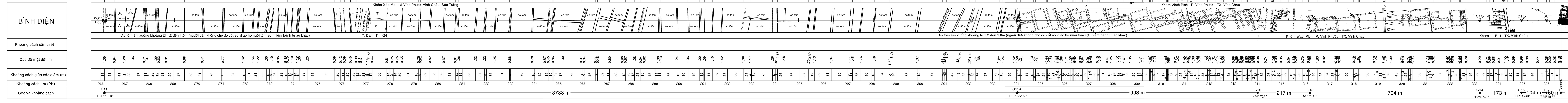
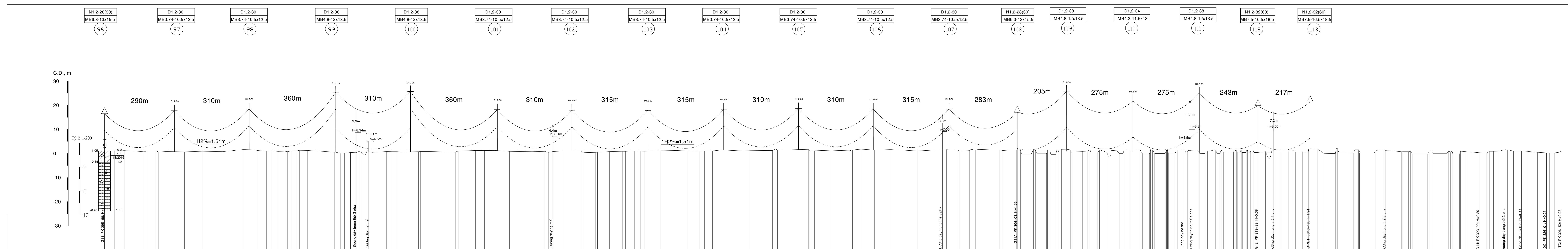


BẢNG CHỈ TIÊU CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT

Đặc trưng cơ lý đất	Tên lớp đất	Lớp 1 Sét mềm	Lớp 1a Sét cứng	Lớp 2 Bùn á sét	Lớp 2a Bùn sét
Độ ẩm tự nhiên (W%)		43.2	30	42.9	66.6
Dung trọng tự nhiên γ_n (g/cm ³)		1.8	1.9	1.7	1.6
Dung trọng khô γ_d (g/cm ³)		1.2	1.5	1.2	1.0
Tỷ trọng Δ (g/cm ³)		2.8	2.8	2.7	2.7
Độ lỗ rỗng n%		55.1	46.4	54.4	64.6
Hệ số rỗng e_0		1.2	0.9	1.2	1.8
Độ bão hòa G%		96.5	95.9	96.1	97.2
Độ sệt B		0.5	0.2	1.6	1.4
Hệ số nền lún a (cm ² /kG)		0.054	0.028	0.270	0.556
Góc ma sát trong ϕ_0		09°05'	15°55'	05°25'	02°29'
Lực dính C (kG/cm ²)		0.186	0.284	0.062	0.050
Mô đun tổng biến dạng E_0 (kG/cm ²)		39.7	154	11.2	4.57
Áp lực chịu tải tiêu chuẩn R_0 (kG/cm ²)		1.08	1.98	0.48	0.36

Nước ngầm tại lỗ khoan KG10: Nước Clorua, Sulfate-Sodium, Magneium, Ăn mòn bề tổng yếu SO_4^{2-} và CO_2 ăn mòn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2			
PGĐ Trung tâm	Đầu Đức Lạc	MẬT CẮT ĐỌC ĐOẠN G8A-G9-G10	
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huyền Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Thiết kế	Trương Lịch Ngọc	ĐD1-16-14Đ.ĐN-04/6	
		01-2020	
		1/500 - 1/5000	



GHI CHÚ

KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI
1. ĐỊA HÌNH			
	Đường dây cao thế		Ranh thực phủ
	Đường dây điện lực		Cà phê
	Đường dây thông tin		Ruộng lúa
	Bờ đất		Màu
	Sông - suối		Cỏ hoang
	Bờ ruộng		Dừa
	Ranh giới xã		Đuối
	Đường nhựa		Cây ăn trái
	Đường đất		
	Đường mòn		
	Mố - má		
	Nhà		
2. ĐỊA CHẤT			
	Lớp 1: Sét màu xám sẫm trạng thái dẻo mềm.		
	Lớp 2: Bùn á sét màu xám nâu, nâu đen trạng thái chảy.		
	Trái: Cao độ đáy lỗ khoan (m)		
	Phải: Độ sâu lỗ khoan (m)		
	Tên lỗ khoan		
	Cao độ		
	Mẫu nước, ký hiệu và vị trí lấy.		
	Mẫu nguyên dạng, ký hiệu và vị trí lấy.		
	Mức nước ngầm	Độ sâu, m	Tháng-năm đo
			Thước tỷ lệ 1/200

GHI CHÚ CỘT

CỘT ĐỒ THẲNG
 CỘT NÉO GÓC
 CỘT NÉO CUỐI
 CỘT CỐNG TBA

N1.3-41.5
MB8.56-20x22
6

Ký hiệu cột
Ký hiệu móng
Số hiệu cột
Số hiệu móng

BẢNG CHỈ TIÊU CƠ LÝ CÁC LỚP ĐẤT

Đặc trưng cơ lý đất	Tên lớp đất	Lớp 1 Sét mềm	Lớp 2 Bùn á sét
Độ ẩm tự nhiên (W%)		43.2	42.9
Dung trọng tự nhiên γ_s (g/cm ³)		1.8	1.7
Dung trọng khô γ_d (g/cm ³)		1.2	1.2
Tỉ trọng Δ (g/cm ³)		2.8	2.7
Độ lỗ rỗng $n\%$		55.1	54.4
Hệ số rỗng e_s		1.2	1.2
Độ bão hòa $C\%$		96.5	96.1
Độ sét B		0.5	1.6
Hệ số nén lún α (cm ² /kg)		0.054	0.270
Góc ma sát trong φ_0		09°05'	05°25'
Lực dính C (kg/cm ²)		0.186	0.062
Mô đun tăng biến dạng E_0 (kg/cm ²)		39.7	11.2
Áp lực chịu tải tiêu chuẩn R_0 (kg/cm ²)		1.08	0.48

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TỰ VY ĐẦU TƯ VÀ DUNG ĐIỆN 2**

PGĐ Trung tâm Đầu Đức Lạc
Nguyễn Thành Văn

CNTK Nguyễn Thành Văn

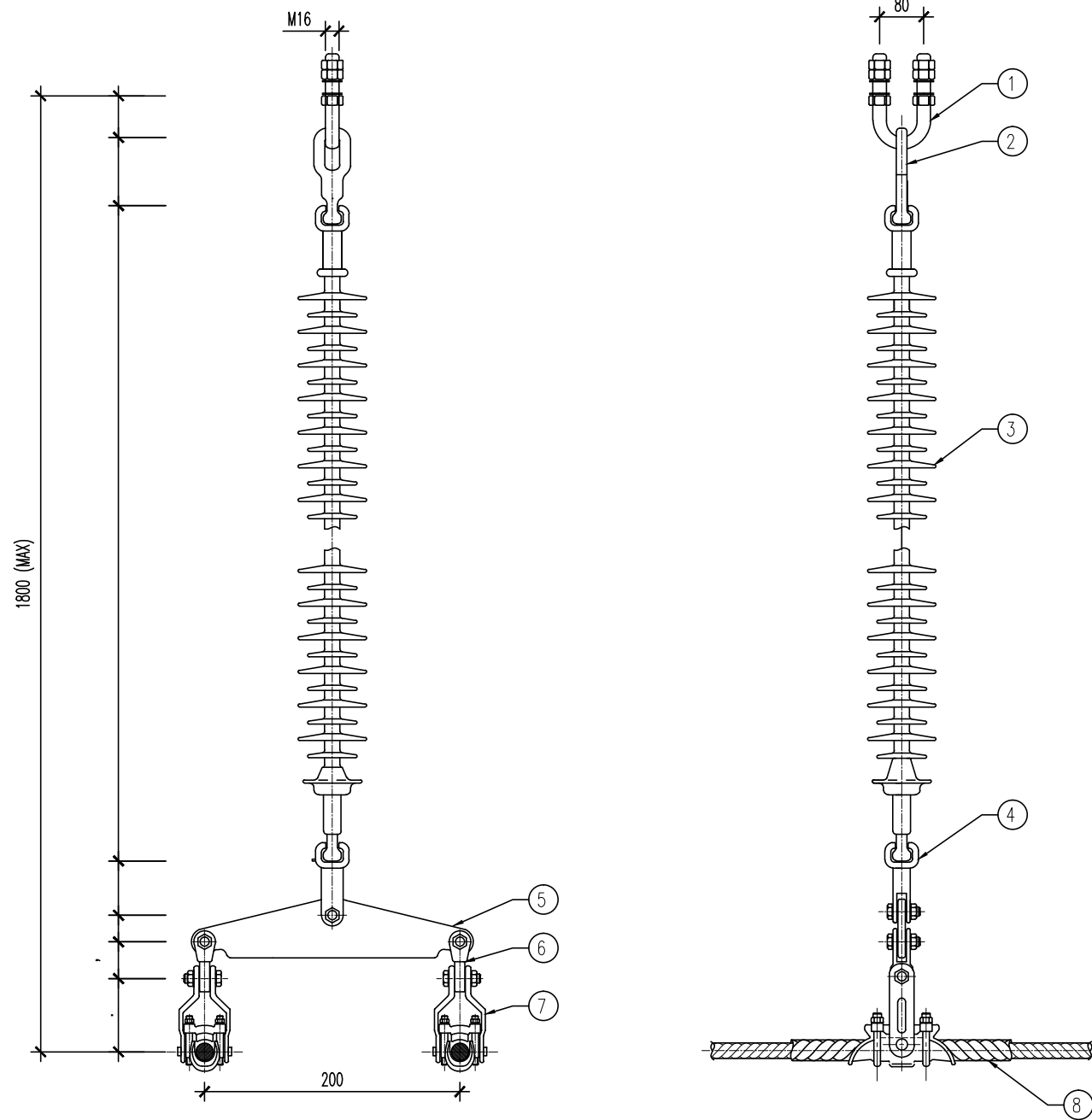
Kiểm tra Huỳnh Quốc Vinh

Thiết kế Trương Lịch Ngọc

**ĐƯỜNG DÂY 110KV
BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU**

**MẶT CẮT ĐỌC
ĐOẠN G11-G13**


THIỆT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG 01-2020
ĐDD1-16-14D-ĐN-04/8 1/500 - 1/5000

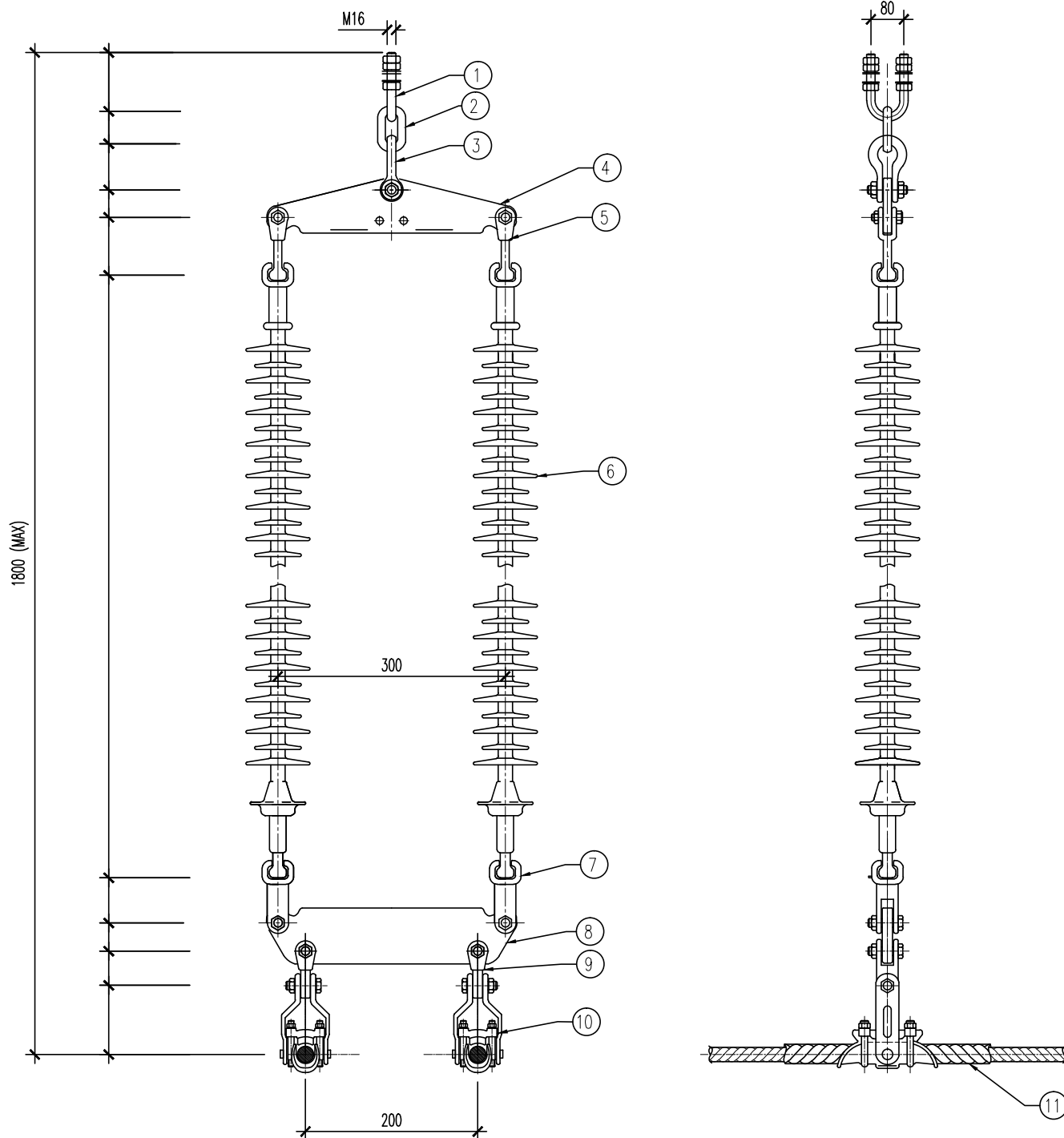


STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Bu lông U		01	70	
2	Vòng treo đầu tròn		01	70	
3	Cách điện Composite 110kV - 70kN		01	70	
4	Mắt nối đơn		01	70	
5	Khánh		01	70	
6	Vòng treo kép		02	70	
7	Khóa đỡ dây		02	70	
8	Đệm dây		02		
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

GHI CHÚ:

1. Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện 2xACKP 240/32
2. Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
3. Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định


Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc			CHUỖI CÁCH ĐIỆN ĐƠN ĐƠN DÂY DẪN ĐIỆN DDD.1-70(F2)	
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc			ĐD.1-16-14D-ĐN.05/1	

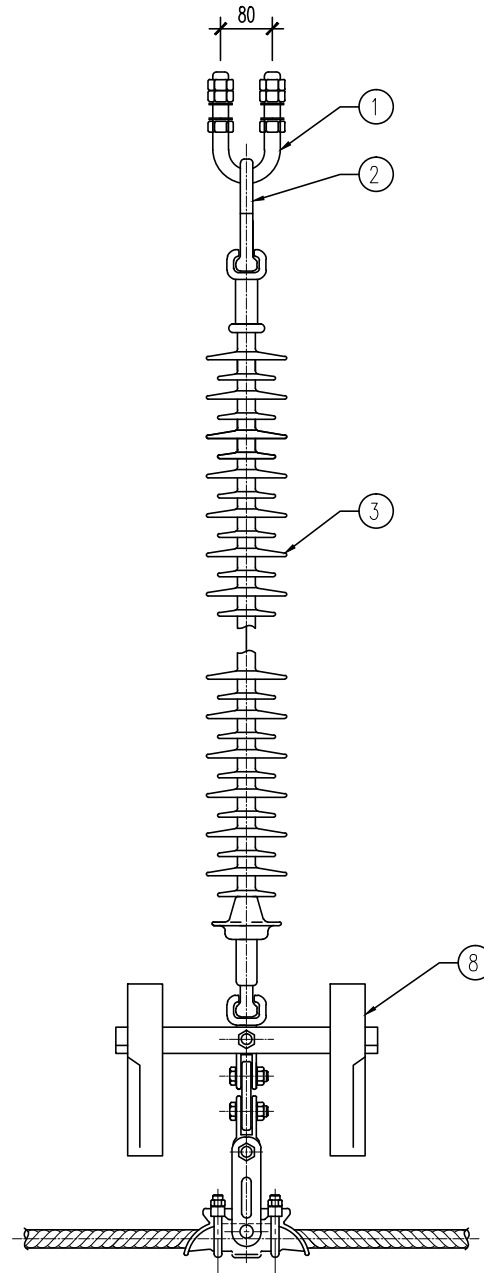
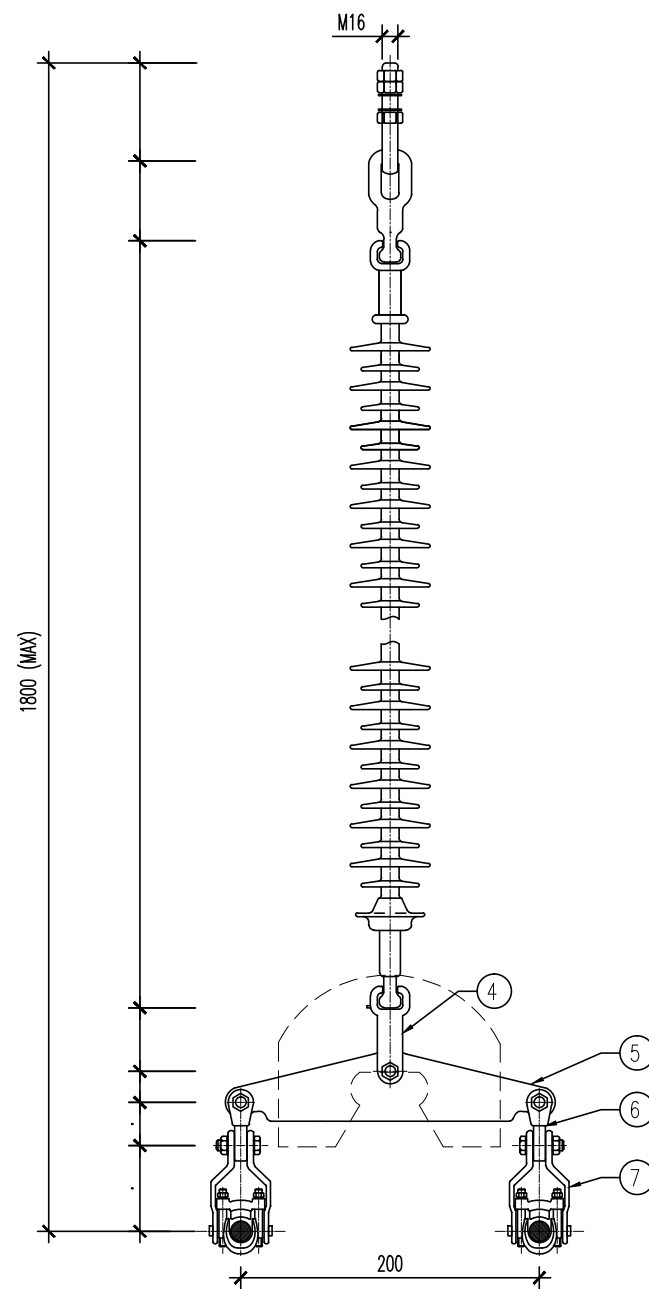


STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Bu lông U		01	70	
2	Vòng treo đầu tròn		01	70	
3	Móc treo		01	70	
4	Khánh		01	70	
5	Vòng treo đầu tròn kép		01	70	
6	Cách điện Composite 110kV - 70kN		02	70	
7	Mắc nối kép		02	70	
8	Khánh		01	70	
9	Mắt nối chuyển hướng		02	70	
10	Khóa đỡ dây		02	70	
11	Đệm dây		02		
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

GHI CHÚ:

- Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện 2xACKP 240/32
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định


Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc			CHUỖI CÁCH ĐIỆN ĐỠ KÉP DÂY DẪN ĐIỆN DDD.2-70(F2)	
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
				ĐD.1-16-14D-ĐN.05/2	

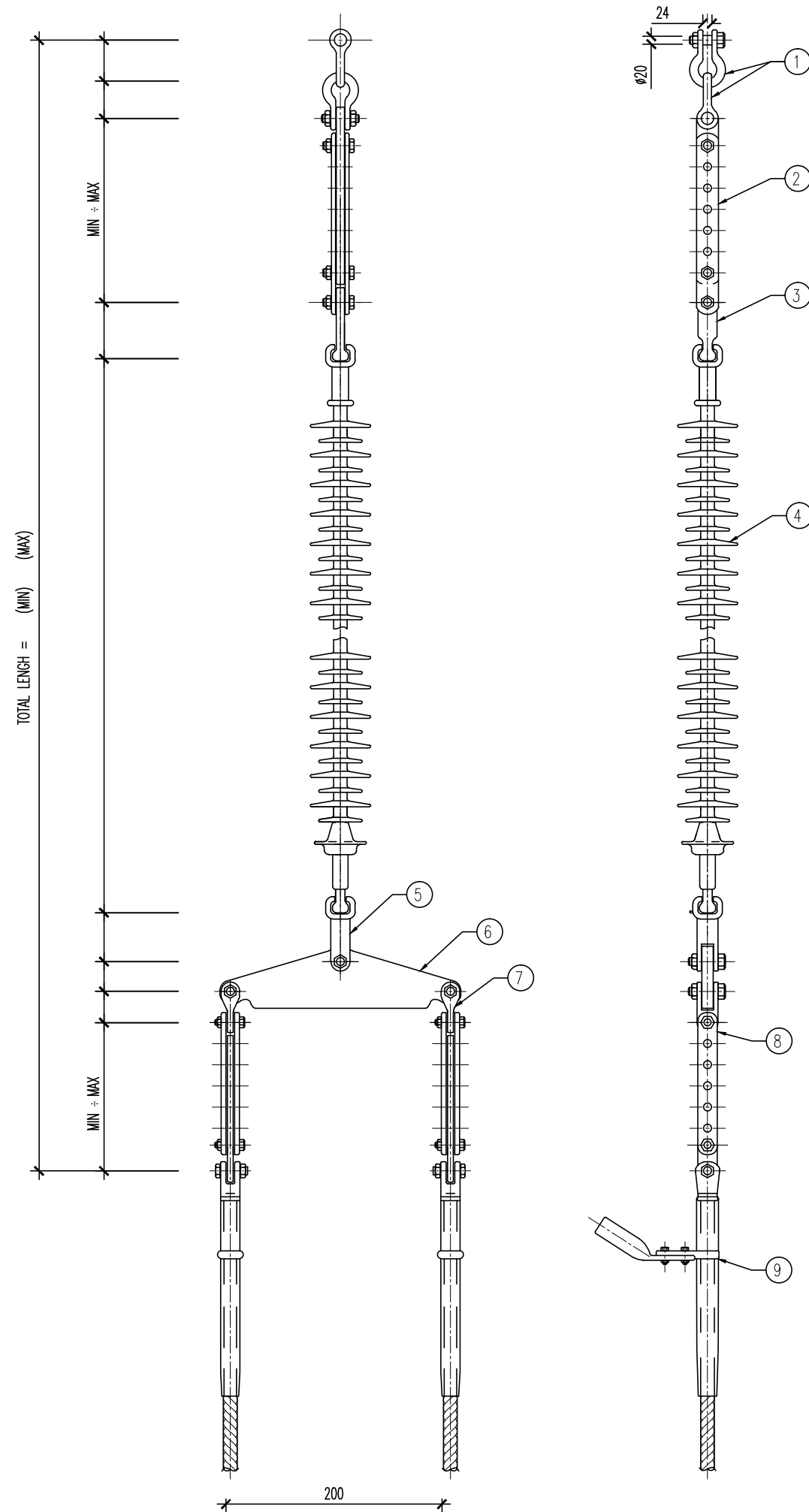


STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Bu lông U		01	70	
2	Vòng treo đầu tròn		01	70	
3	Cách điện Composite 110kV - 70kN		01	70	
4	Mắt nối đơn		01	70	
5	Khánh		01	70	
6	Vòng treo kép		02	70	
7	Khóa đỡ dây		02	70	
8	Tạ bù 40kG		01		
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

GHI CHÚ:

1. Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện 2xACKP 240/32
2. Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
3. Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định


Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc			CHUỖI CÁCH ĐIỆN ĐỖ LÈO DÂY DẪN ĐIỆN DLD.1-70(F2)	
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
				ĐD.1-16-14D-ĐN.05/3	

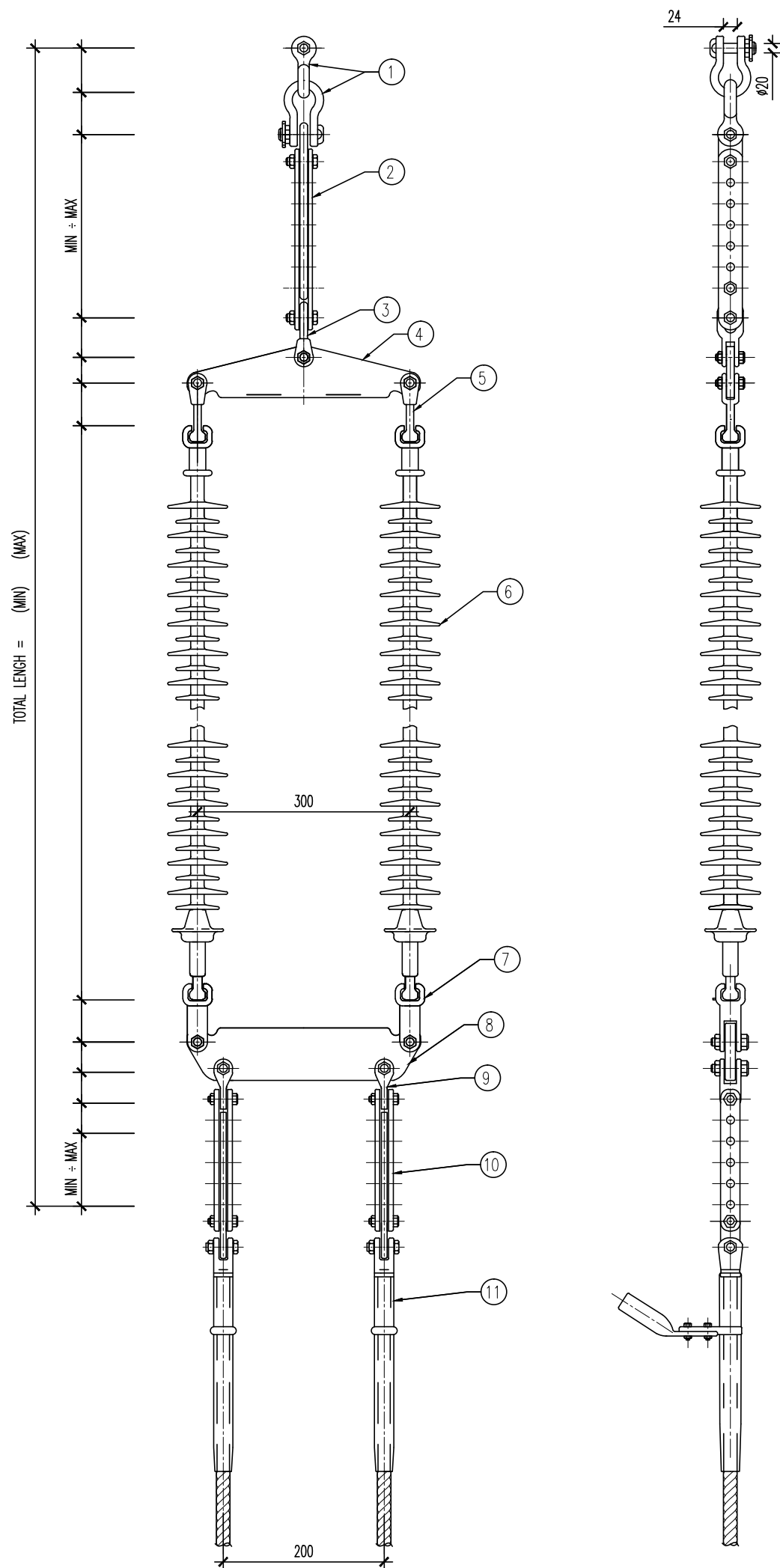


STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Móc treo		02	210	
2	Mắc nối điều chỉnh		01	210	
3	Vòng treo đầu tròn		01	210	
4	Cách điện Composite 110kV - 210kN		01	210	
5	Mắc nối kép		01	210	
6	Khánh		01	210	
7	Mắt nối chuyển hướng		02	120	
8	Mắc nối điều chỉnh		02	120	
9	Khoá néo dây		02	120	
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

GHI CHÚ:

- Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện 2xACKP 240/32
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định


Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	CHUỖI CÁCH ĐIỆN NÉO ĐƠN DÂY DẪN ĐIỆN NDD.1-210(F2)		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
CNTK	Nguyễn Thành Văn			01 - 2020	
CTTK	Nguyễn Thành Văn			ĐD.1-16-14D-ĐN.05/4	
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc				

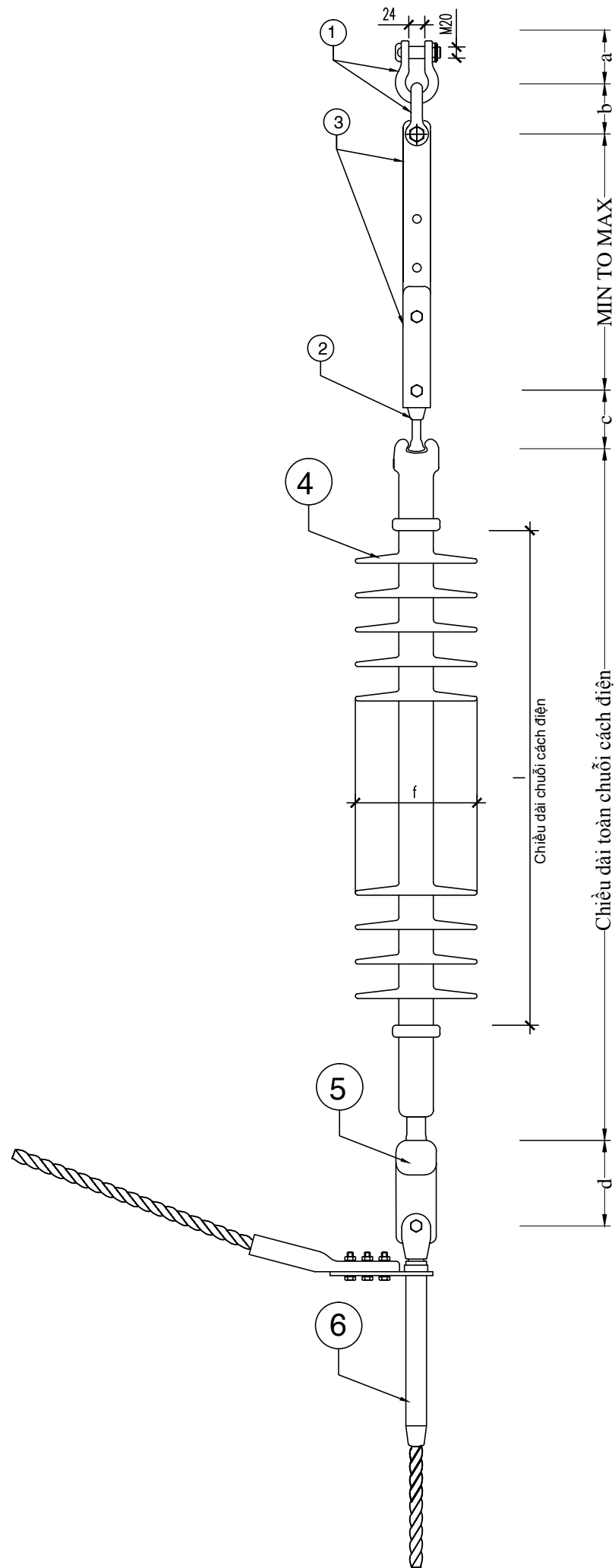


STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Móc treo		02	210	
2	Mắc nối điều chỉnh		01	210	
3	Móc treo		01	210	
4	Khánh		01	210	
5	Vòng treo đầu tròn kép		02	210	
6	Cách điện Composite 110kV - 210kN		02	210	
7	Mắc nối kép		02	210	
8	Khánh		01	210	
9	Mắt nối chuyển hướng		02	120	
10	Mắc nối điều chỉnh		02	120	
11	Kháo néo dây		02	120	
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

GHI CHÚ:

- Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện 2xACKP 240/32
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định


Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc			CHUỖI CÁCH ĐIỆN NÉO KÉP DÂY DẪN ĐIỆN NDD.2-210(F2)	
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
				ĐD.1-16-14D-ĐN.05/5	

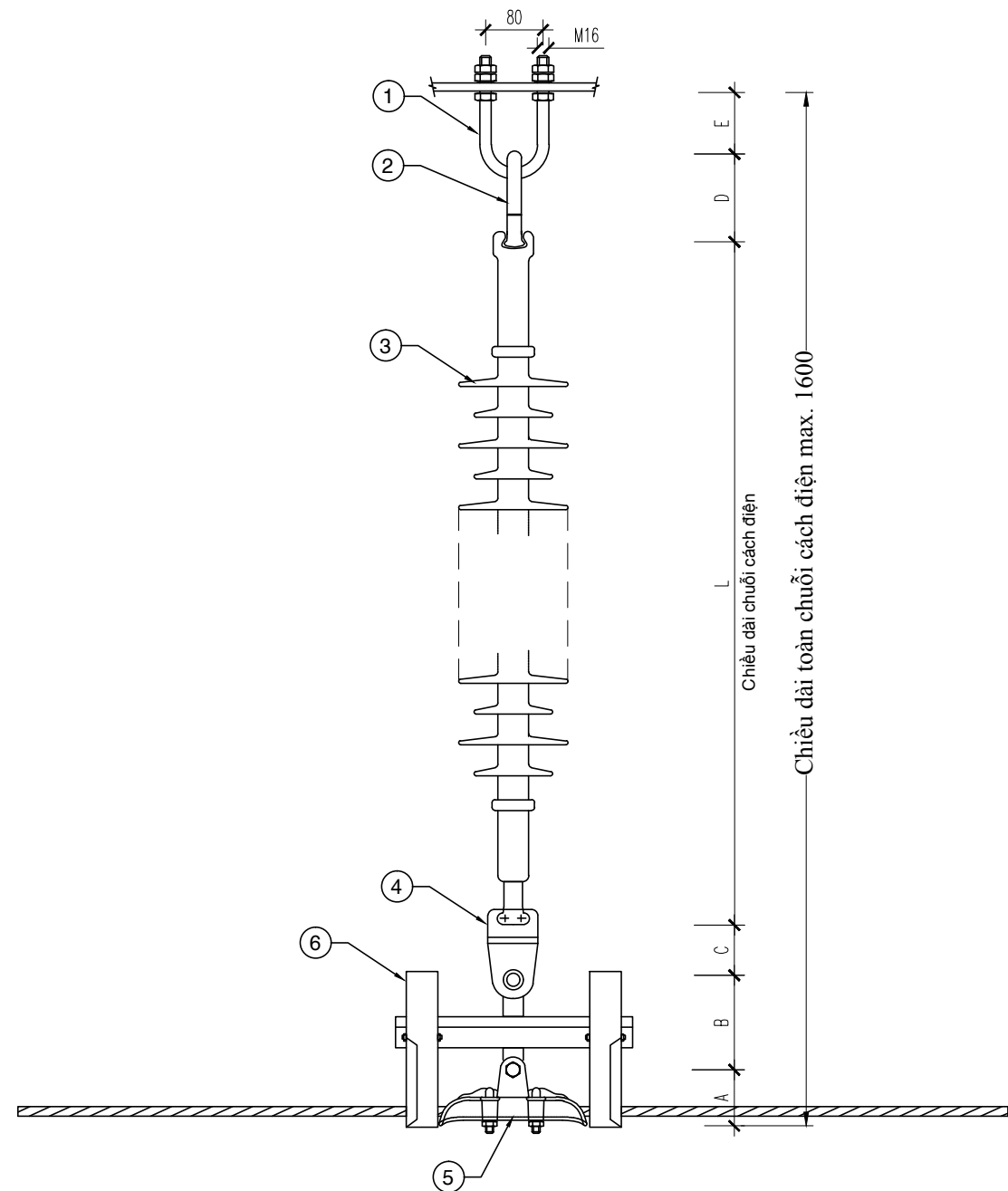


STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Cụm bắt chuỗi néo (Ma ni)		02	120	
2	Vòng treo đầu tròn		01	120	
3	Mắc nối điều chỉnh		01	120	
4	Cách điện Polymer 110kV - 120kN		01	120	
5	Mắc nối đơn		01	120	
6	Khóa néo ép		01	120	
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

GHI CHÚ:

- Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện ACSR 240/32
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định

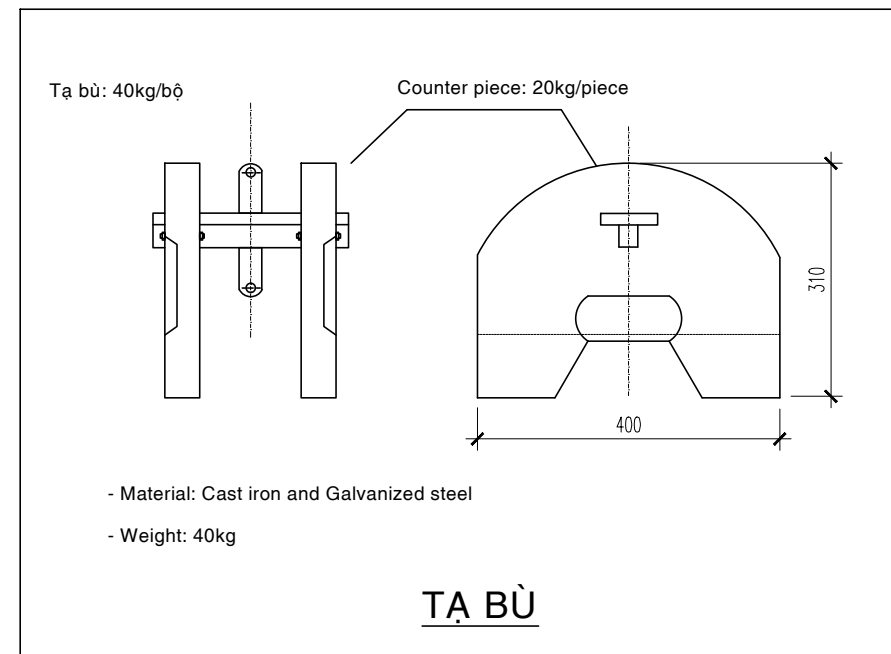
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc			CHUỖI CÁCH ĐIỆN NÉO ĐƠN DÂY DẪN ĐIỆN NDD.1-120	
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc			ĐD.1-16-14D-ĐN.05/6	




STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Cụm bắt chuỗi đỡ		01	70	
2	Vòng treo đầu tròn		01	70	
3	Cách điện Composite 110kV - 70kN		01	70	
4	Mắt nối kép		01	70	
5	Khóa đỡ dây ACSR 240/32		01	70	
6	Tạ bù 40kg		01		
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

GHI CHÚ:

- Chuỗi cách điện sử dụng cho dây dẫn điện ACSR 240/32
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu, khối lượng, tải trọng, kích thước phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định

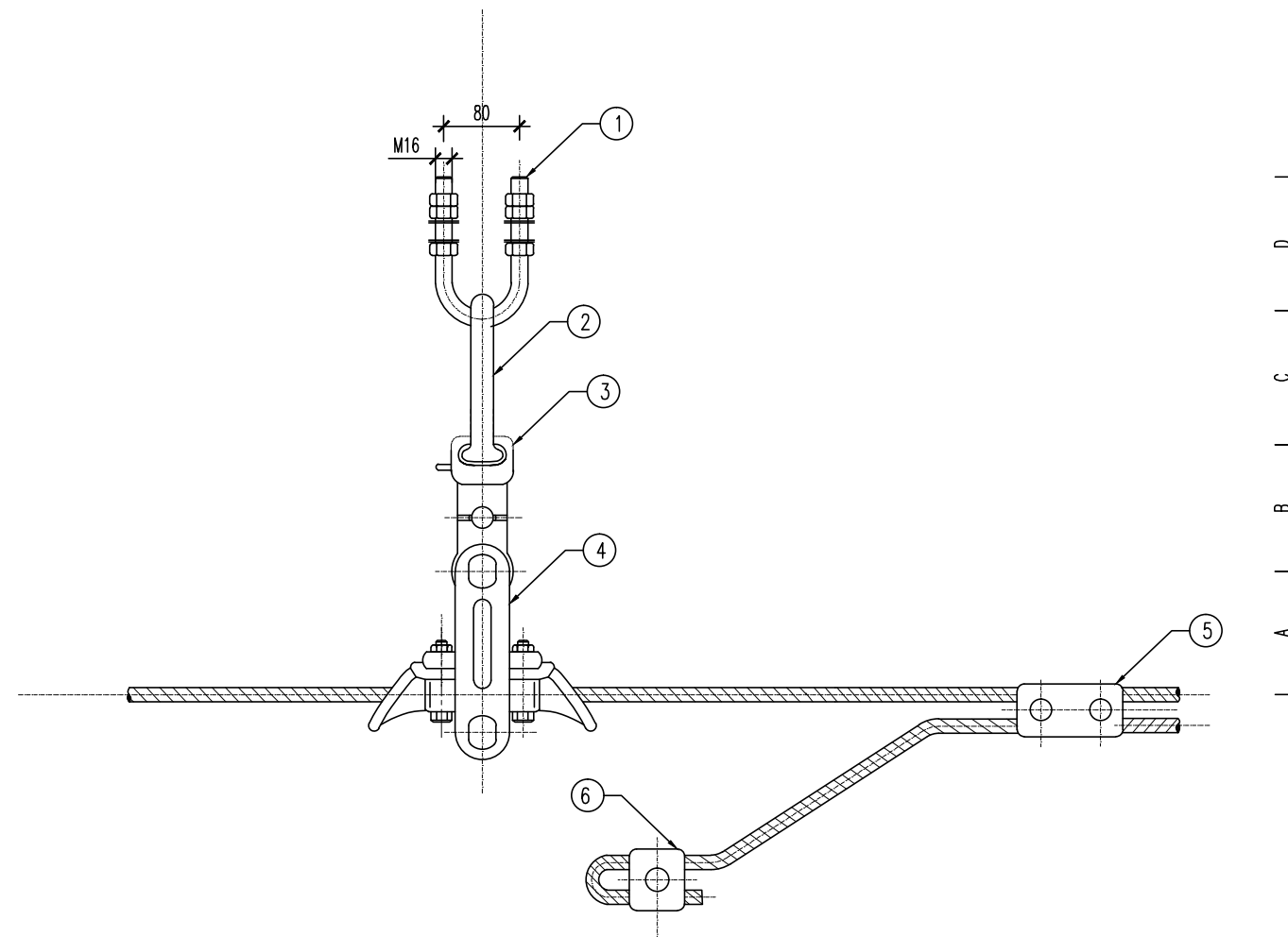



Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				CHUỖI CÁCH ĐIỆN ĐỖ LÈO DÂY DẪN ĐIỆN DLD.1-70	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG 01 - 2020 ĐD.1-16-14D-ĐN.05/7	
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc				

STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Cụm bắt chuỗi đỡ		01	70	
2	Vòng treo đầu tròn		01	70	
3	Mắc nối đơn		01	70	
4	Khóa đỡ dây		01	70	
5	Kẹp 2 rãnh		01		
6	Kẹp bắt dây nối đất vào cột		01		
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					

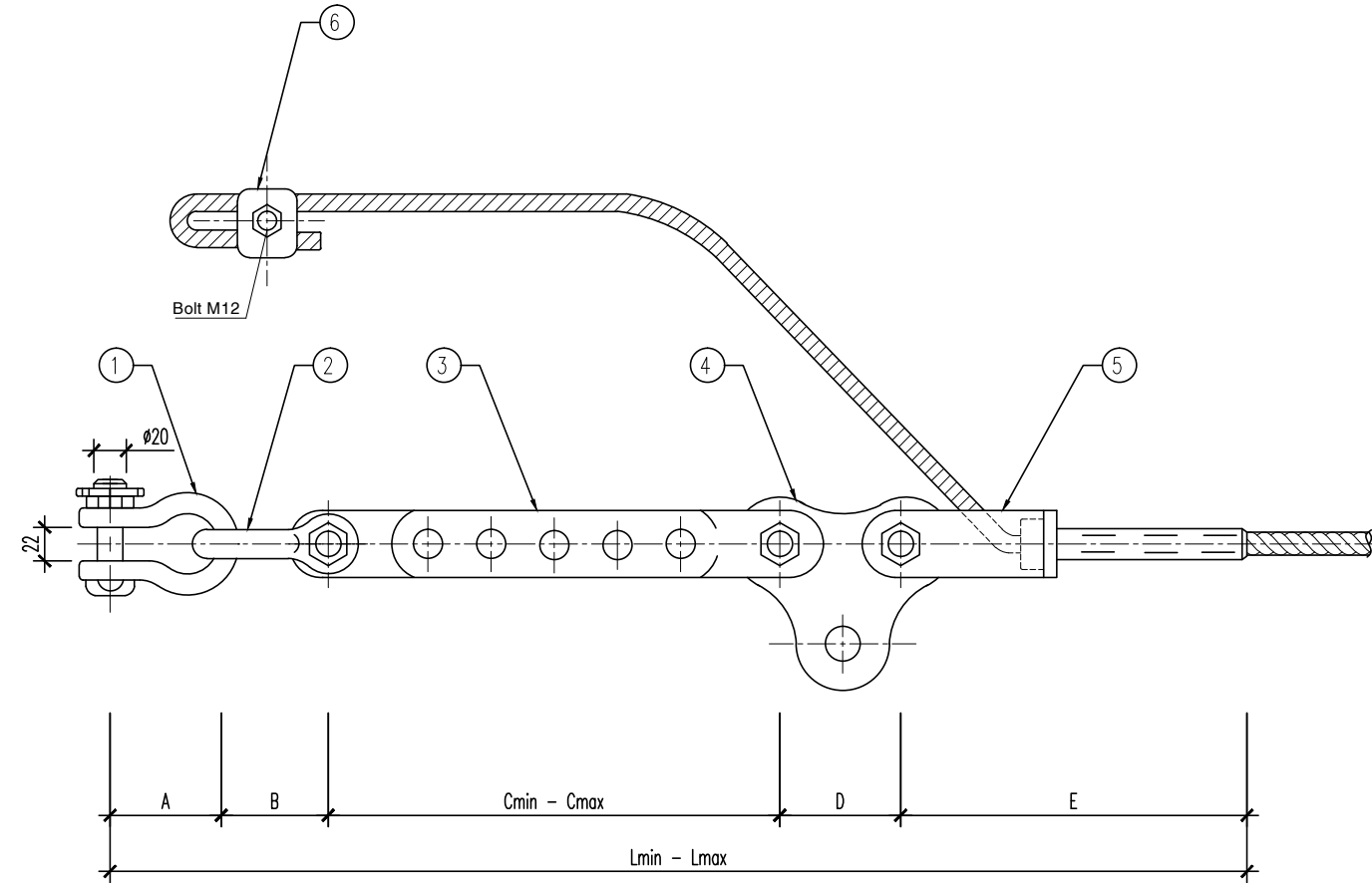
GHI CHÚ:

- Chuỗi sử dụng cho dây chống sét loại PHLOX 75.5
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định




Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc			CHUỖI ĐỠ DÂY CHỐNG SÉT DCS-70	
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc			ĐD.1-16-14D-ĐN.05/8	

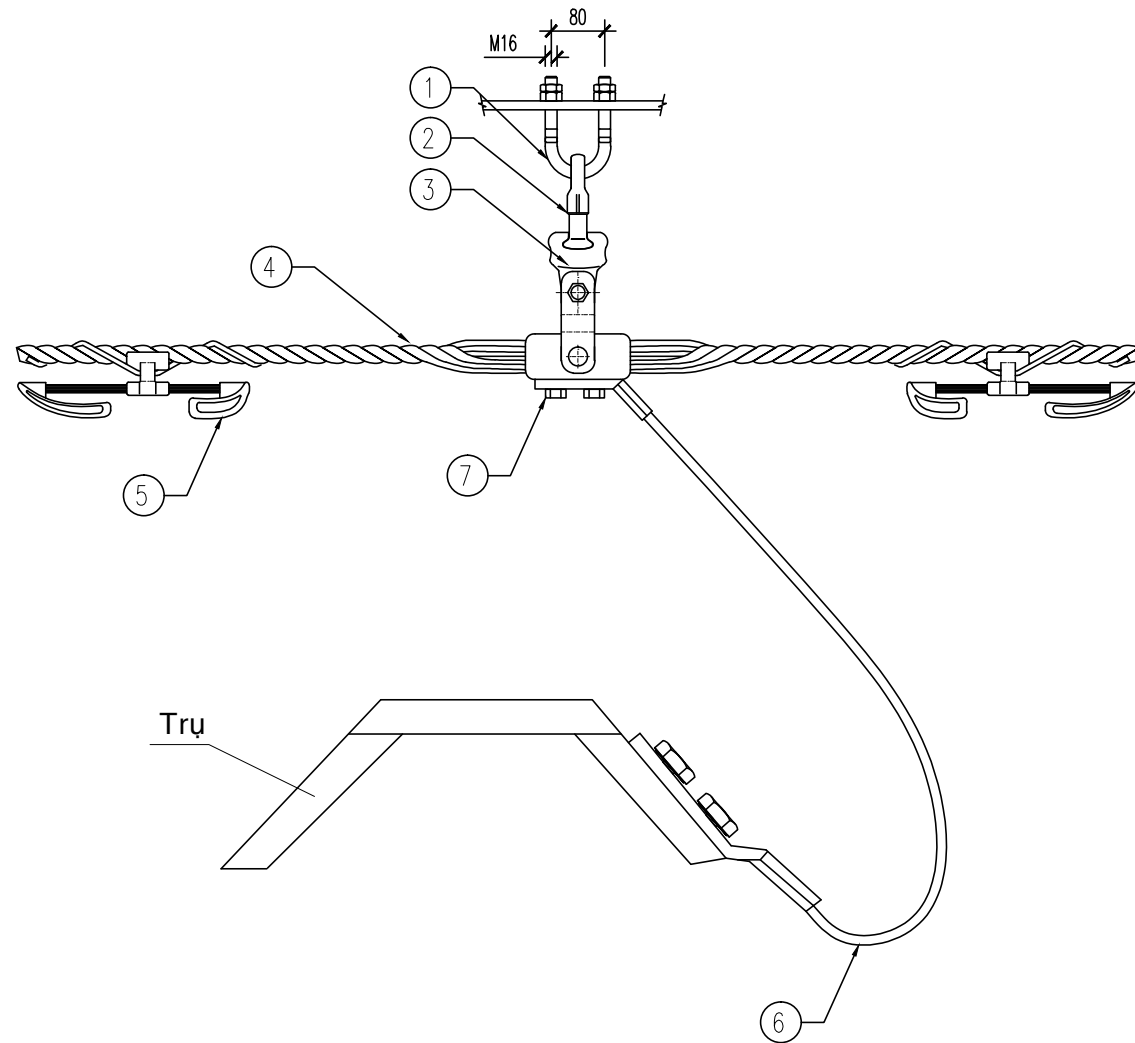
STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG	TẢI TRỌNG (kN)	GHI CHÚ
1	Ma ní		01	120	
2	Mắc nối trung gian		01	120	
3	Mắc nối điều chỉnh		01	120	
4	Mắc nối đơn		01	120	
5	Khoá néo dây		01	120	
6	Dây nối đất AL70mm dài 1000mm và đầu coss		01		
TOTAL (KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG CỦA CHUỖI)					



GHI CHÚ:

1. Chuỗi sử dụng cho dây chống sét PHLOX 75.5
2. Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
3. Mã hiệu phụ kiện và kích thước chi tiết sẽ do nhà thầu xác định

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc			CHUỖI NÉO DÂY CHỐNG SÉT NCS-120	
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
				ĐD.1-16-14D-ĐN.05/9	




STT	Tên phụ kiện	Đơn vị	Qui cách - Mã hiệu	Số lượng
1	Bu lông U	Cái	-	1
2	Vòng treo đầu tròn	Cái	-	1
3	Mắt nối trung gian	Cái	-	1
4	Đệm dây (Armour rod)	Cái	-	1
5	Tạ chống rung	Cái	-	*
6	Dây nối đất AL95mm ² + kẹp bắt vào cột	Bộ	-	1
7	Khóa đỡ dây OPGW70	Cái	-	1

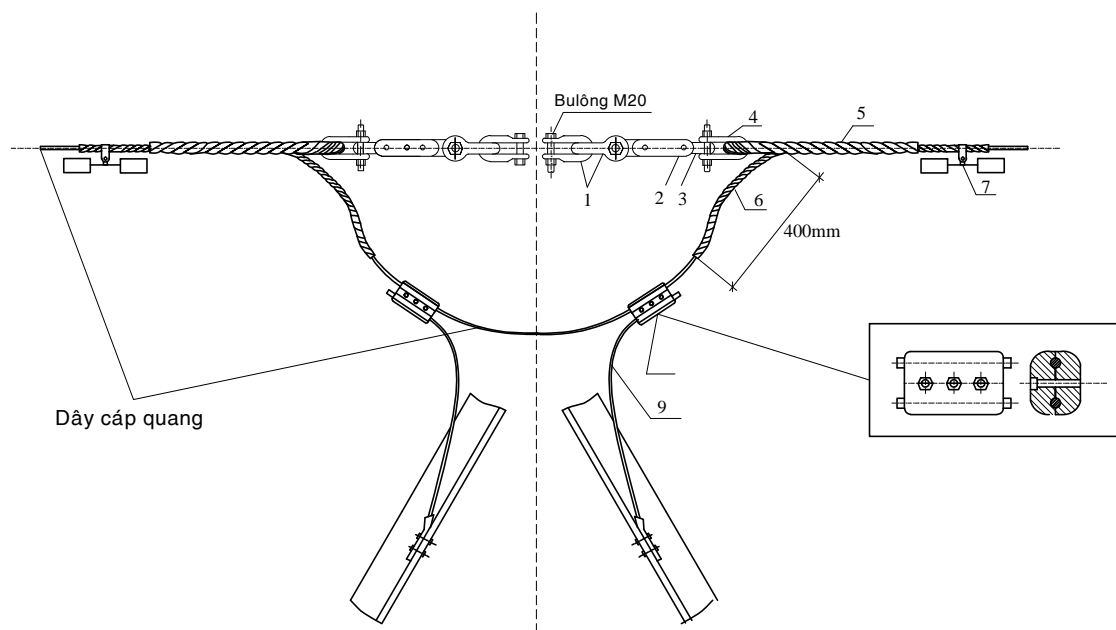
(*) : Số lượng tạ chống rung được nêu trong bản vẽ lắp tạ chống rung

Ghi chú:

1. Chuỗi dùng cho dây cáp quang OPGW70
2. Mã hiệu phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định
3. Tải trọng giới hạn của chuỗi là 70kN

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc			CHUỖI ĐỖ DÂY CHỐNG SÉT CÁP QUANG DCQ-70	
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
				ĐD.1-16-14D-ĐN.05/10	

LẮP CHUỖI NÉO CÁP QUANG TRÊN CỘT NÉO KHÔNG CÓ HỘP NỐI

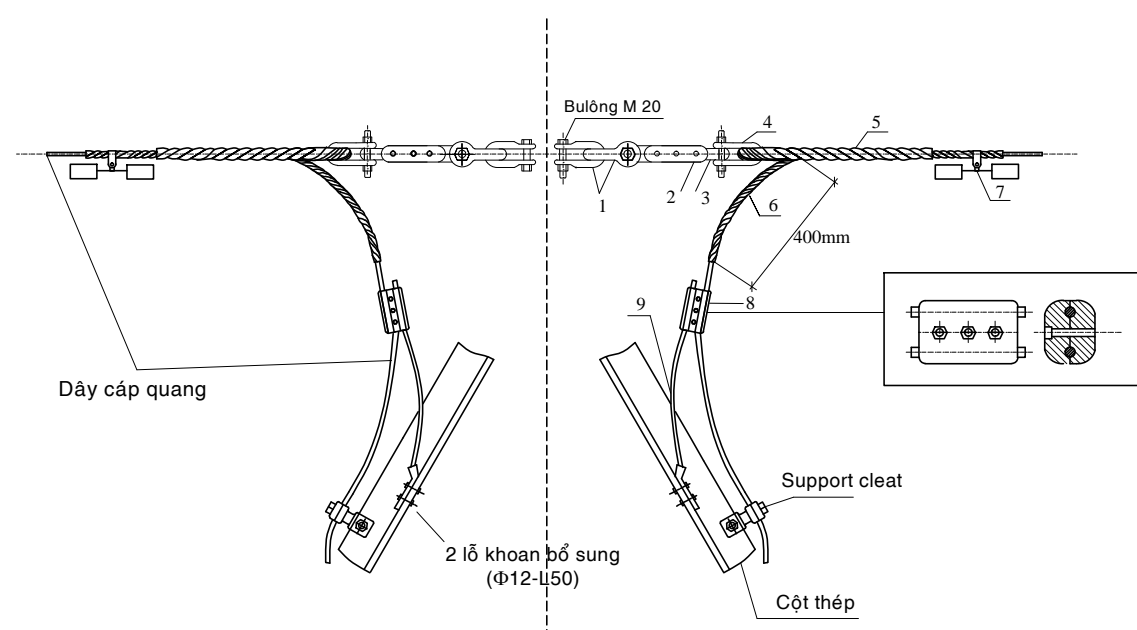


CHUỖI NÉO DÂY CÁP QUANG (KHÔNG CÓ HỘP NỐI)			
STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG
1	Maní		02
2	Mắt nối điều chỉnh		01
3	Mắt nối chuyển hướng		01
4	Măng sông		01
5	Khoá néo		01
6	Dây bảo vệ		01
7	Tạ chống rung		-
8	Kẹp cáp 2 rãnh		01
9	Dây nối đất Al95 với đầu cosse		01


GHI CHÚ:

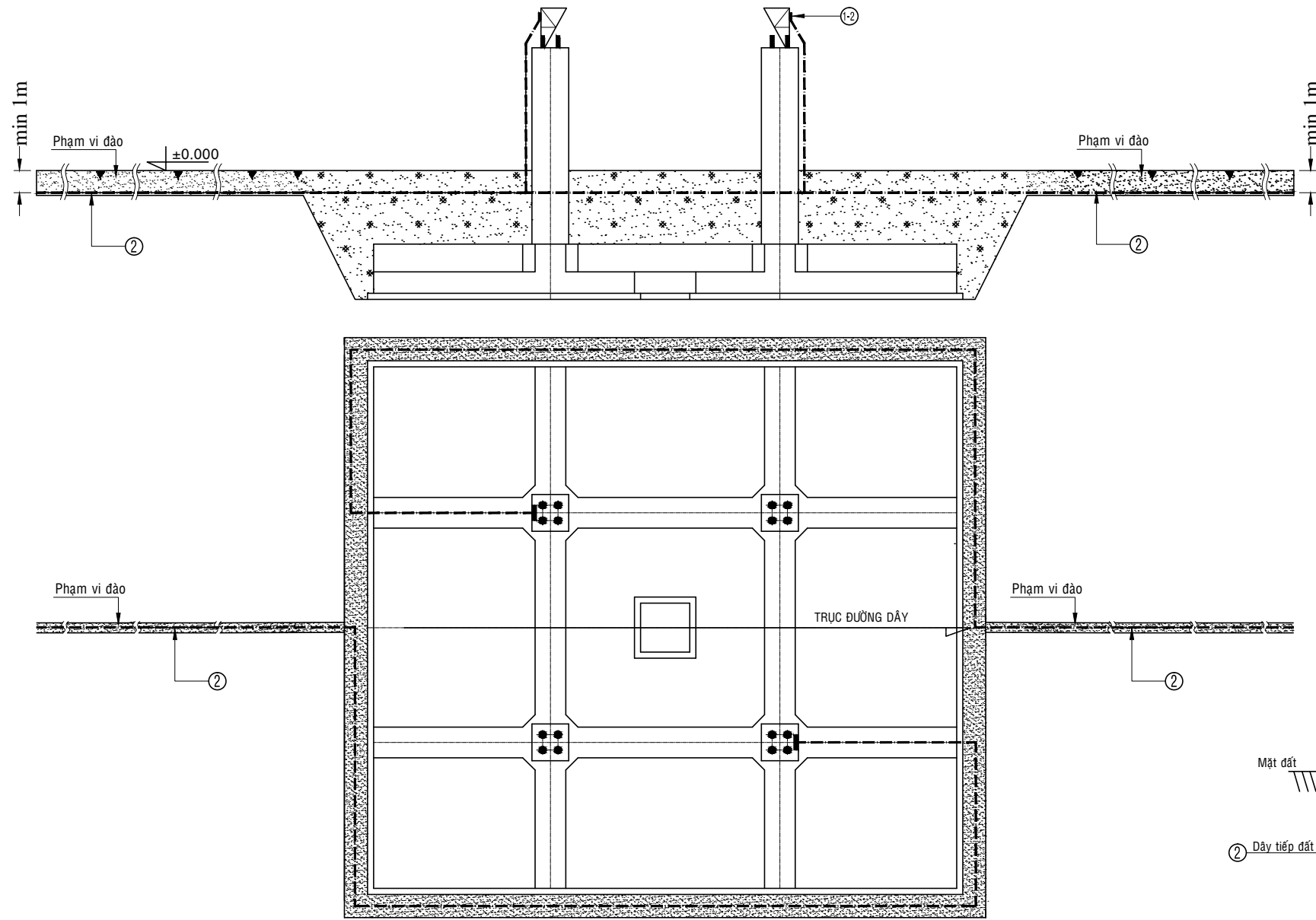
- Chuỗi dùng cho dây cáp quang OPGW70
- Tất cả các kích thước tính bằng đơn vị mm
- Mã hiệu phụ kiện sẽ do nhà thầu xác định
- Tải trọng giới hạn của chuỗi là 120kN

LẮP CHUỖI NÉO CÁP QUANG TRÊN CỘT NÉO CÓ HỘP NỐI

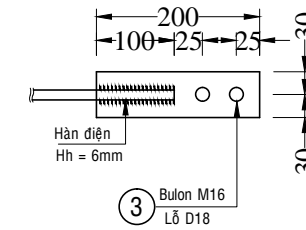


CHUỖI NÉO DÂY CÁP QUANG (CÓ HỘP NỐI)			
STT	TÊN CHI TIẾT	MÃ HIỆU	SỐ LƯỢNG
1	Maní		02
2	Mắt nối điều chỉnh		01
3	Mắt nối chuyển hướng		01
4	Mắt nối		01
5	Khoá néo		01
6	Dây bảo vệ		01
7	Tạ chống rung		-
8	Kẹp cáp 2 rãnh		01
9	Dây nối đất Al95 với đầu cosse		01

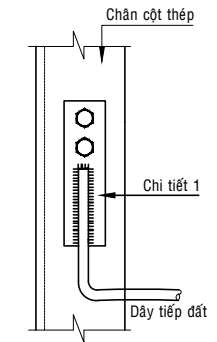
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc			CHUỖI NÉO DÂY CHỐNG SÉT CÁP QUANG NCQ-70	
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
				ĐD.1-16-14D-ĐN.05/11	



CHI TIẾT 1

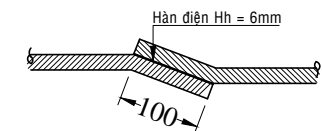


LẮP TIẾP ĐẤT VÀO CỘT

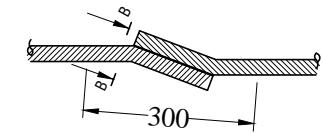


NỐI DÂY TIẾP ĐẤT
(Nếu cần thiết)

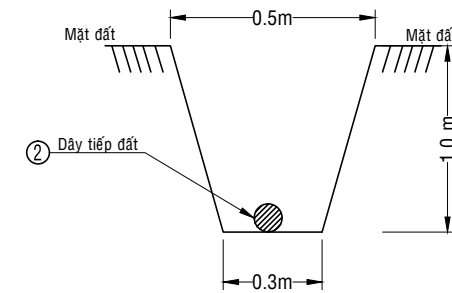
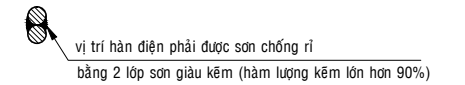
CHIỀU DÀI HÀN ĐIỆN



CHIỀU DÀI LỚP SƠN CHỐNG RỈ



MẶT CẮT B - B



Mặt cắt đào rãnh đặt dây tiếp đất

GHI CHÚ

- Loại tiếp đất sử dụng cho các vị trí **móng bản cột thép**.
- Các dây tiếp đất được chôn cách mặt đất ít nhất 1m.
- Đoạn dẫn lên thân cột, dây tiếp đất được bố trí ngoài cổ móng.
- Tất cả chi tiết nối đất phải được mạ kẽm nhúng nóng.
- Trường hợp phải hàn nối tại công trường, cho phép hàn nối bằng phương pháp hàn điện, sau đó tại vị trí hàn phải sơn chống rỉ 3 lớp, sơn theo TCXDVN 334:2005 "Quy phạm sơn thiết bị và kết cấu thép trong xây dựng dân dụng và công nghiệp".
- Khi lắp đất dây nối đất phải lấp từng lớp dày 20cm và tưới nước đầm kỹ.
- Ngoài phạm vi hố móng, các dây tiếp địa phải được bố trí cách nhau ít nhất là 10m và ưu tiên nằm trong hành lang tuyến.
- Chiều dài rãnh đào tiếp đất và cấp đất đào tùy thuộc vào kích thước móng tại từng vị trí, chi tiết xem trong phần **Tổ chức xây dựng**.

Kiểu nối đất	Vùng áp dụng ρ (Ω m)	Trọng lượng tổng (kg)	Số hiệu	Tên chi tiết	Vật liệu và quy cách	Kích thước (mm)	Số lượng	Trọng lượng đơn vị (kg)
TĐ-B2	0-100	19.40	1-2	Tấm nối mạ kẽm	CT3, $\delta = 4$ mạ kẽm	200x60	2	0.37 kg/bộ
			2	Dây tiếp đất	CT3, $\phi = 12$ mạ kẽm	10.000	2	0.888 kg/m
			3	Bulông & đai ốc	M16 mạ kẽm	60	4	0.224 kg/bộ

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VINH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc			TIẾP ĐẤT TĐ-B2	
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		01 - 2020	
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.06			




Biển báo an toàn

- + Kiểu 2aX (Theo Thông tư 31/2014/TT-BCT)
- + Vật liệu: Thép tấm dày 1mm sơn cả 2 mặt (2 lớp sơn chống rỉ một lớp sơn trắng, liên kết bulong cố định)
- + Kích thước như hình vẽ
- + Màu sơn: Nền sơn trắng; chữ sơn đen; viền và hình tia chớp sơn đỏ tươi
- + Lắp đặt ở độ cao từ 2 đến 2.5m so với mặt đất chân cột
- + Trước khi chế tạo hàng loạt, Đơn vị thi công cần phải thoả thuận bằng văn bản với Đơn vị quản lý vận hành về mẫu mã và kích thước.

GHI CHÚ:

- Biển báo an toàn thực hiện theo Thông tư 31/2014/TT-BCT
- Biển báo an toàn phải được gắn chắc bằng bulông vào cột thép. Kích thước lỗ được quy định trong hình vẽ
- Biển báo an toàn được đặt ở phía dễ nhìn thấy nhất trên tất cả các cột trong toàn tuyến

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU			
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	BIỂN BÁO NGUY HIỂM CỘT THÉP			
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		01 - 2020	
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.07/1			




Quy cách biển số

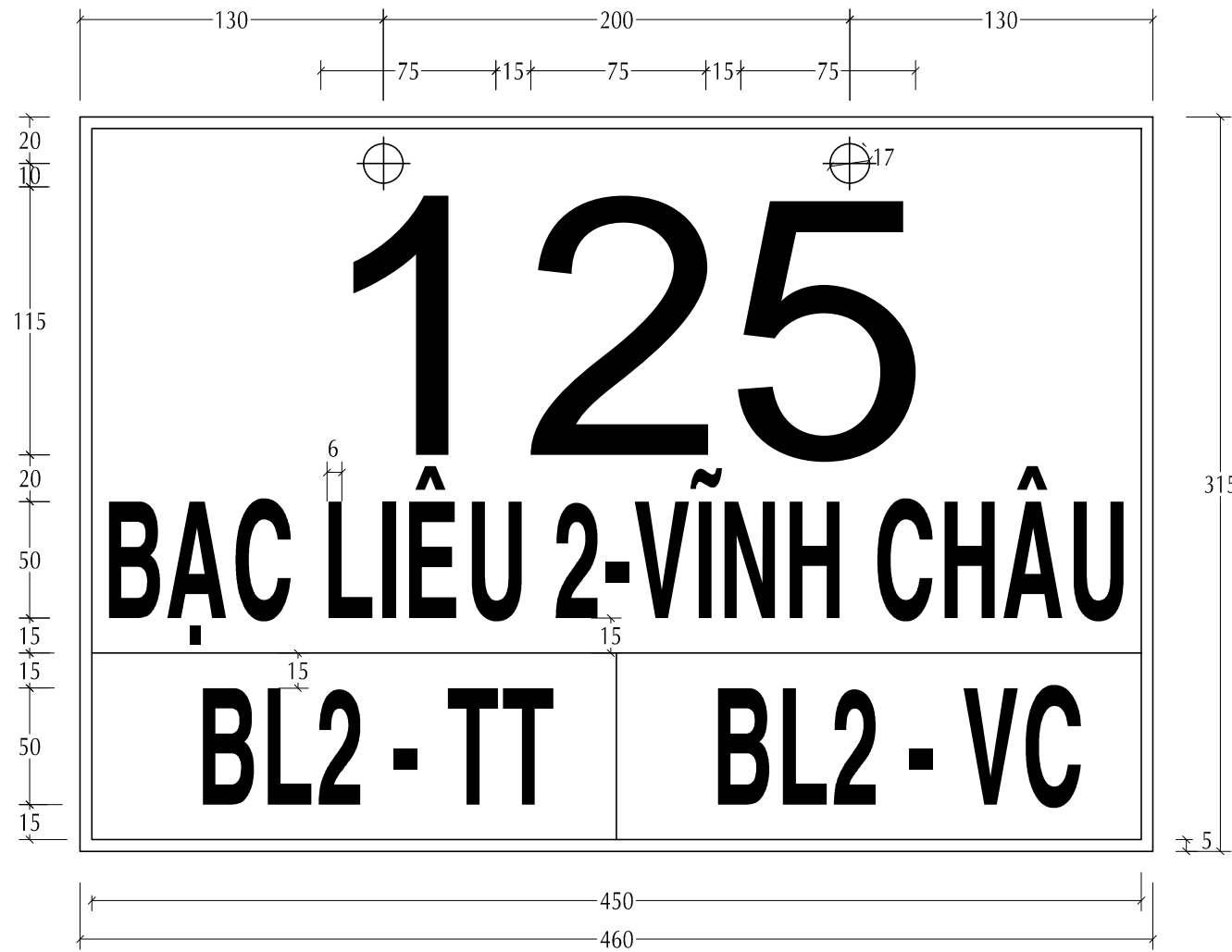
- + Vật liệu: Thép tấm dày 1mm sơn cả 2 mặt (2 lớp sơn chống rỉ một lớp sơn trắng, liên kết bulong cố định)
- + Kích thước như hình vẽ
- + Màu sơn: Nền sơn trắng, chữ và viền xung quanh sơn đen
- + Lắp đặt ở độ cao từ 2 đến 2.5m so với mặt đất chân cột
- + Trước khi chế tạo hàng loạt, Đơn vị thi công cần phải thoả thuận bằng văn bản với đơn vị Quản lý vận hành về mẫu mã và kích thước.

GHI CHÚ:

- Biển số phải được gắn chắc bằng bulông vào cột thép. Kích thước lỗ được quy định trong hình vẽ
- Quy định vẽ biển số:
 - + Dòng trên: [Số thứ tự cột], (số 125 chỉ để tham khảo)
 - + Dòng dưới: [Tên của đường dây]

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	BIỂN SỐ CỘT THÉP			
CNTK	Nguyễn Thành Văn				
CTTK	Nguyễn Thành Văn				
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020		
		ĐD.1-16-14D-ĐN.07/2			

**BIỂN SỐ VÀ PHÂN MẠCH CỘT
THÉP 2 MẠCH**



**BIỂN SỐ VÀ PHÂN MẠCH CỘT
THÉP 3 MẠCH**




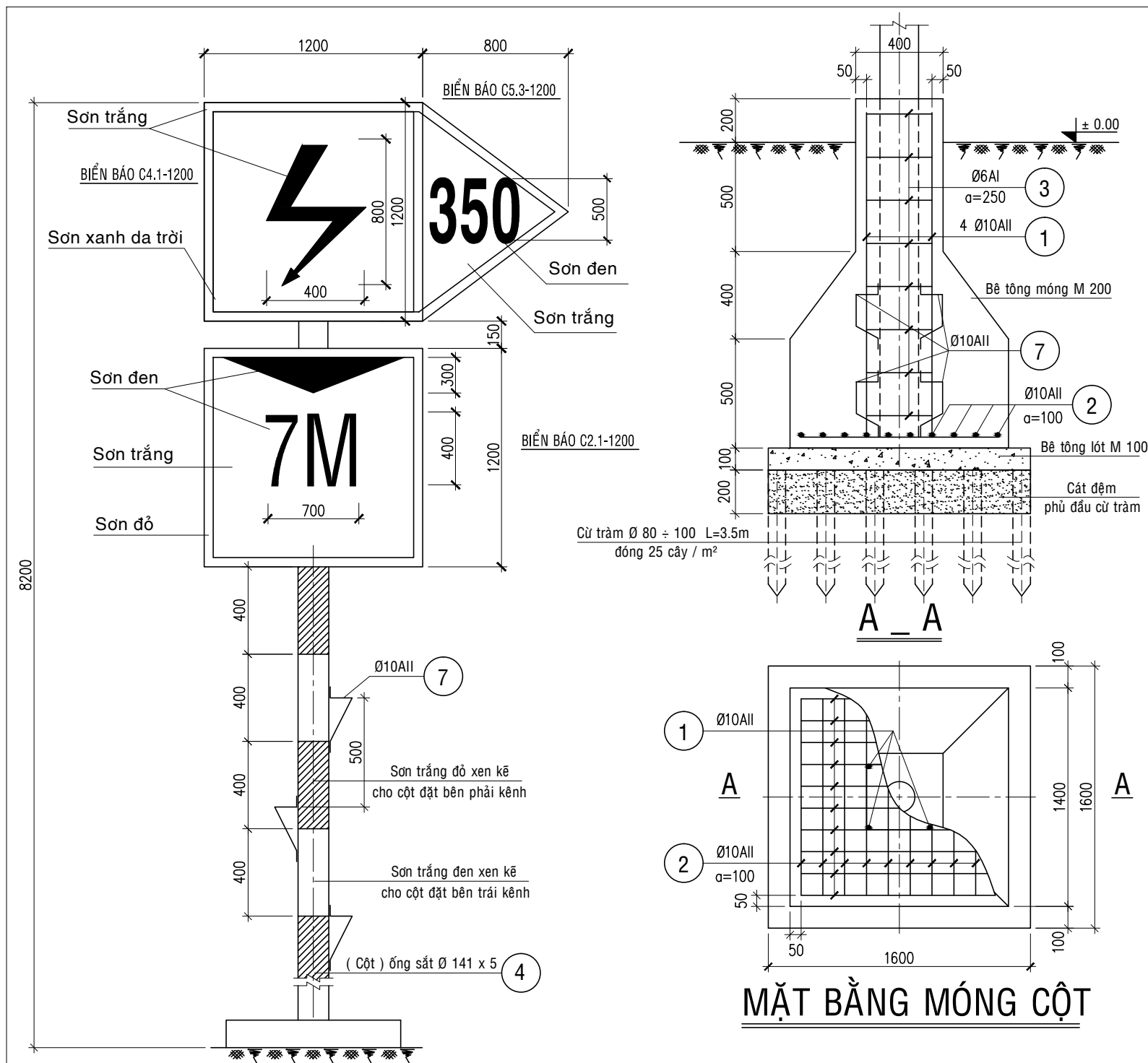
Quy cách biển số biển báo

- + Vật liệu: Thép tấm dày 1mm sơn cả 2 mặt (2 lớp sơn chống rỉ một lớp sơn trắng, liên kết bulong cố định)
- + Kích thước như hình vẽ
- + Màu sơn: Nền sơn trắng, chữ và viền xung quanh sơn đen
- + Lắp đặt ở độ cao từ 2 đến 2.5m so với mặt đất chân cột
- + Trước khi chế tạo hàng loạt, Đơn vị thi công cần phải thoả thuận bằng văn bản với đơn vị Quản lý vận hành về mẫu mã và kích thước.

GHI CHÚ:

- Biển số phải được gắn chắc bằng bulông vào cột thép. Kích thước lỗ được quy định trong hình vẽ
- Quy định vẽ biển số:
 - + Dòng trên: [Số thứ tự cột], (số 125 chỉ để tham khảo)
 - + Dòng dưới: [Tên của đường dây]

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	BIỂN SỐ VÀ PHÂN MẠCH CỘT THÉP 2 MẠCH VÀ 3 MẠCH		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
CNTK	Nguyễn Thành Văn			01 - 2020	
CTTK	Nguyễn Thành Văn			ĐD.1-16-14D-ĐN.07/3	
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc				

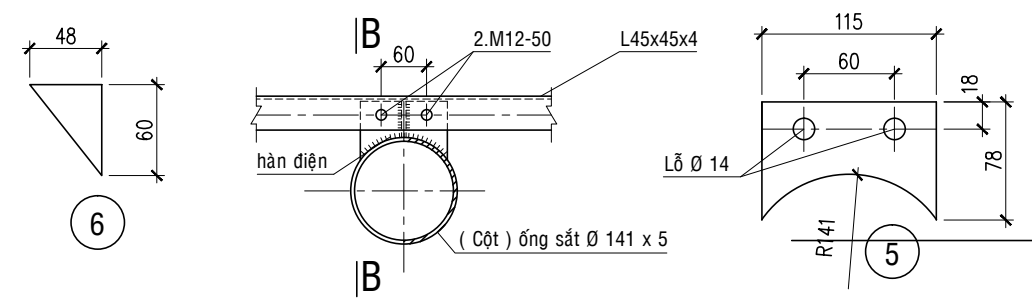


BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU CỘT BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG & TÊN	QUY CÁCH (mm)	K THƯỚC THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI T CỘNG (mm)	CHO 1 CẤU KIỆN			TỔNG K LƯỢNG (KG)
							QUY CÁCH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	K LƯỢNG (KG)	
MÓNG CỘT	1	200 1500	Ø 10AII	1700	04	6800	10 AII	43200	26.61	28.72 KG
	2	1300	Ø 10AII	1300	28	36400	6 AII	9.52	2.11	
	3	310 310 160	Ø 6AI	1360	07	9520				
CỘT	4	Thép ống Ø 141 x 5	Ø 141	10100	01	10100	Ø 141	10100	169.30	176.36 KG
	5	Thép bản 115 x 78	d - 6		04		d - 6		2.20	
	6	Thép bản 48 x 60	d - 6		04		10 AII	7840	4.86	
	7	100 150 140 50 50	Ø 10AII	490	16	7840				
BIỂN BÁO	8	Thép hình làm khung bảng	L45x4	1200	08	9600	L45x4	14590	39.83	85.05 KG
	9	Tole mặt bảng	d - 2		02		d - 2		45.22	
	10	Thép gia cố bảng	L45x4	1110	02	2220				
	11	Thép hình làm khung bảng	L45x4	1000	02	2000				
	12	Thép gia cố bảng	L45x4	770	01	770				
	13	Bu lông liên kết M12-50	M12	50	08				Trọn bộ	

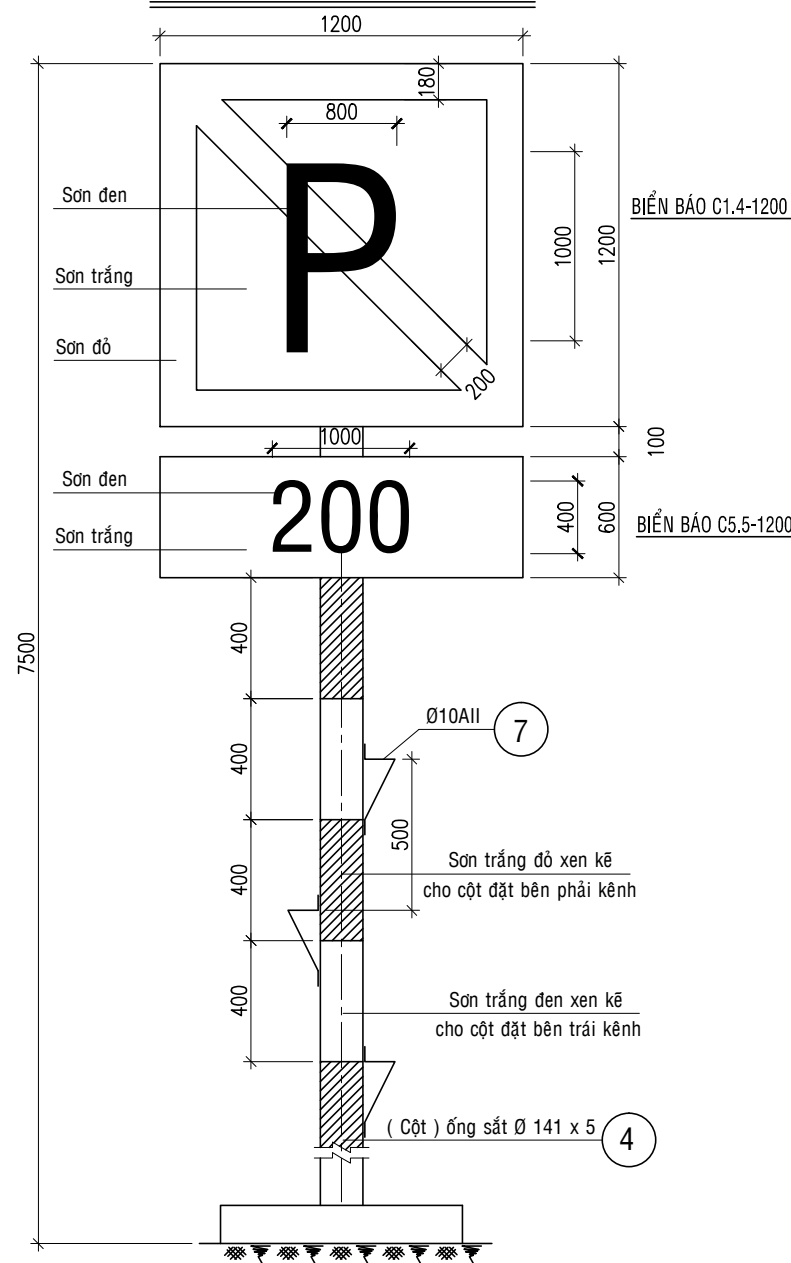
GHI CHÚ :

- Bê tông đúc móng cột báo vượt kênh đá 1x2 mác 200. Thể tích bê tông = 1.42 m³
- Bê tông lót móng đá 4 x 6 mác 100. Thể tích bê tông = 0.256 m³
- Chiều dày lớp bê tông bảo vệ lấy = 50 mm.
- Đất đắp hố móng neo đẩu kỹ đạt dung trọng > 1.55T/m³, hệ số đầm nén k > 0.85
- Vật liệu chế tạo biển báo & cột dùng thép CT38
- Tất các các chi tiết cột & biển báo phải được sơn 01 lớp sơn chống rỉ và 02 lớp sơn màu theo từng ghi chú trên hình vẽ cụ thể.
- Đường hàn có chiều cao H = 6mm. dùng que hàn E431 hoặc loại có cường độ tương đương.
- Cột (± 0.00) lấy bằng cao độ mặt đất tự nhiên.
- Đóng cừ tràm Ø80 ÷ Ø100 L = 3500mm đóng 25 cây/m². Số lượng = 64 cây
- Đệm cát dày 200 mm phủ đầu cừ tràm. Thể tích = 0.512 m³
- Báo hiệu "chiều cao tính không bị hạn chế" lấy theo ký hiệu C-2.1, báo hiệu "có đường điện vượt sông" lấy theo ký hiệu C-4.1 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN39: 2011/BCTVT.
- Bản vẽ này làm cơ sở để chủ đầu tư thỏa thuận với đơn vị quản lý đường sông khu vực.

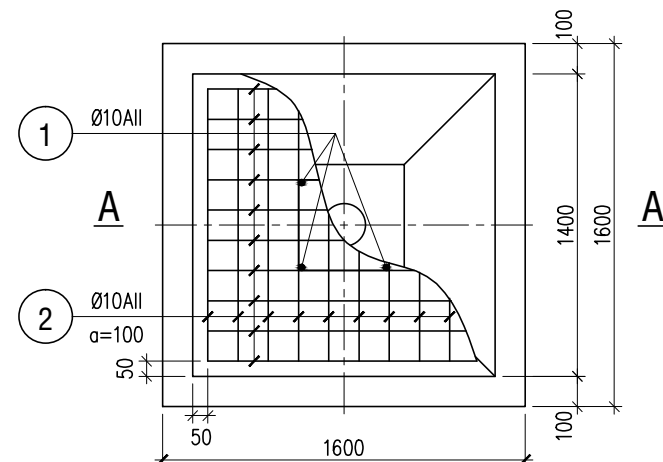
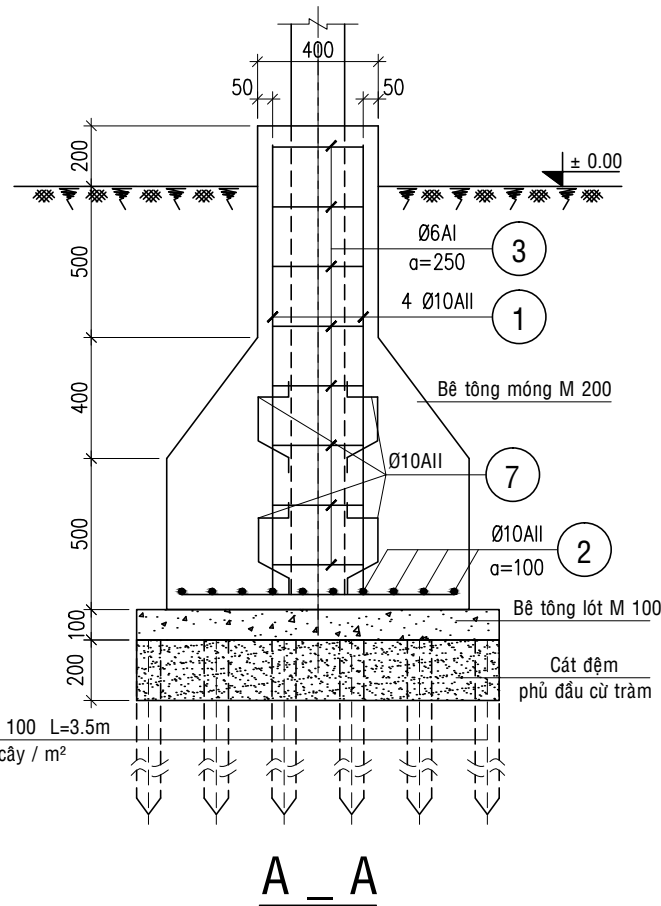
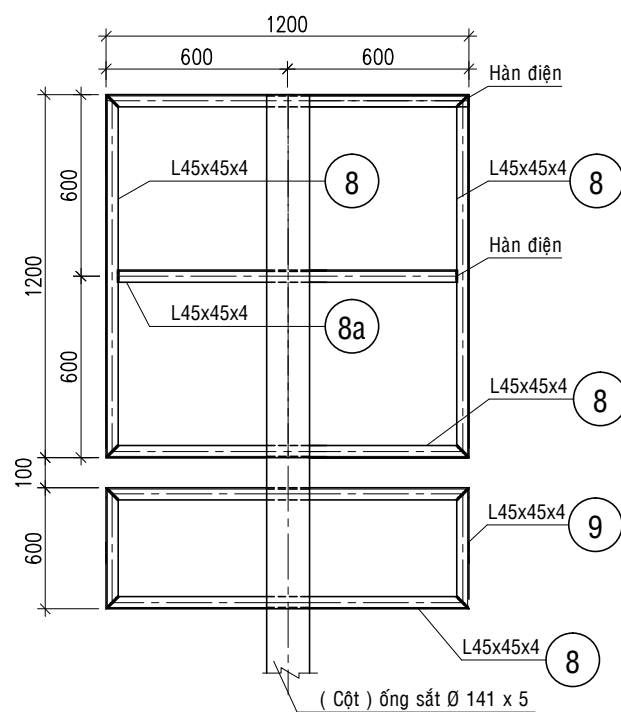


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
PGĐ. Trung tâm	Đầu Đức Lạc	CHI TIẾT BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG C4.1 & C2.1-1200	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.08/1	

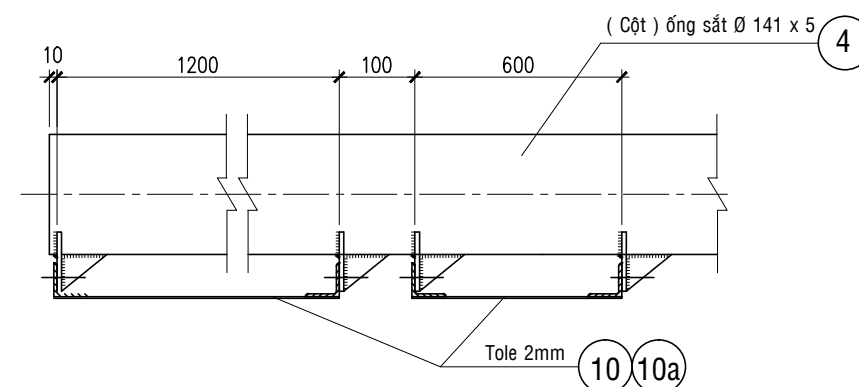
MẶT TRƯỚC BẢNG



MẶT SAU BẢNG



MẶT BẰNG MÓNG CỘT



LIÊN KẾT KHUNG BẢNG HIỆU

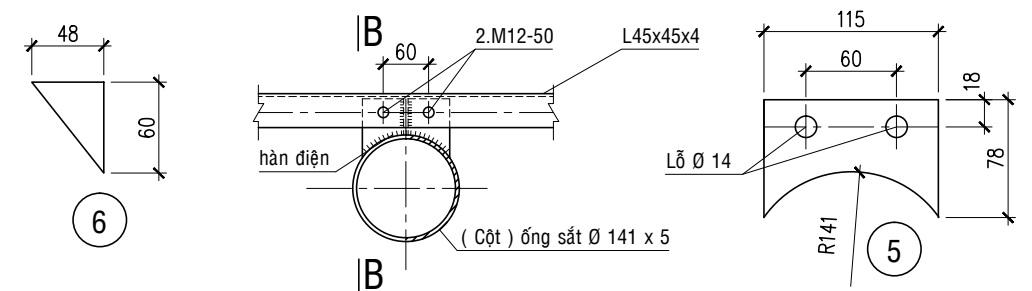
B - B

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU CỘT BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG

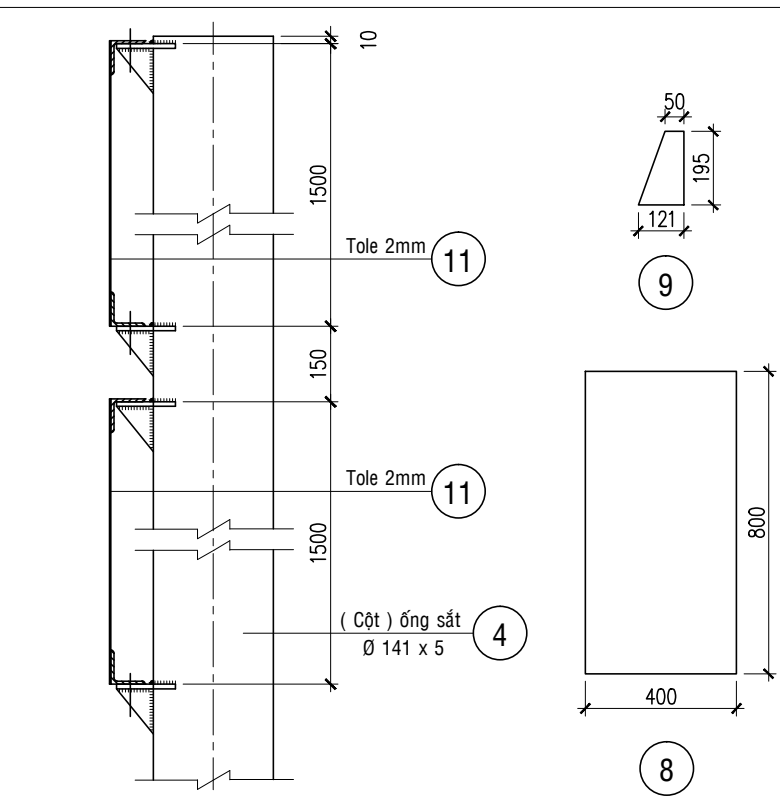
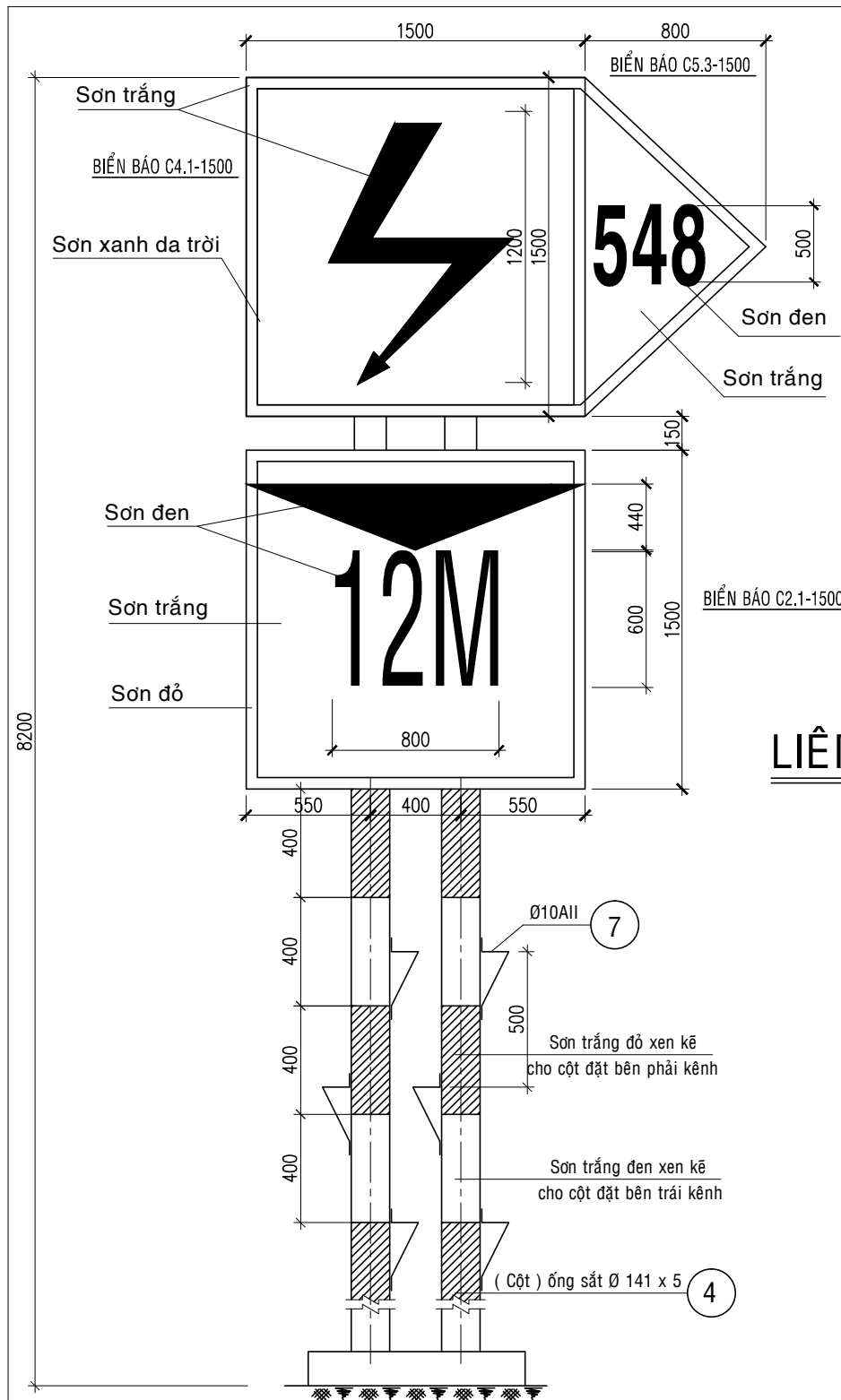
CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG & TÊN	QUY CÁCH (mm)	K THƯỚC THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI T CỘNG (mm)	CHO 1 CẤU KIỆN			TỔNG K LƯỢNG (KG)
							QUY CÁCH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	K LƯỢNG (KG)	
MÓNG CỘT	1	200 1500	Ø 10AII	1700	04	6800	10 AII	43200	26.61	28.72 KG
	2	1300	Ø 10AII	1300	28	36400	6 AI	9.52	2.11	
	3	310 160 310	Ø 6AI	1360	07	9520				
CỘT	4	Thép ống Ø 141 x 5	Ø 141	9400	01	9400	Ø 141	9400	157.67	164.73 KG
	5	Thép bản 115 x 78	d - 6		04		d - 6		2.20	
	6	Thép bản 48 x 60	d - 6		04		10 AII	7840	4.86	
	7	100 150 140 50 50	Ø 10AII	490	16	7840				
BIỂN BÁO	8	Thép hình làm khung bảng	L45x4	1200	06	7200	L45x4	9510	26.06	59.97 KG
	8a	Thép gia cố bảng	L45x4	1110	01	1110	d - 2		33.91	
	9	Thép hình làm khung bảng	L45x4	600	02	1200				
	10	Tole mặt bảng 1200x1200	d - 2		01					
	10a	Tole mặt bảng 600x1200	d - 2		01					
	11	Bu lông liên kết M12-50	M12	50	08				Trọn bộ	

GHI CHÚ :

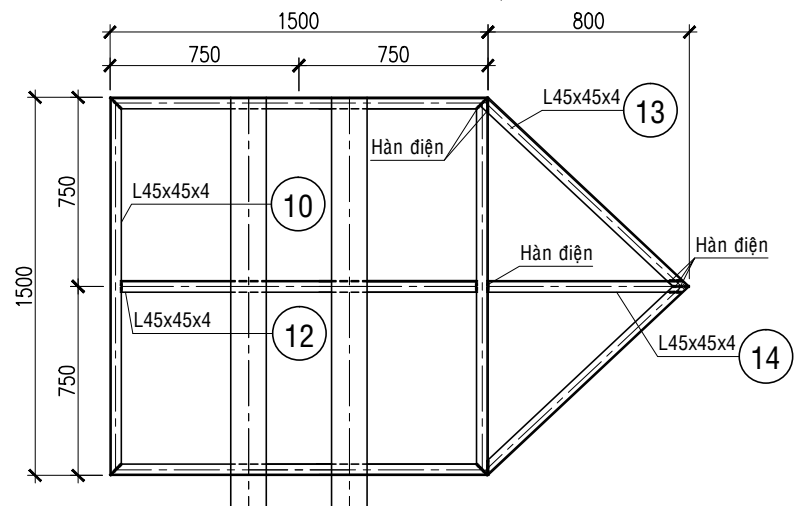
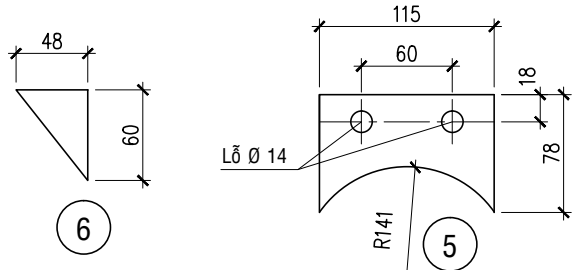
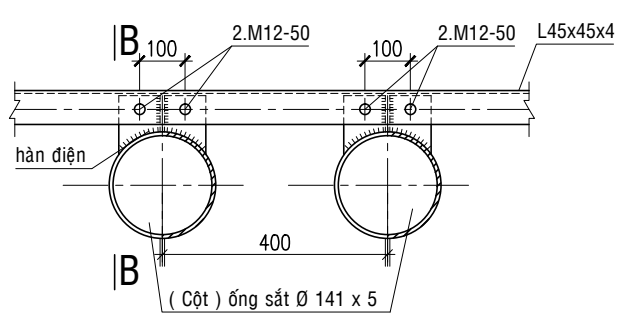
- Bê tông đúc móng cột báo vượt kênh đá 1x2 mác 200. Thể tích bê tông = 1.42 m³
- Bê tông lót móng đá 4 x 6 mác 100. Thể tích bê tông = 0.256 m³
- Chiều dày lớp bê tông bảo vệ lấy = 50 mm.
- Đất đắp hố móng neo đảm kỹ đạt dung trọng > 1.55T/m³, hệ số đầm nén k ≥ 0.85
- Vật liệu chế tạo biển báo & cột dùng thép CT38.
- Tất cả các chi tiết cột & biển báo phải được sơn 01 lớp sơn chống rỉ và 02 lớp sơn màu theo từng ghi chú trên hình vẽ cụ thể.
- Đường hàn có chiều cao H = 6mm. dùng que hàn E 42 hoặc loại có cường độ tương đương.
- Cột (± 0.00) lấy bằng cao độ mặt đất tự nhiên.
- Đóng cừ tràm Ø80 ÷ Ø100 L = 3500mm đóng 25 cây/m². Số lượng = 81 cây
- Đệm cát dày 200 mm phủ đều cừ tràm. Thể tích = 0.648 m³
- Báo hiệu " có đường điện vượt sông" lấy theo ký hiệu C-4.1 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN39: 2011/BCTVT.
- Các bản vẽ trên làm cơ sở để chủ đầu tư thỏa thuận với đơn vị quản lý đường sông khu vực trước khi chế tạo và thi công.



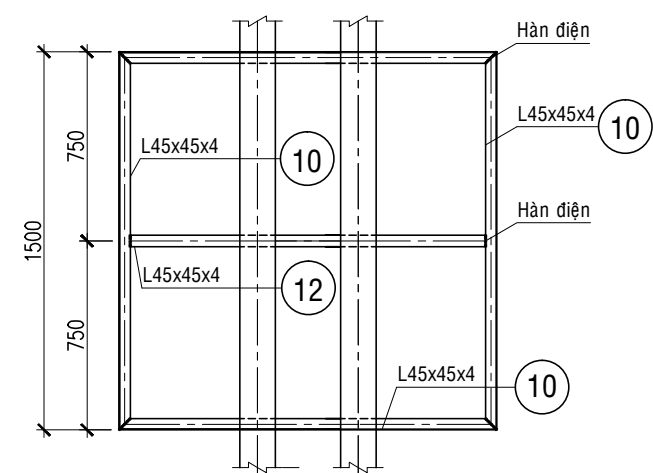
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CHI TIẾT BIỂN BÁO CẮM ĐỖ C1.4 & C5.5-1200	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
CNTK	Nguyễn Thành Văn	ĐD. 1-16-14D-ĐN.08/2	
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Ích Ngọc		



LIÊN KẾT KHUNG BẢNG HIỆU
B - B

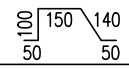


MẶT SAU BẢNG C4.1



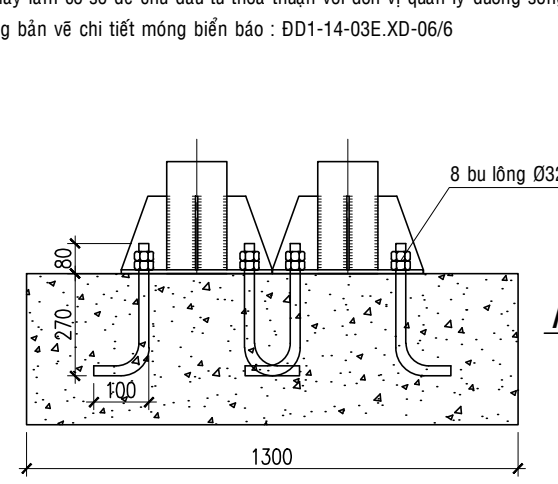
MẶT SAU BẢNG C2.1

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU CỘT BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG

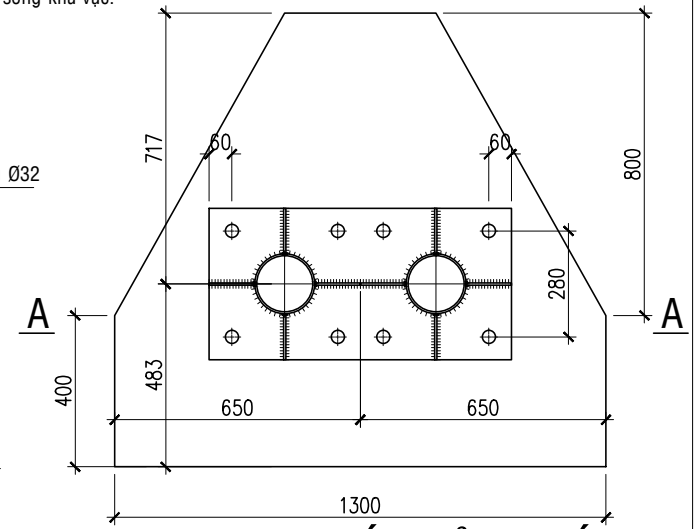
CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG & TÊN	QUY CÁCH (mm)	K THƯỚC THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI T CỘNG (mm)	CHO 1 CẤU KIỆN			TỔNG K LƯỢNG (KG)
							QUY CÁCH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	K LƯỢNG (KG)	
CỘT	4	Thép ống Ø 141 x 5	Ø 141	8300	02	16600	Ø 141	16600	278.24	315.66 KG
	5	Thép bản 115 x 78	d - 6		08		10 All	10780	6.64	
	6	Thép bản 48 x 60	d - 6		08		d - 8		20.10	
	7		Ø 10All	490	22	10780	d - 6		10.68	
	8	Thép bản đế 400 x 800	d - 8		01					
	9	Thép bản sườn 121 x 195	d - 6		08					
BIỂN BÁO	10	Thép hình làm khung bảng	L45x4	1500	08	12000	L45x4	20998	48.55	119.20 KG
	11	Tole mặt bảng 1500x1500	d - 2		02		d - 2		70.65	
	12	Thép gia cố bảng	L45x4	1410	02	2820				
	13	Thép hình làm khung bảng	L45x4	1097	02	2194				
	14	Thép gia cố bảng	L45x4	770	01	770				
	15	Bu lông neo M32-450	M32	450	08				Trọn bộ	
16	Bu lông liên kết M12-50	M12	50	16				Trọn bộ		

GHI CHÚ :


- Vật liệu chế tạo biển báo & cột dùng thép CT38
- Tất cả các chi tiết cột & biển báo phải được sơn 01 lớp sơn chống rỉ và 02 lớp sơn màu theo từng ghi chú trên hình vẽ cụ thể.
- Đường hàn có chiều cao H = 6mm, dùng que hàn E431 hoặc loại có cường độ tương đương.
- Báo hiệu "chiều cao tính không bị hạn chế" lấy theo ký hiệu C-2.1, báo hiệu "có đường điện vượt sông" lấy theo ký hiệu C-4.1 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN39: 2011/BCTVT
- Bản vẽ này làm cơ sở để chủ đầu tư thỏa thuận với đơn vị quản lý đường sông khu vực.
- Xem cùng bản vẽ chi tiết móng biển báo : DD1-14-03E.XD-06/6

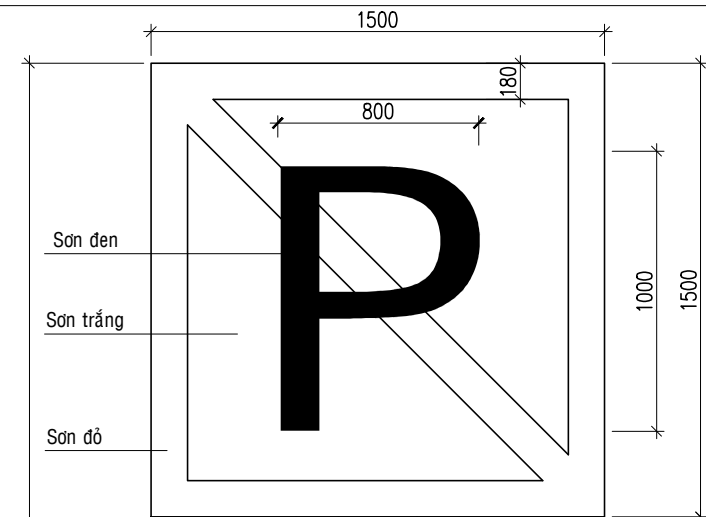


A - A

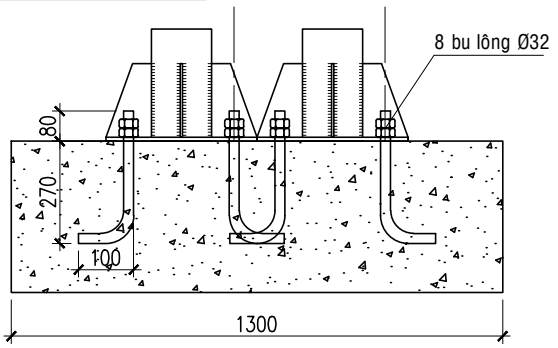


LIÊN KẾT BẢN ĐẾ

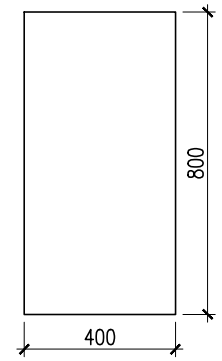
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		CHI TIẾT BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG C4.1 & C2.1-1500	
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
CNTK	Nguyễn Thành Văn	ĐD.1-16-14D-ĐN.08/3	
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh		
Thiết kế	Trương Ích Ngọc		



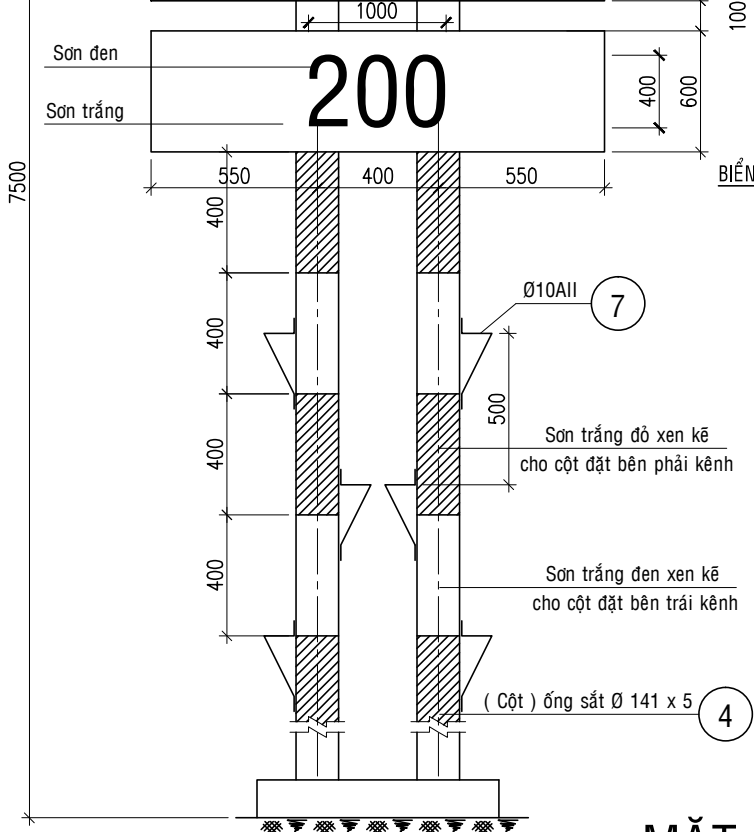
MẶT TRƯỚC BẢNG



A - A



8

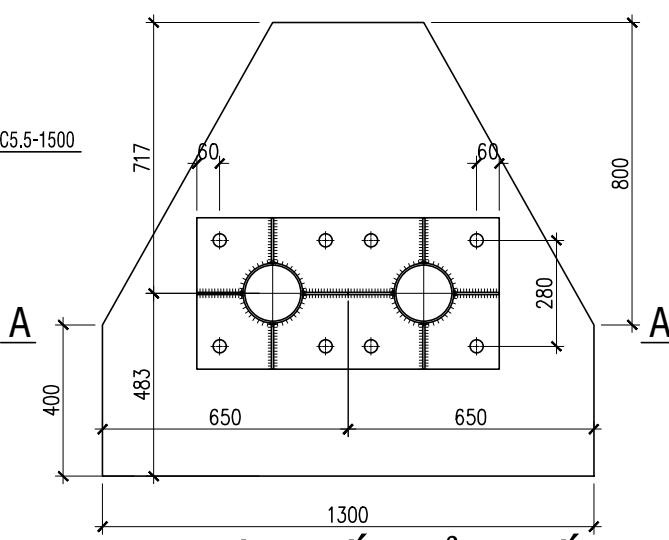


BIỂN BÁO C1.1-1500

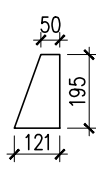
BIỂN BÁO C5.5-1500

7

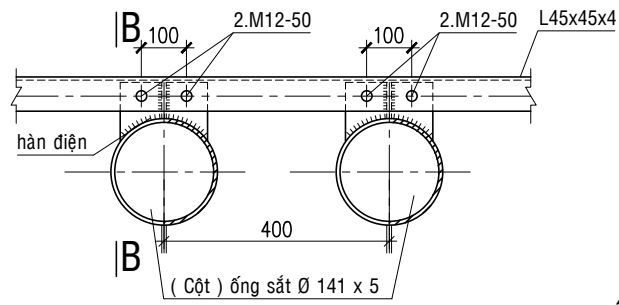
4



LIÊN KẾT BẢN ĐẾ

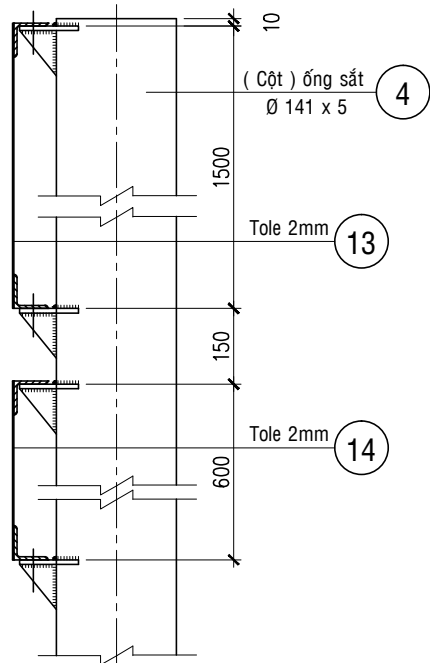
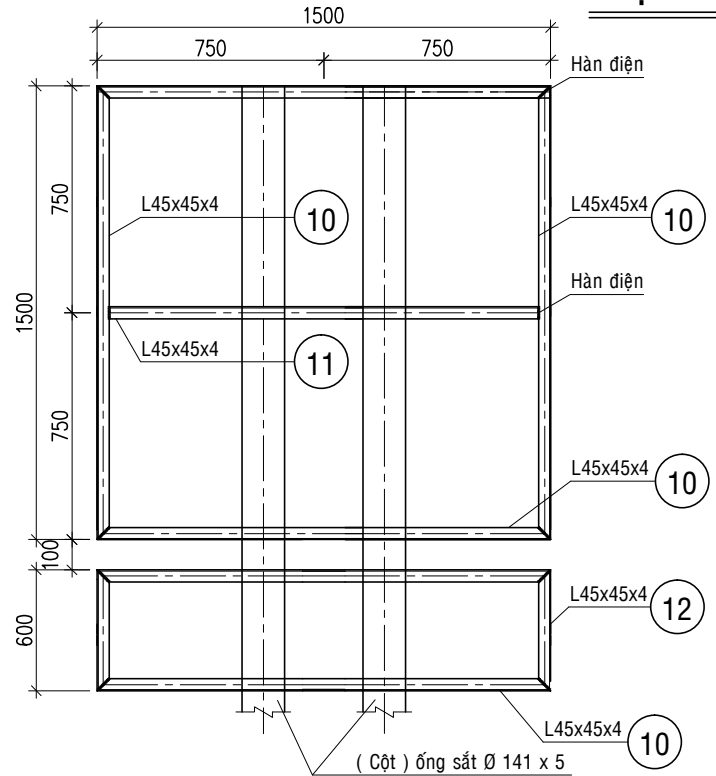


9



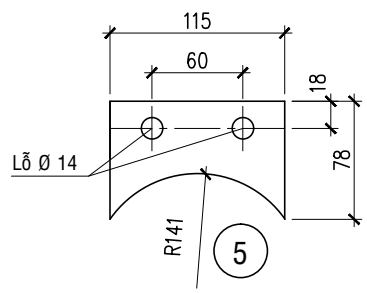
B

MẶT SAU BẢNG

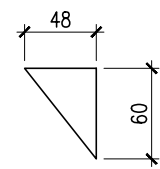


B - B

LIÊN KẾT KHUNG BẢNG HIỆU



5



6

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU CỘT BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG & TÊN	QUY CÁCH (mm)	K THƯỚC THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI T CỘNG (mm)	CHO 1 CẤU KIỆN			TỔNG K LƯỢNG (KG)		
							QUY CÁCH (mm)	CHIỀU DÀI (mm)	K LƯỢNG (KG)			
CỘT	4	Thép ống Ø 141 x 5	Ø 141	7600	02	15200	Ø 141	14400	254.77	292.19 KG		
	5	Thép bản 115 x 78	d - 6		08		10 AlI	10780	6.64			
	6	Thép bản 48 x 60	d - 6		08		d - 8		20.10			
	7		Ø 10AlI	490	22	10780	d - 6		10.68			
	8	Thép bản đế 400 x 800	d - 8		01							
	9	Thép bản sườn 121 x 195	d - 6		08							
	BIỂN BÁO	10	Thép hình làm khung bảng	L45x4	1500	06	9000	L45x4	11610		31.70	81.20 KG
		11	Thép gia cố bảng	L45x4	1410	01	1410	d - 2			49.50	
		12	Thép hình làm khung bảng	L45x4	600	02	1200					
13		Tole mặt bảng 1500x1500	d - 2		01							
14		Tole mặt bảng 600x1500	d - 2		01							
15		Bu lông neo M32-450	M32	450	08				Trọn bộ			
16		Bu lông liên kết M12-50	M12	50	16				Trọn bộ			

GHI CHÚ :

- _ Vật liệu chế tạo biển báo & cột dùng thép CT38
- _ Tất cả các chi tiết cột & biển báo phải được sơn 01 lớp sơn chống rỉ và 02 lớp sơn màu theo từng ghi chú trên hình vẽ cụ thể.
- _ Đường hàn có chiều cao H = 6mm. dùng que hàn E431 hoặc loại có cường độ tương đương.
- _ Báo hiệu "chiều cao tính không bị hạn chế" lấy theo ký hiệu C-2.1, báo hiệu " có đường điện vượt sông" lấy theo ký hiệu C-4.1 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam QCVN39: 2011/BCTV
- _ Bản vẽ này làm cơ sở để chủ đầu tư thỏa thuận với đơn vị quản lý đường sông khu vực.
- _ Xem cùng bản vẽ chi tiết móng biển báo : ĐD1-14-03E.XD-06/6

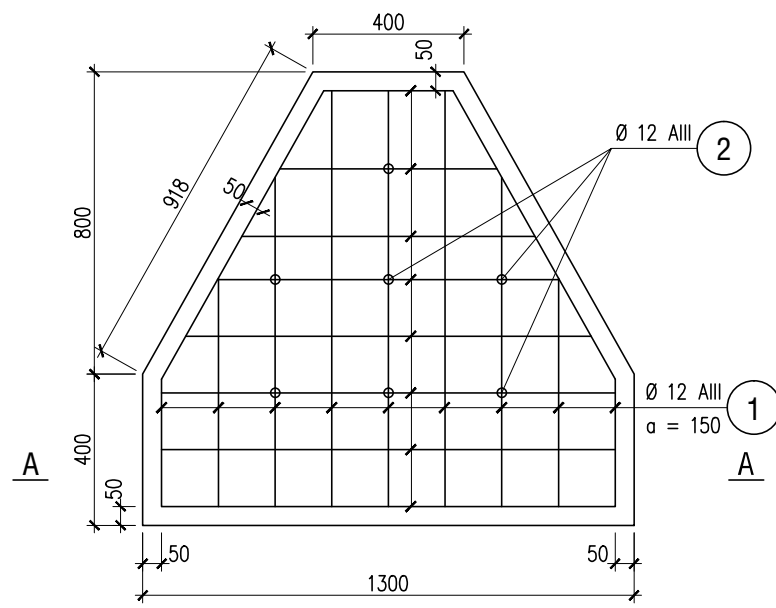
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	CHI TIẾT BIỂN BÁO CẮM ĐỖ C1.4 & C5.5-1500	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huyền Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.08/4	

BẢNG THỐNG KÊ THÉP CHO 01 ĐÀI MÓNG

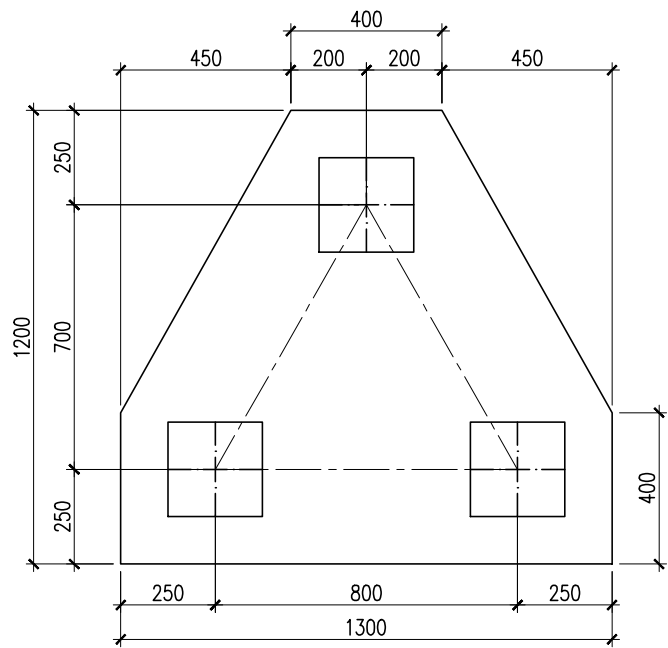
CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG & TÊN	QUY CÁCH (mm)	K THƯỚC THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI T CỘNG (mm)	CHO 1 CẤU KIỆN			TỔNG K LƯỢNG (KG)
							QUY CÁCH (mm)	CHIỀU DÀI (m)	K LƯỢNG (KG)	
ĐÀI MÓNG	1	300 thay đổi 300	Ø 12AIII	thay đổi	34	52600	12AIII	55.40	49.20	49.20
	2	50 300 50	Ø 12AIII	400	7	2800	Bê tông M250 đá 1x2 : V= 0.55 m³			

BẢNG THỐNG KÊ THÉP CHO 03 CỌC CM025 - 11N

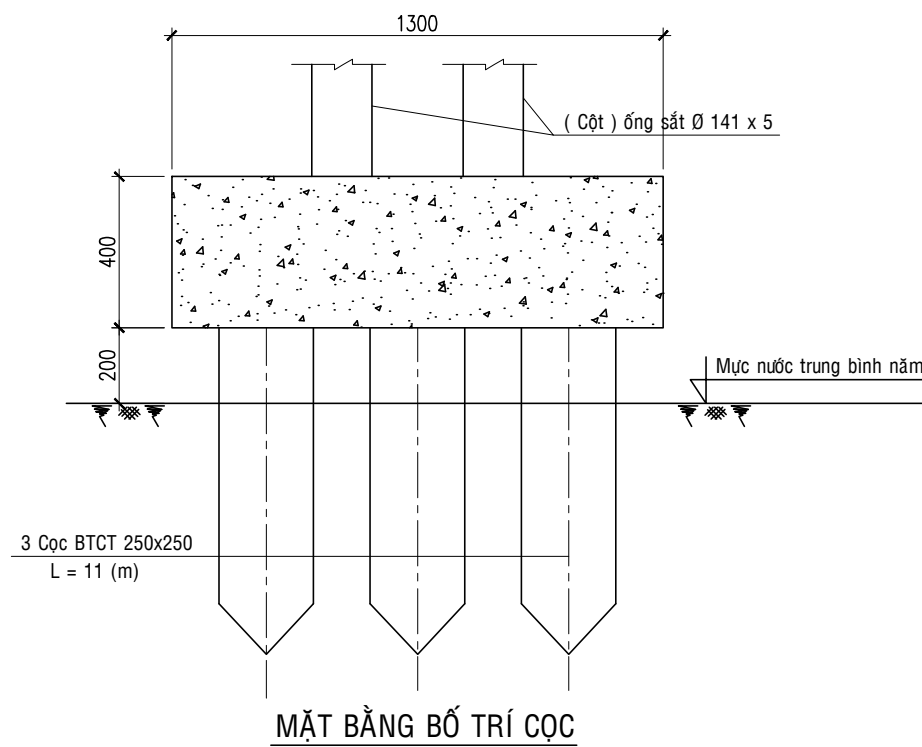
CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)	CHO 01 CẤU KIỆN			TỔNG K LƯỢNG (KG)
							Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG	
CỌC CM025 11N	1	10970 400 50	16AIII	11420	8x3	274.08	22AIII	4.50	13.41	529.28
	2	1500	22AIII	1500	1x3	4.50	16AIII	278.43	439.92	
	3	190 190 40	6AI	840	132x3	332.64	6AI	342.90	75.95	
	4	190	6AI	190	18x3	10.26				
	5	100 200 R=40	16AIII	725	2x3	4.35	Bê tông cọc M300 V= 3 x 0.695m³			



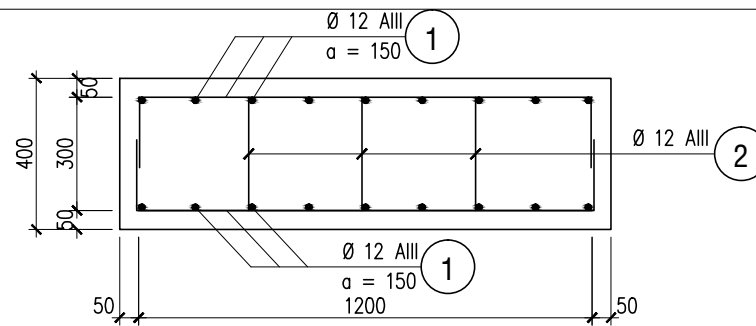
THÉP ĐÀI MÓNG



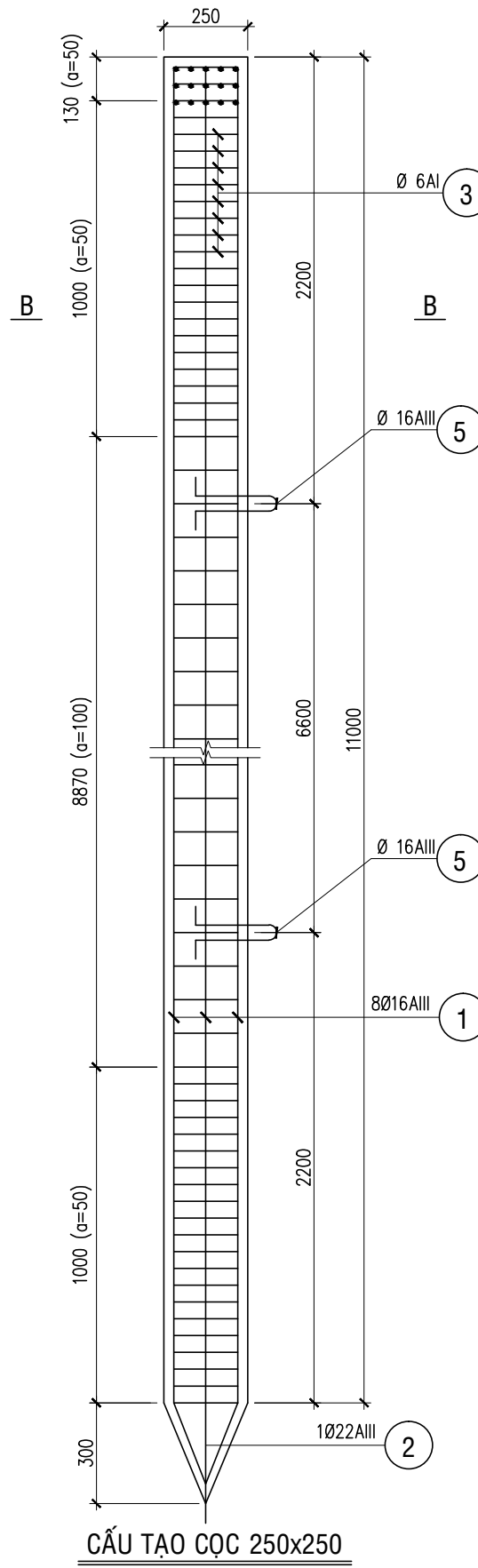
MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐÀI CỌC



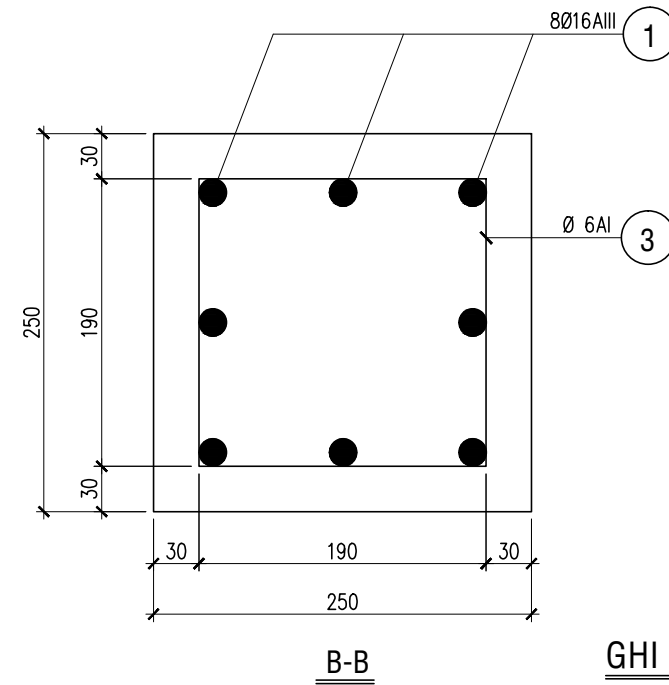
MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỌC



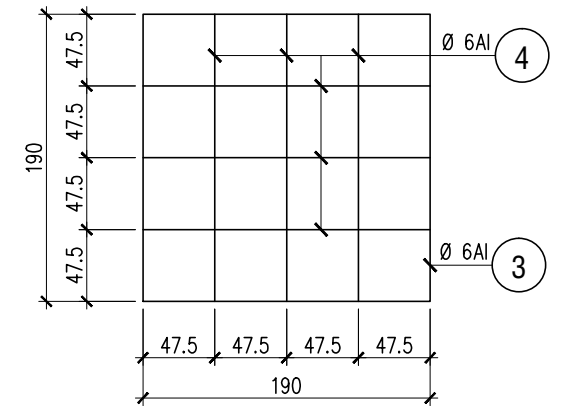
A-A



CẤU TẠO CỌC 250x250



B-B

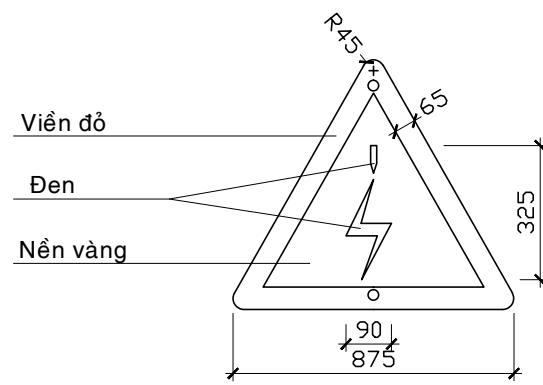
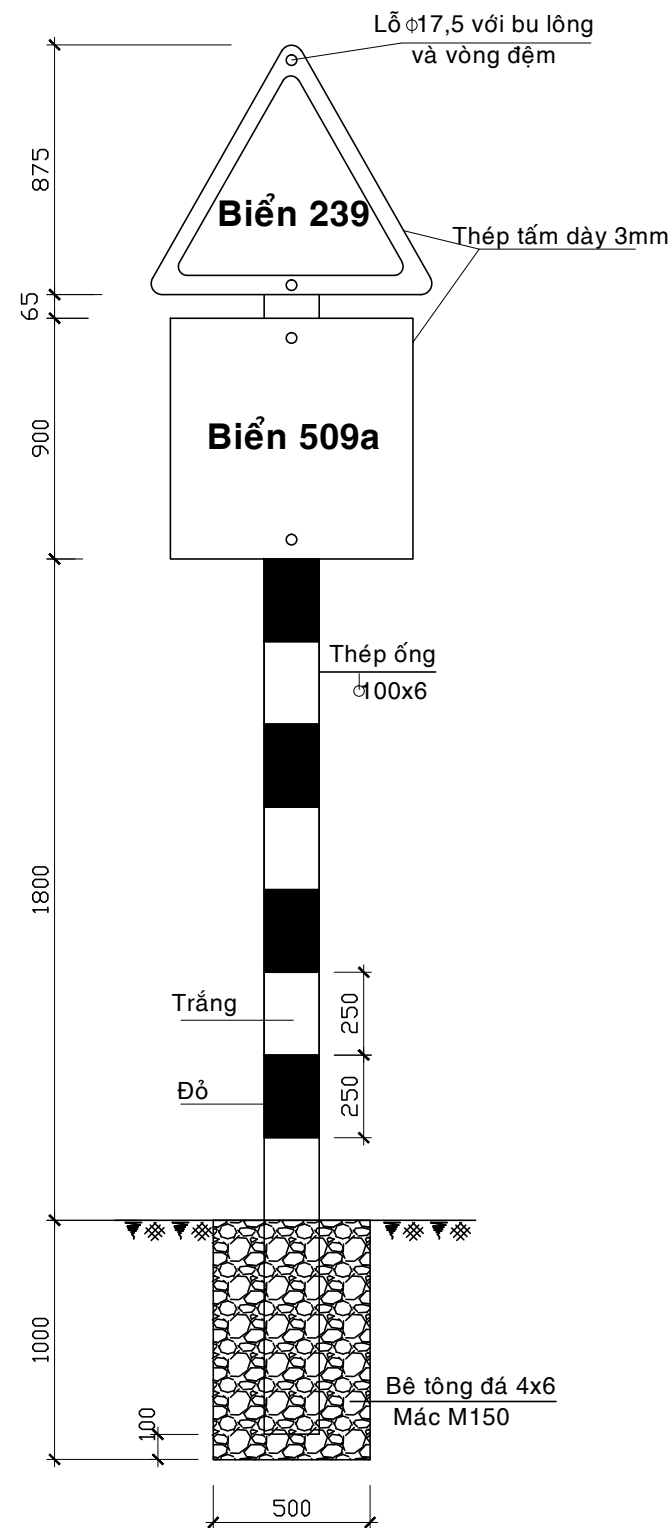


LƯỚI THÉP ĐẦU CỌC

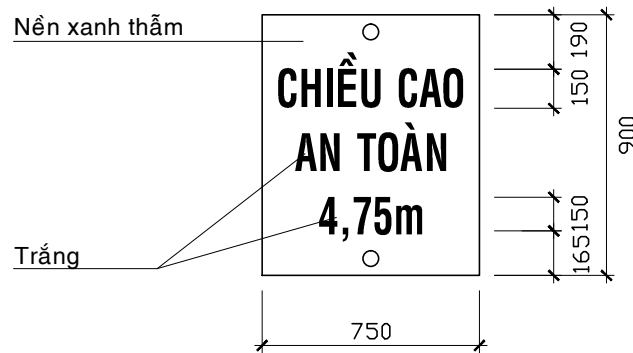
GHI CHÚ :

- _ Que hàn dùng loại E431 hoặc tương đương
- _ Cốt thép sử dụng: AI hoặc SWRM 20 Ø6÷10 AIII hoặc SD390 Ø16÷25

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	CHI TIẾT MÓNG BIỂN BÁO VƯỢT SÔNG & CẮM ĐỔ (1500)	
CNTK	Nguyễn Thành Văn		
CTTK	Nguyễn Thành Văn		
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	01 - 2020
Thiết kế	Trương Ích Ngọc	ĐD.1-16-14D-ĐN.08/5	



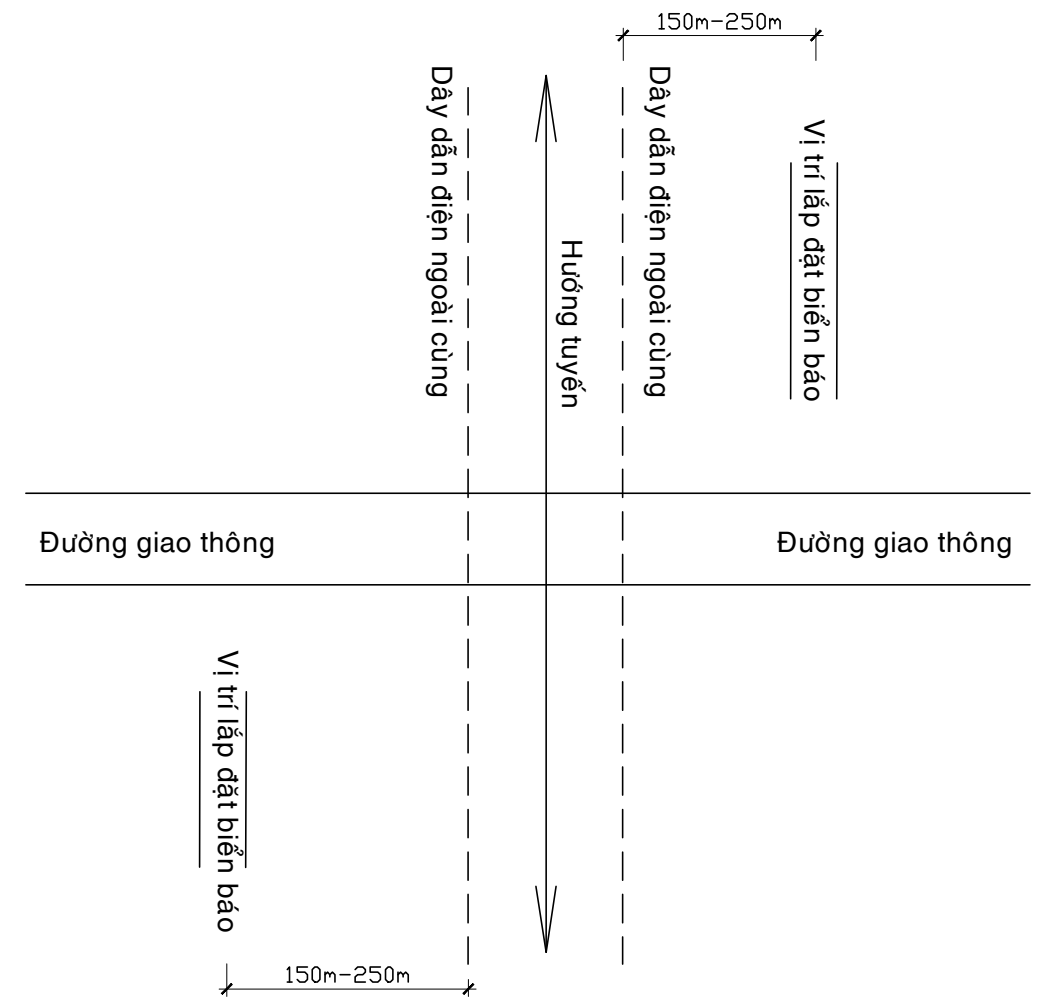
Biển 239: Đường cáp điện ở phía trên



Biển 509a: Chiều cao an toàn

Ghi chú:


1. Biển báo vượt đường này (loại 2) áp dụng cho các đường giao thông có tốc độ xe quy định từ 61km/h đến 80km/h.
2. Các biển báo phải được sơn (hoặc dán) vật liệu phản quang.
3. Biển báo được thiết kế phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2012/BGTVT.
4. Lắp đặt 2 biển báo ở mỗi phía khoảng vượt.
5. Khoảng cách mép ngoài của biển phía phần xe chạy phải cách mép phần xe chạy là 0,5m (không được chồm lên mép phần xe chạy), tuân theo điều 17 - QCVN 41: 2012/BGTVT.
6. Chiều cao an toàn điện áp dụng theo Điều 6.C - Thông tư 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015.
7. Nhà Thầu cần thỏa thuận với đơn vị Quản lý đường bộ trước khi lắp đặt.

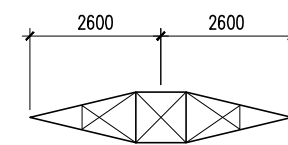
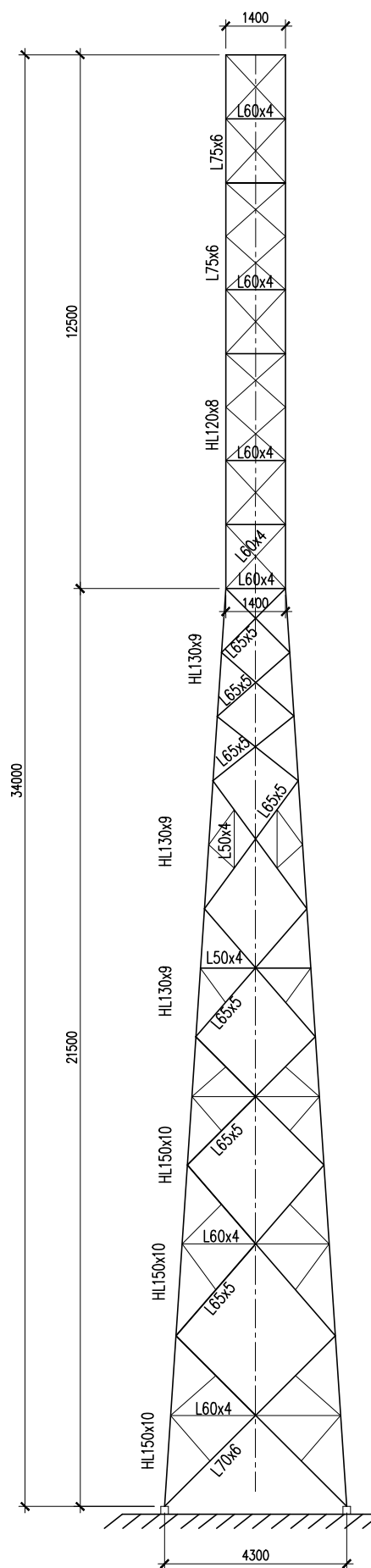
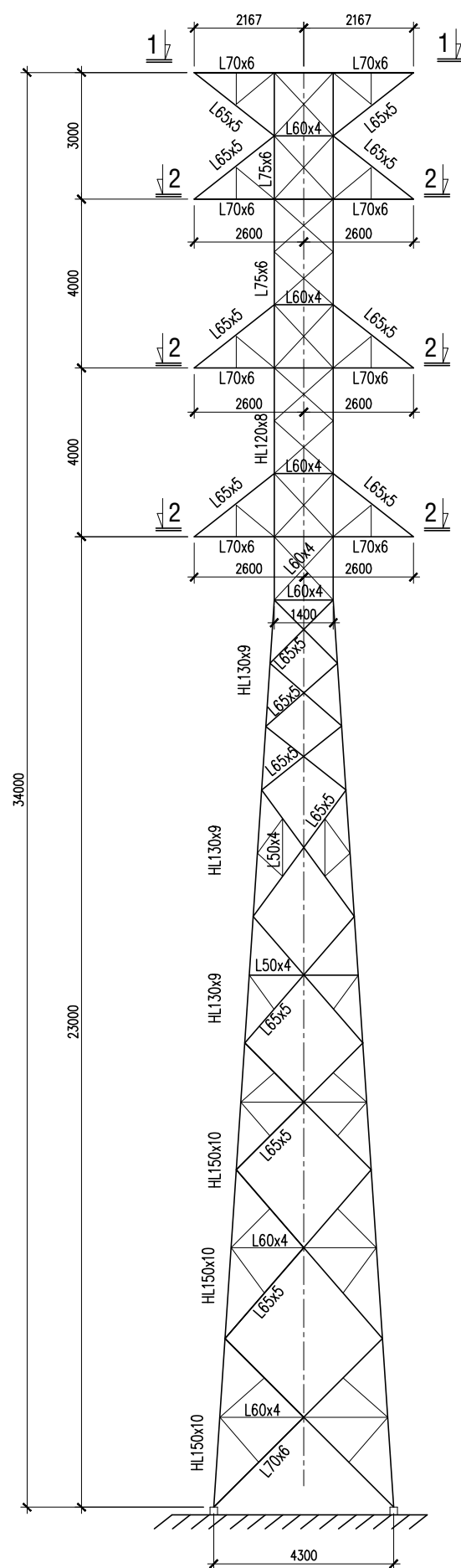


Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110kV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ. Trung tâm	Đậu Đức Lạc	BIỂN BÁO VƯỢT ĐƯỜNG		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
CNTK	Nguyễn Thành Văn			01 - 2020	
CCTK	Nguyễn Thành Văn			ĐD.1-16-14D-ĐN.08/6	
Kiểm tra	Huỳnh Quốc Vinh				
Thiết kế	Trương Ích Ngọc				

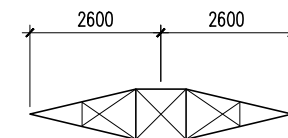
BẢNG PHÂN LOẠI CỘT TRÊN TUYẾN

STT	TÊN CỘT	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
	CỘT 2 MẠCH			102	
1	Cột thép đỡ vọt 2 mạch	Đ1.2-30	CỘT	41	ĐD1-16-14D.XD-01/01
2	Cột thép đỡ vọt 2 mạch	Đ1.2-34	CỘT	27	ĐD1-16-14D.XD-01/02
3	Cột thép đỡ vọt 2 mạch	Đ1.2-38	CỘT	9	ĐD1-16-14D.XD-01/03
4	Cột thép đỡ vọt 2 mạch	Đ1.2-42	CỘT	3	ĐD1-16-14D.XD-01/04
5	Cột thép néo góc đến 30 độ 2 mạch	N1.2-28(30)	CỘT	18	ĐD1-16-14D.XD-01/05
6	Cột thép néo góc đến 45 độ 2 mạch	N1.2-28(45)	CỘT	1	ĐD1-16-14D.XD-01/06
7	Cột thép néo góc đến 60 độ 2 mạch	N1.2-32(60)	CỘT	1	ĐD1-16-14D.XD-01/07
8	Cột thép néo góc đến 60 độ 2 mạch	N1.2-45(60)	CỘT	1	ĐD1-16-14D.XD-01/08
9	Cột néo 2 mạch(tận dụng lại cột tháo dỡ)	N110-2T+9(90)	CỘT	1	ĐD1-16-14D.XD-01/10
	CỘT 3 MẠCH			11	
10	Cột thép đỡ vọt 3 mạch	Đ1.3-42	CỘT	5	ĐD1-16-14D.XD-01/11
11	Cột thép đỡ vọt 3 mạch	Đ1.3-50	CỘT	2	ĐD1-16-14D.XD-01/12
12	Cột thép góc đến 90 độ 3 mạch	N1.3-37.5(90)	CỘT	2	ĐD1-16-14D.XD-01/13
13	Cột thép néo hãm 3 mạch	N1.3-41.5(H)	CỘT	2	ĐD1-16-14D.XD-01/14
	CỘNG			113	

01			
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi	Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn		
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung		
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên		
Thiết kế	Lê Thái Hiệp		
		SƠ ĐỒ TOÀN THỂ CÁC LOẠI CỘT TRÊN TUYẾN	
		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
		ĐD1-16-14D.XD-01	



1 - 1

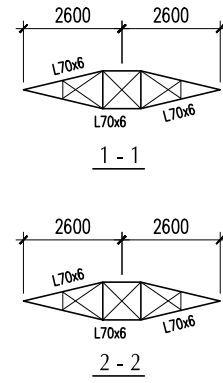
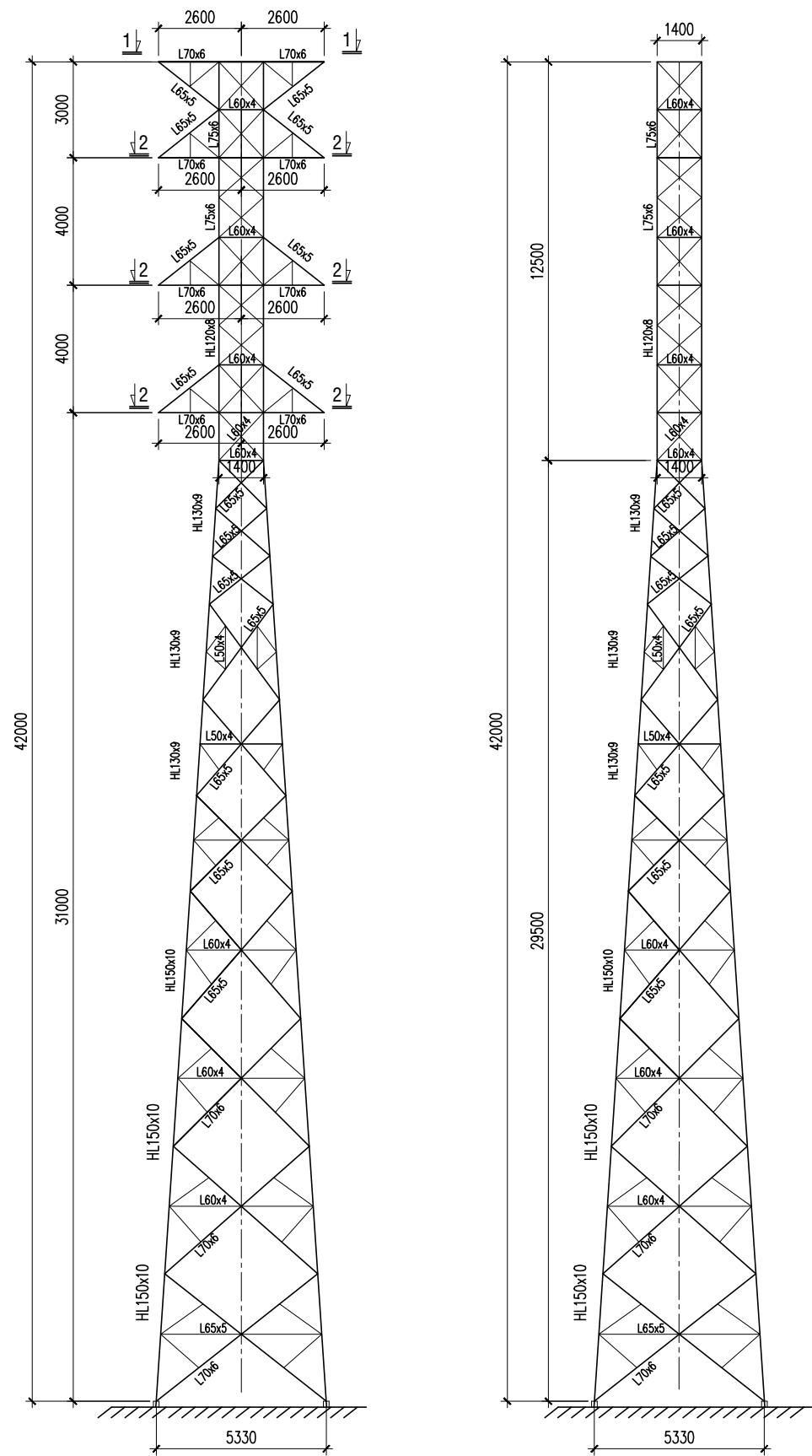


2 - 2

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU


SỐ TỶ	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		Đ1.2-34
1	HL150x10	1155.35
2	HL130x9	827.70
3	HL120x8	323.40
4	L100x7	29.10
5	L75x6	188.24
6	L70x6	682.97
7	L65x5	1320.34
8	L60x4	411.88
9	L50x4	940.71
Trọng lượng thép bản:		1147.28
Trọng lượng bu lông:		515.55
Trọng lượng mạ kẽm:		247.18
Trọng lượng tổng:		7789.70
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		204.79
Trọng lượng lắp ráp:		7584.91

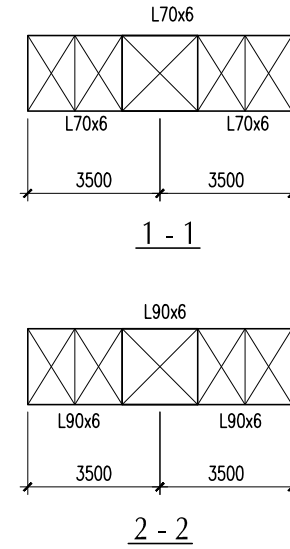
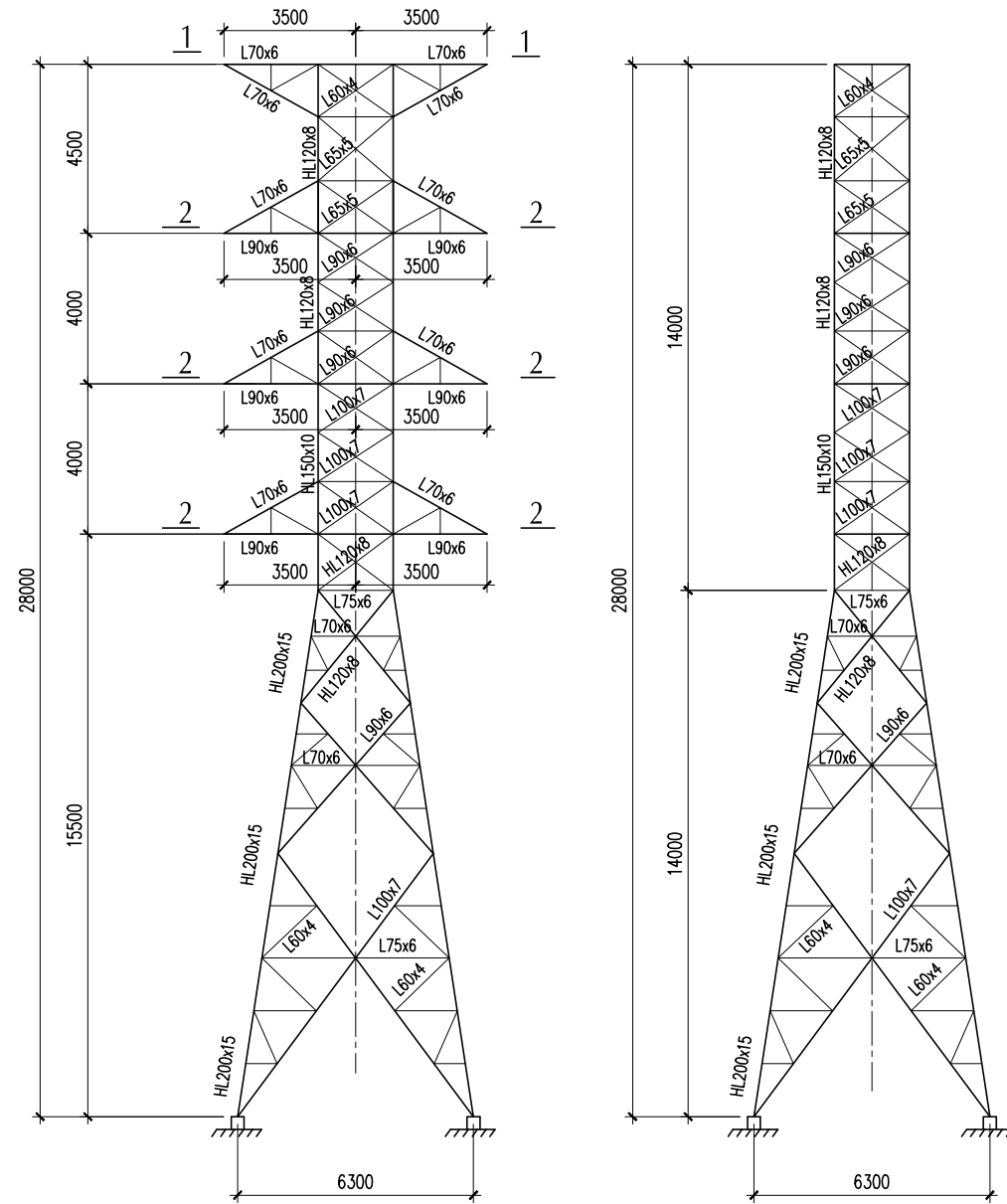
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT ĐỠ 110KV 02 MẠCH Đ1.2-34		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn			12-2019	
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung			ĐD1-16-14D.XD-01/02	
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên				
Thiết kế	Lê Thái Hiệp				



BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU


SỐ TỈ	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		Đ1.2-42
1	HL150x10	2043.14
2	HL130x9	827.70
3	HL120x8	323.40
4	L100x7	29.10
5	L75x6	188.24
6	L70x6	1281.41
7	L65x5	1535.30
8	L60x4	553.94
9	L50x4	1129.39
Trọng lượng thép bản:		1437.79
Trọng lượng bu lông:		708.43
Trọng lượng mạ kẽm:		326.60
Trọng lượng tổng:		10384.44
Trọng lượng cát, vát, đốt lò:		276.50
Trọng lượng lắp ráp:		10107.95

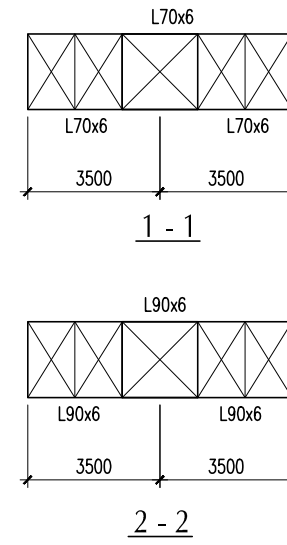
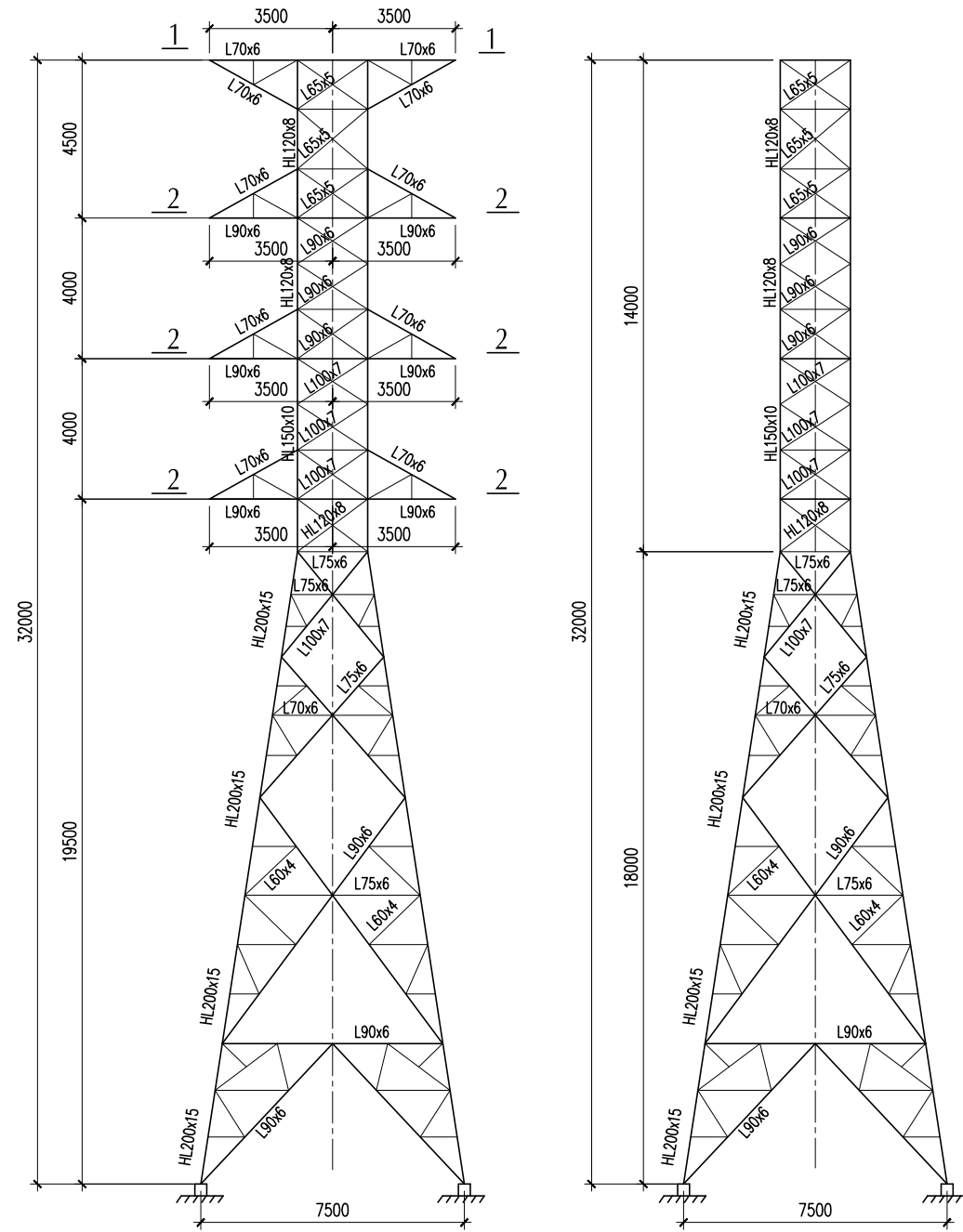
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT ĐỒ 110KV 02 MẠCH Đ1.2-42		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn			12-2019	
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung			ĐD1-16-14D.XD-01/04	
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên				
Thiết kế	Lê Thái Hiệp				



BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		N1.2-28(45); N1.2-28(NC)
1	HL200x15	3,146.72
2	HL150x10	566.09
3	HL120x8	1,180.00
4	L100x7	1,323.89
5	L90x6	1,337.19
6	L75x6	185.99
7	L70x6	933.09
8	L65x5	713.94
9	L60x4	922.68
10	L50x4	337.10
Trọng lượng thép bản:		2906.36
Trọng lượng bu lông:		934.67
Trọng lượng mạ kẽm:		393.49
Trọng lượng tổng:		14881.20
Trọng lượng cắt, vát, đột lỗ:		445.25
Trọng lượng lắp ráp:		14435.95

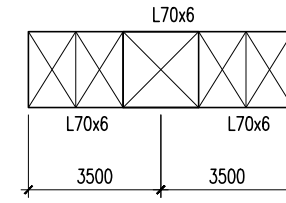
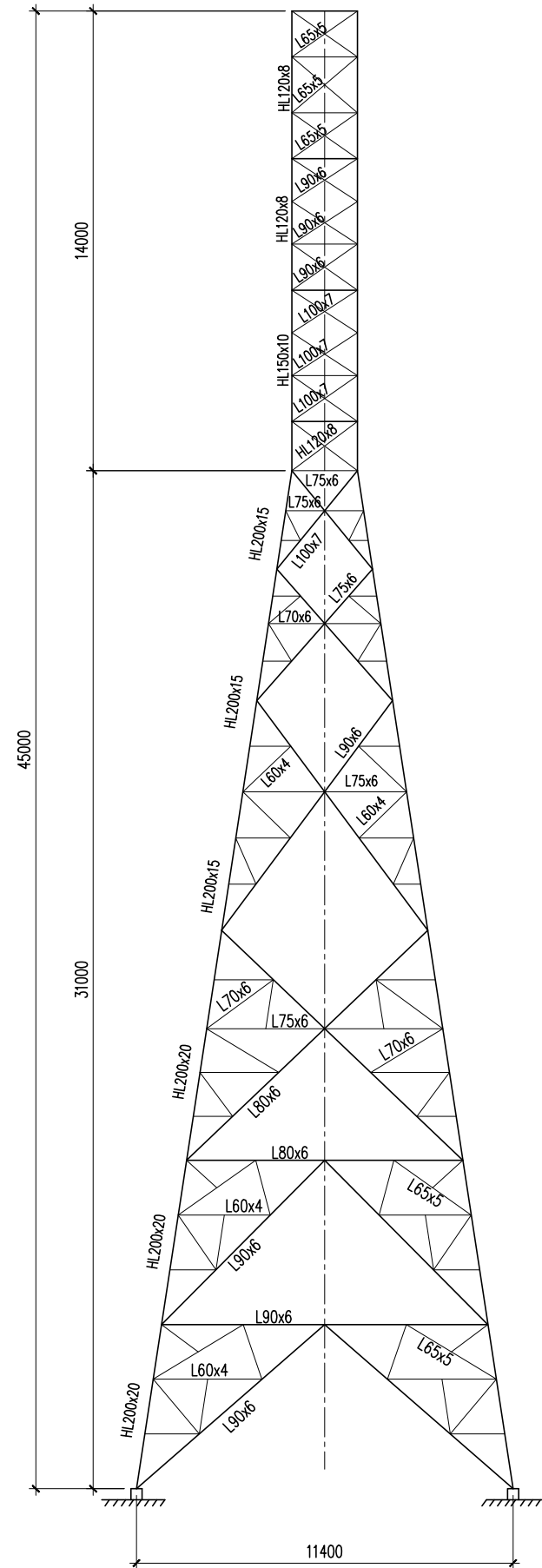
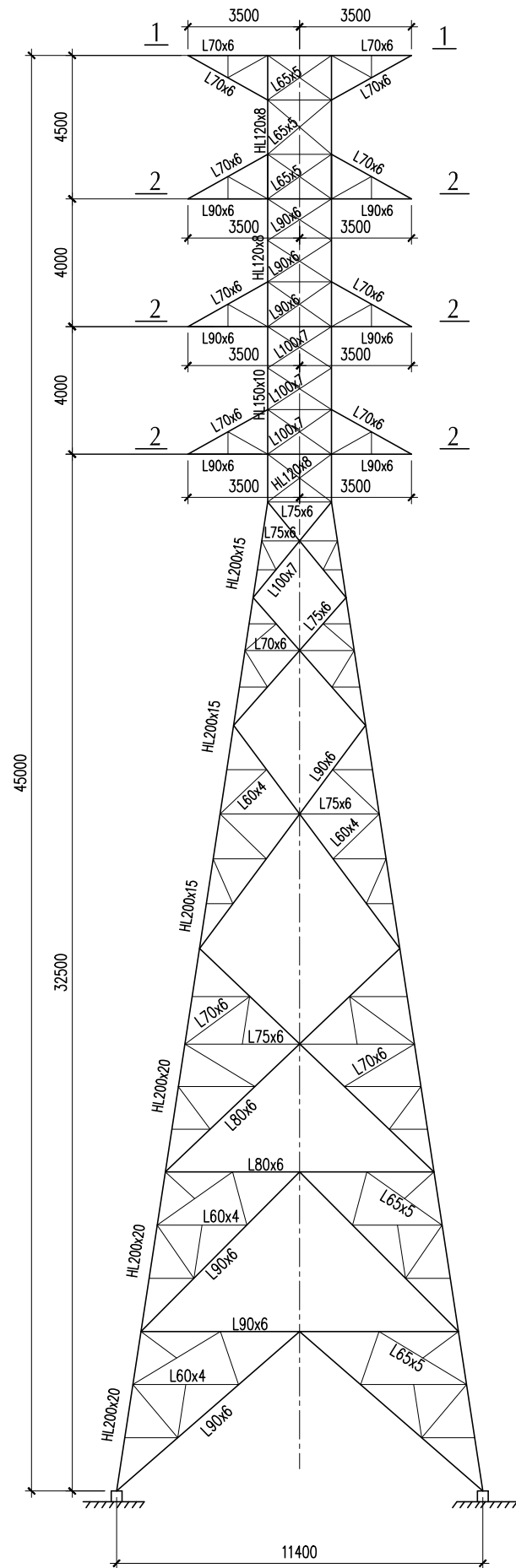
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 45° N1.2-28(45)			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung				
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên				
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019		
		ĐD1-16-14D.XD-01/06			



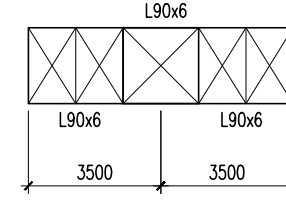
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		N1.2-32(60)
1	HL200x15	4076.28
2	HL150x10	566.09
3	HL120x8	1180.00
4	L100x7	1323.89
5	L90x6	1867.17
6	L75x6	306.44
7	L70x6	987.39
8	L65x5	882.58
9	L60x4	1142.17
10	L50x4	572.05
Trọng lượng thép bản:		3426.13
Trọng lượng bu lông:		1172.51
Trọng lượng mạ kẽm:		480.51
Trọng lượng tổng:		17983.21
Trọng lượng cắt, vát, đột lỗ:		529.08
Trọng lượng lắp ráp:		17454.13

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 60° N1.2-32(60)			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung				
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên				
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019		
		ĐD1-16-14D.XD-01/07			




1 - 1

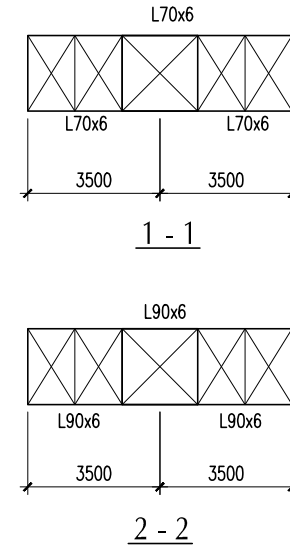
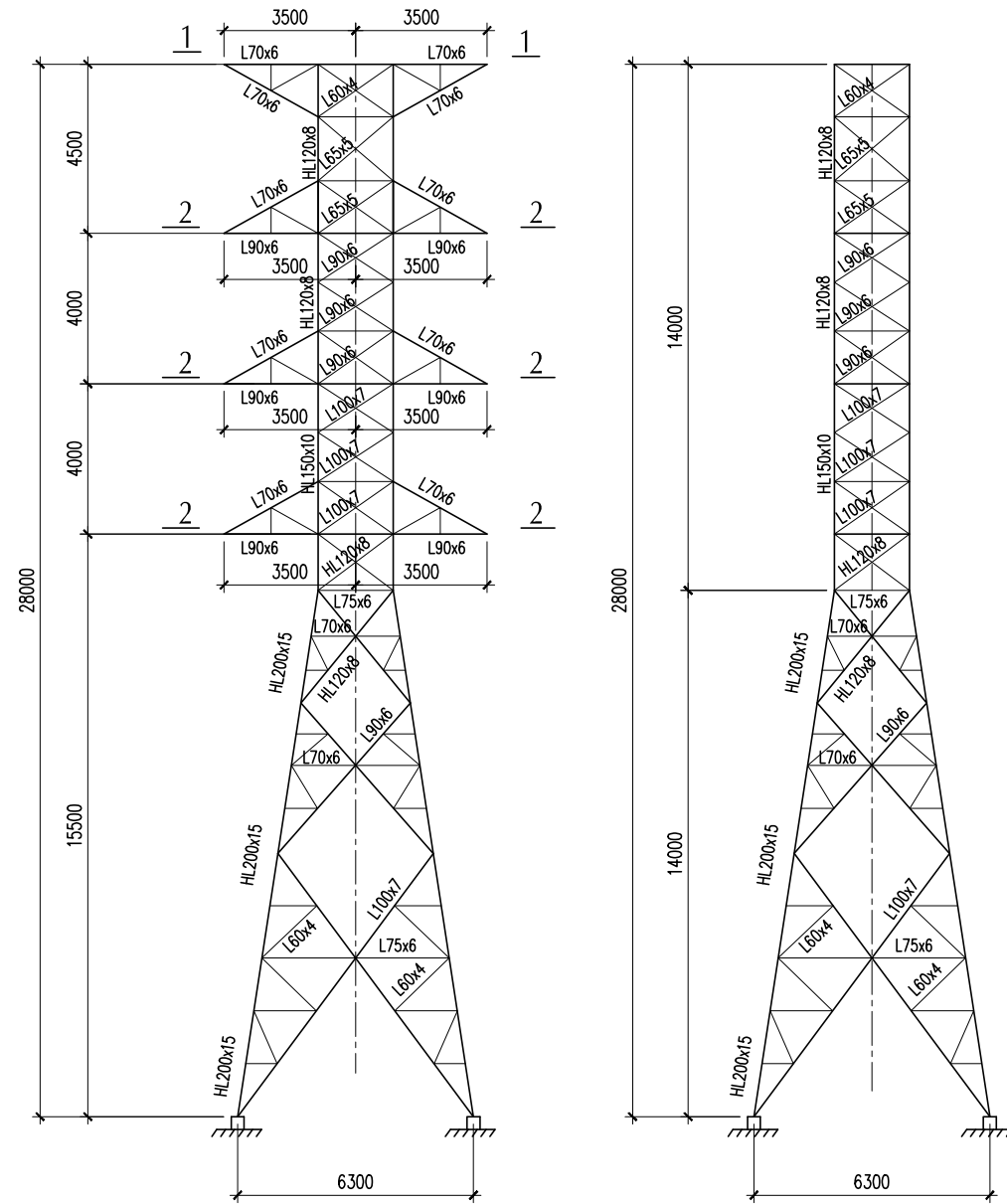


2 - 2

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU LIST OF MATERIAL		
STT No	Quy cách Section	Trọng lượng Weight (kG)
1	HL200x20	4,806.85
2	HL200x15	3,359.37
3	HL150x10	595.77
4	HL120x8	1,276.72
5	L100x7	1,397.45
6	L90x6	2,649.84
7	L80x6	865.59
8	L75x6	763.03
9	L70x6	1,340.97
10	L65x5	2,080.23
11	L60x4	2,301.53
12	L50x4	798.12
Thép tấm - Plates		3,749.19
Bu lông - Bolts		1,274.71
Mạ - Galvanize		1,354.03
Tổng cộng thép mạ kẽm không trừ cắt vát- Total weight		28,613.40
Trọng lượng thép đen chưa trừ cắt vát - Total weight without galvanize		27,259.37
Trọng lượng thép đen trừ cắt vát - Net weight without galvanize		26,714.18
Trọng lượng thép mạ kẽm trừ cắt vát - Net weight with galvanize		27,782.75


Ghi chú:
- Khối lượng cột chỉ là tạm tính, khối lượng chính xác sẽ được cập nhật trong bản vẽ chế tạo cột.

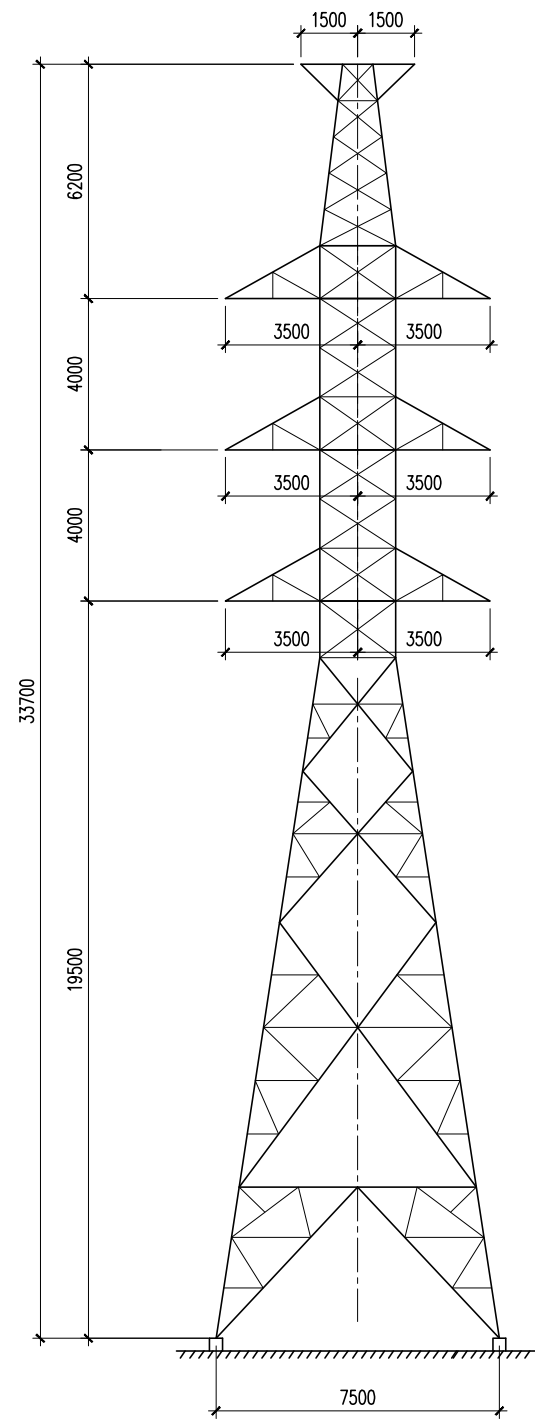
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm				
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn			CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH ĐẾN 60° N1.2-45(60)	
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung				
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên				
Thiết kế	Lê Thái Hiệp			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
				ĐD1-16-14D.XD-01/08	



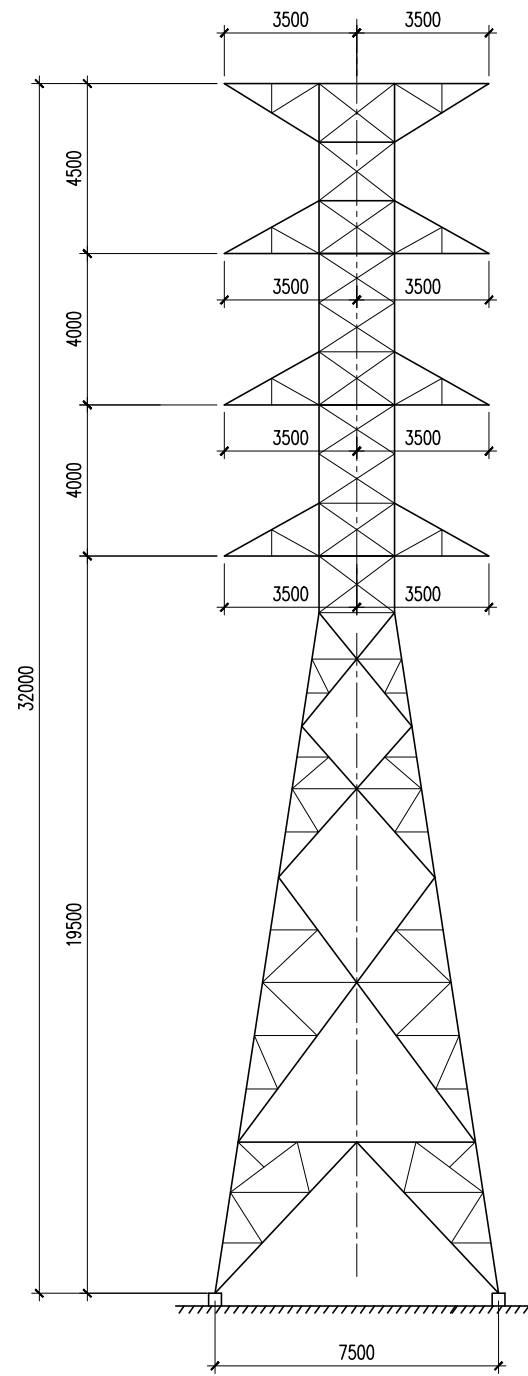
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		N1.2-28(45); N1.2-28(NC)
1	HL200x15	3,146.72
2	HL150x10	566.09
3	HL120x8	1,180.00
4	L100x7	1,323.89
5	L90x6	1,337.19
6	L75x6	185.99
7	L70x6	933.09
8	L65x5	713.94
9	L60x4	922.68
10	L50x4	337.10
Trọng lượng thép bản:		2906.36
Trọng lượng bu lông:		934.67
Trọng lượng mạ kẽm:		393.49
Trọng lượng tổng:		14881.20
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		445.25
Trọng lượng lắp ráp:		14435.95

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT NÉO CUỐI 110KV 2 MẠCH N1.2-28(NC)			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung				
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên				
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019		
		ĐD1-16-14D.XD-01/09			



TRƯỚC CẢI TẠO




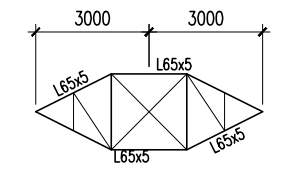
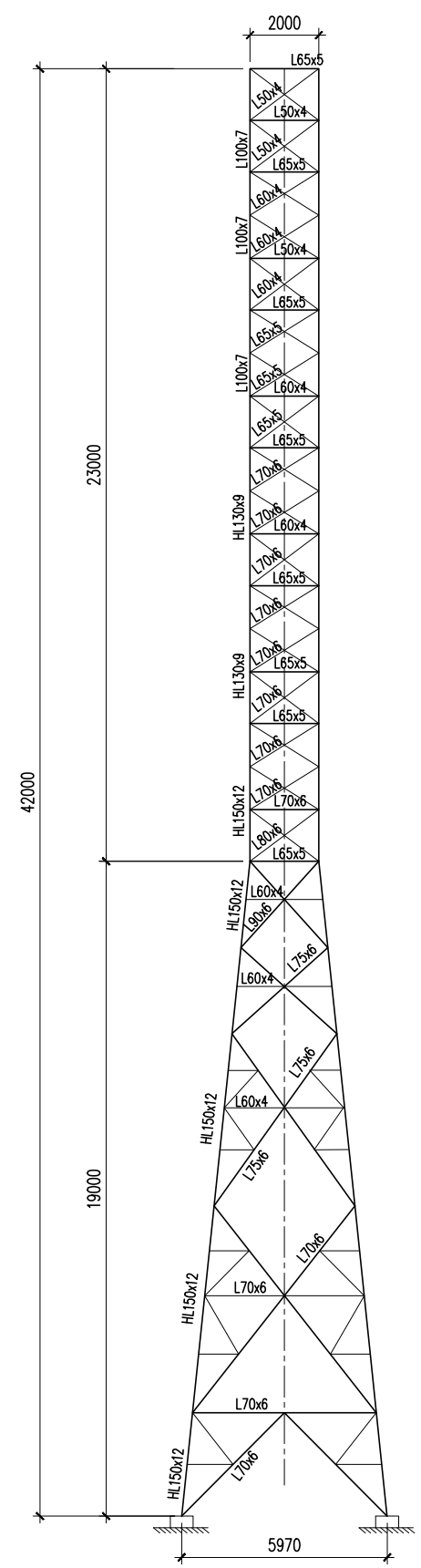
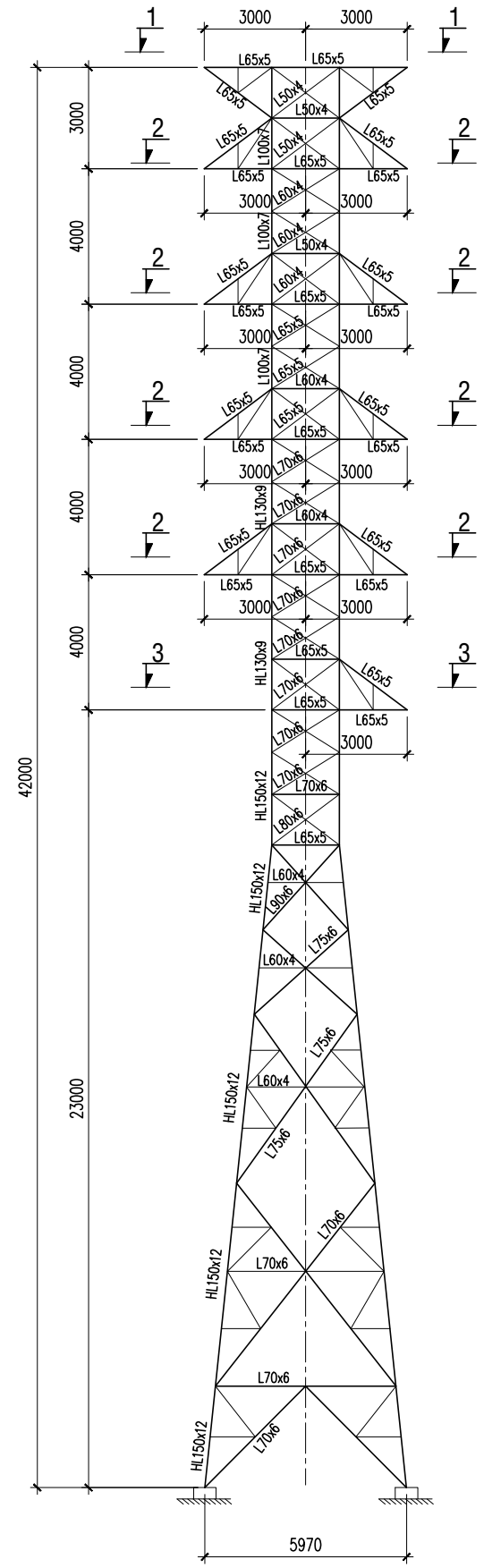
SAU CẢI TẠO

Ghi chú:
 - Khối lượng cột chỉ là tạm tính,
 khối lượng chính xác sẽ được cập nhật trong bản vẽ chế tạo cột.

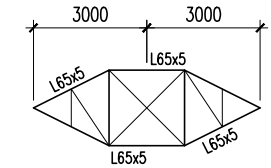
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU
 LIST OF MATERIAL

STT No	Quy cách Section	Trọng lượng Weight (kG)
1	HL120x8	270.48
2	L75x6	140.01
3	L70x6	79.27
4	L65x5	139.40
5	L60x4	204.02
6	L50x4	39.76
Thép tấm - Plates		218.23
Bu lông - Bolts		87.29
Mạ - Galvanize		49.50
Tổng cộng thép mạ kẽm không trừ cắt vát- Total weight		1,227.95
Trọng lượng thép đen chưa trừ cắt vát - Total weight without galvanize		1,178.45
Trọng lượng thép đen trừ cắt vát - Net weight without galvanize		1,154.88
Trọng lượng thép mạ kẽm trừ cắt vát - Net weight with galvanize		1,201.08

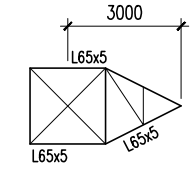
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT NÉO GÓC 110KV 2 MẠCH TẬN DỤNG N110-2T+9(90)		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn			12-2019	
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung			ĐD1-16-14D.XD-01/10	
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên				
Thiết kế	Lê Thái Hiệp				



1 - 1




2 - 2

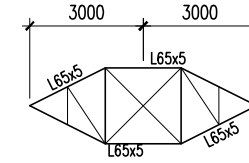
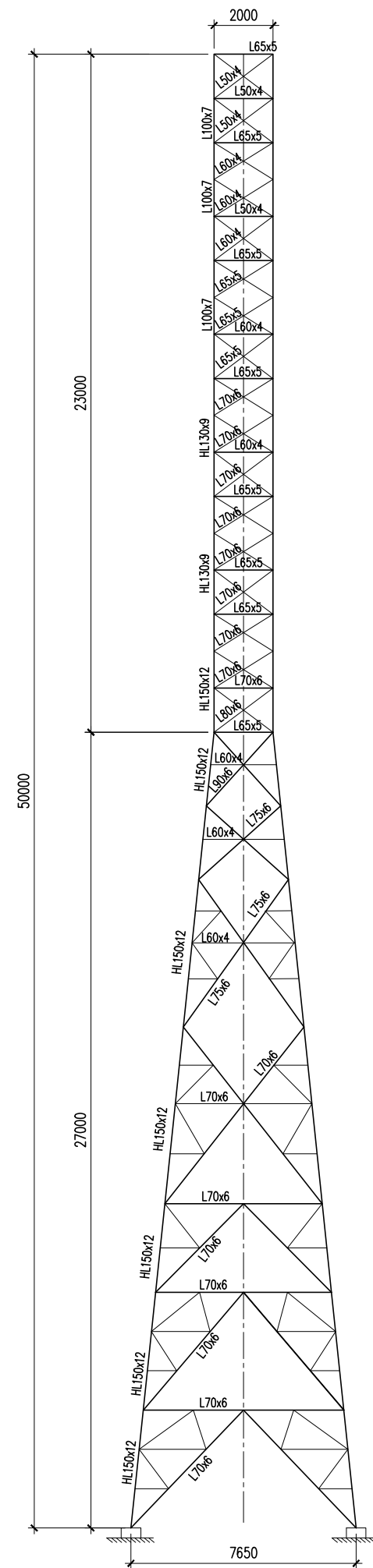
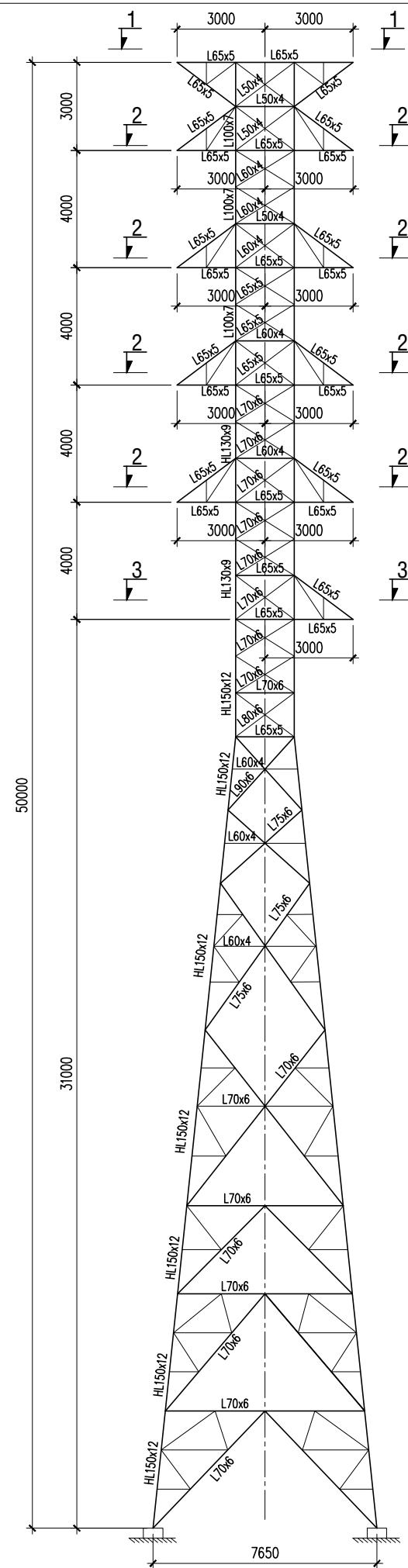


3 - 3

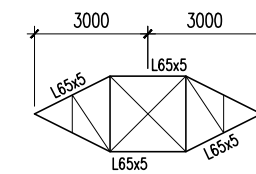
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (KG)
		D1.3-42
1	HL150x12	2805.35
2	HL130x9	617.55
3	L100x7	469.73
4	L90x6	224.22
5	L80x6	141.72
6	L75x6	544.82
7	L70x6	1652.88
8	L65x5	1598.00
9	L60x4	1260.61
10	L50x4	697.37
Trọng lượng thép bản:		1641.55
Trọng lượng bu lông:		743.88
Trọng lượng mạ kẽm:		390.22
Trọng lượng tổng:		12787.90
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		252.30
Trọng lượng lắp ráp:		12535.60

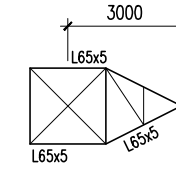
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm				
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn			CỘT ĐỠ 110KV 03 MẠCH Đ1.3-42	
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung				
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên				
Thiết kế	Lê Thái Hiệp			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
				ĐD1-16-14D.XD-01/11	



1 - 1



2 - 2

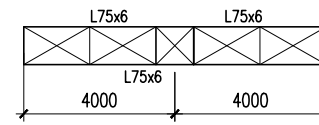
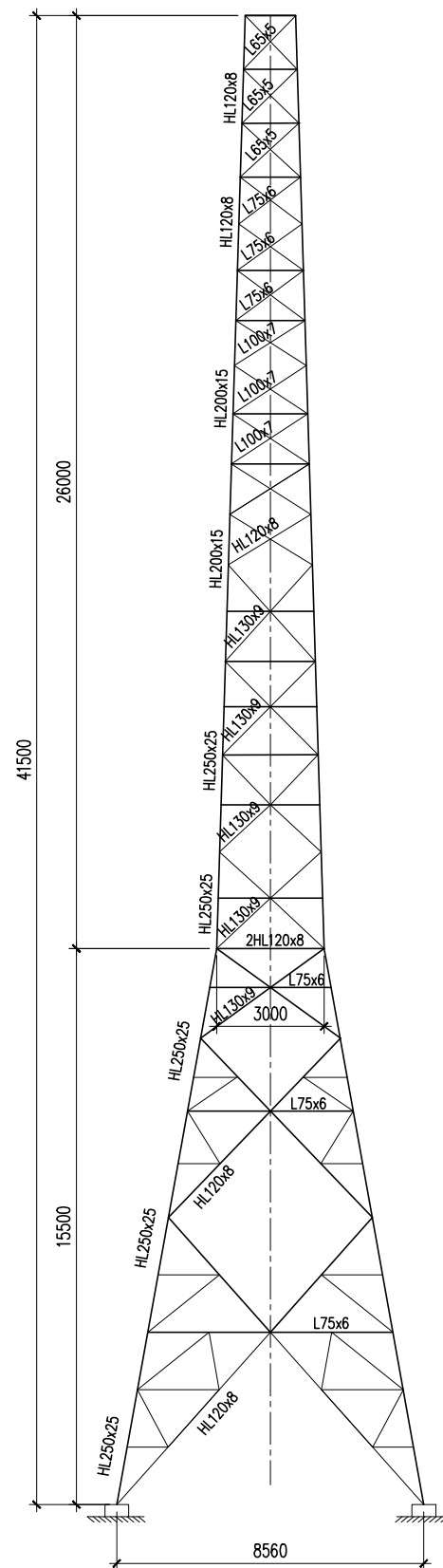
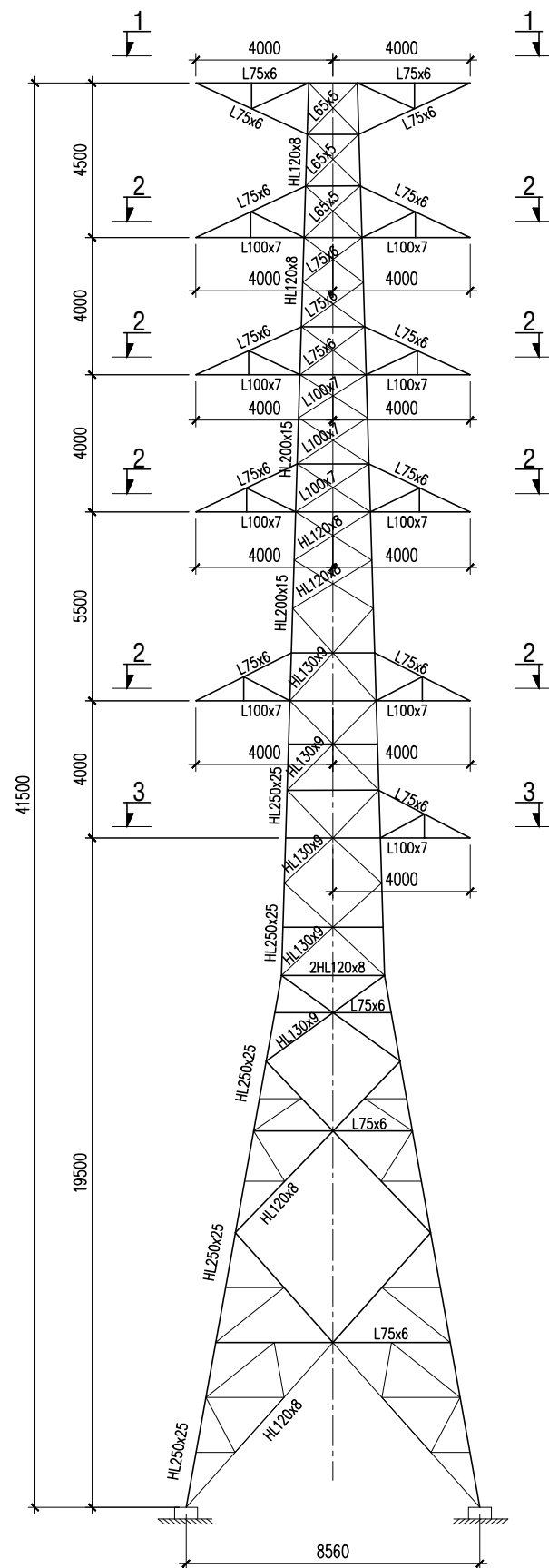


3 - 3

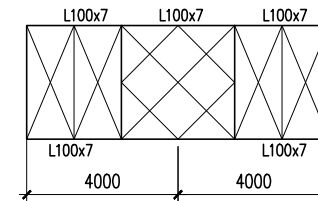
BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (KG)
		D1.3-50
1	HL150x12	3826.37
2	HL130x9	617.55
3	L100x7	469.73
4	L90x6	224.22
5	L80x6	141.72
6	L75x6	544.82
7	L70x6	2721.71
8	L65x5	1598.00
9	L60x4	2091.25
10	L50x4	1066.27
Trọng lượng thép bản:		2030.65
Trọng lượng bu lông:		973.94
Trọng lượng mạ kẽm:		521.19
Trọng lượng tổng:		16827.42
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		330.19
Trọng lượng lắp ráp:		16497.23

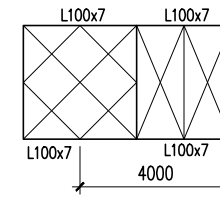
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT ĐỠ 110KV 03 MẠCH Đ1.3-50		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn			12-2019	
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung			ĐD1-16-14D.XD-01/12	
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên				
Thiết kế	Lê Thái Hiệp				



1 - 1




2 - 2

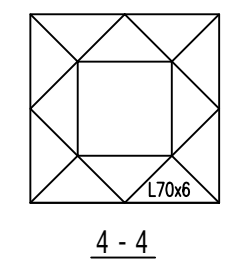
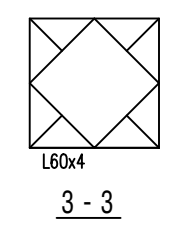
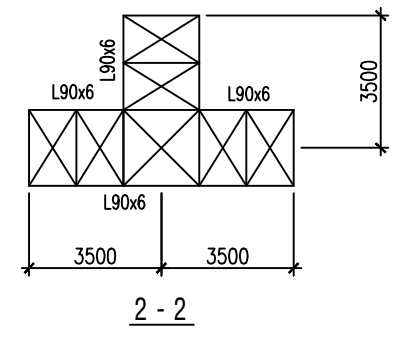
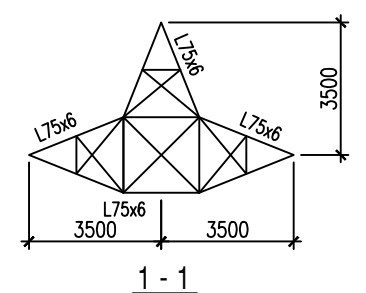
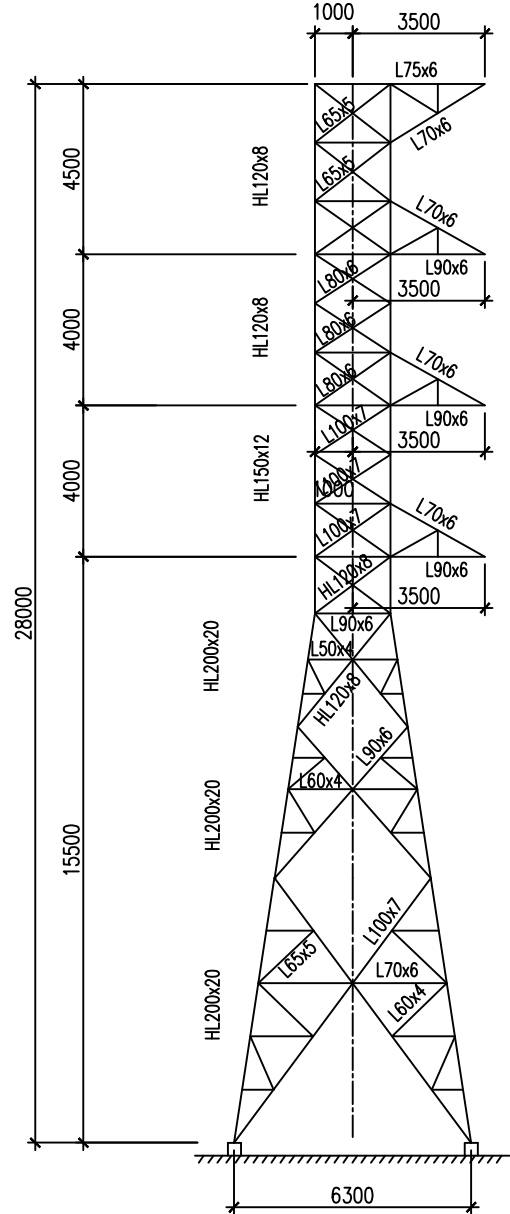
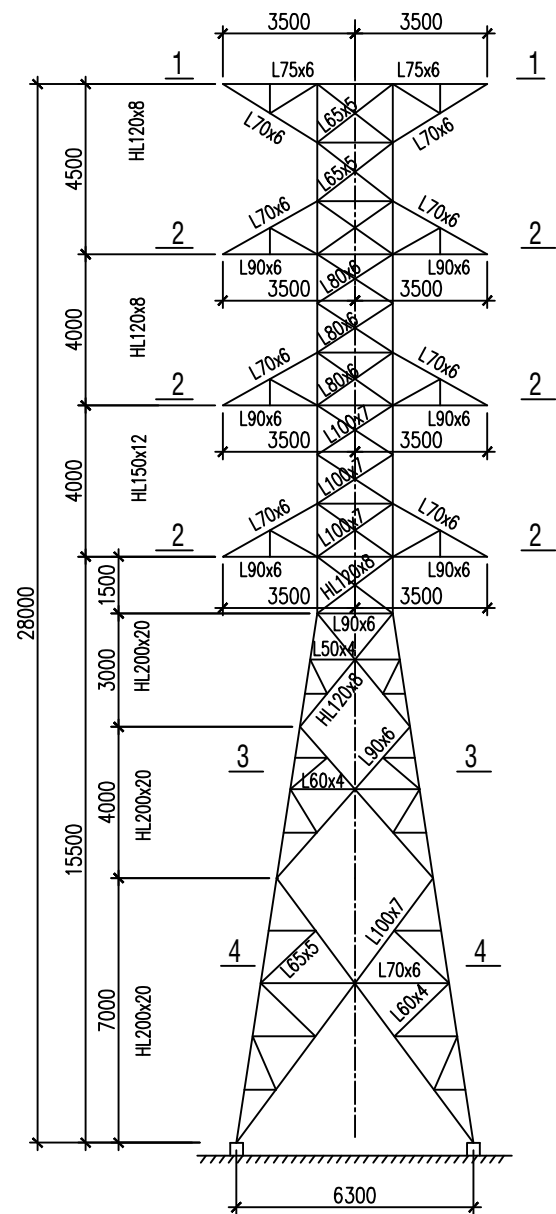


3 - 3

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)
		N1.3-41.5(H)
1	HL250x25	10067.50
2	HL200x15	1857.30
3	HL130x9	2687.72
4	HL120x8	3621.43
5	L100x7	1815.88
6	L80x6	488.52
7	L75x6	1736.84
8	L70x6	1797.14
9	L65x5	1575.83
10	L60x4	691.62
11	L50x4	165.06
Trọng lượng thép bản:		5907.45
Trọng lượng bu lông:		1689.95
Trọng lượng mạ kẽm:		733.40
Trọng lượng tổng:		34835.64
Trọng lượng cắt, vát, đốt lỗ:		996.29
Trọng lượng lắp ráp:		33839.35

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU CỘT NÉO HẪM 110KV 3 MẠCH N1.3-41.5(H)	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.Giám đốc TLD	Nguyễn Thanh Lâm				
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
Chủ trì thiết kế	Nguyễn Trung				
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên				
Thiết kế	Lê Thái Hiệp				
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG				12-2019	
ĐD1-16-14D.XD-01/14					



BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU


SỐ TT	QUY CÁCH	TRỌNG LƯỢNG (Kg)	
		ID9	
1	HL200x20		4144.85
2	HL150x12		532.35
3	HL120x8		1319.03
4	L100x7		1431.32
5	L90x6		932.39
6	L80x6		416.95
7	L75x6		311.48
8	L70x6		887.69
9	L65x5		947.22
10	L60x4		751.07
11	L50x4		599.94
Trọng lượng thép bản:			3515.23
Trọng lượng bu lông:			1014.14
Trọng lượng thép:			15789.53
Trọng lượng mạ kẽm:			426.54
Trọng lượng tổng:			17230.22
Trọng lượng cắt vát:			628.81
Trọng lượng lắp ráp:			16601.41

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
PGĐ Trung tâm	Trần Vĩnh Phong	CỘT NÉO GÓC 02 MẠCH ĐẾN 90° 1.D9 TẬN DỤNG			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Nguyễn Trung				
Kiểm tra	Trương Thị Xuyên	BẢN VẼ THI CÔNG		11-2025	
Thiết kế	Lê Thái Hiệp	ĐD2-16-14D.XD-01/15			

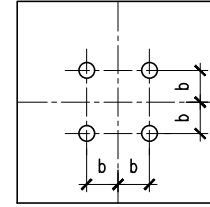
LIỆT KÊ BẢN VẼ CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN						
STT	TÊN CỘT	KÝ HIỆU CỘT	KÝ HIỆU MÓNG	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	SỐ BẢN VẼ
1	Bảng kê bu lông neo					ĐD1-16-14D.XD-02/1
ĐOẠN 02 MẠCH						
2	Cột đỡ thẳng 110kV 02 mạch	Đ1.2-30	MB3.74-10.5x12.5	Móng	41	ĐD1-16-14D.XD-02/2
3	Cột đỡ thẳng 110kV 02 mạch	Đ1.2-34	MB4.3-11.5x13	Móng	28	ĐD1-16-14D.XD-02/3
4	Cột đỡ thẳng 110kV 02 mạch	Đ1.2-38	MB4.8-12x13.5	Móng	10	ĐD1-16-14D.XD-02/4
5	Cột đỡ thẳng 110kV 02 mạch	Đ1.2-42	MB5.33-12.5x14	Móng	3	ĐD1-16-14D.XD-02/5
6	Cột neo góc 110kV 02 mạch đến 30°	N1.2-28(30)	MB6.3-13x15.5	Móng	18	ĐD1-16-14D.XD-02/6
7	Cột neo góc 110kV 02 mạch đến 45°	N1.2-28(45)	MB6.3-15x17	Móng	1	ĐD1-16-14D.XD-02/7
8	Cột neo góc 110kV 02 mạch đến 60°	N1.2-32(60)	MB7.5-16.5x18.5	Móng	4	ĐD1-16-14D.XD-02/8
9	Cột neo góc 110kV 02 mạch đến 60°	N1.2-45(60)	MB11.4-19.5x21.5	Móng	1	ĐD1-16-14D.XD-02/9
10	Cột neo cuối 110kV 02 mạch	N1.2-28(NC)	MB6.3-15.5x17.5	Móng	1	ĐD1-16-14D.XD-02/10
11	Cột neo 110kV 02 mạch tận đưng (cải tạo xà chống sét)	N110-2T+9(90)	MB7.5-16x18	Móng	1	ĐD1-16-14D.XD-02/11
ĐOẠN 03 MẠCH						
12	Cột đỡ thẳng 110kV 03 mạch	Đ1.3-42	MB5.97-12.5x14.5	Móng	5	ĐD1-16-14D.XD-02/12
13	Cột đỡ thẳng 110kV 03 mạch	Đ1.3-50	MB7.63-14x16	Móng	2	ĐD1-16-14D.XD-02/13
14	Cột neo góc 110kV 03 mạch đến 90°	N1.3-37.5(90)	MB8.56-22x22	Móng	2	ĐD1-16-14D.XD-02/14
15	Cột neo hãm 110kV 03 mạch	N1.3-41.5(H)	MB8.56-19.5x21.5	Móng	2	ĐD1-16-14D.XD-02/15
Tổng cộng móng cột toàn tuyến:					119	
16	Bản vẽ diện tích thu hồi đất móng bản cột thép					ĐD1-16-14D.XD-02/16
17	Bảng thống kê diện tích chiếm đất vĩnh viễn và đất mượn tạm để thi công móng					ĐD1-16-14D.XD-02/17
18	Biện pháp thi công điển hình các vị trí móng nằm trong ao tôm					ĐD1-16-14D.XD-02/18

CÁC GHI CHÚ CHUNG:

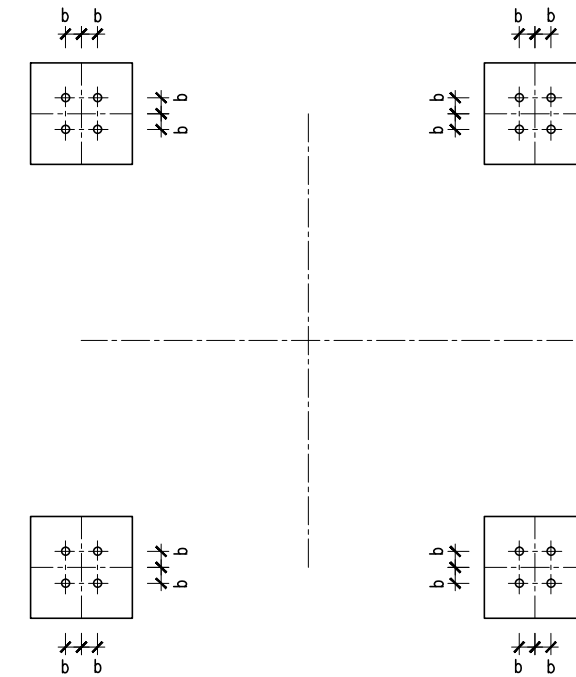
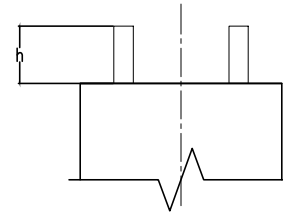
- CHUNG LOẠI CỘT VÀ MÓNG XEM TRONG BẢN VẼ MẶT CÁT DỌC VÀ TÔNG KẾ. NẾU CÓ SAI KHÁC NHÀ THẦU PHẢI BÁO CHỦ ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ BIẾT ĐỂ XỬ LÝ KỊP THỜI.
- XÁC ĐỊNH CỘT +0.00:
 - + CỘT +0.00 LẤY TẠI CAO ĐỘ MẶT ĐẤT TỰ NHIÊN TẠI TIM MÓNG.
 - + ĐỐI VỚI CÁC VỊ TRÍ MÓNG NẪM Ở ĐỊA HÌNH THẤP THÌ CỘT +0.00 ĐƯỢC XÁC ĐỊNH SAO CHO CỘT MÓNG CAO HƠN BỜ BAO XUNG QUANH TỐI THIỂU 0.5M ĐỂ CHỐNG NGẬP
- BÊ TÔNG:
 - + BÊ TÔNG ĐÚC MÓNG CẤP BỀN B22.5(M300) ĐÁ 2X4 (HOẶC 1X2), PHỤ GIA SILICAFUME 5% TRÊN KHỐI LƯỢNG XI MĂNG.
 - + BÊ TÔNG LÓT CẤP BỀN B7.5(M100) ĐÁ 4X6
- CÓT THÉP:
 - + THÉP <=Ø10: CB240T HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (AI, CI)
 - + THÉP >=Ø12: CB400V HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (AIII, CIII)
 - + NỐI CỐT THÉP MÓNG TUÂN THỦ THEO TCVN 4453-1995
- TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỊA CHẤT, ĐỊA HÌNH CÓ THAY ĐỔI LỚN CẦN BÁO NGAY ĐỂ CÓ BIỆN PHÁP XỬ LÝ KỊP THỜI.
- ĐÁT ĐÁP HỒ MÓNG TỪNG LỚP DÀY 20-30CM, ĐẠT DUNG TRỌNG TỰ NHIÊN >=1.50T/M3, HỆ SỐ ĐÀM NÉN K>=0.85, QUY TRÌNH THỰC HIỆN THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU. TRƯỚC KHI LẮP MÓNG PHẢI BƠM NƯỚC RA KHỎI HỒ MÓNG.
- ĐẤT THỪA ĐƯỢC DÙNG ĐỂ ĐÁP LẠI TRÊN MÓNG TRONG DIỆN TÍCH ĐÈN BÙ, TẠO DỐC 5% THOÁT NƯỚC THEO ĐỊA HÌNH.
- CHI TIẾT BỐ TRÍ BU LÔNG NEO TRÊN CỘT MÓNG XEM BẢN VẼ ĐD1-16-14D.XD-03. CÁC BU LÔNG NEO SAU KHI XIẾT CHẶT ĐẾN ĐỘ CHỖI THÌ TIẾN HÀNH PHÁ REN THEO QUY ĐỊNH, SAU ĐÓ SƠN LẠI BẰNG SƠN GIÀU KÉM.
- TRỤC ĐƯỜNG DÂY CÁC CỘT NÉO ĐẦU NÓI, NÉO RẼ, NÉO CUỐI, ... THÌ KHI XÁC ĐỊNH HƯỚNG XOAY CỦA MÓNG VÀ CỘT PHẢI KẾT HỢP XEM BẢN VẼ BÌNH ĐỒ ĐẦU NÓI, GIAO CHÉO, NÉO RẼ...(Ồ BẢN VẼ PHẦN ĐIỆN), NẾU CÓ BẤT THƯỜNG PHẢI BÁO CHỦ ĐẦU TƯ VÀ TVTK ĐỂ XỬ LÝ.
- QUÁ TRÌNH THI CÔNG TUÂN THỦ THEO CHỈ DẪN KỸ THUẬT VÀ CÁC TIÊU CHUẨN HIỆN HÀNH NHƯ: TCVN4447:2012, TCVN4453:1995, TCVN9394:2012,....., QUYẾT ĐỊNH SỐ 1623/QĐ-EVNNPT NGÀY 27/7/2016 CỦA EVNNPT VÀ CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN.

1	Hiệu chỉnh theo văn bản số 6442/EVN SPC-DT		Nguyễn Ngọc Phương	12-2019
Lần sửa đổi	Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			SƠ ĐỒ TOÀN THỂ CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-02	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn			
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu			
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm			
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			12-2019


LIỆT KÊ BU LÔNG NEO			
STT	TÊN CỘT		BU LÔNG NEO
1	Cột đỡ	Đ1.2-30	BL48-250
2	Cột đỡ	Đ1.2-34	
3	Cột đỡ	Đ1.2-38	
4	Cột đỡ	Đ1.2-42	
5	Cột néo	N1.2-28(30)	BL64-400
6	Cột néo	N1.2-28(45)	BL72-400
7	Cột néo	N1.2-32(60)	
8	Cột néo	N1.2-45(60)	
9	Cột néo	N1.2-28(NC)	
10	Cột néo	N110-2T+9(90)	
11	Cột đỡ	Đ1.3-42	BL48-250
12	Cột đỡ	Đ1.3-50	
13	Cột néo	N1.3-37.5(90)	Stub-bar
14	Cột néo	N1.3-41.5(H)	BL90-400



BỐ TRÍ BULÔNG NEO TRÊN CỔ MÓNG
TRƯỜNG HỢP 04 BU LÔNG

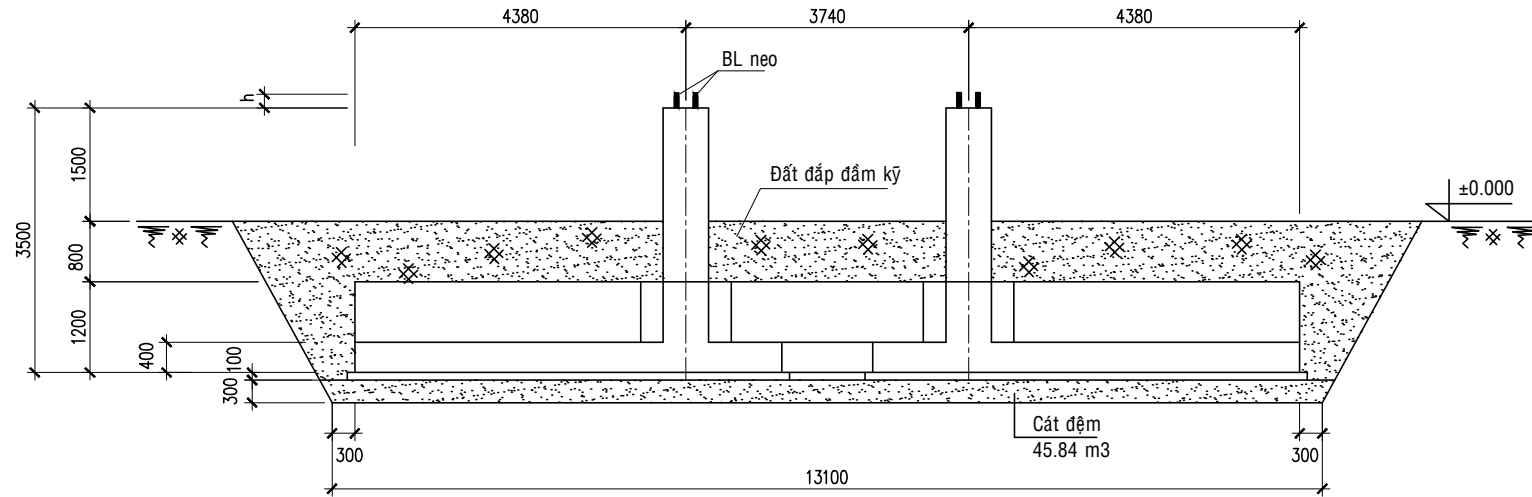


MẶT BẰNG BỐ TRÍ BU LÔNG NEO
TRƯỜNG HỢP 04 BU LÔNG

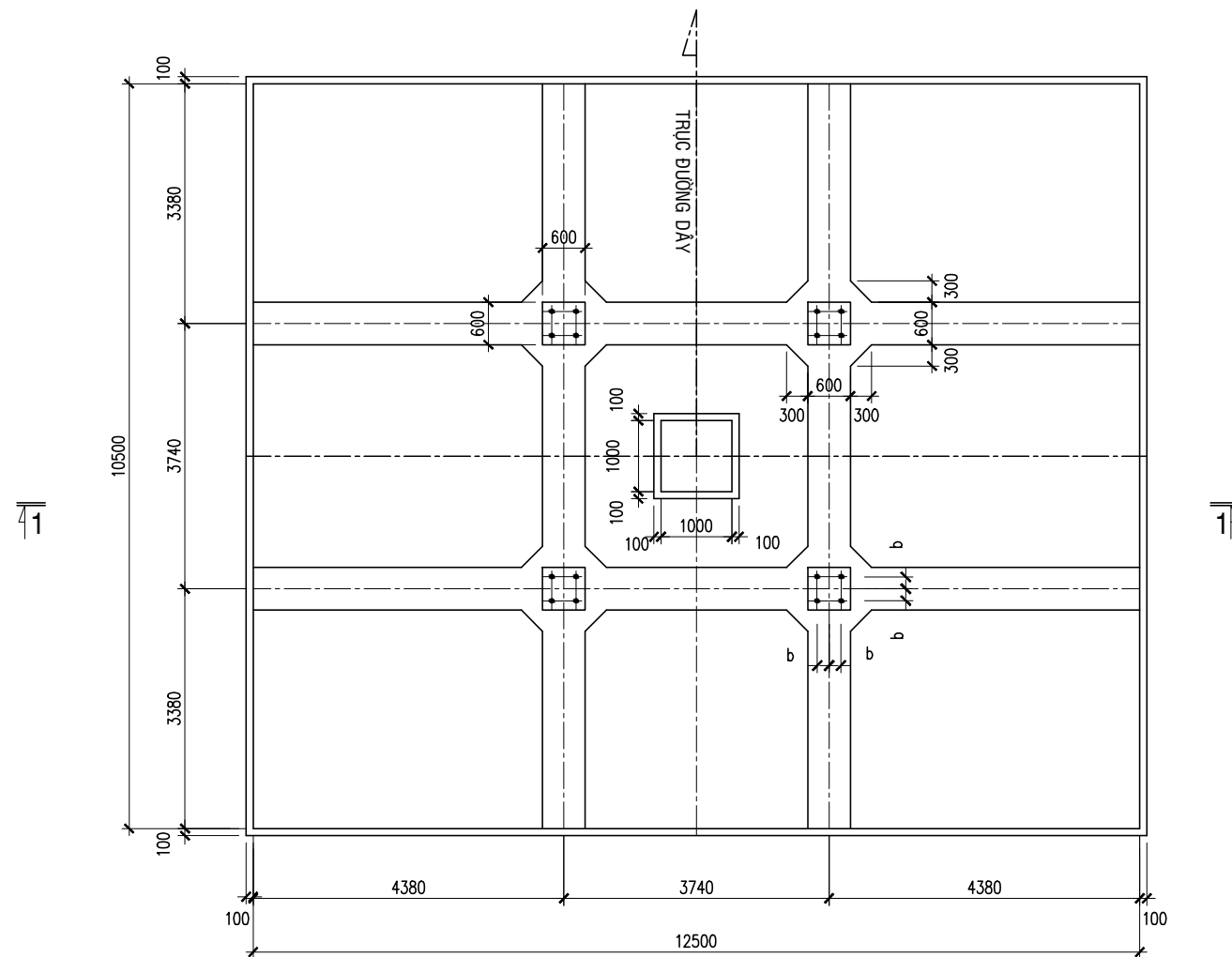
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	CÁC LOẠI BU LÔNG NEO			
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				
			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019
			ĐD1-16-14D.XD-02/1		

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB3.74-10.5x12.5

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø20	Ø12	Ø10	Ø8	
76.74	13.49	2,134.69	2,749.52	245.21	261.08	5,390.50




1_1



SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/100

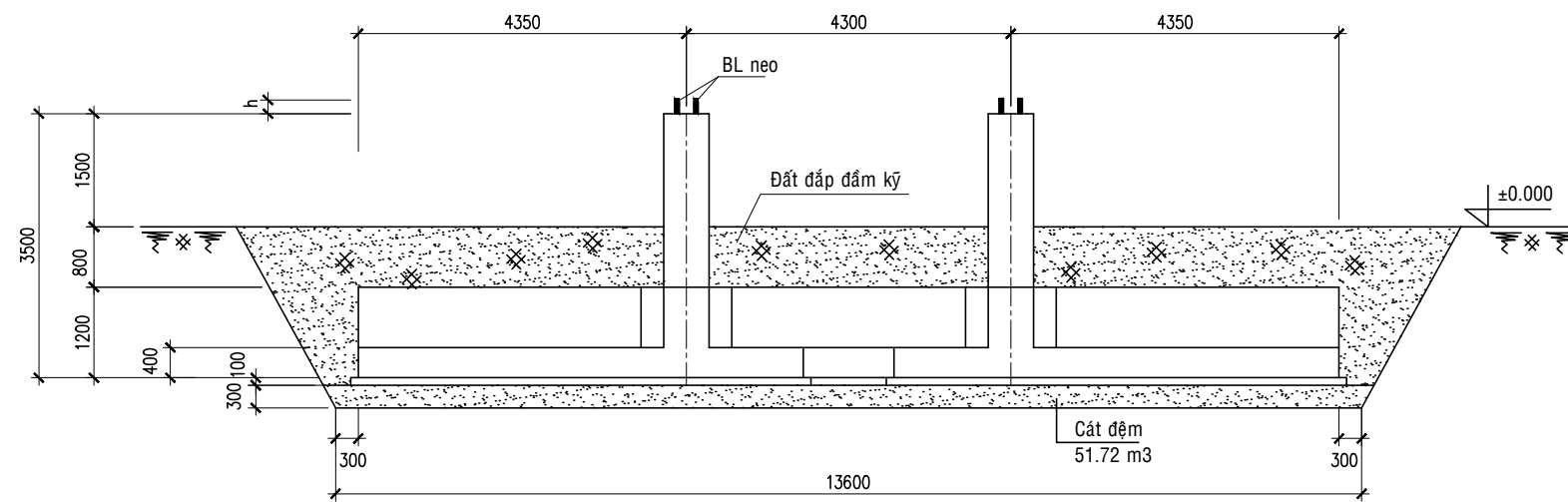
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

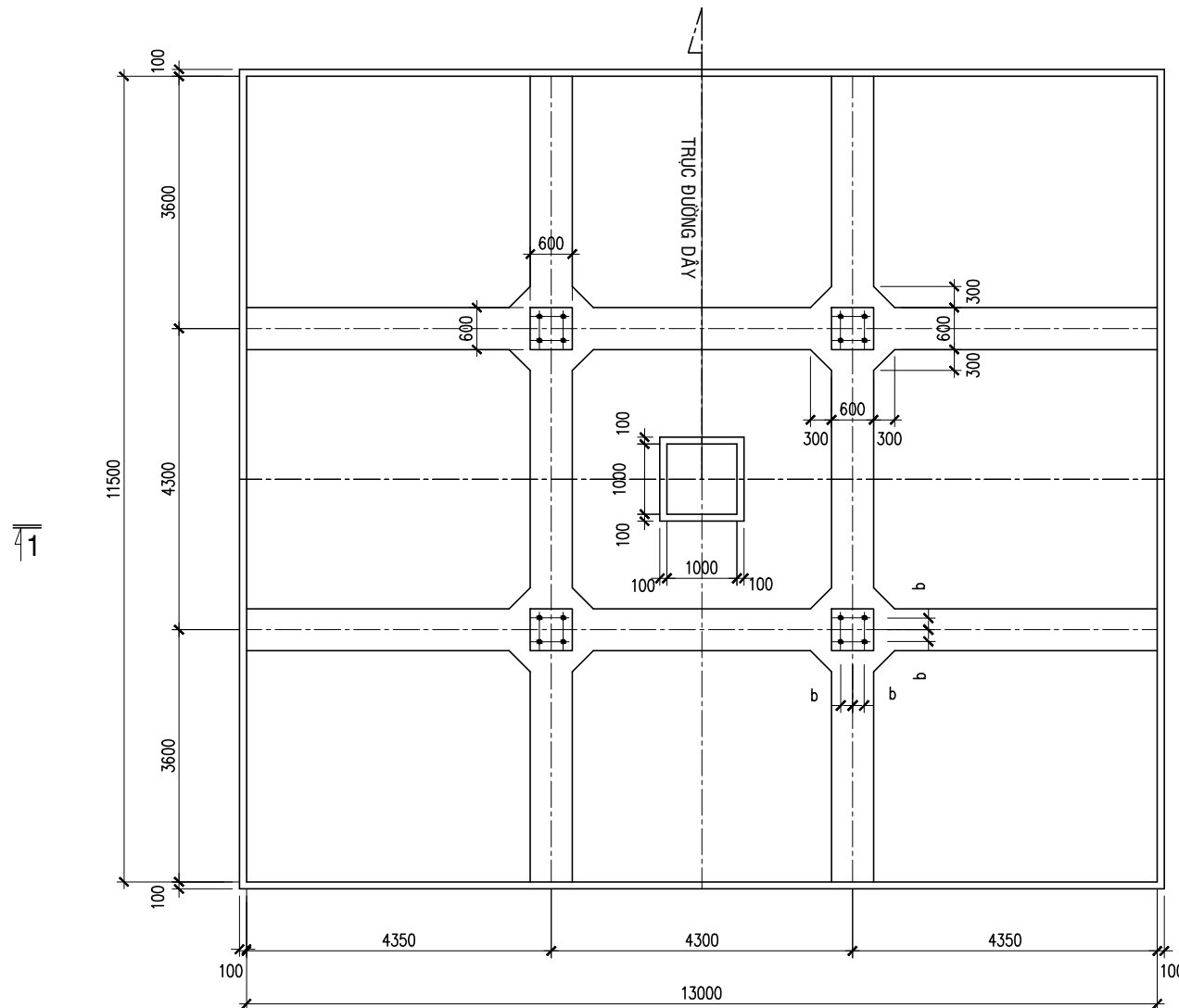
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT ĐỖ THẲNG D1.2-30 MÓNG BẢN MB3.74-10.5x12.5		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG 12-2019	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			ĐD1-16-14D.XD-02/2	

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB4.3-11.5x13

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø20	Ø12	Ø10	Ø8	
85.48	15.34	2,238.22	3,111.06	260.07	276.21	5,885.56




1_1



SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/100

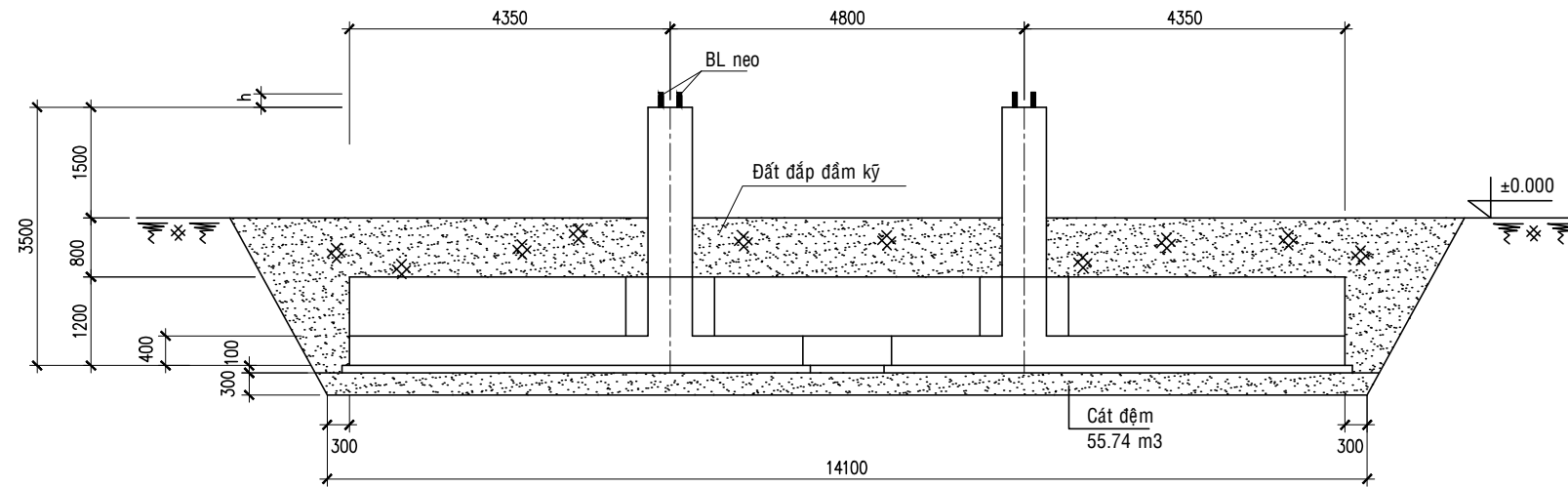
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

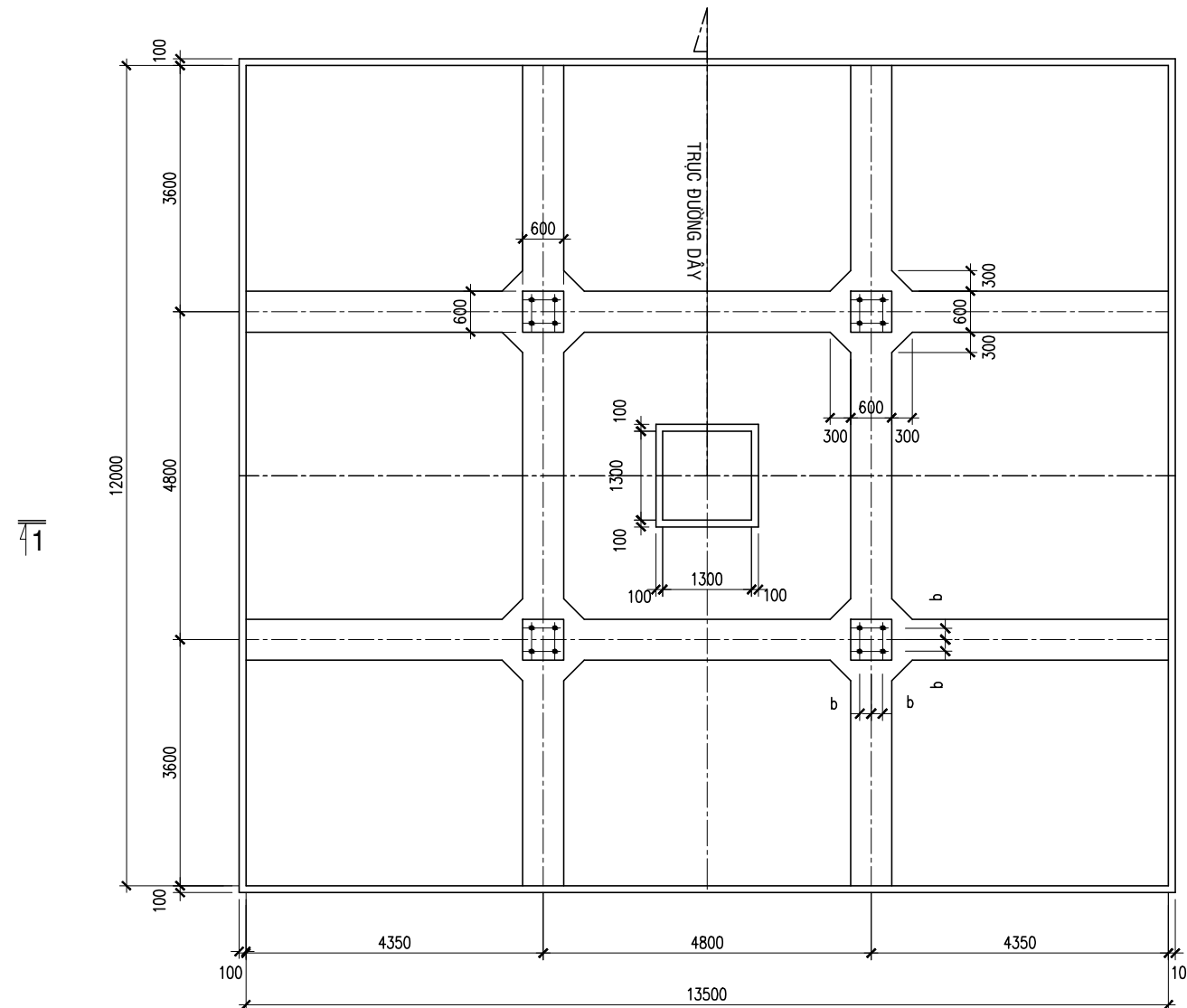
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT ĐỖ THẲNG D1.2-34 MÓNG BẢN MB4.3-11.5x13			
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/3		12-2019	

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB4.8-12x13.5

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø20	Ø12	Ø10	Ø8	
91.12	16.55	2,307.24	3,358.89	288.18	281.25	6,235.56



1 - 1




SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN

Tỷ lệ : 1/100

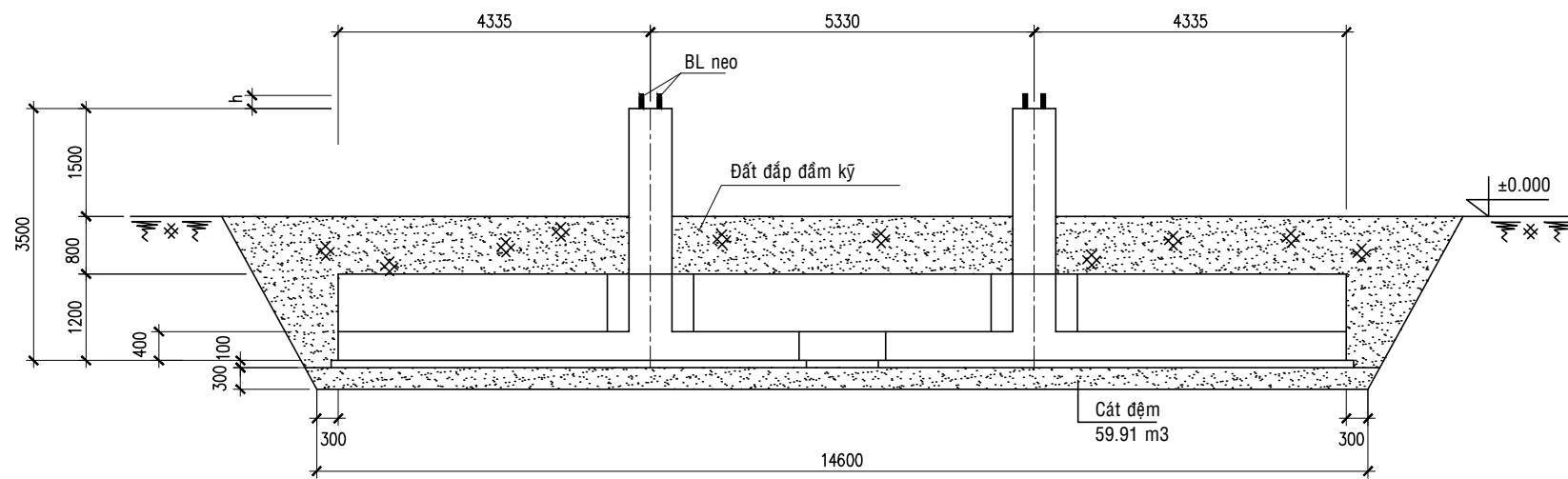
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

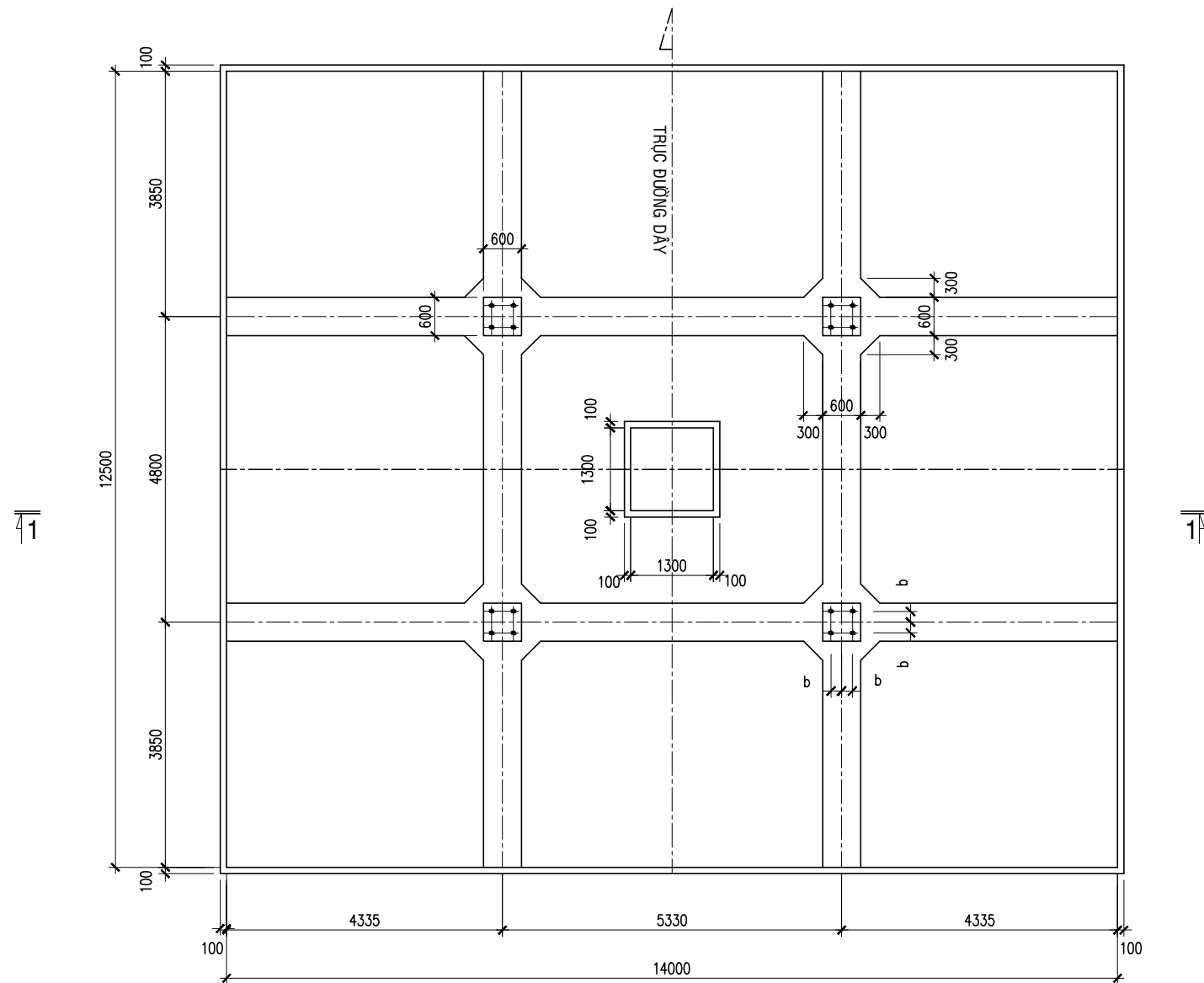
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT ĐỠ THẲNG D1.2-38 MÓNG BẢN MB4.8-12x13.5			
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/4		12-2019	

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB5.33-12.5x14

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m ³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø20	Ø12	Ø10	Ø8	
97.28	17.87	2,376.26	3,583.13	288.18	291.34	6,538.91



1_1




SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN

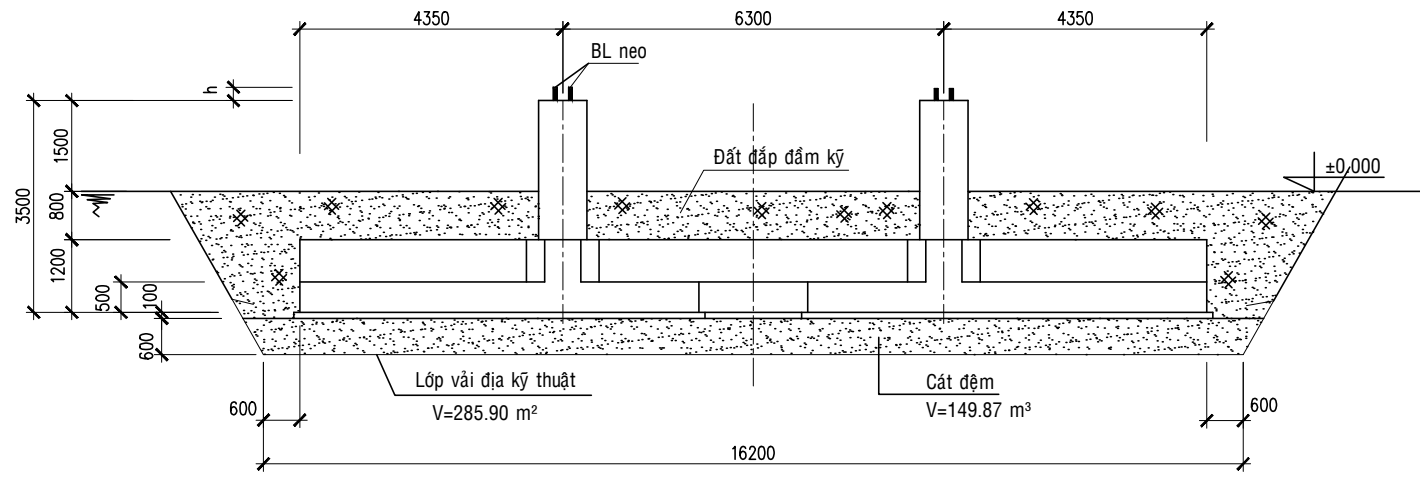
Tỷ lệ : 1/100

GHI CHÚ:

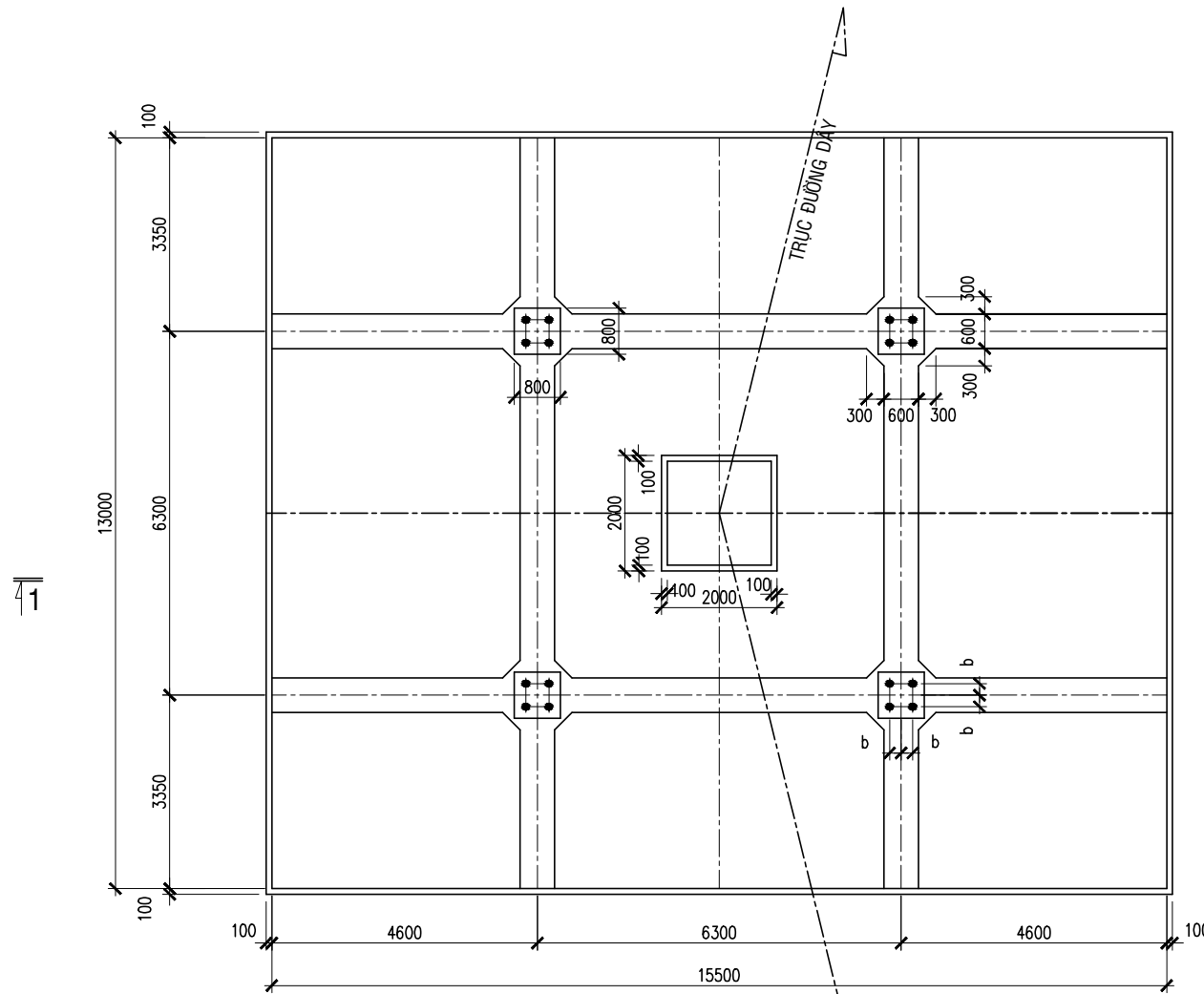
- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			CỘT ĐỖ THẲNG D1.2-42 MÓNG BẢN MB5.33-12.5x14	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			12-2019	
				ĐD1-16-14D.XD-02/5	

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB6.3-13x15.5						
THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m ³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	Ø8	
128.07	20.40	4,152.92	4,937.58	386.01	335.22	9,811.73



1-1




SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN

Tỷ lệ : 1/125

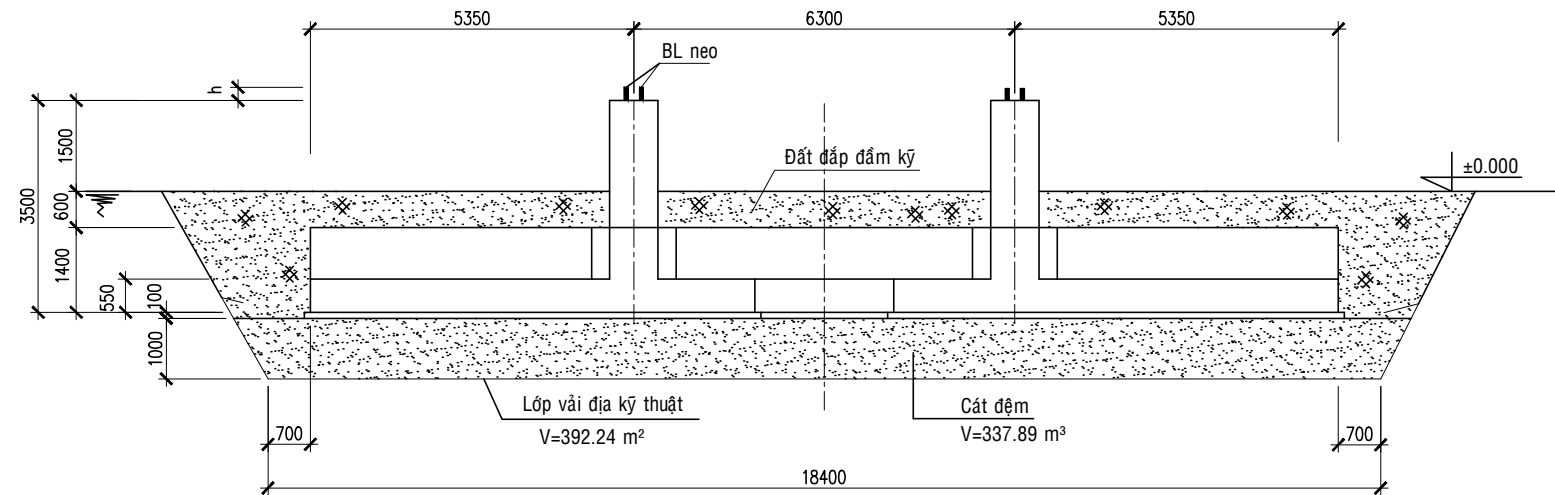
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

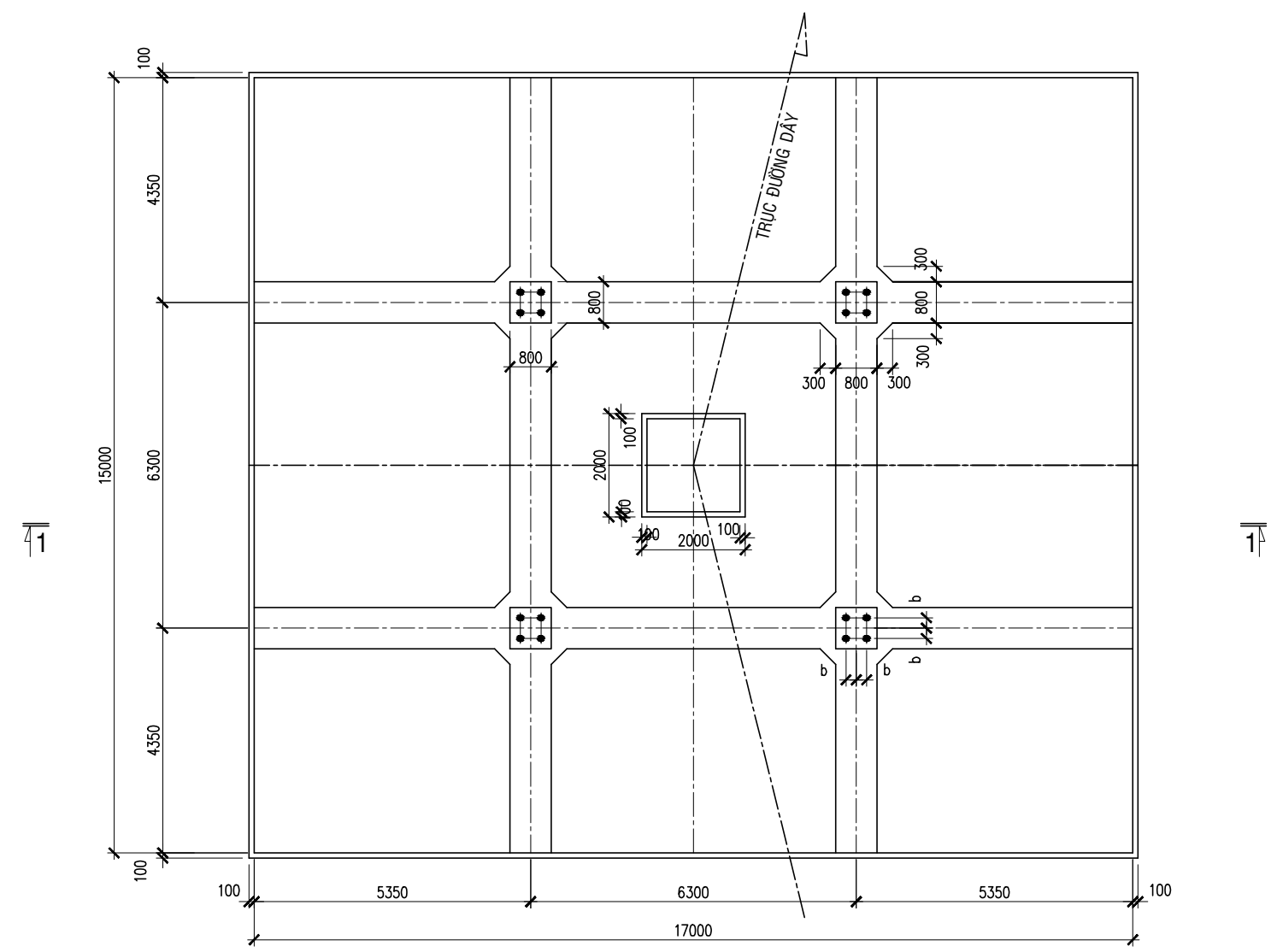
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			CỘT NÉO GÓC N1.2-28(30) MÓNG BẢN MB6.3-13x15.5	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			12-2019	
				ĐD1-16-14D.XD-02/6	

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB6.3-15x17

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m ³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	Ø8	
175.30	25.82	5,665.59	6,997.94	573.70	719.10	13,956.33




1_1



SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/125

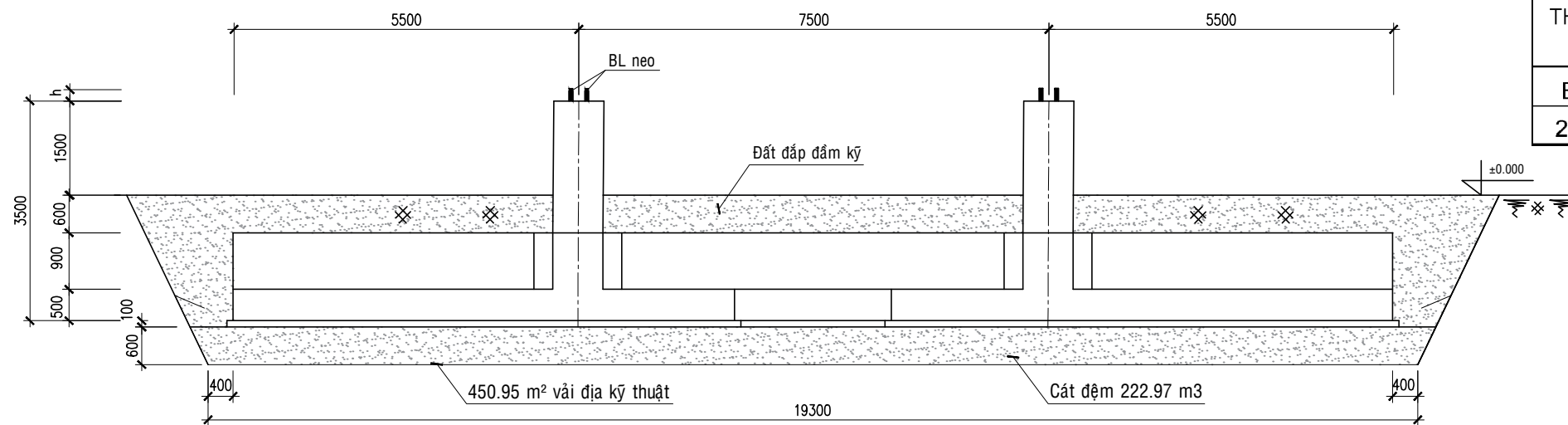
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

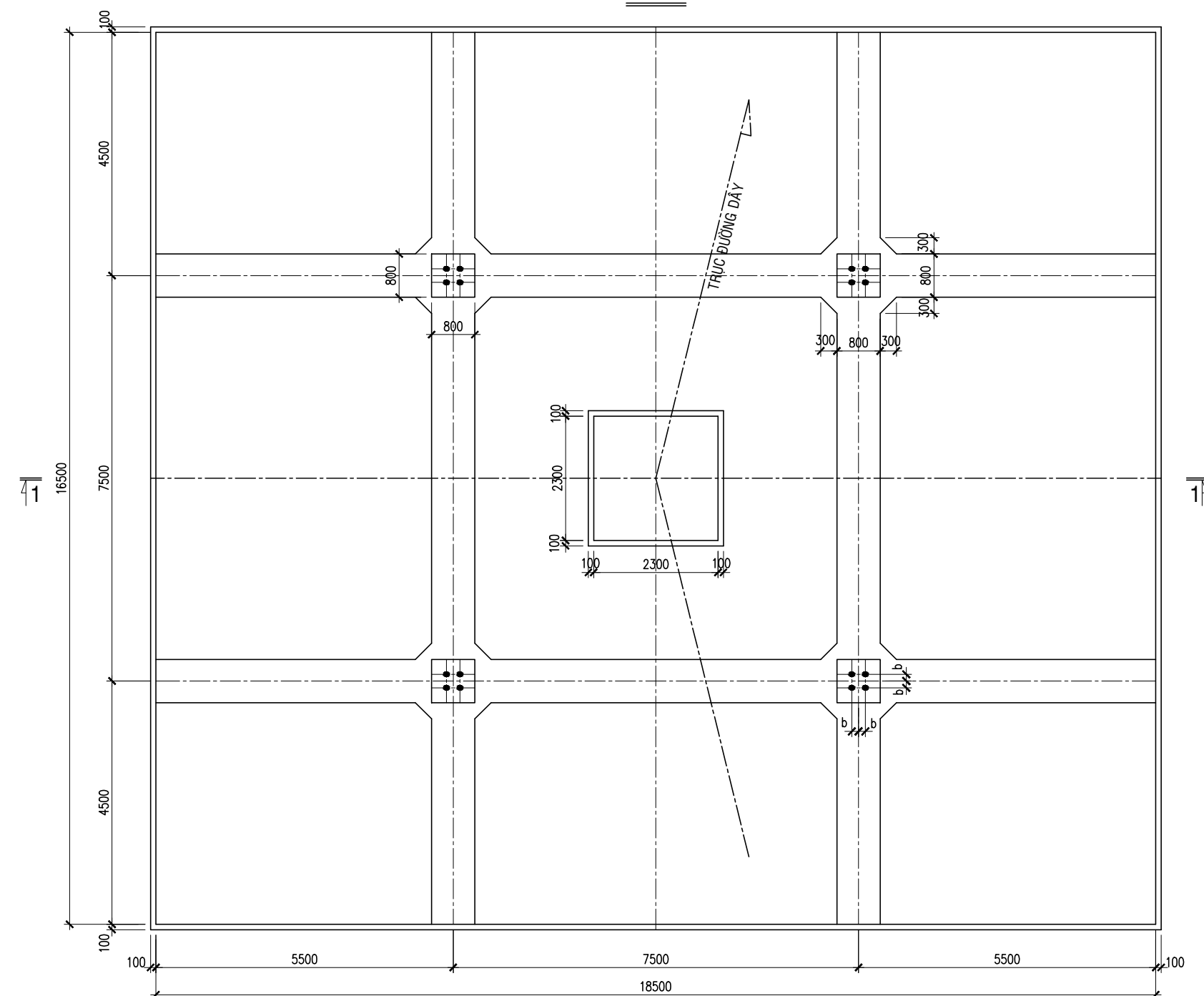
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT NÉO GÓC N1.2-28(45) MÓNG BẢN MB6.3-15x17			
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/7			

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB7.5-16.5x18.5

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	Ø8	
203.62	30.70	6,904.07	8,335.68	439.56	802.25	16,481.56



1_1



SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/100

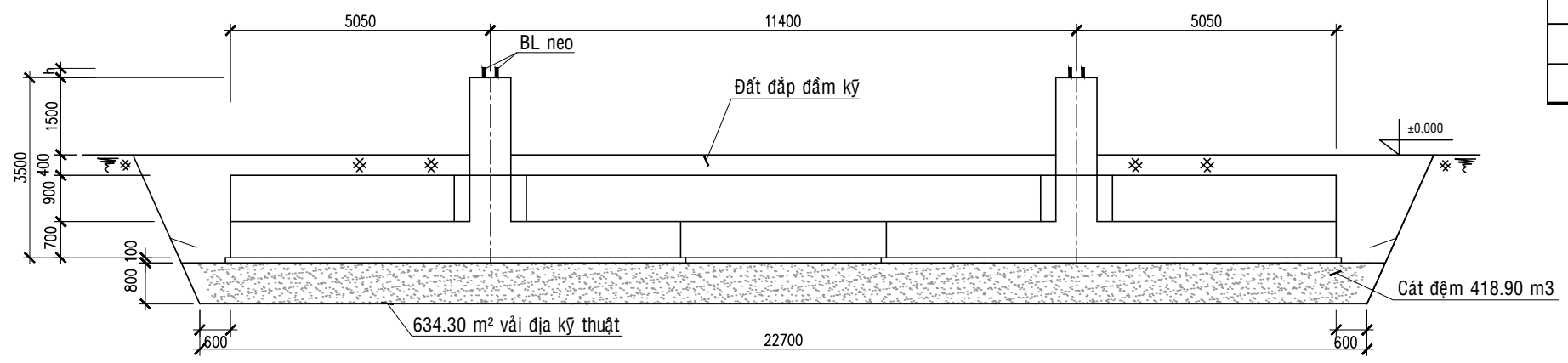
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hố móng

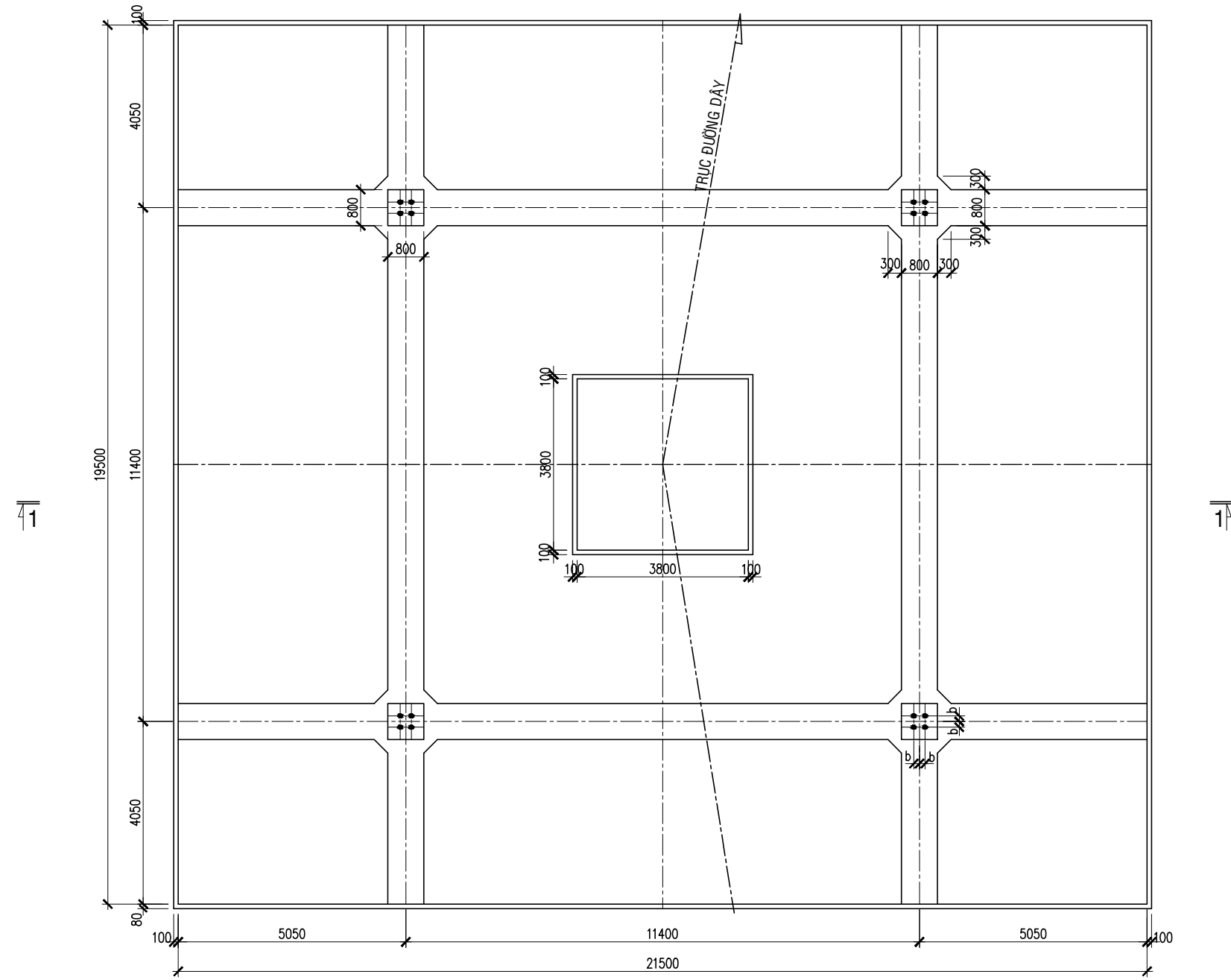
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT NÉO GÓC N1.2-32(60) MÓNG BẢN MB MB7.5-16.5x18.5		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG 12-2019	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			ĐD1-16-14D.XD-02/8	

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB11.4-19.5x21.5

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	Ø8	
344.52	41.31	7,298.42	12,454.96	936.14	1,011.86	21,701.38



1_1



SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/125

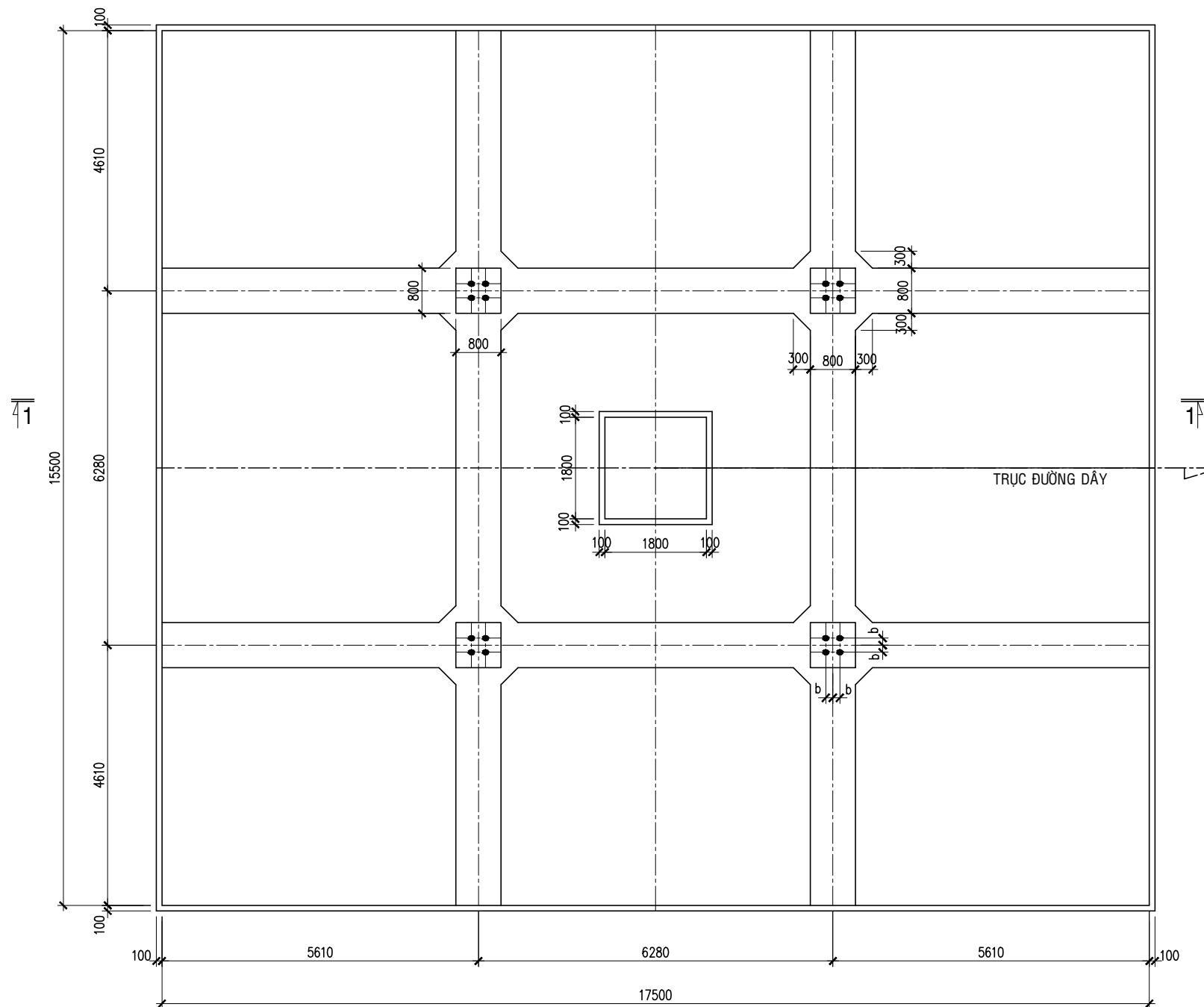
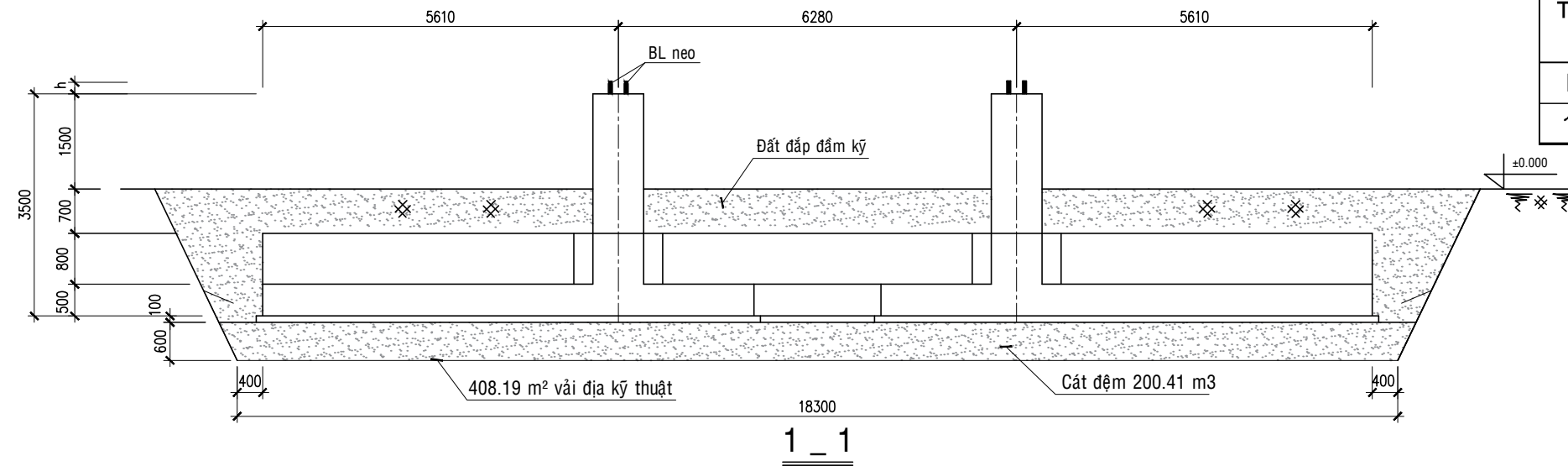
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU CỘT NÉO GÓC N1.2-45(60) MÓNG BẢN MB11.4-19.5x21.5	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm				
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG				12-2019	
ĐD1-16-14D.XD-02/9					

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB6.3-15.5x17.5


THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	Ø8	
180.03	27.47	6,497.41	7,533.81	621.53	727.01	15,379.76



SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/100

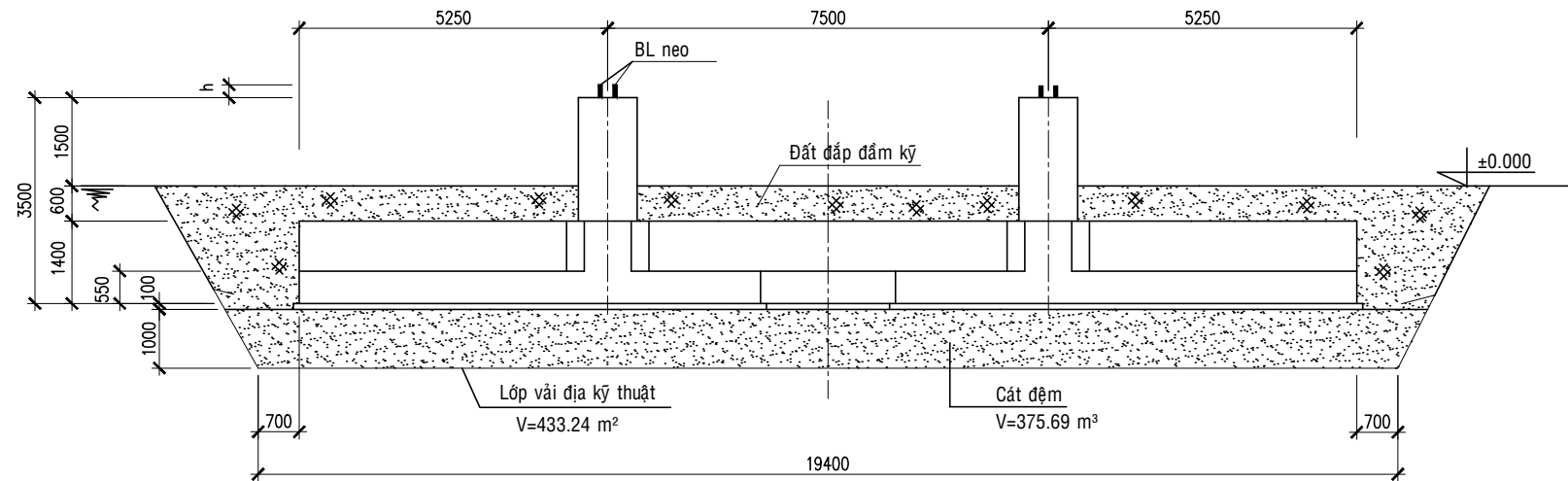
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hố móng

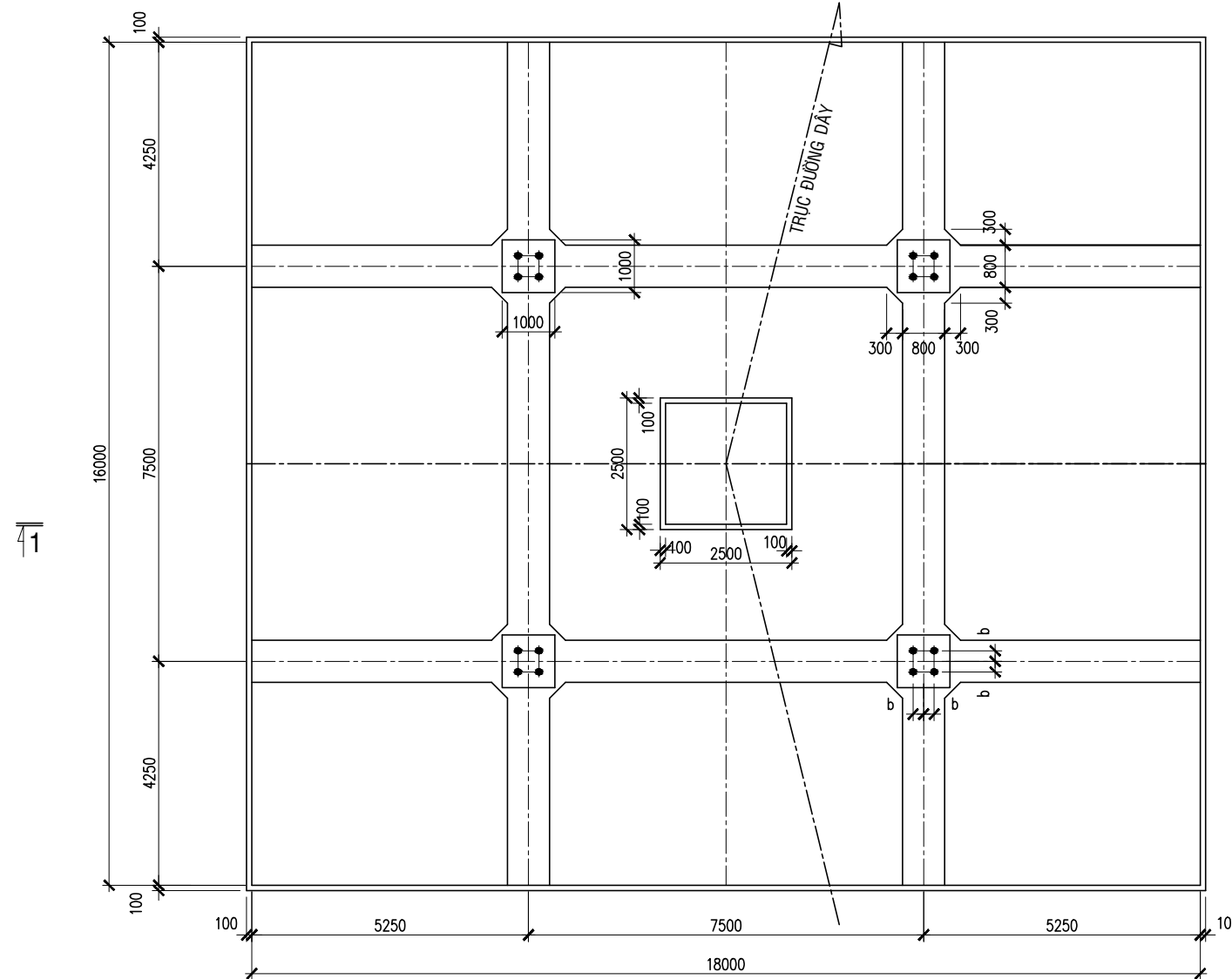
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			CỘT NÉO CUỐI N1.2-28(NC) MÓNG BẢN MB MB6.3-15.5x17.5	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG 12-2019	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			ĐD1-16-14D.XD-02/10	

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB7.5-16x18

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m ³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)					K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø22	Ø14	Ø10	Ø8	
208.04	28.96	4,642.77	1,202.75	8,631.40	827.27	795.56	16,099.75




1_1



SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/125

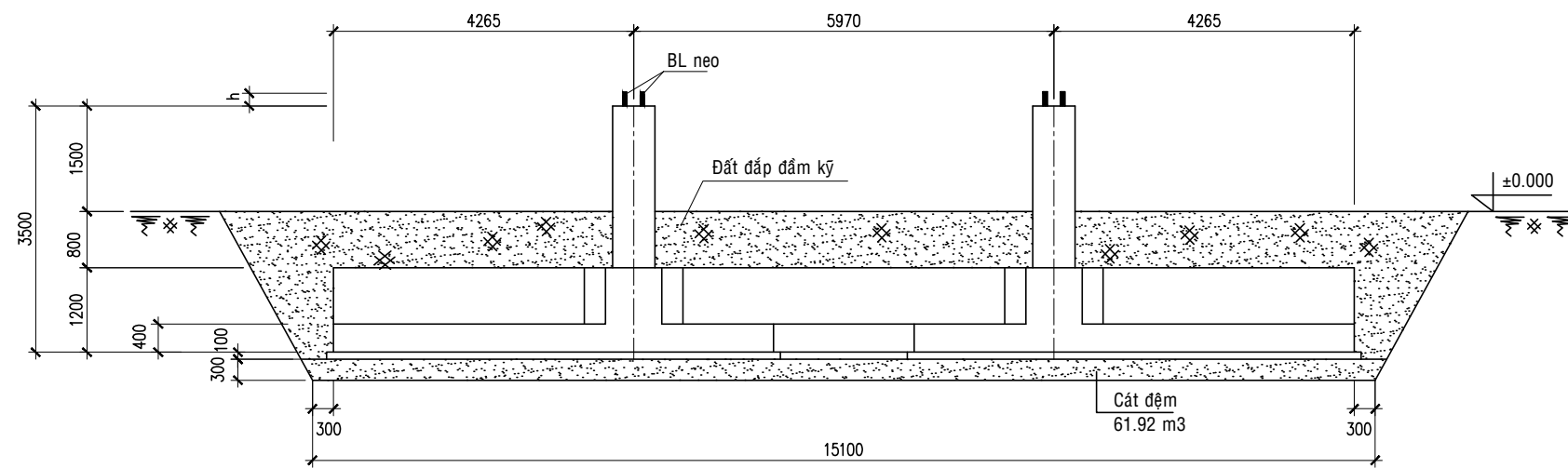
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

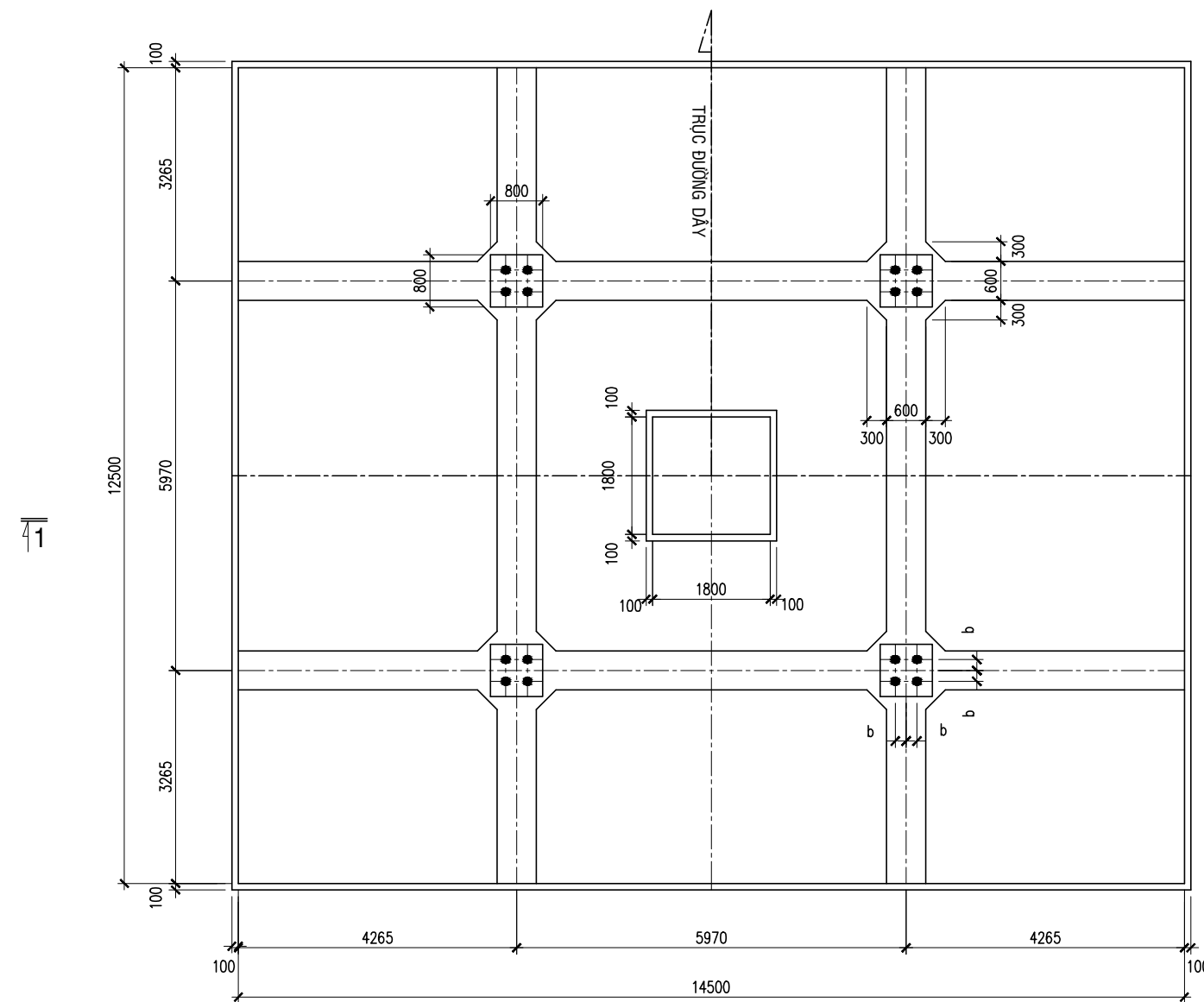
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT NÉO GÓC N110-2T+9(90) MÓNG BẢN MB7.5-16x18			
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/11			

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB5.97-12.5x14.5

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m ³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø20	Ø14	Ø10	Ø8	
102.13	18.35	2,557.29	4,396.64	254.32	320.09	7,528.34



1_1




SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN

Tỷ lệ : 1/100

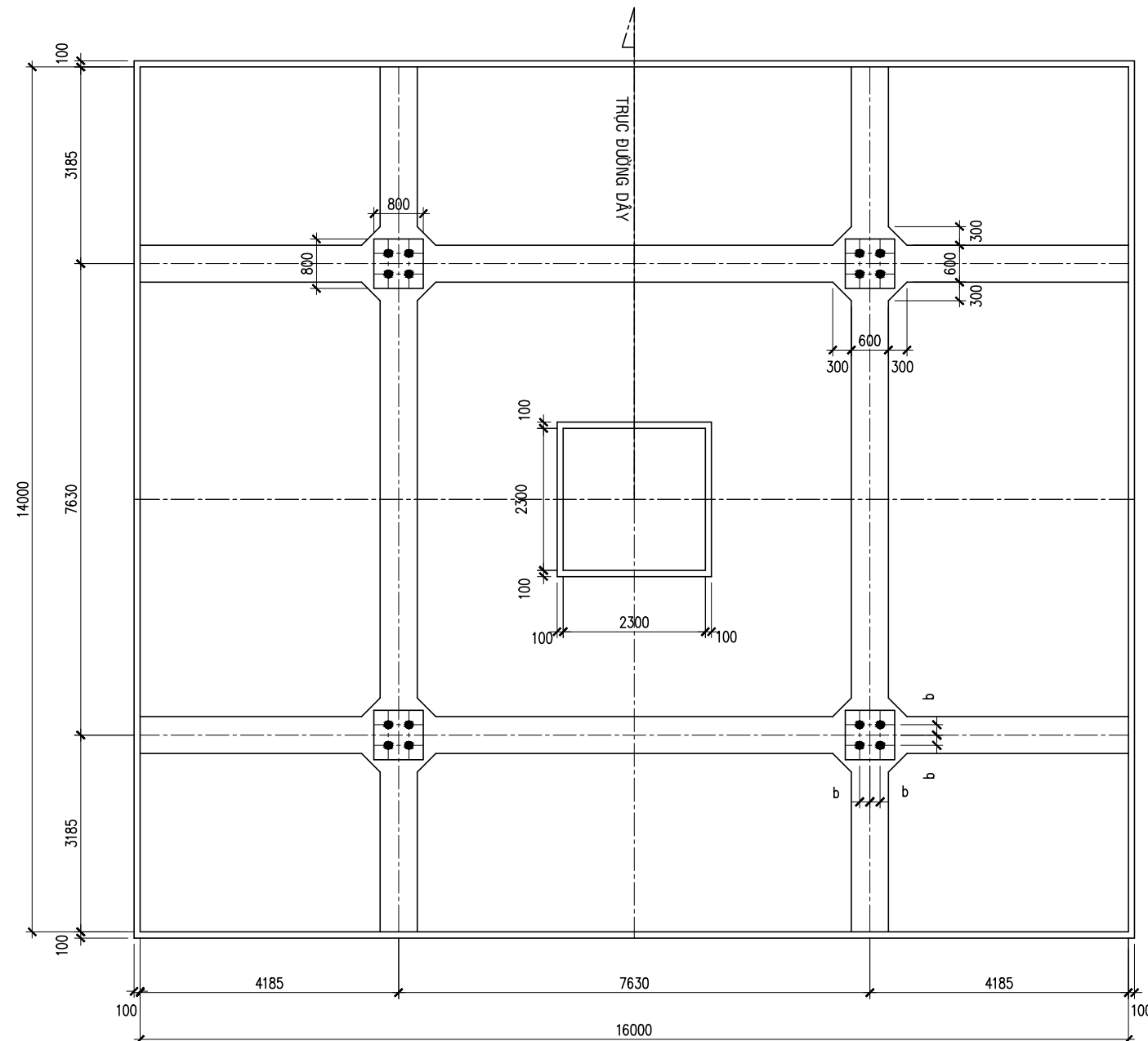
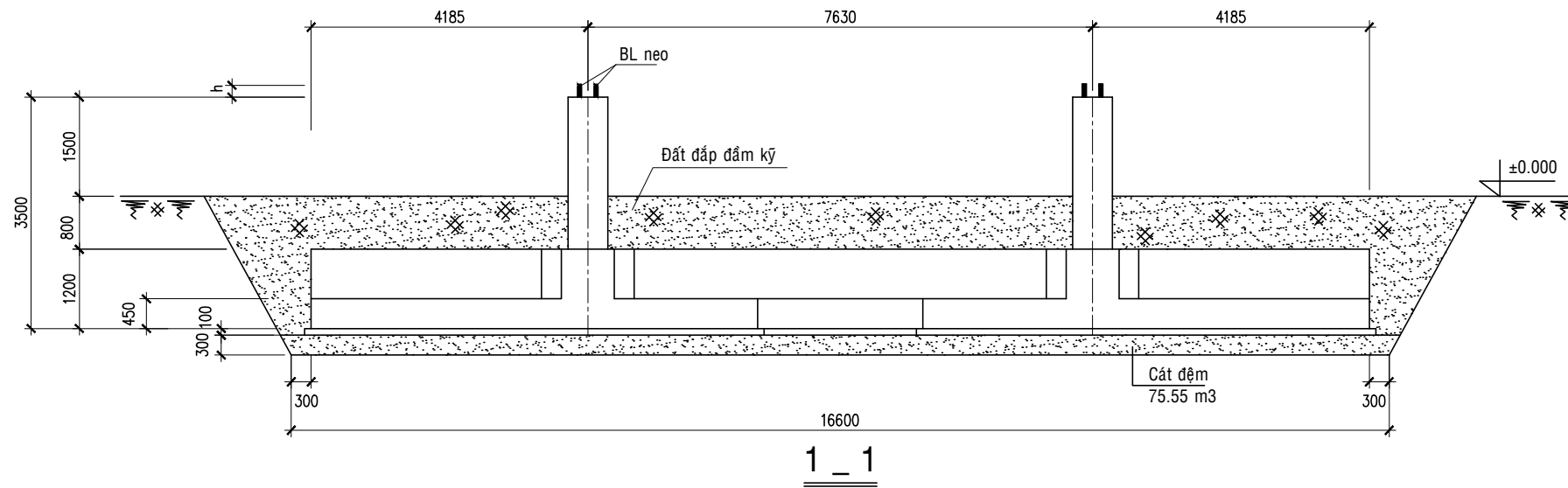
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			CỘT ĐỖ THẲNG D1.3-42 MÓNG BẢN MB5.97-12.5x14.5	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-02/12	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			12-2019	

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB7.63-14x16

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m ³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø20	Ø12	Ø10	Ø8	
130.34	22.48	2,790.77	4,954.25	552.69	350.34	8,648.05

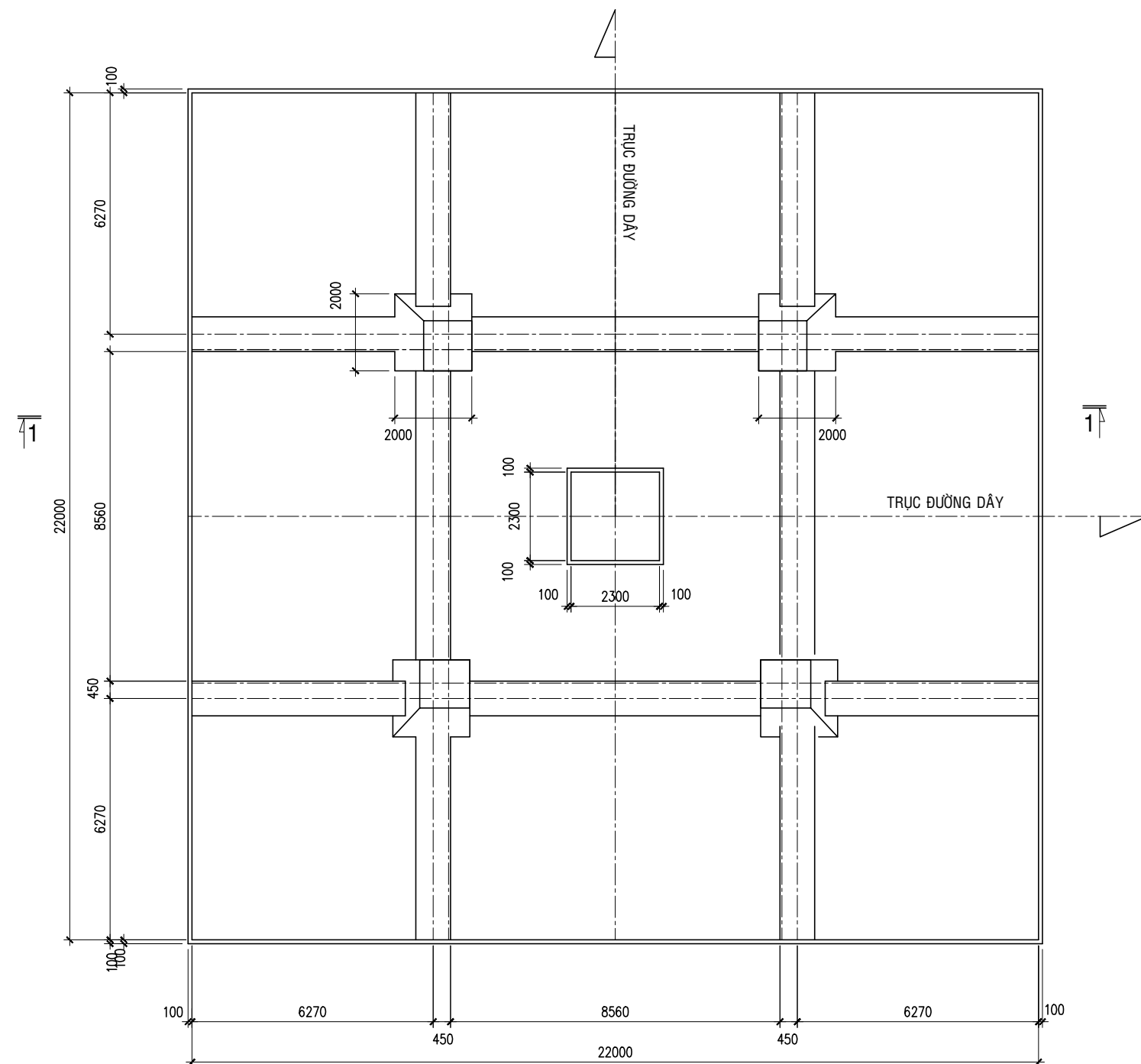
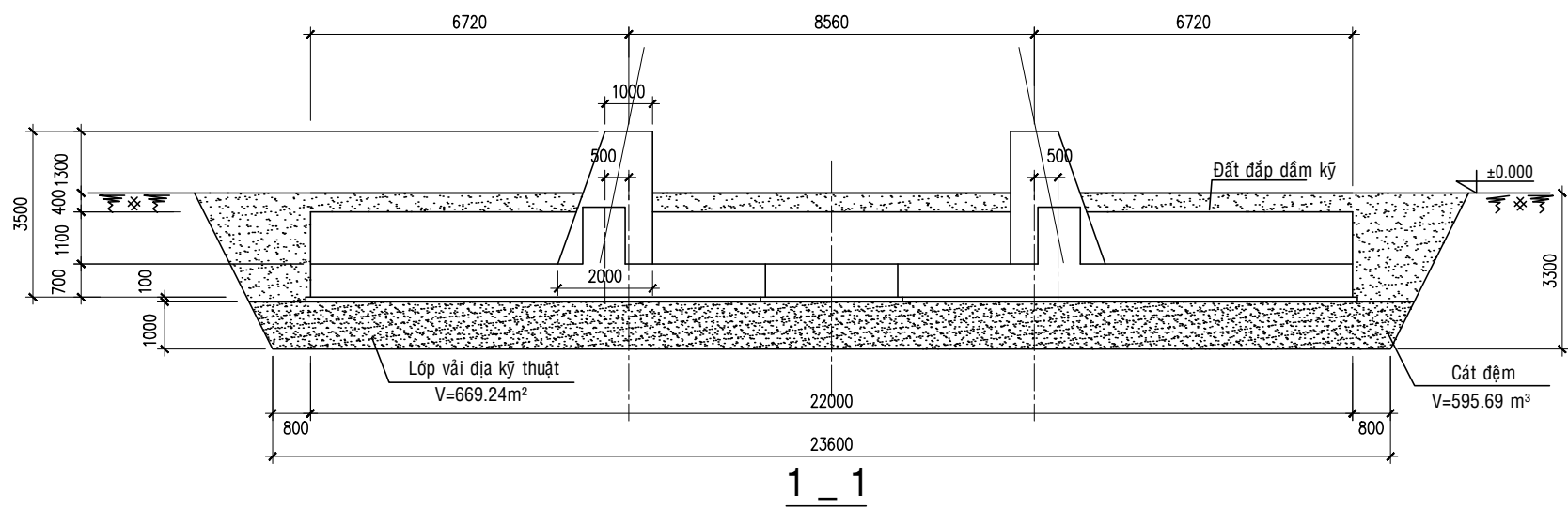


SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
Tỷ lệ : 1/100

GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	CỘT ĐỖ THẲNG D1.3-50 MÓNG BẢN MB7.63-14x16			
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/13			




SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN
TL : 1/150

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB8.56-22x22					
THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)			K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	
451.80	168.32	9,582.53	12,712.99	3,415.16	25,710.68

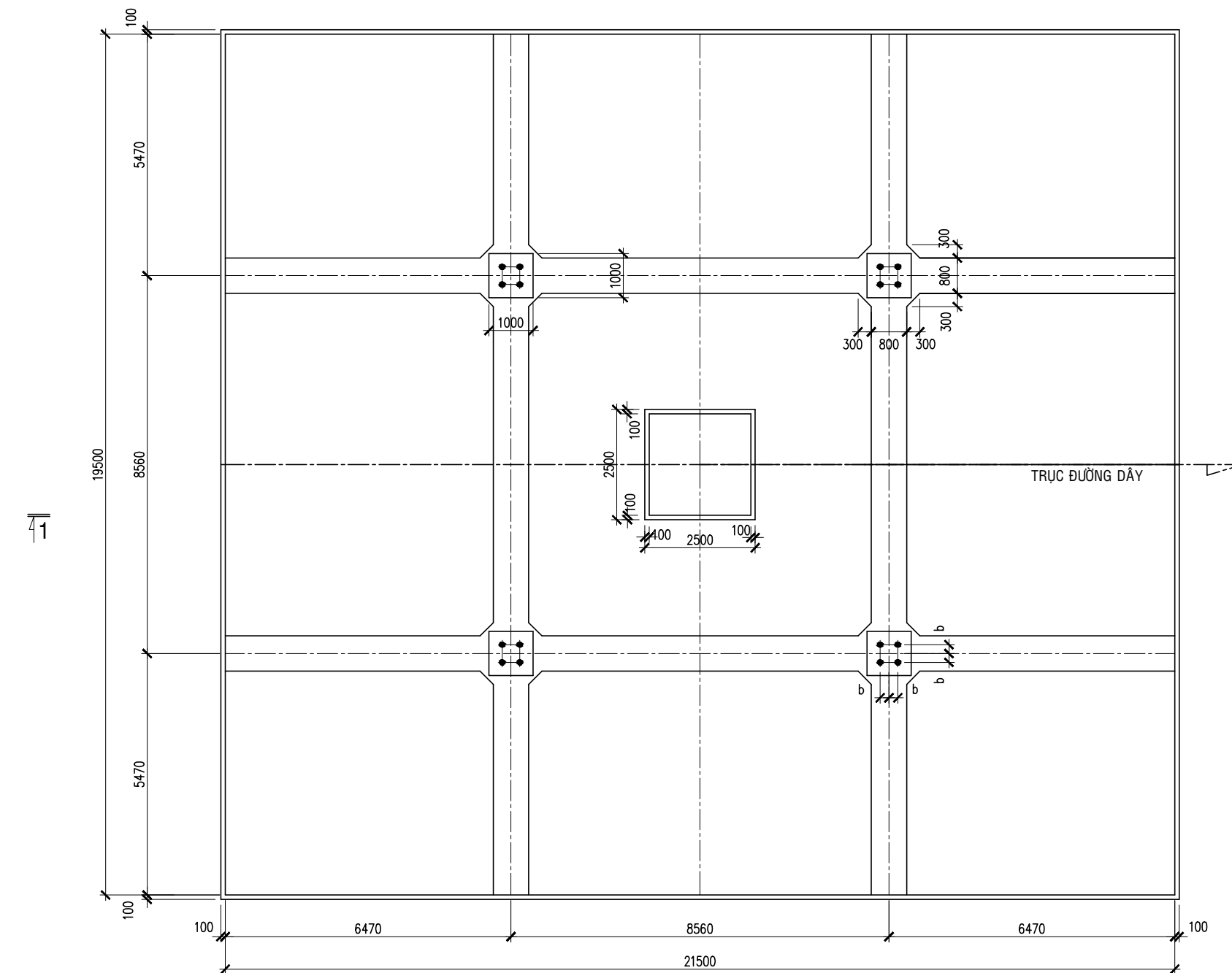
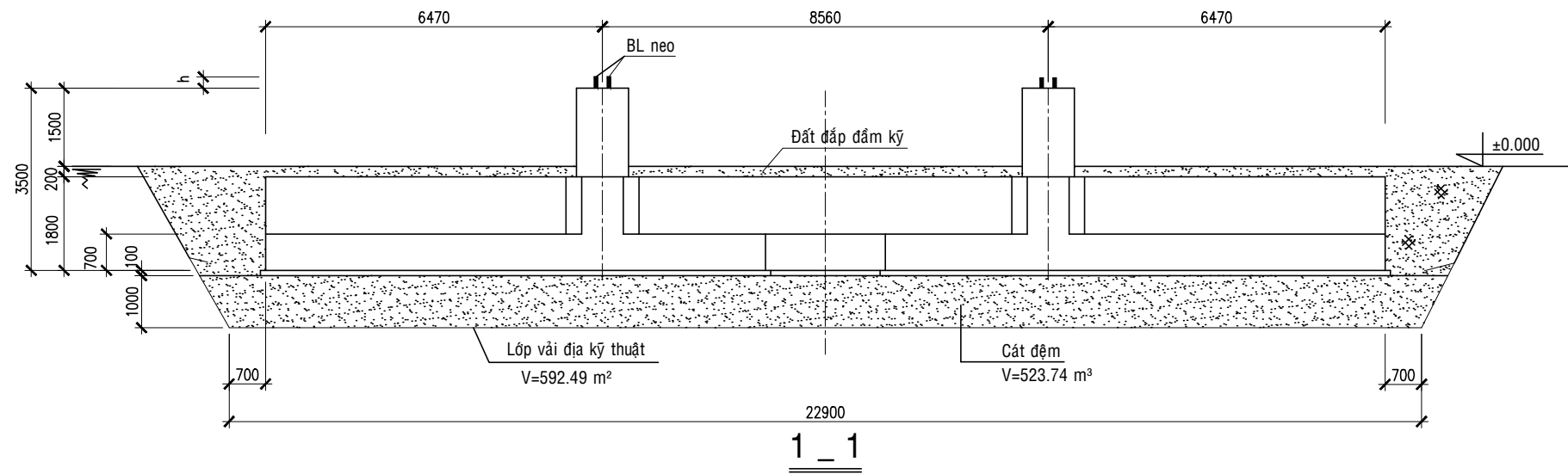
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			CỘT NÉO GÓC N1.3-37.5(90) MÓNG BẢN MB8.56-22x22	
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			ĐD1-16-14D.XD-02/14	

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU CHO 01 MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5

THỂ TÍCH BÊ TÔNG (m³)		KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP (kg)				K.LƯỢNG THÉP TỔNG CỘNG (kg)
B22.5	B7.5	Ø25	Ø14	Ø10	Ø8	
382.49	42.22	8,467.89	12,283.19	1,358.95	1,071.68	23,181.71




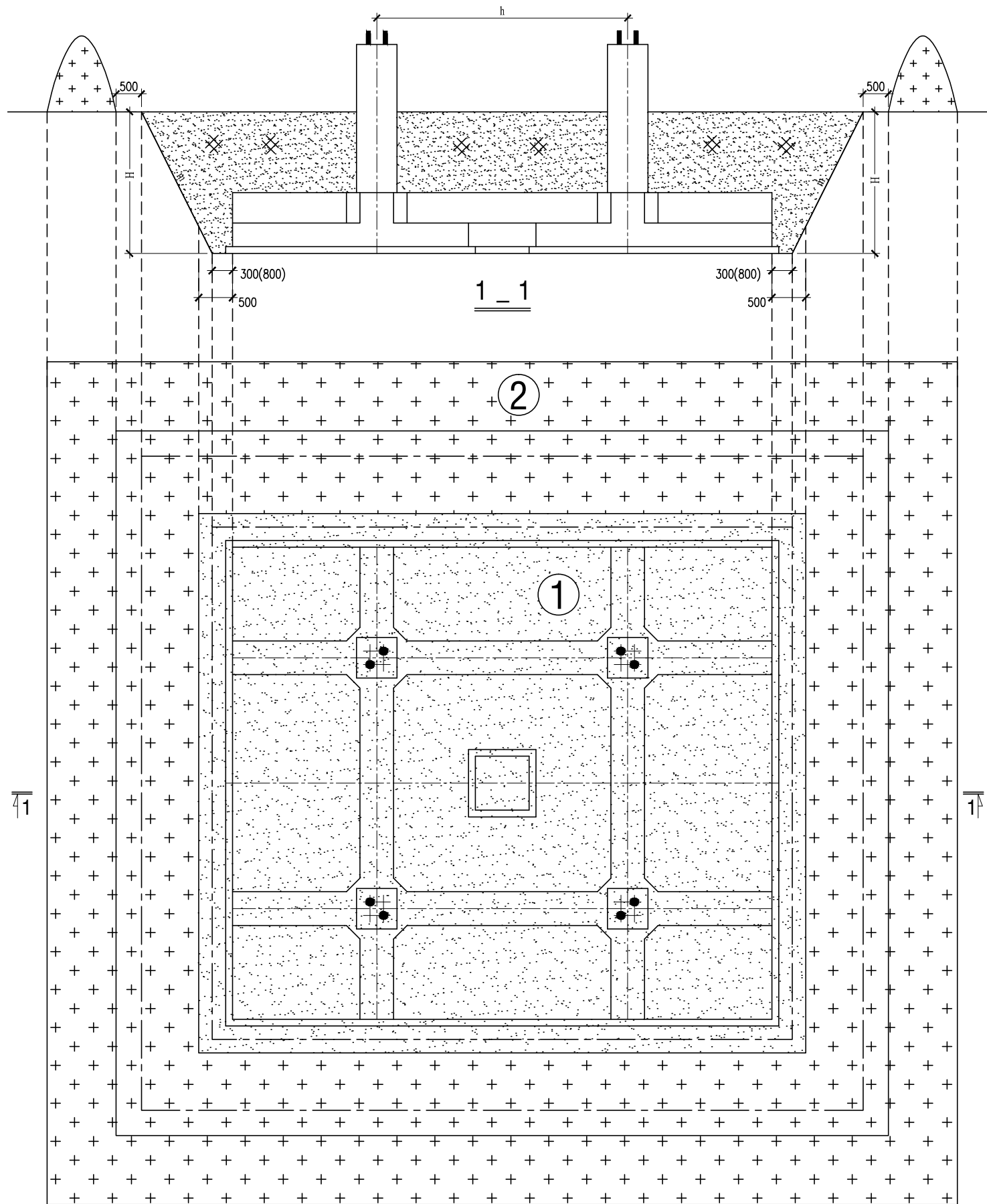
SƠ ĐỒ TOÀN THỂ MÓNG BẢN

Tỷ lệ : 1/125

GHI CHÚ:

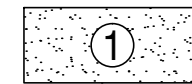
- Xem ghi chú ở bản vẽ ĐD1-16-14D.XD-02/1
- Trước khi lắp dựng phải tiến hành bơm nước và vệ sinh hốc móng

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm				
C.N.L.D.A	Nguyễn Thành Văn			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu			12-2019	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm			ĐD1-16-14D.XD-02/15	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				

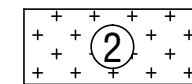


Ghi chú :

- Bản vẽ này chỉ phục vụ cho công tác đền bù giải phóng mặt bằng đối với loại móng bản.




Phần diện tích chiếm đất vĩnh viễn: S1




Phần diện tích đất mượn tạm. Tùy điều kiện địa hình thực tế của từng vị trí móng mà vị trí phạm vi đất đền bù tạm có thể khác so với bản vẽ nhưng diện tích đền bù không được lớn hơn giá trị thiết kế: S2

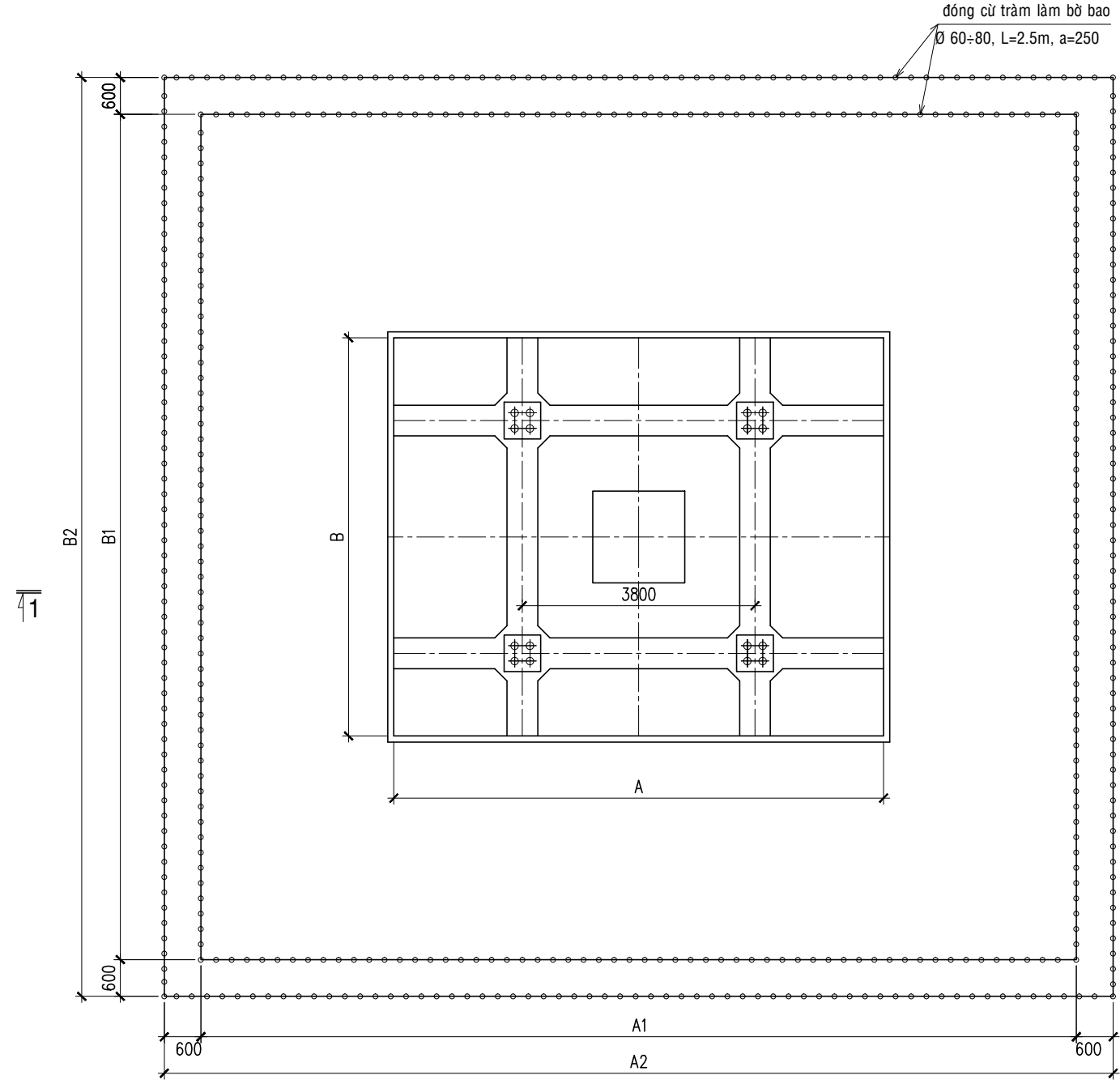
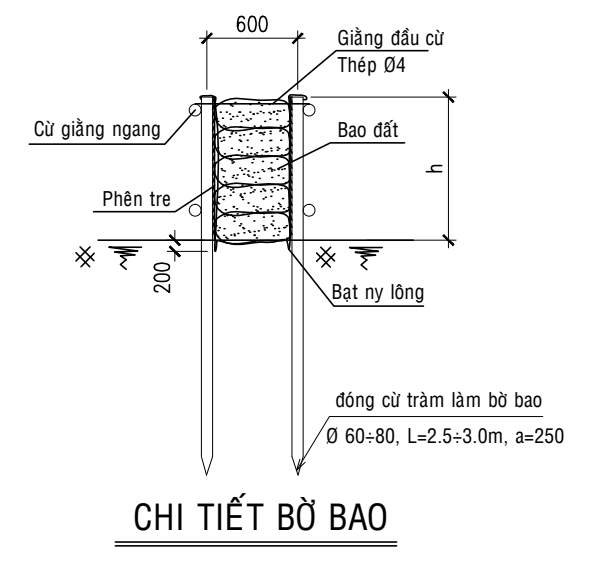
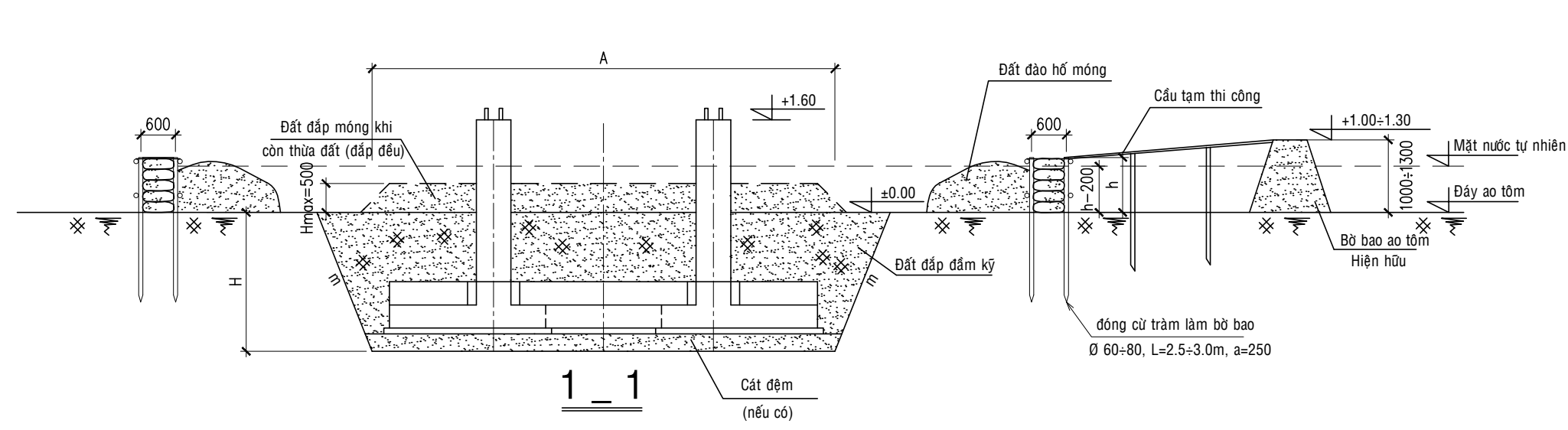
- H và m: Là chiều sâu đất đào và ta luy đào móng.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			BẢN VẼ DIỆN TÍCH THU HỒI ĐẤT MÓNG BẢN CỘT THÉP	
C.N.L.D.A	Lê Anh Tuấn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			12-2019	
				ĐD1-16-14D.XD-02/16	

**BẢNG KÍCH THƯỚC PHẦN CHIẾM ĐẤT VĨNH VIỄN
VÀ MƯỢN ĐẤT ĐỂ THI CÔNG
CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU**

STT	CÔNG DỤNG	LOẠI CỘT	LOẠI MÓNG	SỐ LƯỢNG	KÍCH THƯỚC HỒ MÓNG (m)				PHẦN CHIẾM ĐẤT VĨNH VIỄN			PHẦN ĐẤT MƯỢN TẠM ĐỂ THI CÔNG MÓNG, CỘT			BẢN VẼ THỂ HIỆN
					DÀI A	RỘNG B	SÂU H	TA LUY m	DÀI A1 (m)	RỘNG B1 (m)	DIỆN TÍCH S1 (m ²)	DÀI A2 (m)	RỘNG B2 (m)	DIỆN TÍCH S2 (m ²)	
ĐOẠN ĐƯỜNG DÂY 110KV 02 MẠCH															
1	Móng, cột đỡ	Đ1.2-30	MB3.74-10.5x12.5	41	12.50	10.50	2.40	0.67	13.50	11.50	155.25	22.45	20.45	303.66	ĐD1-16-14D.XD-02/16
2	Móng, cột đỡ	Đ1.2-34	MB4.3-11.5x13	27	13.00	11.50	2.40	0.67	14.00	12.50	175.00	23.32	21.82	333.75	ĐD1-16-14D.XD-02/16
3	Móng, cột đỡ	Đ1.2-38	MB4.8-12x13.5	9	13.50	12.00	2.40	0.67	14.50	13.00	188.50	24.06	22.56	354.22	ĐD1-16-14D.XD-02/16
4	Móng, cột đỡ	Đ1.2-42	MB5.33-12.5x14	3	14.00	12.50	2.40	0.67	15.00	13.50	202.50	24.80	23.30	375.28	ĐD1-16-14D.XD-02/16
5	Móng, cột néo	N1.2-28(30)	MB6.3-13x15.5	18	15.50	13.00	2.70	0.67	16.50	14.00	231.00	28.91	26.41	532.52	ĐD1-16-14D.XD-02/16
6	Móng, cột néo	N1.2-28(45)	MB6.3-15x17	1	17.00	15.00	3.10	0.85	18.00	16.00	288.00	34.74	32.74	849.14	ĐD1-16-14D.XD-02/16
7	Móng, cột néo	N1.2-32(60)	MB7.5-16.5x18.5	1	18.50	16.50	2.70	0.67	19.50	17.50	341.25	33.04	31.04	684.17	ĐD1-16-14D.XD-02/16
8	Móng, cột néo	N1.2-45(60)	MB11.4-19.5x21.5	1	21.50	19.50	2.90	0.67	22.50	20.50	461.25	39.28	37.28	1,003.31	ĐD1-16-14D.XD-02/16
9	Móng, cột néo	N110-2T+9(90)	MB7.5-16x18	1	18.00	16.00	3.10	0.85	19.00	17.00	323.00	36.33	34.33	924.14	ĐD1-16-14D.XD-02/16
ĐOẠN ĐƯỜNG DÂY 110KV 03 MẠCH															
10	Móng, cột néo	Đ1.3-42	MB5.97-12.5x14.5	5	14.50	12.50	2.40	0.67	15.50	13.50	209.25	25.41	23.41	385.52	ĐD1-16-14D.XD-02/16
11	Móng, cột đỡ	Đ1.3-50	MB7.63-14x16	2	14.50	12.50	2.40	0.67	15.50	13.50	209.25	25.41	23.41	385.52	ĐD1-16-14D.XD-02/16
12	Móng, cột đỡ	N1.3-37.5(90)	MB8.56-22x22	2	16.00	14.00	2.40	0.67	17.00	15.00	255.00	29.11	27.11	534.35	ĐD1-16-14D.XD-02/16
13	Móng, cột néo	N1.3-41.5(H)	MB8.56-19.5x21.5	2	22.00	22.00	3.30	0.85	23.00	23.00	529.00	44.49	44.49	1,449.97	ĐD1-16-14D.XD-02/16
TỔNG CỘNG :				113											


Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CHIẾM ĐẤT VĨNH VIỄN VÀ ĐẤT MƯỢN TẠM ĐỂ THI CÔNG			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-02/17			



MẶT BẰNG MÓNG
TL 1/100

TRÌNH TỰ THI CÔNG MÓNG AO TÔM

- Thi công bờ bao :
 - Đóng cừ tràm Ø 60-80, L=2.5÷3.0m, a=250 theo kích thước và cao độ bờ bao như bản vẽ thiết kế, bờ bao cao hơn mặt nước 0.2m.
 - Lót phen tre, phủ vải bạt ny lông ở giữa hai hàng cừ tràm. Phần vải bạt tại chân hai hàng cừ tràm được chèn vào lớp đất đáy ao tôm 0.2m. Phần trên của tấm vải bạt cột chặt vào đầu cừ.
 - Đắp bờ bao bằng bao đất hoặc bao cát.
 - Thi công cầu tạm, cầu tạm được đặt tại vị trí sao cho việc di chuyển thuận tiện, gần kênh xả nước của ao tôm và ngắn nhất.
- Thi công móng :
 - Bơm nước trong phạm vi bờ bao, nước được xả ra kênh xả nước của ao tôm bằng ống dẫn nước đặt trên cầu tạm.
 - Xác định cốt ± 0.00 sao cho mặt trên cổ móng phải cao hơn bờ ao tôm trung bình ít nhất 0.3m để đảm bảo chân cột không bị ngập nước. Trong trường hợp không xác định được cốt ± 0.00 cần báo ngay cho TVTK để có biện pháp xử lý kịp thời.
 - Tiến hành đào móng đến cao độ móng thiết kế, đất đào được để trong phạm vi bờ bao.
 - Đổ bê tông lót sau đó tiến hành lắp đặt cốt thép và đúc bê tông móng. Trong quá trình này phải đảm bảo hố móng luôn luôn khô. Lưu ý trong suốt quá trình bơm nước không được rò rỉ nước ra ngoài ao tôm.
 - Sau khi đúc móng đạt thời gian quy định, tiến hành lấp đất hố móng, tháo dỡ bờ bao và hoàn trả lại mặt bằng.
 - Đất lấp hố móng sử dụng lại đất đào và đất làm bờ bao. Trong trường hợp sau khi lấp đất hố móng đạt cao độ thiết kế mà vẫn còn thừa đất thì có thể dùng phần đất này đắp đều lên trên hố móng nhưng không cao quá 0.5m so với cốt ± 0.00
 - Các vật tư thi công bờ bao được luân chuyển để thi công các vị trí khác, số lần luân chuyển là 3 lần.
- Lưu ý :
 - Trong quá trình thi công móng sẽ có vị trí chỉ cần thiết làm bờ bao 01 cạnh, 02 cạnh, 03 cạnh hoặc không cần làm bờ bao (sử dụng bờ bao hiện hữu của ao tôm làm bờ bao thi công móng do kích thước đất mượn thi công lớn hơn ao tôm). Khi đó khối vật tư làm bờ bao sẽ thay đổi, khối lượng vật tư này sẽ được xác nhận theo thực tế tại hiện trường.
 - Các vị trí móng nằm dưới ao phải xác nhận lại theo thực tế vào thời điểm thi công móng bởi đơn vị giám sát và được sự đồng ý của Ban QLDA, trong trường hợp ao không có nước ở thời điểm thi công hoặc tại vị trí đó không còn là ao nữa thì không nhất thiết phải đắp bờ bao để thi công móng. Khi đó thi công móng sẽ thực hiện như các vị trí móng không nằm trong ao tôm.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BIỆN PHÁP THI CÔNG CÁC VỊ TRÍ MÓNG NẰM TRONG AO TÔM		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-02/18	
C.N.L.D.A	Lê Anh Tuấn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm			12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				

BẢNG KÊ BẢN VẼ BULÔNG NEO VÀ STUB-BAR

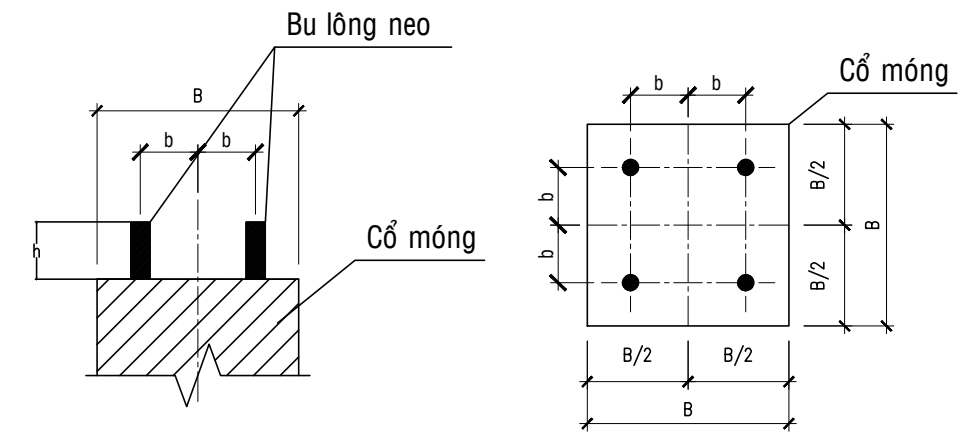
Số TT	Tên bản vẽ	Ký hiệu bulông	Số bản vẽ
1	Bản vẽ chi tiết bulông neo	BL 48-250	ĐD1-16-14D.XD-03/1
2	Bản vẽ chi tiết bulông neo	BL 64-400	ĐD1-16-14D.XD-03/2
3	Bản vẽ chi tiết bulông neo	BL 72-400	ĐD1-16-14D.XD-03/3
4	Bản vẽ chi tiết bulông neo	BL 90-400	ĐD1-16-14D.XD-03/4
5	Bản vẽ chi tiết Stub-bar	N1.3-37.5(90)	ĐD1-16-14D.XD-03/5

GHI CHÚ:


- Bulông neo thiết kế và chế tạo theo TCVN 5575:2012, JIS B1180.
- Đai ốc chế tạo theo TCVN 1896-76, JIS B1181
- Vật liệu chế tạo bulông, đai ốc dùng thép SS400 hoặc CT38.
- Chiều dày đường hàn xem ghi chú trên hình vẽ.
- Que hàn sử dụng loại E511 hoặc có cường độ tương đương.
- Các chi tiết bulông neo mạ kẽm theo tiêu chuẩn 18TCN 04-92.
- Thép tròn sử dụng: <= Ø10 dùng loại CB240-T (AI)
>=Ø12 dùng loại CB400-V (AIII)
- Stub-bar : thiết kế và chế tạo cùng với cột thép, chi tiết xem bản vẽ chế tạo cột.

KÍCH THƯỚC BỐ TRÍ VÀ KHỐI LƯỢNG BULÔNG NEO

STT	Bulông	h (mm)	b (mm)	Số bộ/móng	01 chiếc	Khối lượng cho 1 móng (kg)
						Cho 4T
1	BL36-250	160	125	8cặp/móng	25.27	202.19
2	BL42-250	180	125	8cặp/móng	37.29	298.32
3	BL48-250	200	125	8cặp/móng	53.85	430.78
4	BL56-300	200	150	16bộ/móng	39.04	624.67
5	BL64-400	220	200	16bộ/móng	54.66	874.54
6	BL72-400	250	200	16bộ/móng	64.11	1025.70
7	BL80-400	250	200	16bộ/móng	87.49	1399.85
8	BL90-400	270	200	16bộ/móng	128.55	2,056.78

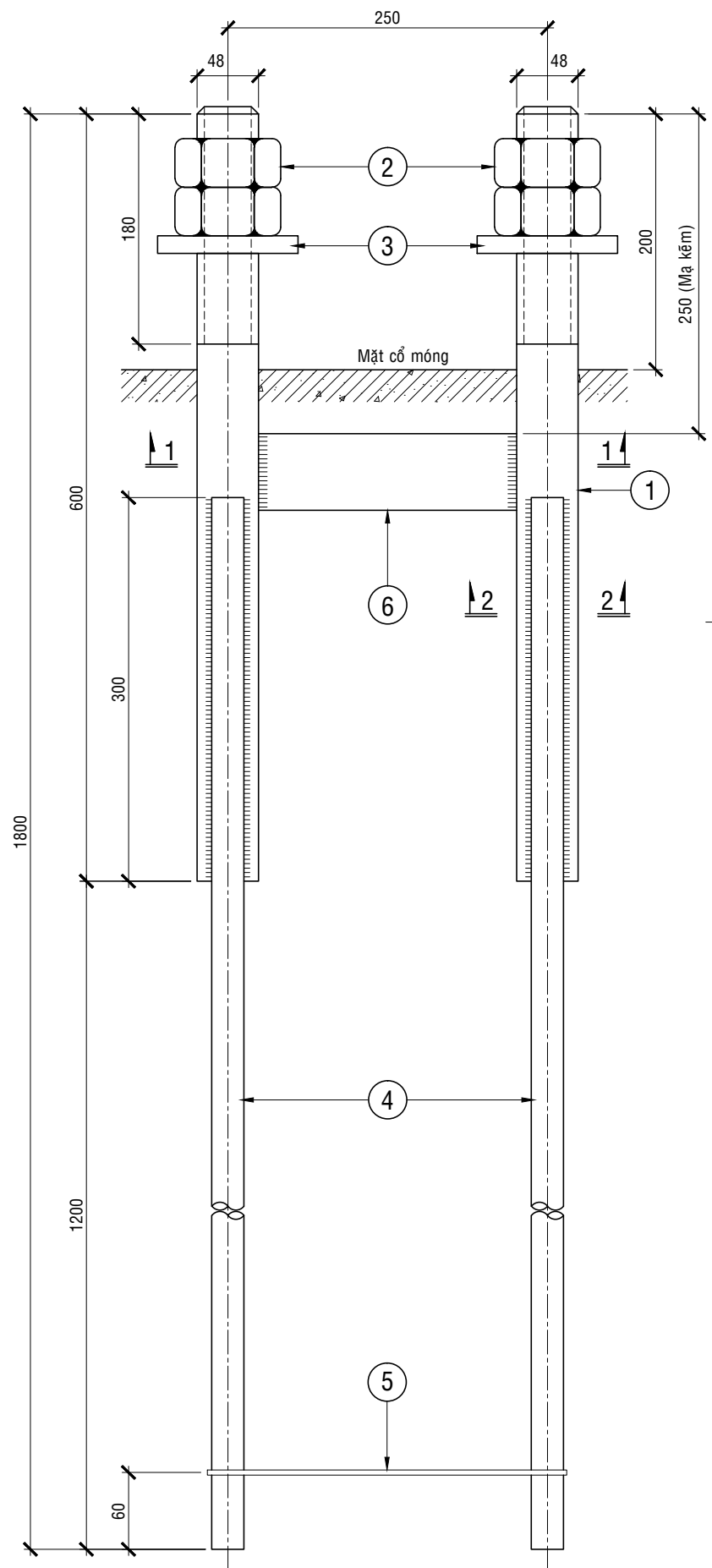


BỐ TRÍ BU LÔNG NEO TRÊN CỔ MÓNG

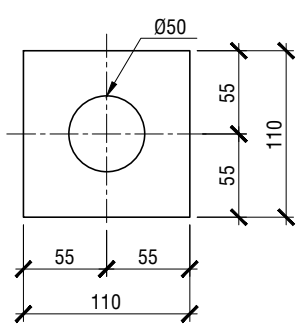
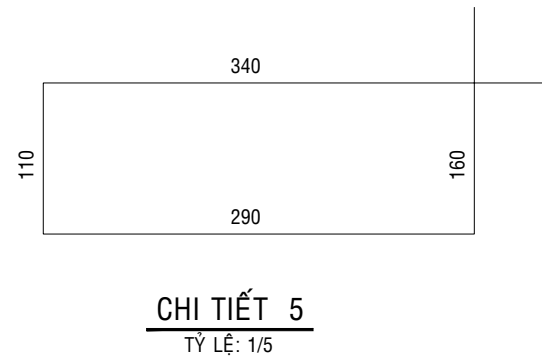
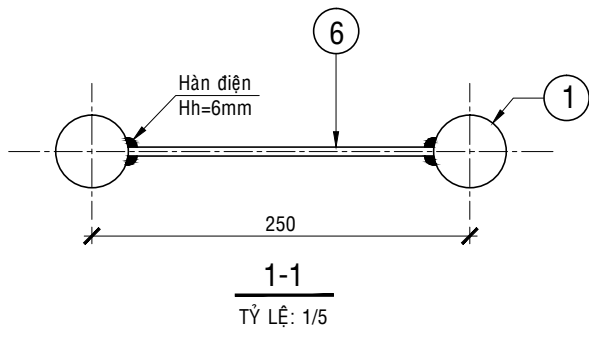
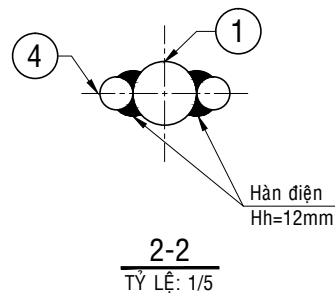
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	LIÊN KẾT CỘT VÀ MÓNG BU LÔNG NEO			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-03		Tờ 1/1	

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

Cấu kiện	Số hiệu	Tên chi tiết	Quy cách	Chiều dài 1 thanh (mm)	Số lượng	Cho 1 cấu kiện		Khối lượng tổng cộng (kg)	Ghi chú
						Đơn vị (kg)	Khối lượng		
BL48-250	1	Bu lông M48	Ø48	600	2	8.52	17.05	53.85	Mạ kẽm
	2	Đai ốc M48		H=38	4	0.96	3.84		Mạ kẽm
	3	Vòng đệm	d=16	110x110	2	1.52	3.04		Mạ kẽm
	4	Thanh neo	Ø28	1500	4	7.25	29.00		
	5	Thanh giằng	Ø8	900	1	0.36	0.36		
	6	Bản giằng	d=6	200x60	1	0.57	0.57		



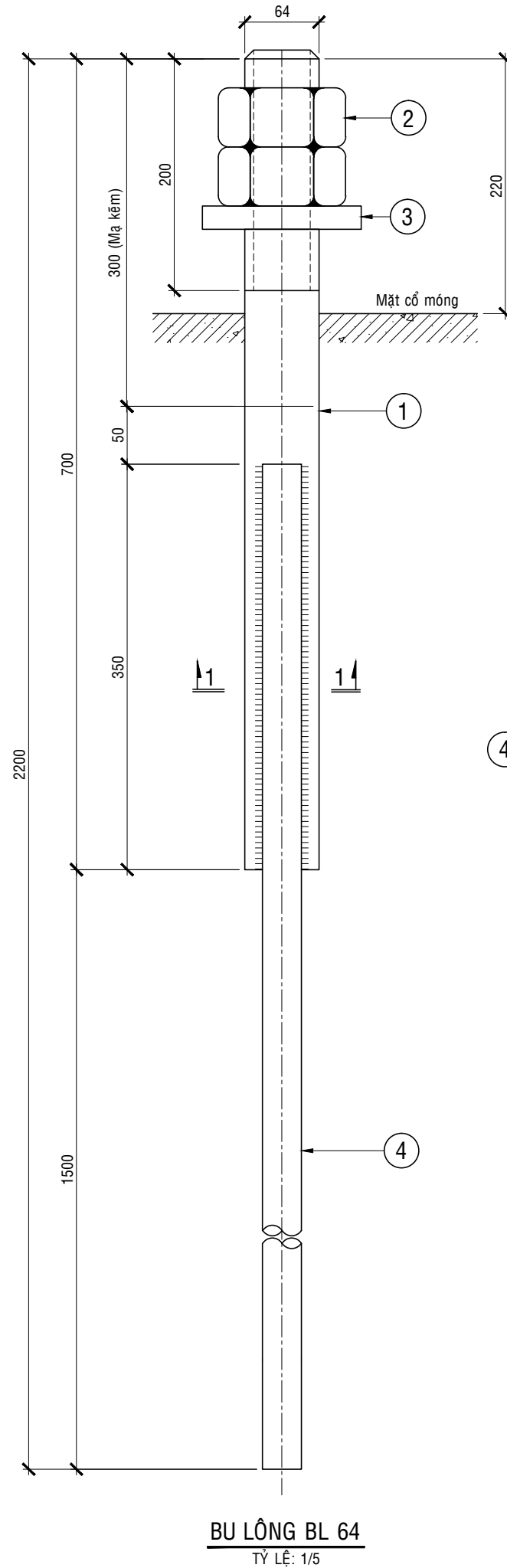
BU LÔNG BL 48-250
TỶ LỆ: 1/5



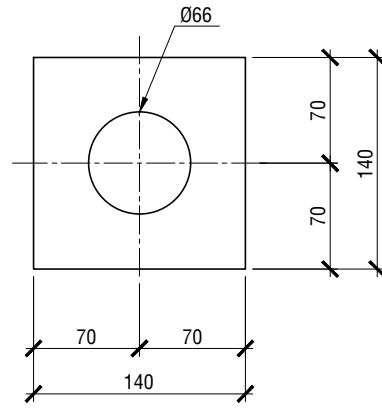
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú tại bản vẽ: DD1-16-14D.XD-03

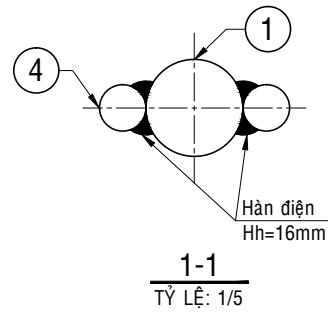
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL48-250		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DD1-16-14D.XD-03/1	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			12-2019 Tờ 1/1	



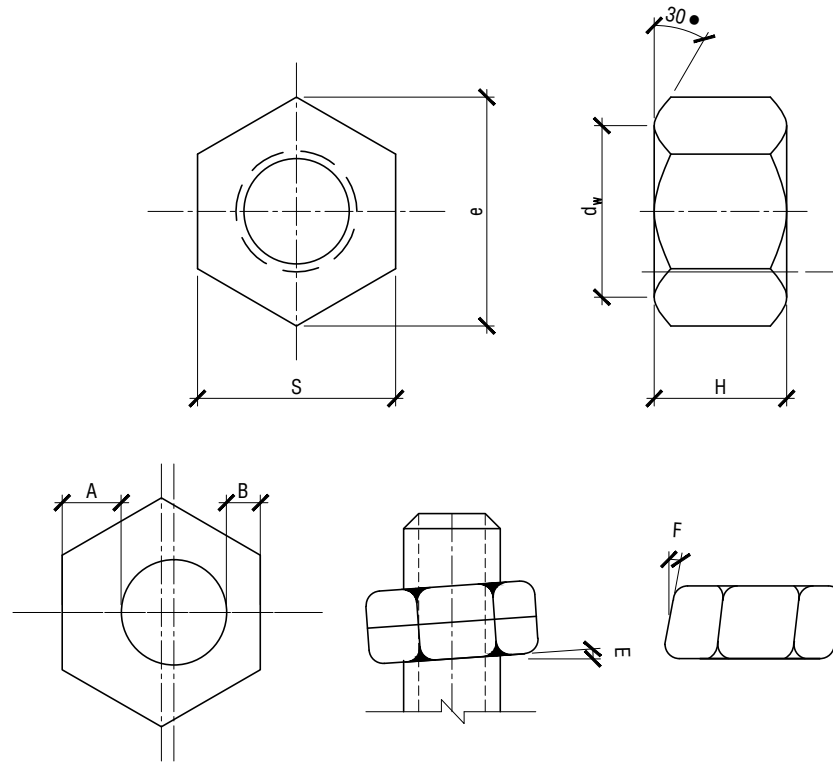
BU LÔNG BL 64
TỶ LỆ: 1/5



CHI TIẾT 3
TỶ LỆ: 1/5



1-1
TỶ LỆ: 1/5



CHI TIẾT 2


BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

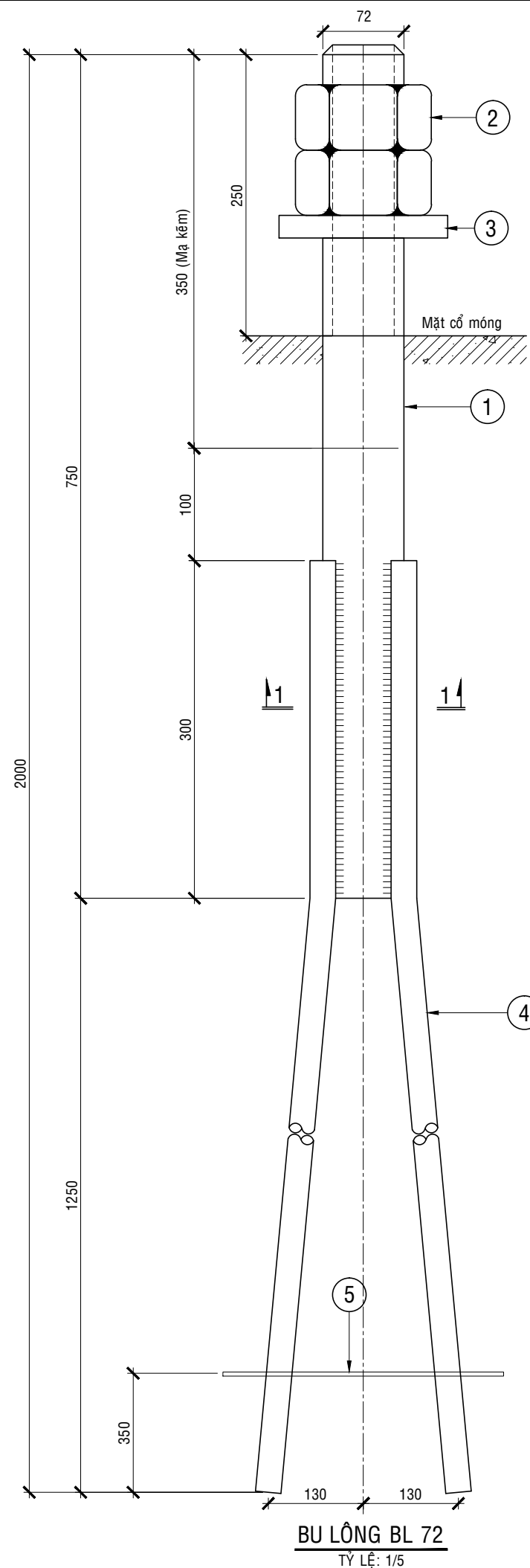
Cấu kiện	Số hiệu	Tên chi tiết	Quy cách	Chiều dài 1 thanh (mm)	Số lượng	Cho 1 cấu kiện		Khối lượng tổng cộng (kg)	Ghi chú
						Đơn vị (kg)	Khối lượng		
BL64	1	Bu lông M64	Ø64	700	1	17.68	17.68	54.66	Mạ kẽm
	2	Đai ốc M64		H=51	2	2.17	4.34		Mạ kẽm
	3	Vòng đệm	d=20	140x140	1	3.08	3.08		Mạ kẽm
	4	Thanh neo	Ø36	1850	2	14.78	29.56		

Đai ốc	Kích thước (mm)
Đường kính danh nghĩa của ren d	64
Bước ren p	6
S	95
e	110
d _w	92
H	51
A-B (lớn nhất)	3
E, F (lớn nhất)	1

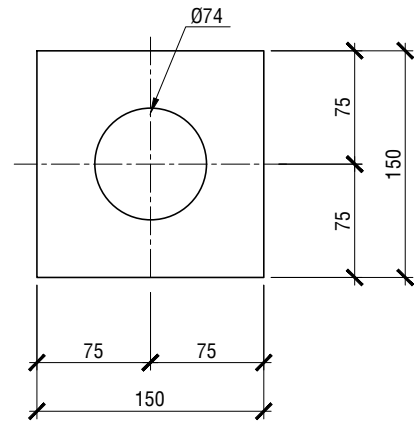
GHI CHÚ:

- Xem ghi chú tại bản vẽ: DD1-16-14D.XD-03

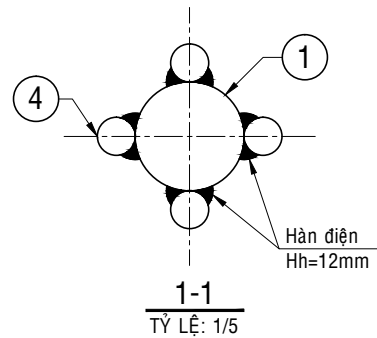
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL64-400	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			DD1-16-14D.XD-03/2	Tờ 1/1



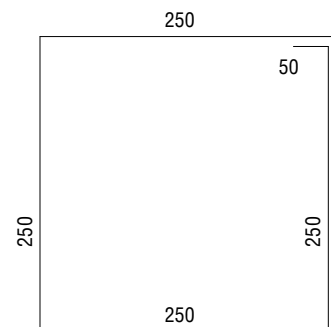
BU LÔNG BL 72
TỶ LỆ: 1/5



CHI TIẾT 3
TỶ LỆ: 1/5



1-1
TỶ LỆ: 1/5



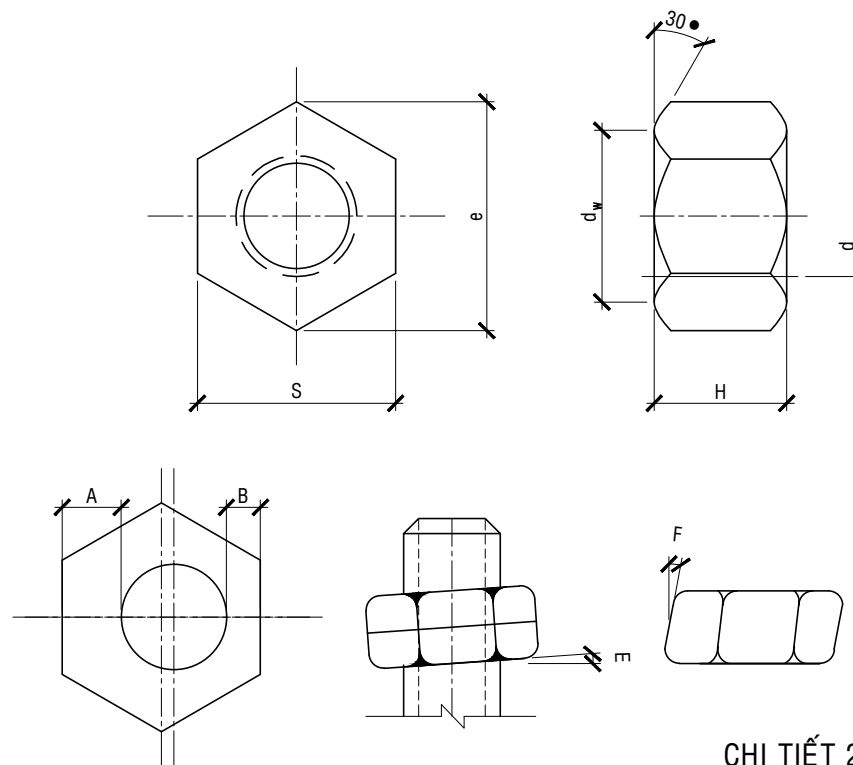
CHI TIẾT 5
TỶ LỆ: 1/5

GHI CHÚ:

- Xem ghi chú tại bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-03

BẢNG TỔNG HỢP VẬT LIỆU

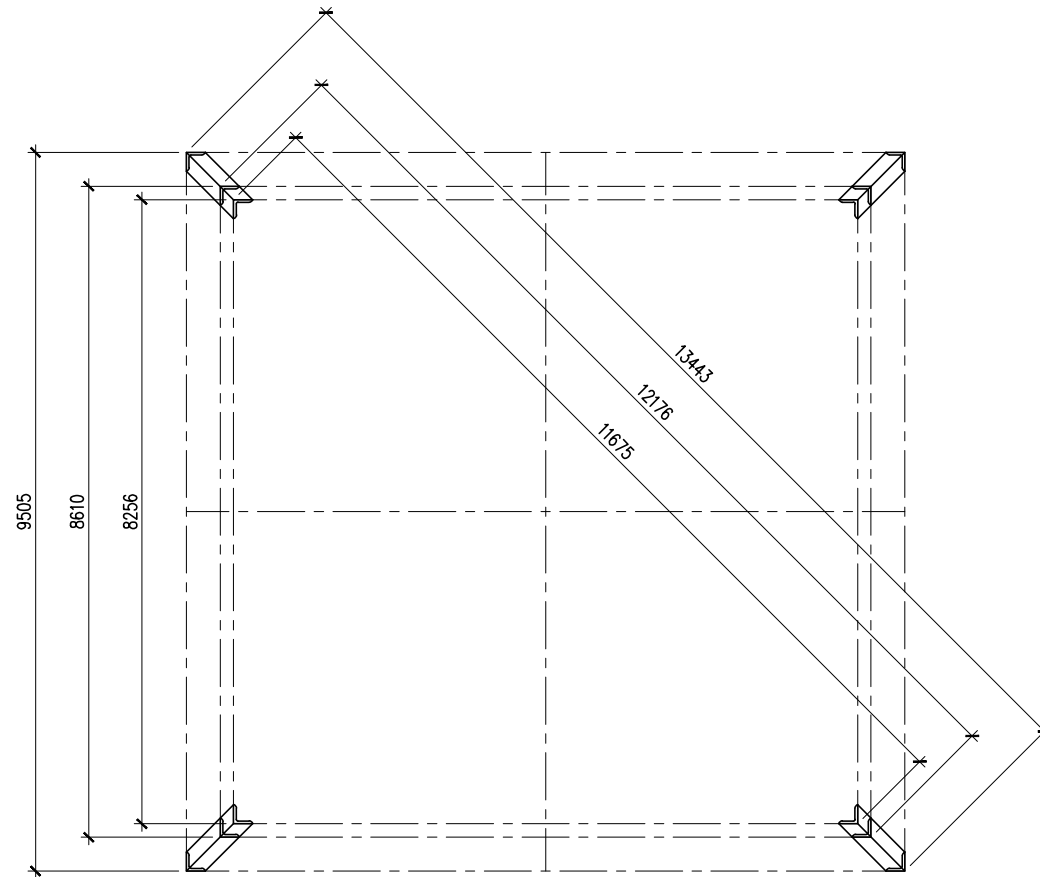
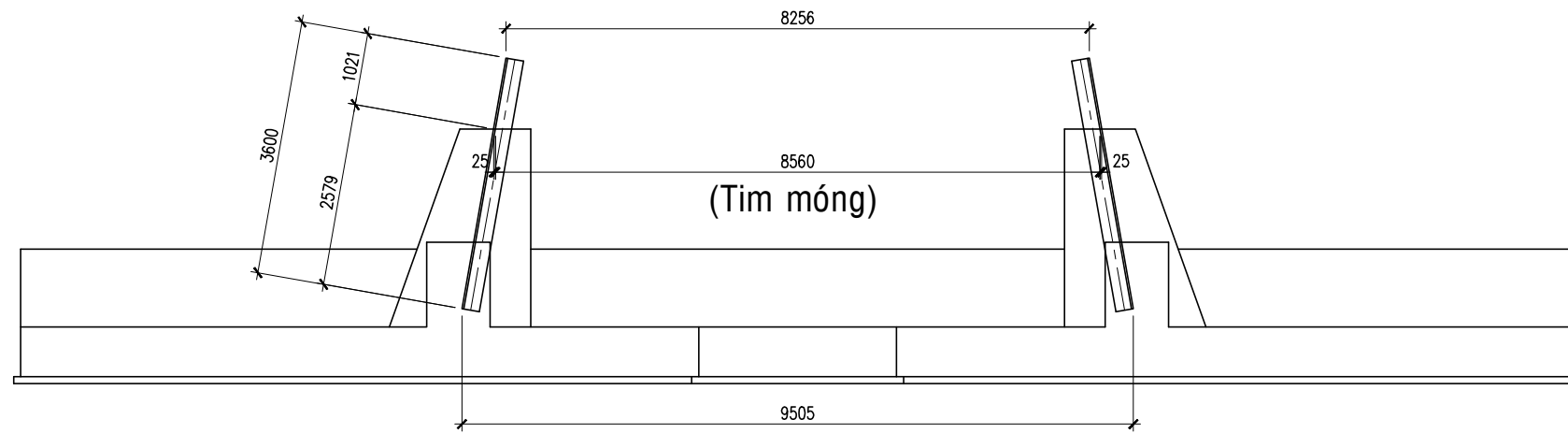
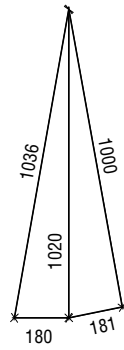
Cấu kiện	Số hiệu	Tên chi tiết	Quy cách	Chiều dài 1 thanh (mm)	Số lượng	Cho 1 cấu kiện		Khối lượng tổng cộng (kg)	Ghi chú
						Đơn vị (kg)	Khối lượng		
BL72	1	Bu lông M72	Ø72	750	1	23.97	23.97	64.11	Mạ kẽm
	2	Đai ốc M72		H=58	2	3.10	6.20		Mạ kẽm
	3	Vòng đệm	d=20	150x150	1	3.53	3.53		Mạ kẽm
	4	Thanh neo	Ø28	1550	4	7.49	29.97		
	5	Thanh giằng	Ø8	1100	1	0.43	0.43		



CHI TIẾT 2

Đai ốc	Kích thước (mm)
Đường kính danh nghĩa của ren d	72
Bước ren p	6
S	105
e	121
d _w	102
H	58
A-B (lớn nhất)	3.3
E, F (lớn nhất)	1

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT BU LÔNG NEO BL72-400		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-03/3		12-2019 Tờ 1/1	




SƠ ĐỒ STUB N1.3-37.5(90)

TL: 1/100

GHI CHÚ :


- Xem cùng bản vẽ sơ đồ toàn thể móng số: ĐD1-16-14D.XD-02/13.

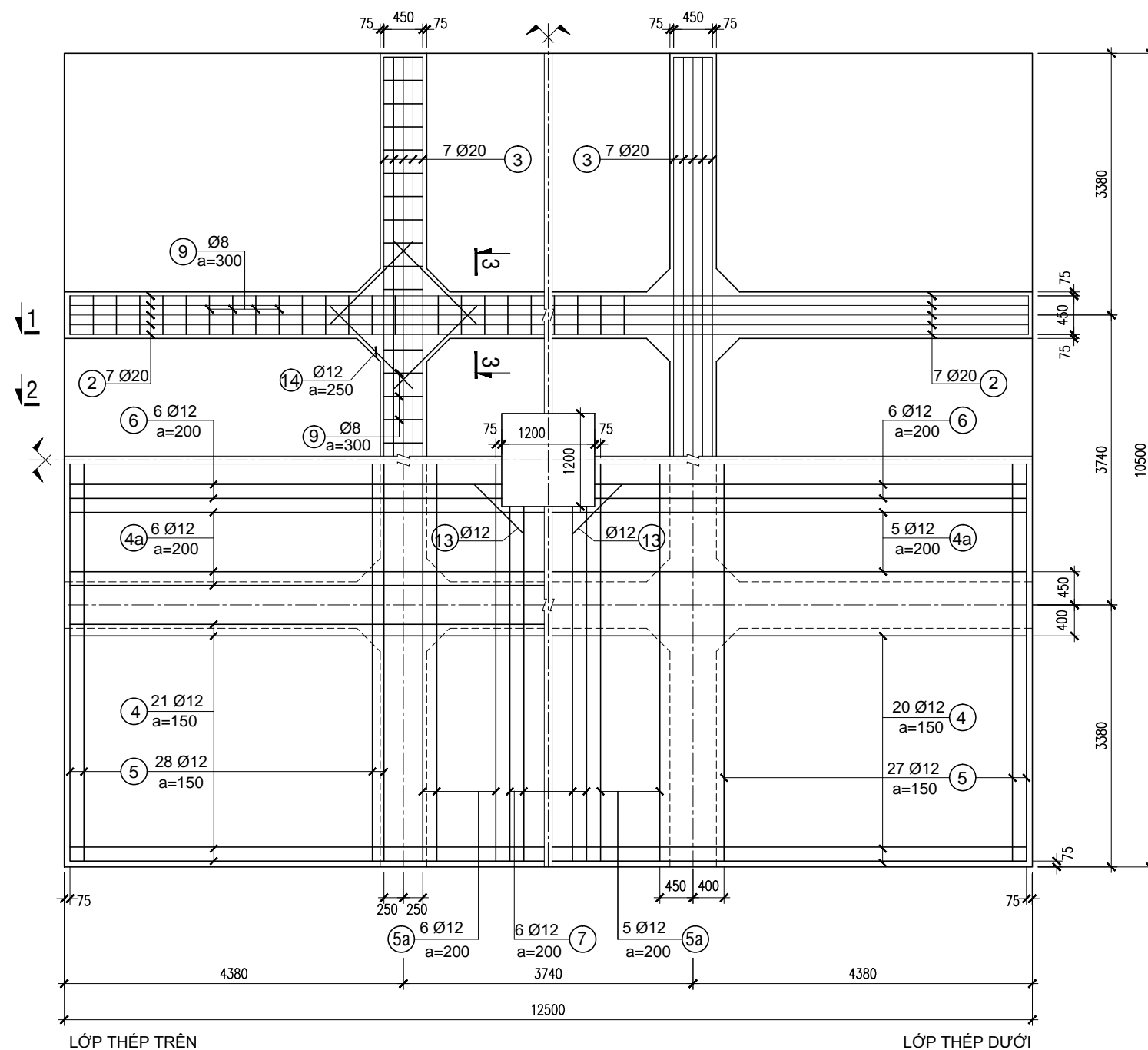
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA  CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	SƠ ĐỒ BỐ TRÍ STUB-BAR SỬ DỤNG CHO CỘT N1.3-37.5(90)			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-03/5		Tờ 1/1	

LIỆT KÊ BẢN VẼ CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN			
STT	TÊN MÓNG	KÝ HIỆU MÓNG	SỐ BẢN VẼ
2	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB3.74-10.5x12.5	ĐD1-16-14D.XD-04/1
3	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB4.3-11.5x13	ĐD1-16-14D.XD-04/2
4	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB4.8-12x13.5	ĐD1-16-14D.XD-04/3
5	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB5.33-12.5x14	ĐD1-16-14D.XD-04/4
6	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB6.3-13x15.5	ĐD1-16-14D.XD-04/5
7	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB6.3-15x17	ĐD1-16-14D.XD-04/6
8	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB7.5-16.5x18.5	ĐD1-16-14D.XD-04/7
9	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB11.4-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-04/8
10	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB6.3-15.5x17.5	ĐD1-16-14D.XD-04/9
11	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB7.5-16x18	ĐD1-16-14D.XD-04/10
12	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB5.97-12.5x14.5	ĐD1-16-14D.XD-04/11
13	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB7.63-14x16	ĐD1-16-14D.XD-04/12
14	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB8.56-22x22	ĐD1-16-14D.XD-04/13
15	CHI TIẾT MÓNG BÀN	MB8.56-19.5x21.5	ĐD1-16-14D.XD-04/14

CÁC GHI CHÚ CHUNG:

- CHUNG LOẠI CỘT VÀ MÓNG XEM TRONG BẢN VẼ MẶT CẮT DỌC VÀ TÔNG KÊ. NẾU CÓ SAI KHÁC NHÀ THẦU PHẢI BÁO CHỦ ĐẦU TƯ VÀ THIẾT KẾ BIẾT ĐỂ XỬ LÝ KỊP THỜI.
- XÁC ĐỊNH CỘT +0.00:
 - + CỘT +0.00 LẤY TẠI CAO ĐỘ MẶT ĐẤT TỰ NHIÊN TẠI TIM MÓNG.
 - + ĐỐI VỚI CÁC VỊ TRÍ MÓNG NẪM Ở ĐỊA HÌNH THẤP THÌ CỘT +0.00 ĐƯỢC XÁC ĐỊNH SAO CHO CỘT MÓNG CAO HƠN BỜ BAO XUNG QUANH TỐI THIỂU 0.5M ĐỂ CHỐNG NGẬP
- BÊ TÔNG:
 - + BÊ TÔNG ĐÚC MÓNG CẤP BỀN B22.5(M300) ĐÁ 2X4 (HOẶC 1X2), PHỤ GIA SILICAFUME 5% TRÊN KHỐI LƯỢNG XI MĂNG.
 - + BÊ TÔNG LÓT CẤP BỀN B7.5(M100) ĐÁ 4X6
- CÓT THÉP:
 - + THÉP <=Ø10: CB240T HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (AI, CI)
 - + THÉP >=Ø12: CB400V HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (AIII, CIII)
 - + NỐI CỐT THÉP MÓNG TUẦN THỦ THEO TCVN 4453-1995
- TRONG TRƯỜNG HỢP ĐỊA CHẤT, ĐỊA HÌNH CÓ THAY ĐỔI LỚN CẦN BÁO NGAY ĐỂ CÓ BIỆN PHÁP XỬ LÝ KỊP THỜI.
- ĐẤT ĐÁP HỒ MÓNG TỪNG LỚP DÀY 20-30CM, ĐẠT DUNG TRỌNG TỰ NHIÊN >=1.50T/M3, HỆ SỐ ĐÀM NÉN K>=0.85, QUY TRÌNH THỰC HIỆN THUỘC TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU. TRƯỚC KHI LẮP MÓNG PHẢI BƠM NƯỚC RA KHỎI HỒ MÓNG.
- ĐẤT THỪA ĐƯỢC DÙNG ĐỂ ĐÁP LẠI TRÊN MÓNG TRONG DIỆN TÍCH ĐÈN BÙ, TẠO DỐC 5% THOÁT NƯỚC THEO ĐỊA HÌNH.
- CHI TIẾT BỐ TRÍ BU LÔNG NEO TRÊN CỘT MÓNG XEM BẢN VẼ ĐD1-16-14D.XD-03. CÁC BU LÔNG NEO SAU KHI XIẾT CHẶT ĐẾN ĐỘ CHỖI THÌ TIẾN HÀNH PHÁ REN THEO QUY ĐỊNH, SAU ĐÓ SƠN LẠI BẰNG SƠN GIÀU KÉM.
- TRỤC ĐƯỜNG DÂY CÁC CỘT NÉO ĐẦU NÓI, NÉO RẼ, NÉO CUỐI, ... THÌ KHI XÁC ĐỊNH HƯỚNG XOAY CỦA MÓNG VÀ CỘT PHẢI KẾT HỢP XEM BẢN VẼ BÌNH ĐỒ ĐẦU NÓI, GIAO CHÉO, NÉO RẼ...(Ở BẢN VẼ PHẦN ĐIỆN), NẾU CÓ BẤT THƯỜNG PHẢI BÁO CHỦ ĐẦU TƯ VÀ TVTK ĐỂ XỬ LÝ.
- QUÁ TRÌNH THI CÔNG TUẦN THỦ THEO CHỈ DẪN KỸ THUẬT VÀ CÁC TIÊU CHUẨN HIỆN HÀNH NHƯ: TCVN4447:2012, TCVN4453:1995, TCVN9394:2012,....., QUYẾT ĐỊNH SỐ 1623/QĐ-EVNNPT NGÀY 27/7/2016 CỦA EVNNPT VÀ CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm		BẢN VẼ CHI TIẾT CÁC LOẠI MÓNG TRÊN TUYẾN		
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019	
			ĐD1-16-14D.XD-04	Tờ 1/1	



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB3.74-10.5x12.5

SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		20	3600	64	230.40
2		20	12350	28	345.80
3		20	10350	28	289.80
4		12	12350	86	1,062.10
4a		12	12350	22	271.70
5		12	10350	114	1,179.90
5a		12	10350	22	227.70
6		12	5500	24	132.00
7		12	4500	24	108.00
8		10	326	1064	346.86
9		8	3200	140	448.00
10		8	2000	60	120.00
11		8	1820	52	94.64
12		10	640	80	51.20
13		12	1200	8	9.60
14		12	1700	64	108.80

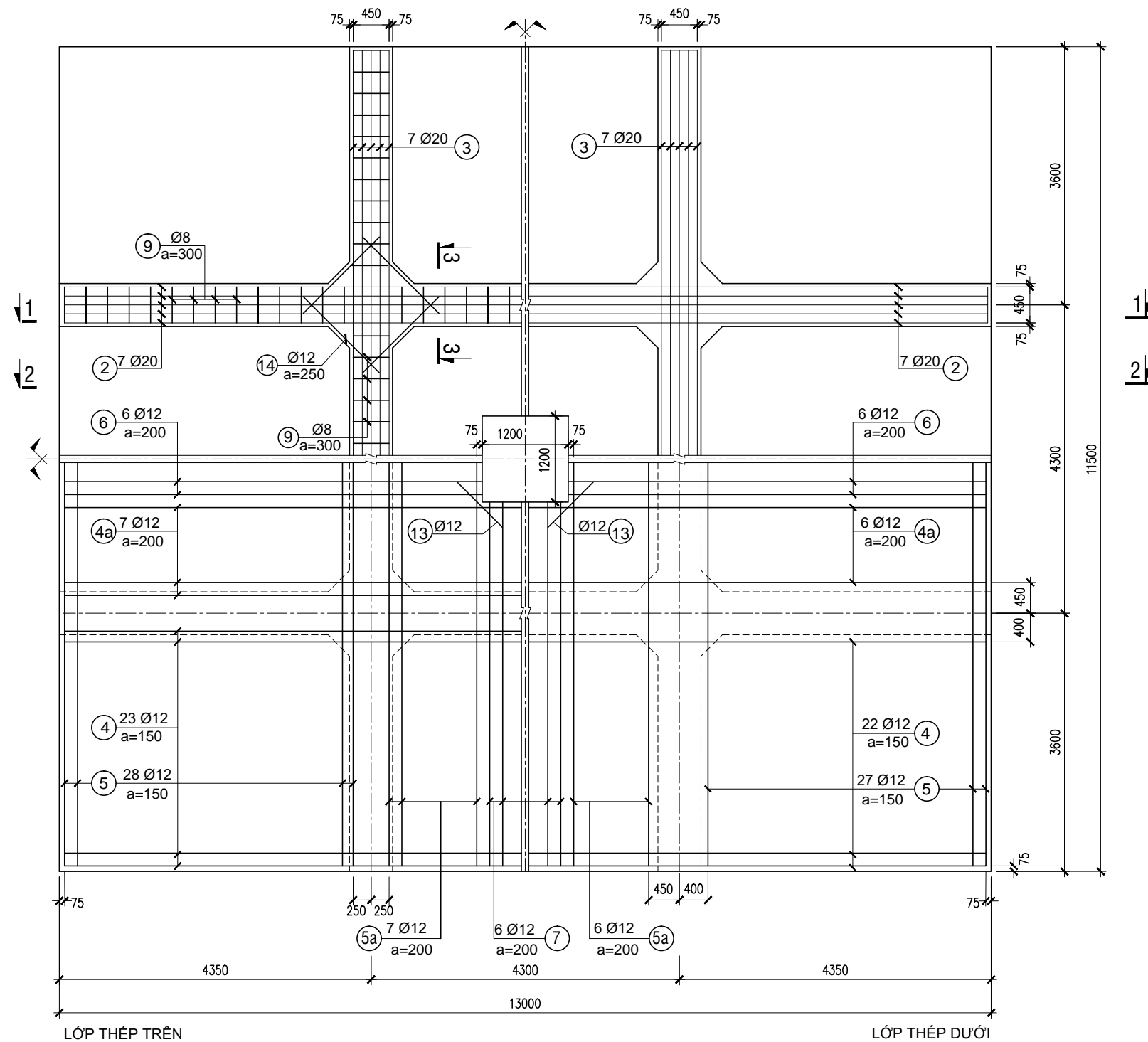
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
20	866.00	2,134.69	5,390.50
12	3,099.80	2,749.52	
10	398.06	245.21	
8	662.64	261.08	

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/2.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB3.74-10.5x12.5			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	ĐD1-16-14D.XD-04/1	12-2019	Tờ 1/2



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG

TỶ LỆ : 1/75

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB4.3-11.5x13

SỐ HIỆU	HÌNH DÁN THANG	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		20	3600	64	230.40
2		20	12850	28	359.80
3		20	11350	28	317.80
4		12	12850	94	1,207.90
4a		12	12850	26	334.10
5		12	11350	114	1,293.90
5a		12	11350	26	295.10
6		12	5750	24	138.00
7		12	5000	24	120.00
8		10	326	1138	370.99
9		8	3200	152	486.40
10		8	2000	60	120.00
11		8	1820	52	94.64
12		10	640	80	51.20
13		12	1200	8	9.60
14		12	1700	64	108.80

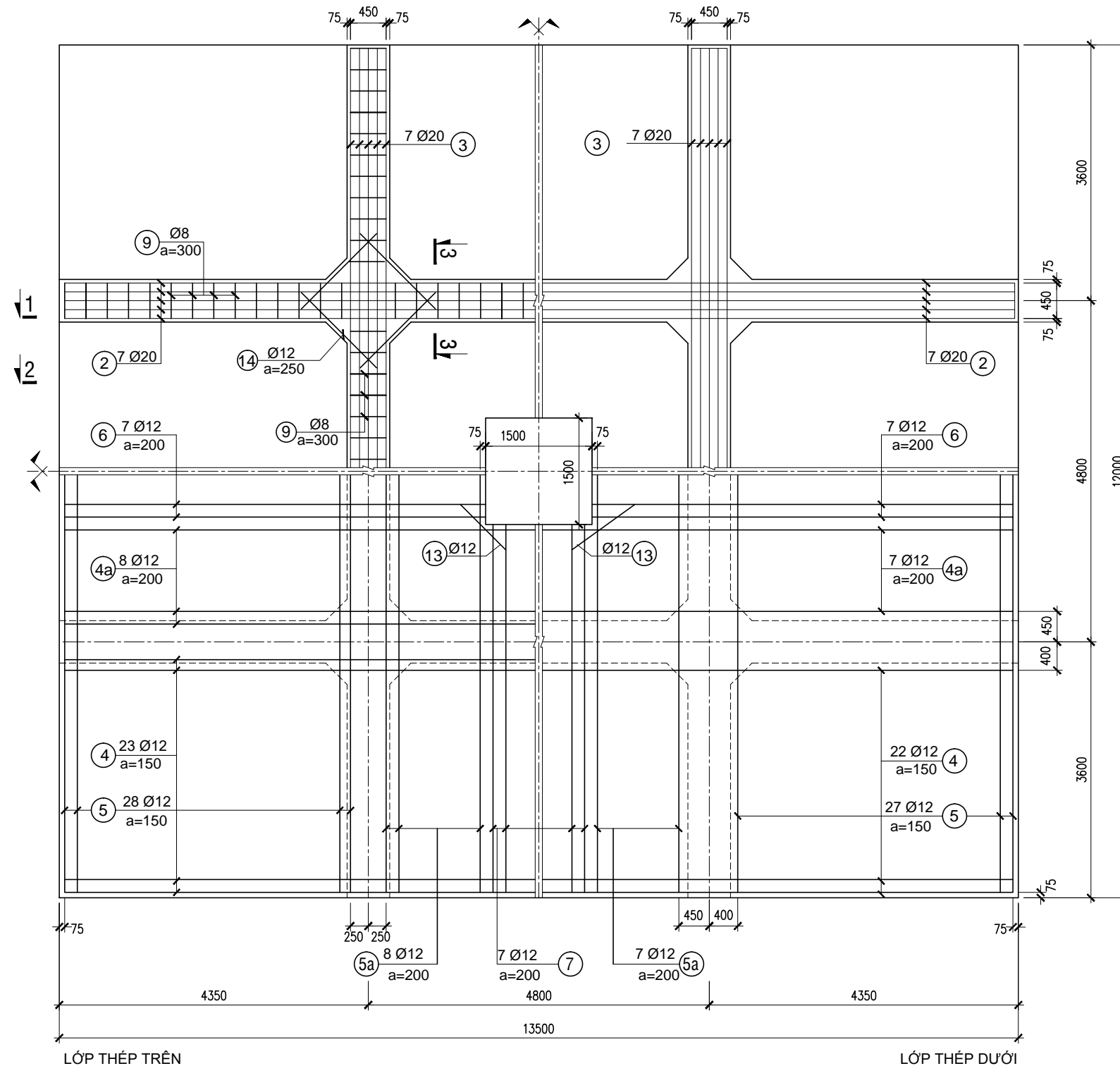
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
20	908.00	2,238.22	5,885.56
12	3,507.40	3,111.06	
10	422.19	260.07	
8	701.04	276.21	

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/3.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.3-11.5x13			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	ĐD1-16-14D.XD-04/2	12-2019	Tờ 1/2



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB4.8-12x13.5

SỐ HIỆU	HÌNH DÁN THANG	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		20	3600	64	230.40
2		20	13350	28	373.80
3		20	11850	28	331.80
4		12	13350	94	1,254.90
4a		12	13350	30	400.50
5		12	11850	114	1,350.90
5a		12	11850	30	355.50
6		12	5850	28	163.80
7		12	5100	28	142.80
8		10	326	1278	416.63
9		8	3200	156	499.20
10		8	2000	60	120.00
11		8	1820	52	94.64
12		10	640	80	51.20
13		12	1200	8	9.60
14		12	1700	64	108.80

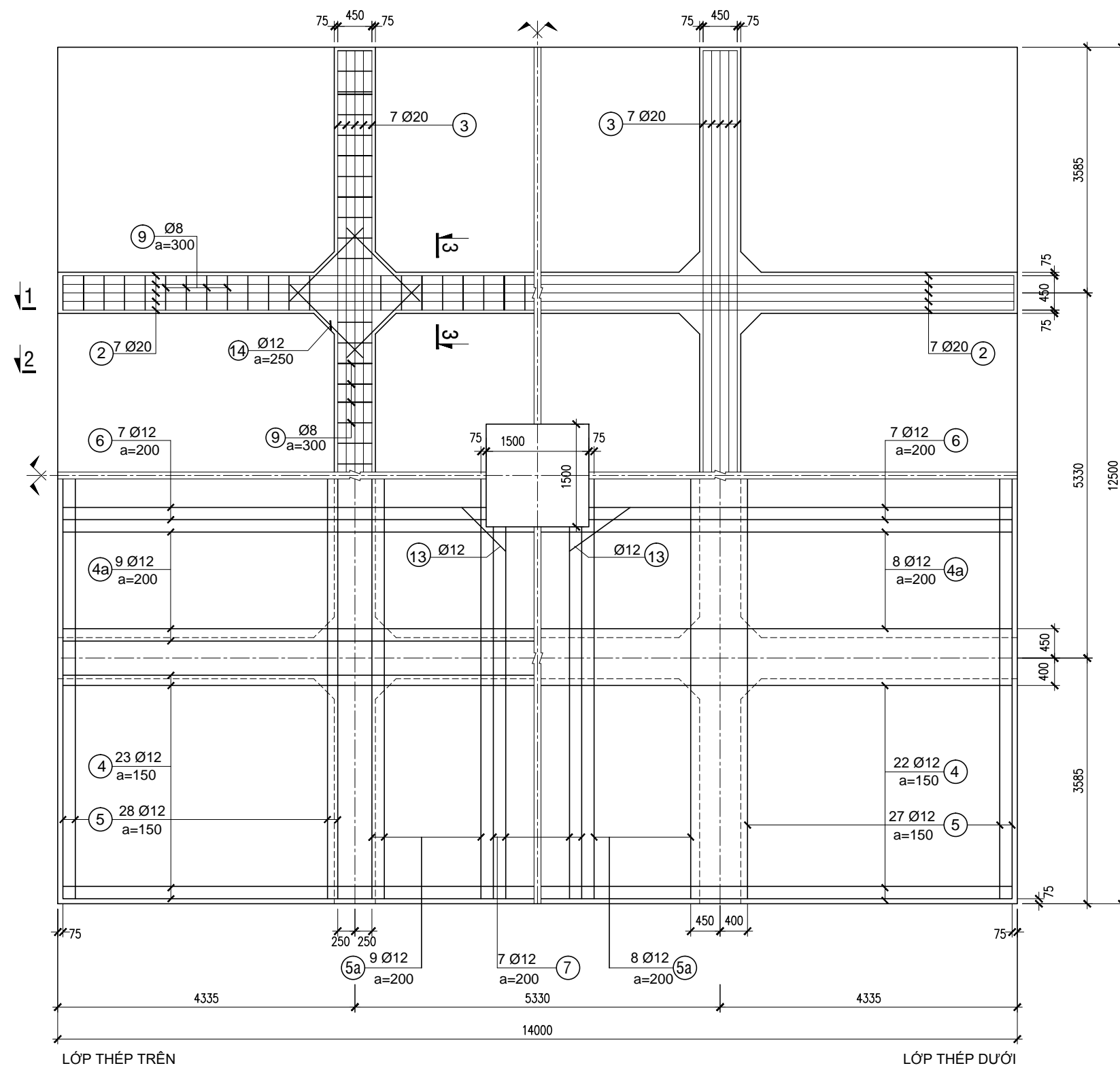
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
20	936.00	2,307.24	6,235.56
12	3,786.80	3,358.89	
10	467.83	288.18	
8	713.84	281.25	

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/4.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.8-12x13.5			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	ĐD1-16-14D.XD-04/3	12-2019	Tờ 1/2



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB5.33-12.5x14

SỐ HIỆU	HÌNH DÁN THANG	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		20	3600	64	230.40
2		20	13850	28	387.80
3		20	12350	28	345.80
4		12	13850	94	1,301.90
4a		12	13850	34	470.90
5		12	12350	114	1,407.90
5a		12	12350	34	419.90
6		12	6100	28	170.80
7		12	5350	28	149.80
8		10	326	1278	416.63
9		8	3200	164	524.80
10		8	2000	60	120.00
11		8	1820	52	94.64
12		10	640	80	51.20
13		12	1200	8	9.60
14		12	1700	64	108.80

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
20	964.00	2,376.26	6,538.91
12	4,039.60	3,583.13	
10	467.83	288.18	
8	739.44	291.34	

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/5.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.33-12.5x14		
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/4 12-2019 Tờ 1/2	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB6.3-13x15.5

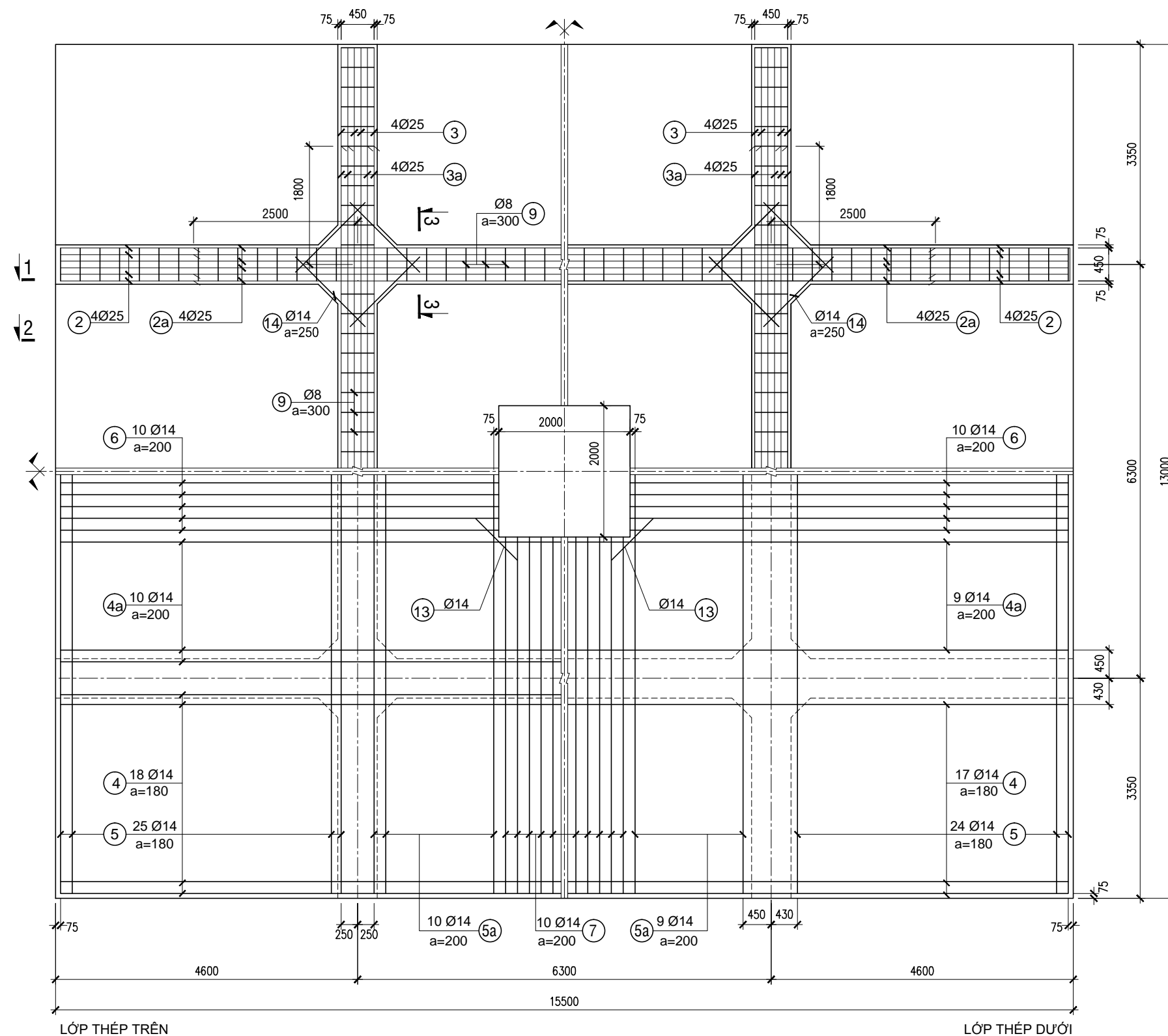
SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		25	3600	80	288.00
2		25	15350	16	245.60
2a		25	11300	16	180.80
3		25	12850	16	205.60
3a		25	9900	16	158.40
4		14	15350	74	1,135.90
4a		14	15350	38	583.30
5		14	12850	102	1,310.70
5a		14	12850	38	488.30
6		14	6600	40	264.00
7		14	5350	40	214.00
8		10	422	1262	532.56
9		8	3200	176	563.20
10		8	2800	60	168.00
11		8	2300	52	119.60
12		10	840	112	94.08
13		14	1200	8	9.60
14		14	1700	48	81.60

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
25	1,078.40	4,152.92	9,811.73
14	4,087.40	4,937.58	
10	626.64	386.01	
8	850.80	335.22	

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/6.



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

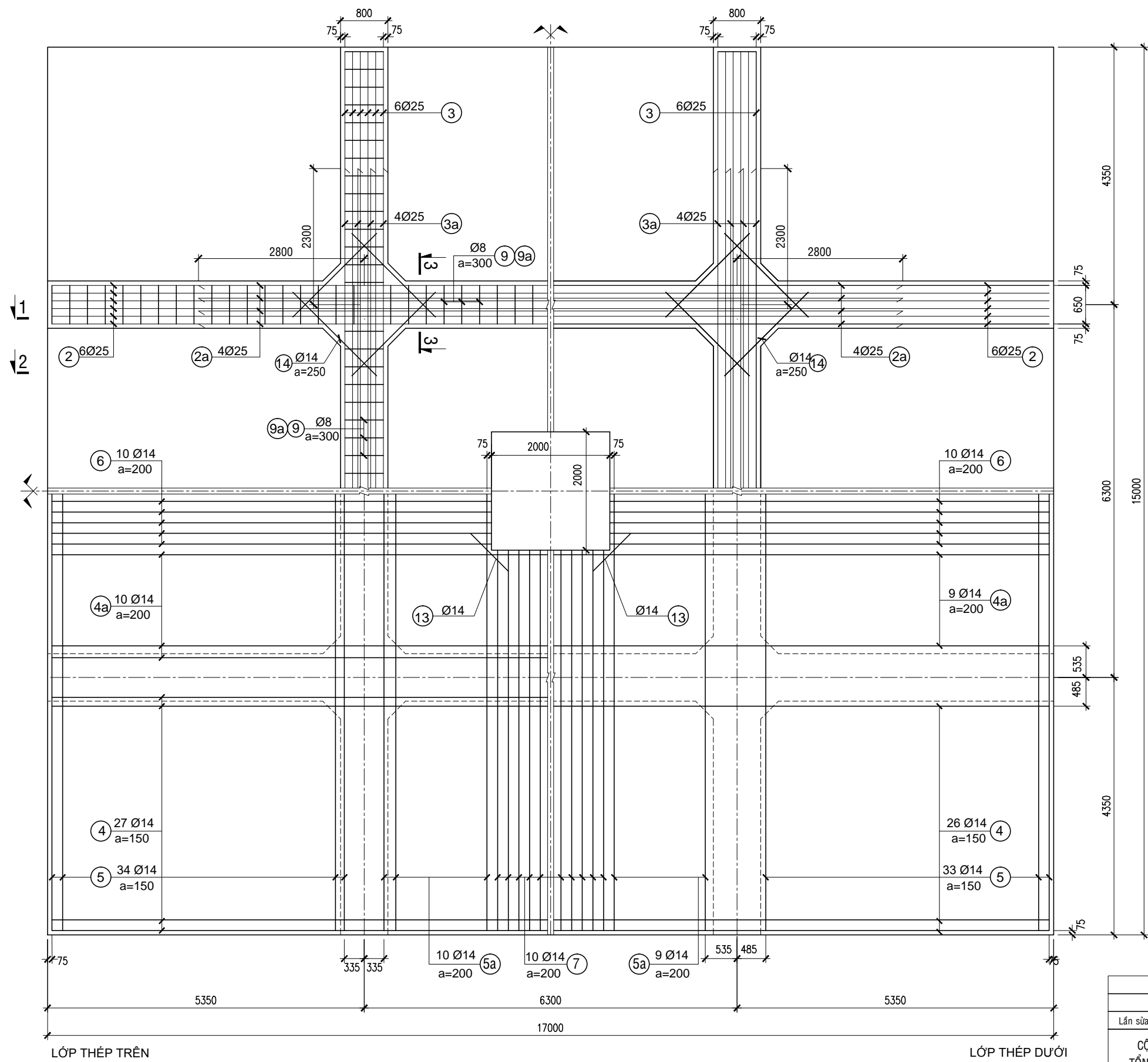
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-13x15.5			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	ĐD1-16-14D.XD-04/5	12-2019	Tờ 1/2

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB6.3-15x17

SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		25	3600	96	345.60
2		25	16850	24	404.40
2a		25	11900	16	190.40
3		25	14850	24	356.40
3a		25	10900	16	174.40
4		14	16850	110	1,853.50
4a		14	16850	38	640.30
5		14	14850	138	2,049.30
5a		14	14850	38	564.30
6		14	7350	40	294.00
7		14	6350	40	254.00
8		10	422	1984	837.25
9		8	4000	196	784.00
9a		8	3220	132	425.04
9b		8	830	392	325.36
10		8	2800	60	168.00
11		8	2360	52	122.72
12		10	840	112	94.08
13		14	1200	8	9.60
14		14	2000	64	128.00

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
25	1,471.20	5,665.59	13,956.33
14	5,793.00	6,997.94	
10	931.33	573.70	
8	1,825.12	719.10	

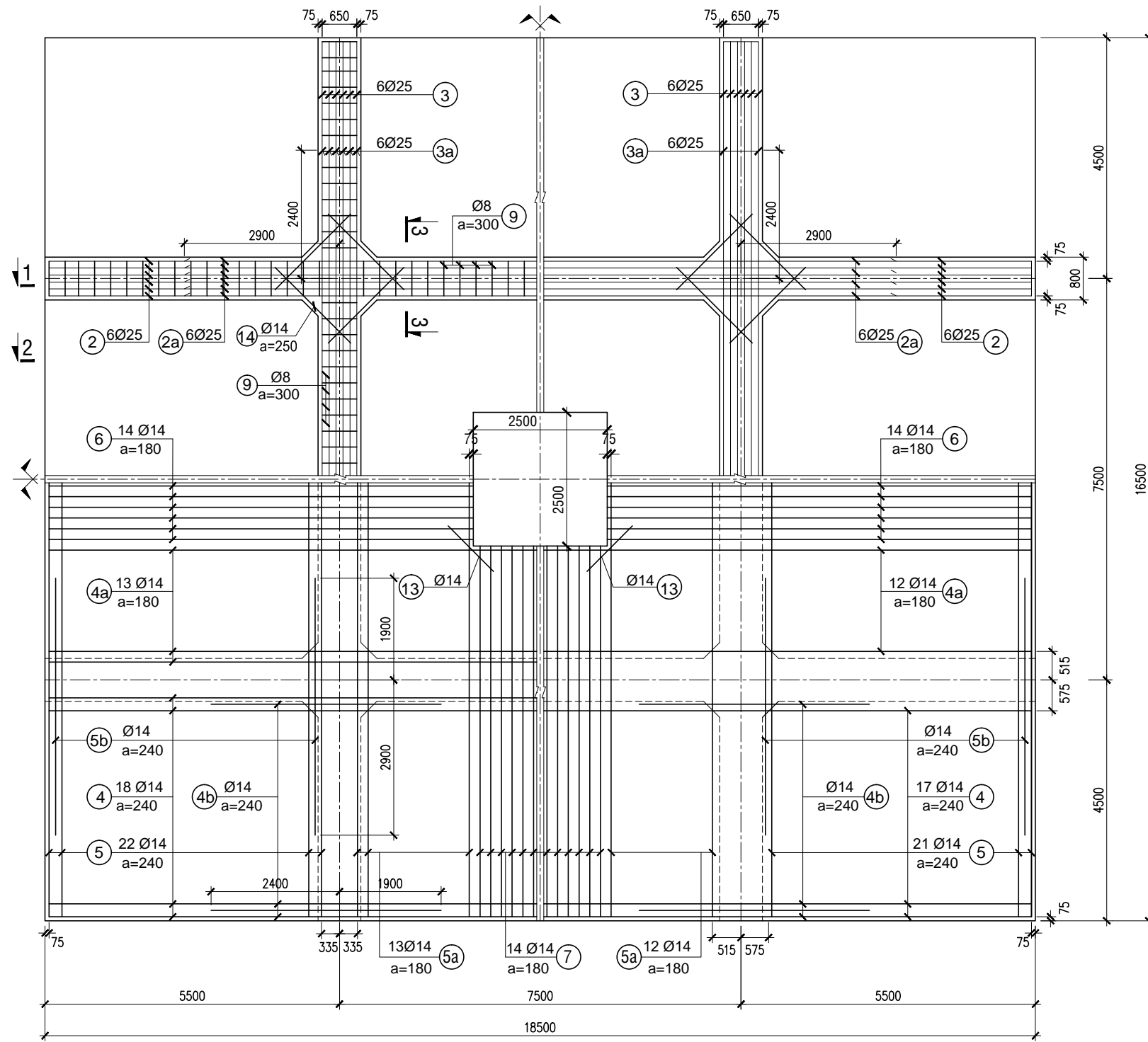


BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/7.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15x17			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/6		Tờ 1/2	



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/100

Ghi Chú :
 - Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
 - Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/8.

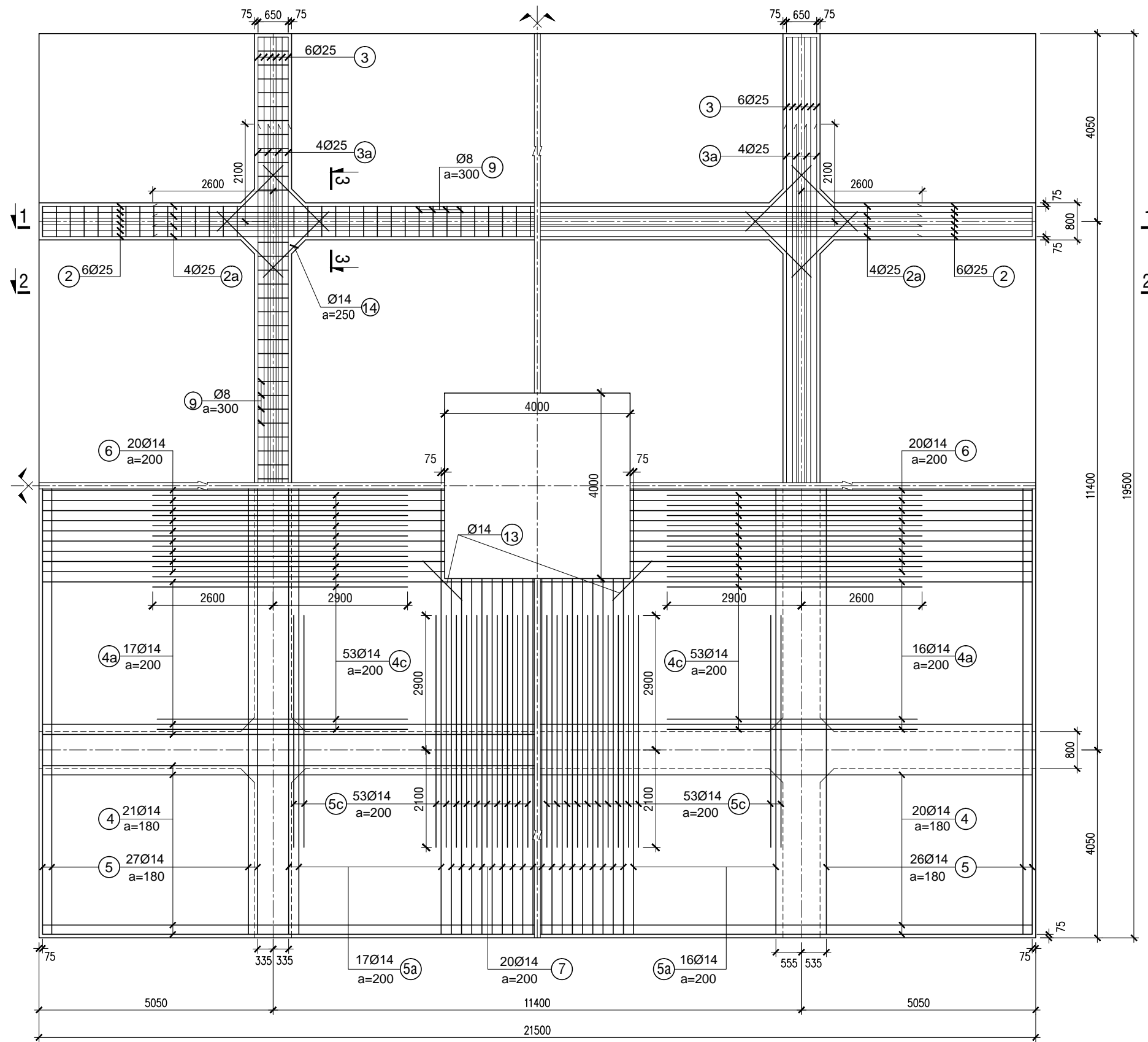
BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB7.5-16.5x18.5

SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		25	3600	96	345.60
2		25	18350	24	440.40
2a		25	13300	24	319.20
3		25	16350	24	392.40
3a		25	12300	24	295.20
4		14	18350	74	1,357.90
4a		14	18350	50	917.50
4b		14	4800	136	652.80
5		14	16350	90	1,471.50
5a		14	16350	50	817.50
5b		14	4300	168	722.40
6		14	7850	56	439.60
7		14	6850	56	383.60
8		10	422	1468	619.50
9		8	4000	216	864.00
9a		8	3440	152	522.88
9b		8	830	432	358.56
10		8	2800	60	168.00
11		8	2360	52	122.72
12		10	840	112	94.08
13		14	1200	8	9.60
14		14	2000	64	128.00

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
25	1,792.80	6,904.07	16,481.56
14	6,900.40	8,335.68	
10	713.58	439.56	
8	2,036.16	802.25	

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16.5x18.5			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/7		Tờ 1/2	



LỚP THÉP TRÊN

BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG

TỶ LỆ : 1/100

LỚP THÉP DƯỚI

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/9.

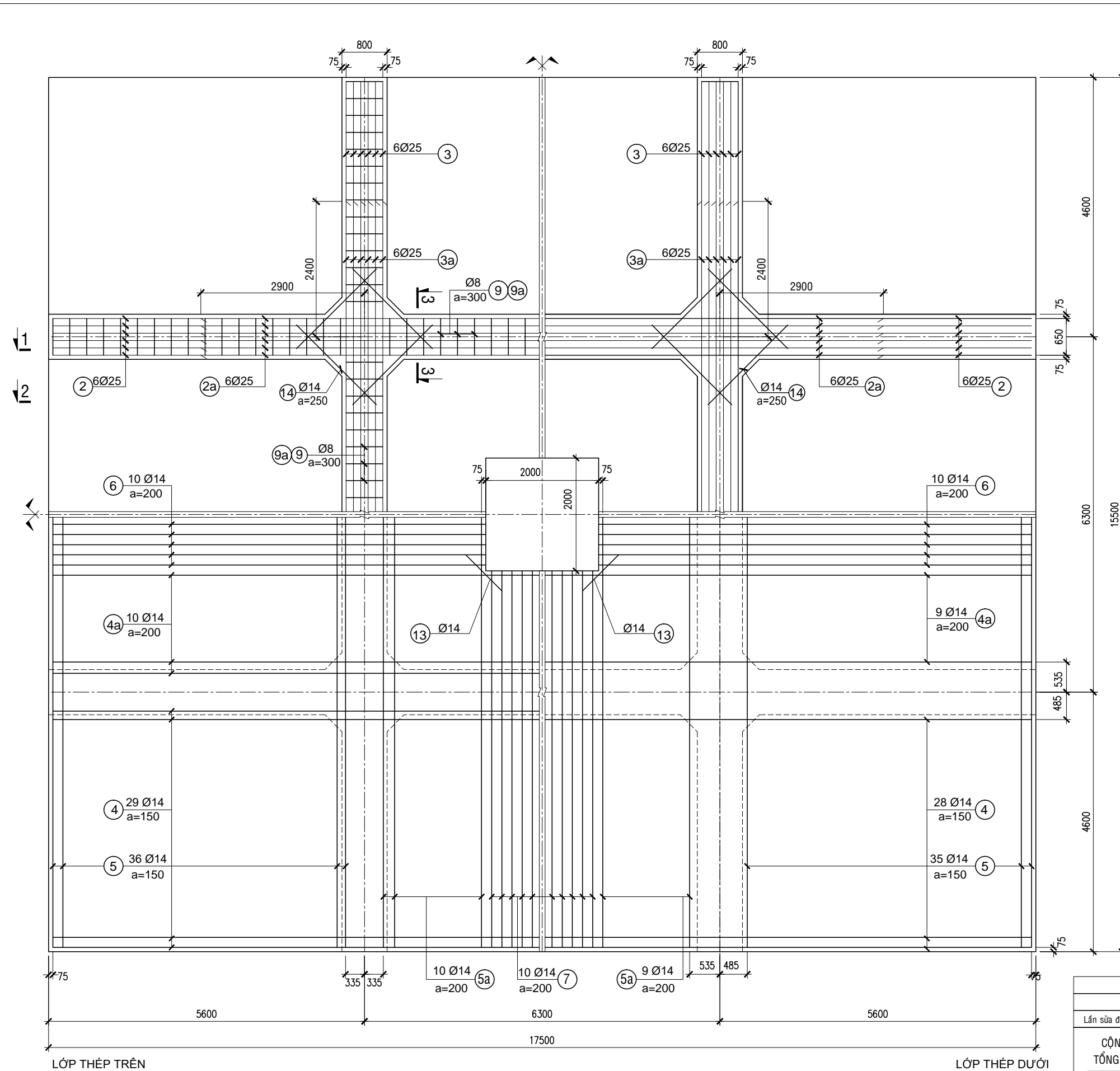
BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB11.4-19.5x21.5

SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		25	3600	112	403.20
2		25	21350	24	512.40
2a		25	16600	16	265.60
3		25	19350	24	464.40
3a		25	15600	16	249.60
4		14	21350	86	1,836.10
4a		14	21350	66	1,409.10
4c		14	5500	212	1,166.00
5		14	19350	110	2,128.50
5a		14	19350	66	1,277.10
5c		14	5000	212	1,060.00
6		14	8600	80	688.00
7		14	7600	80	608.00
8		10	622	2292	1,425.62
9		8	4400	256	1,126.40
9a		8	3620	200	724.00
9b		8	830	512	424.96
10		8	2800	60	168.00
11		8	2400	52	124.80
12		10	840	112	94.08
13		14	1200	8	9.60
14		14	2000	64	128.00

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
25	1,895.20	7,298.42	21,701.38
14	10,310.40	12,454.96	
10	1,519.70	936.14	
8	2,568.16	1,011.86	

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
P.GĐ Trung tâm: Nguyễn Thanh Lâm C.N.T.K: Nguyễn Thành Văn C.T.T.K: Tiêu Minh Hiếu Kiểm tra: Nguyễn Lê Tuấn Liêm Thiết kế: Nguyễn Ngọc Phương			BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB11.4-19.5x21.5		
			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019
			ĐD1-16-14D.XD-04/8		Tờ 1/2



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/10.

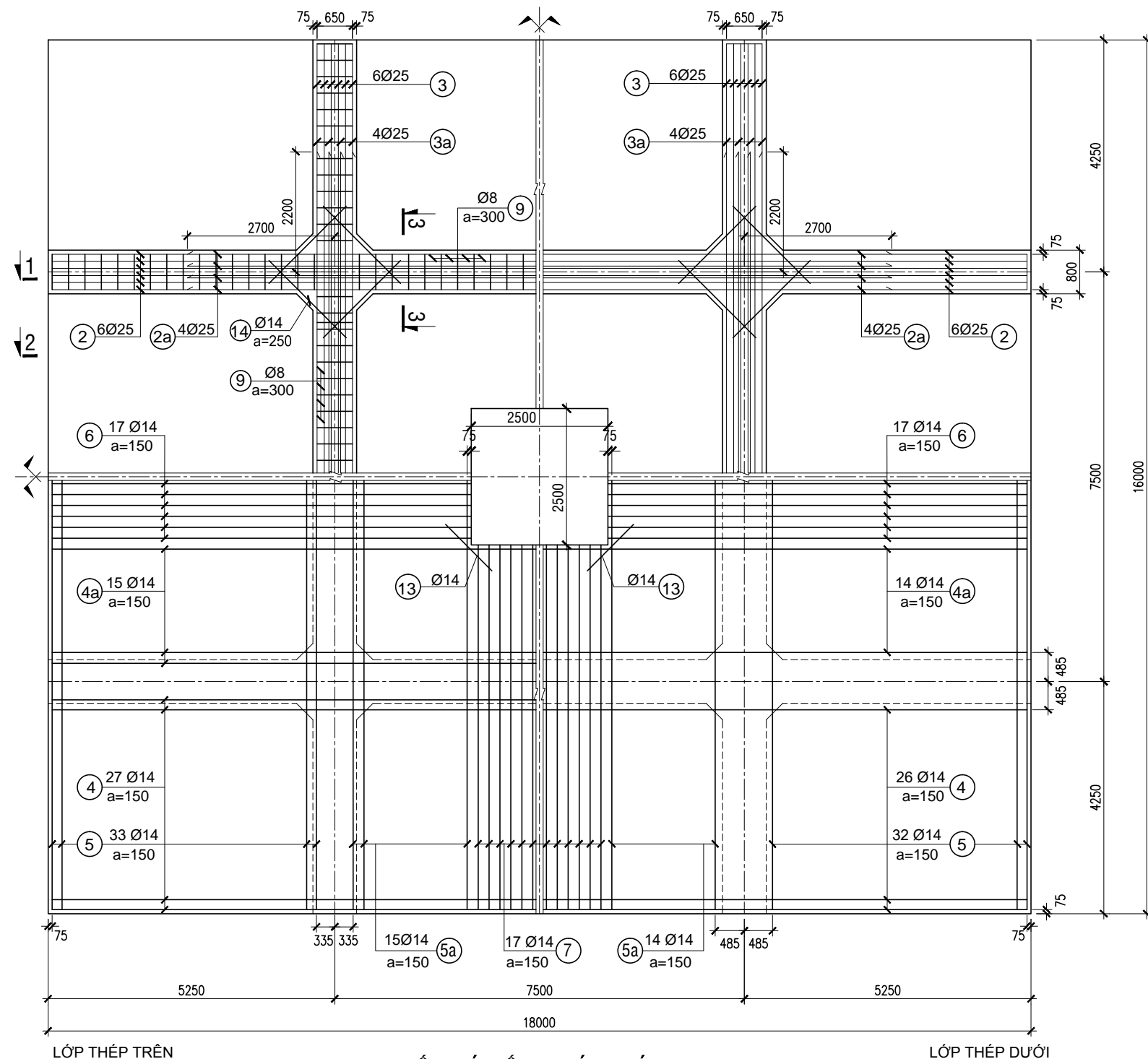
BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB6.3-15.5x17.5

SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		25	3600	96	345.60
2		25	17350	24	416.40
2a		25	12100	24	290.40
3		25	15350	24	368.40
3a		25	11100	24	266.40
4		14	17350	118	2,047.30
4a		14	17350	38	659.30
5		14	15350	146	2,241.10
5a		14	15350	38	583.30
6		14	7600	40	304.00
7		14	6600	40	264.00
8		10	422	2168	914.90
9		8	3800	204	775.20
9a		8	3240	136	440.64
9b		8	830	408	338.64
10		8	2800	60	168.00
11		8	2360	52	122.72
12		10	840	112	94.08
13		14	1200	8	9.60
14		14	2000	64	128.00

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
25	1,687.20	6,497.41	15,379.76
14	6,236.60	7,533.81	
10	1,008.98	621.53	
8	1,845.20	727.01	

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
P.GĐ Trung tâm: Nguyễn Thanh Lâm C.N.T.K: Nguyễn Thành Văn C.T.T.K: Tiêu Minh Hiếu Kiểm tra: Nguyễn Lê Tuấn Liêm Thiết kế: Nguyễn Ngọc Phương			BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15.5x17.5		
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG			ĐD1-16-14D.XD-04/9		12-2019
					Tờ 1/2



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/100

BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB7.5-16x18

SỐ HIỆU	HÌNH DÁNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		22	3600	112	403.20
2		25	17850	24	428.40
2a		25	12900	16	206.40
3		25	15850	24	380.40
3a		25	11900	16	190.40
4		14	17850	110	1,963.50
4a		14	17850	58	1,035.30
5		14	15850	134	2,123.90
5a		14	15850	58	919.30
6		14	7600	68	516.80
7		14	6600	68	448.80
8		10	472	2528	1,193.22
9		8	4000	208	832.00
9a		8	3220	144	463.68
9b		8	830	416	345.28
10		8	3600	60	216.00
11		8	3120	52	162.24
12		10	1040	144	149.76
13		14	1200	8	9.60
14		14	2000	64	128.00

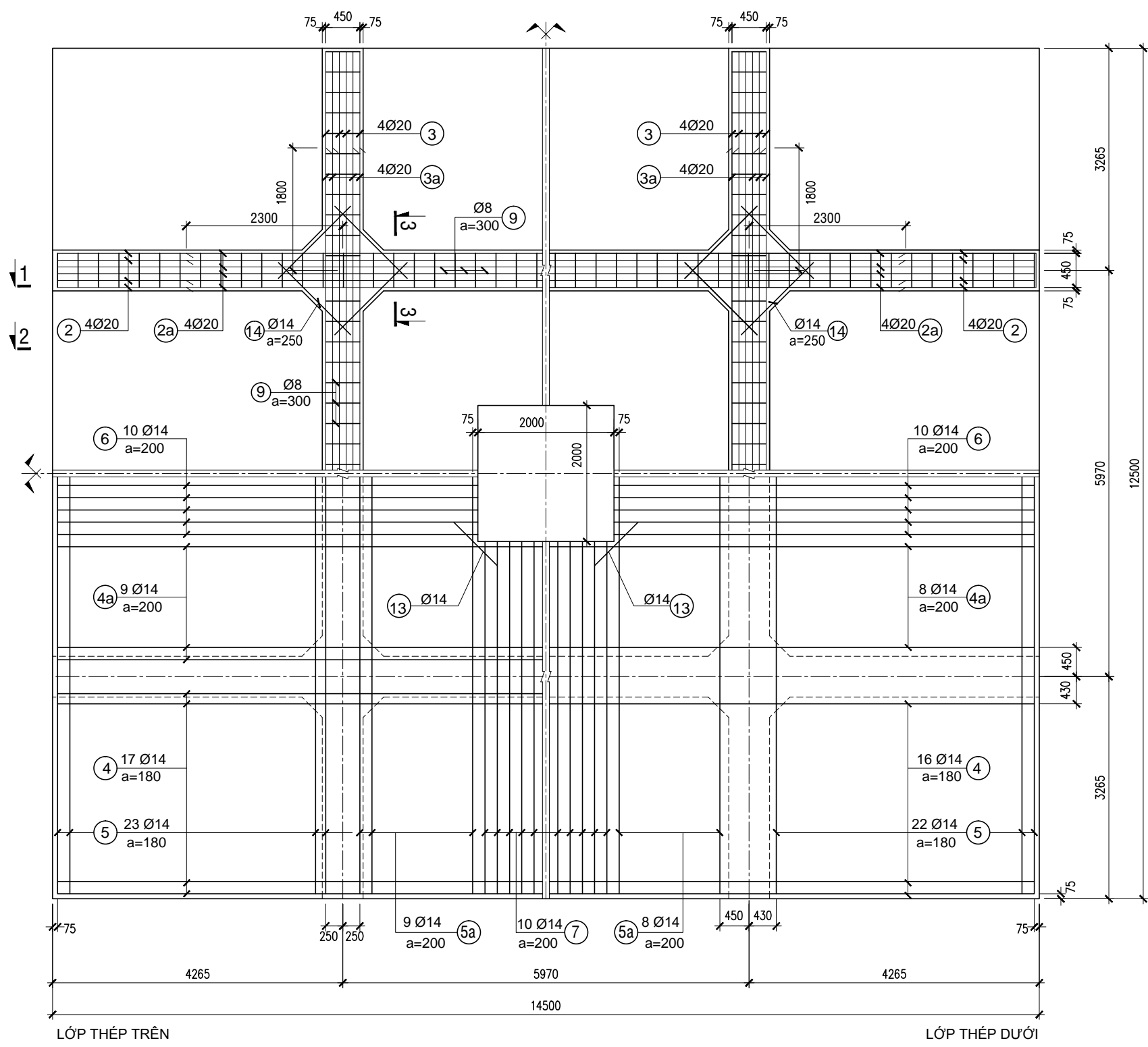
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHOI LƯỢNG (kg)	KHOI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
25	1,205.60	4,642.77	16,099.75
22	403.20	1,202.75	
14	7,145.20	8,631.40	
10	1,342.98	827.27	
8	2,019.20	795.56	

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/11.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16x18			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/10	Tờ 1/2		



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

Ghi Chú :
 - Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
 - Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/12.

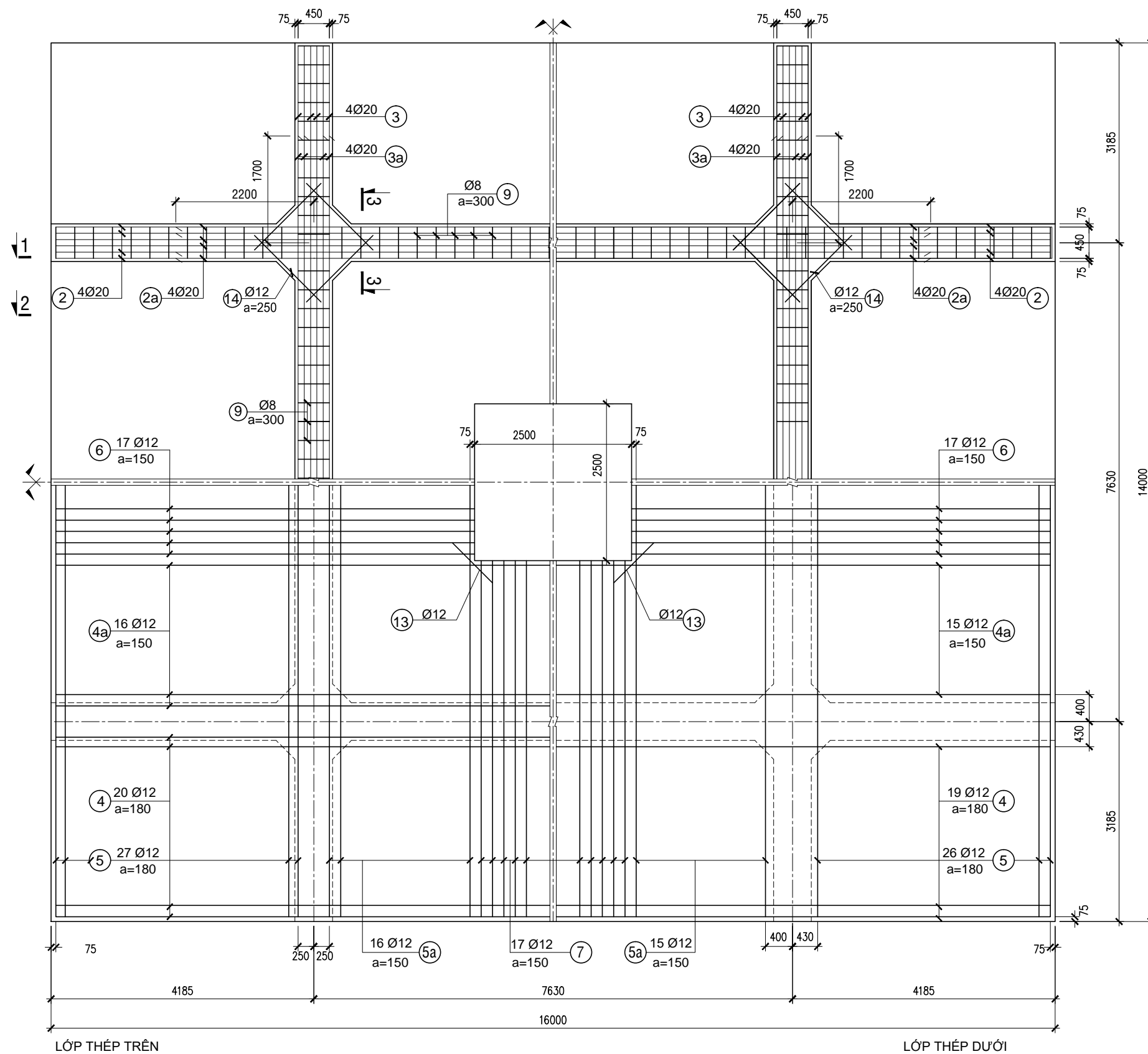
BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB5.97-12.5x14.5

SỐ HIỆU	HÌNH DÁNH THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		20	3600	80	288.00
2		20	14350	16	229.60
2a		20	10570	16	169.12
3		20	12350	16	197.60
3a		20	9570	16	153.12
4		14	14350	70	1,004.50
4a		14	14350	34	487.90
5		14	12350	94	1,160.90
5a		14	12350	34	419.90
6		14	6100	40	244.00
7		14	5100	40	204.00
8		10	322	990	318.78
9		8	3200	164	524.80
10		8	2800	60	168.00
11		8	2300	52	119.60
12		10	840	112	94.08
13		14	1200	8	9.60
14		14	1700	64	108.80

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
20	1,037.44	2,557.29	7,528.34
14	3,639.60	4,396.64	
10	412.86	254.32	
8	812.40	320.09	

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
P.GĐ Trung tâm: Nguyễn Thanh Lâm C.N.T.K: Nguyễn Thành Văn C.T.T.K: Tiêu Minh Hiếu Kiểm tra: Nguyễn Lê Tuấn Liêm Thiết kế: Nguyễn Ngọc Phương			BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.97-12.5x14.5		
			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019
			ĐD1-16-14D.XD-04/11		Tờ 1/2



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/75

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/13.

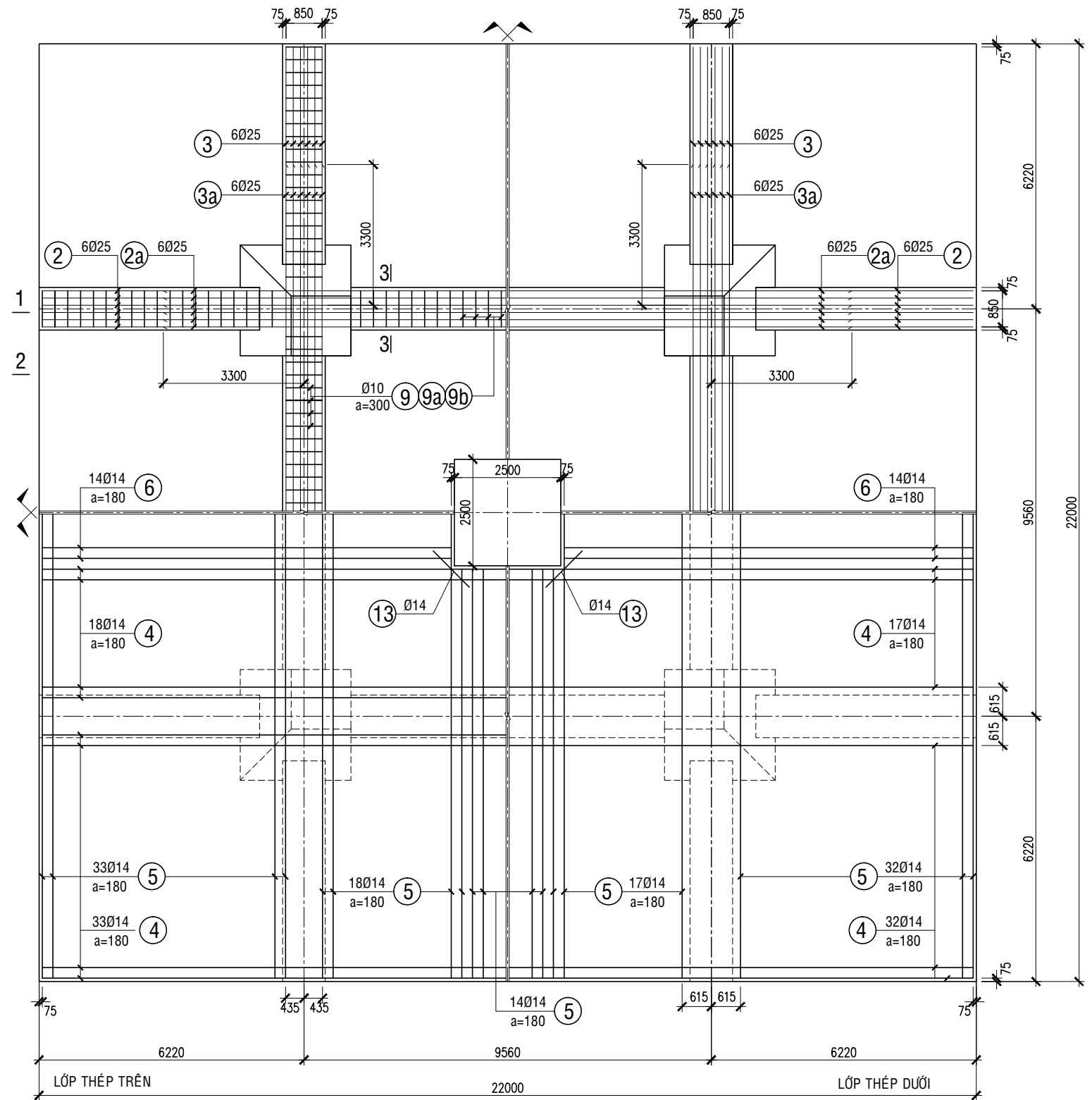
BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB7.65-14x16

SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		20	3350	80	288.00
2		20	15850	16	253.60
2a		20	12050	16	192.80
3		20	13850	16	221.60
3a		20	11050	16	176.80
4		12	15850	82	1,299.70
4a		12	15850	62	982.70
5		12	13850	110	1,523.50
5a		12	13850	62	858.70
6		12	6600	68	448.80
7		12	5600	68	380.80
8		10	376	2136	803.14
9		8	3200	188	601.60
10		8	2800	60	168.00
11		8	2300	52	119.60
12		10	840	112	94.08
13		12	1200	8	9.60
14		12	1700	48	81.60

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
20	1,132.80	2,792.35	8,649.63
12	5,585.40	4,954.25	
10	897.22	552.69	
8	889.20	350.34	

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.63-14x16			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	ĐD1-16-14D.XD-04/12		Tờ 1/2	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
Tỷ lệ: 1/125

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/14.

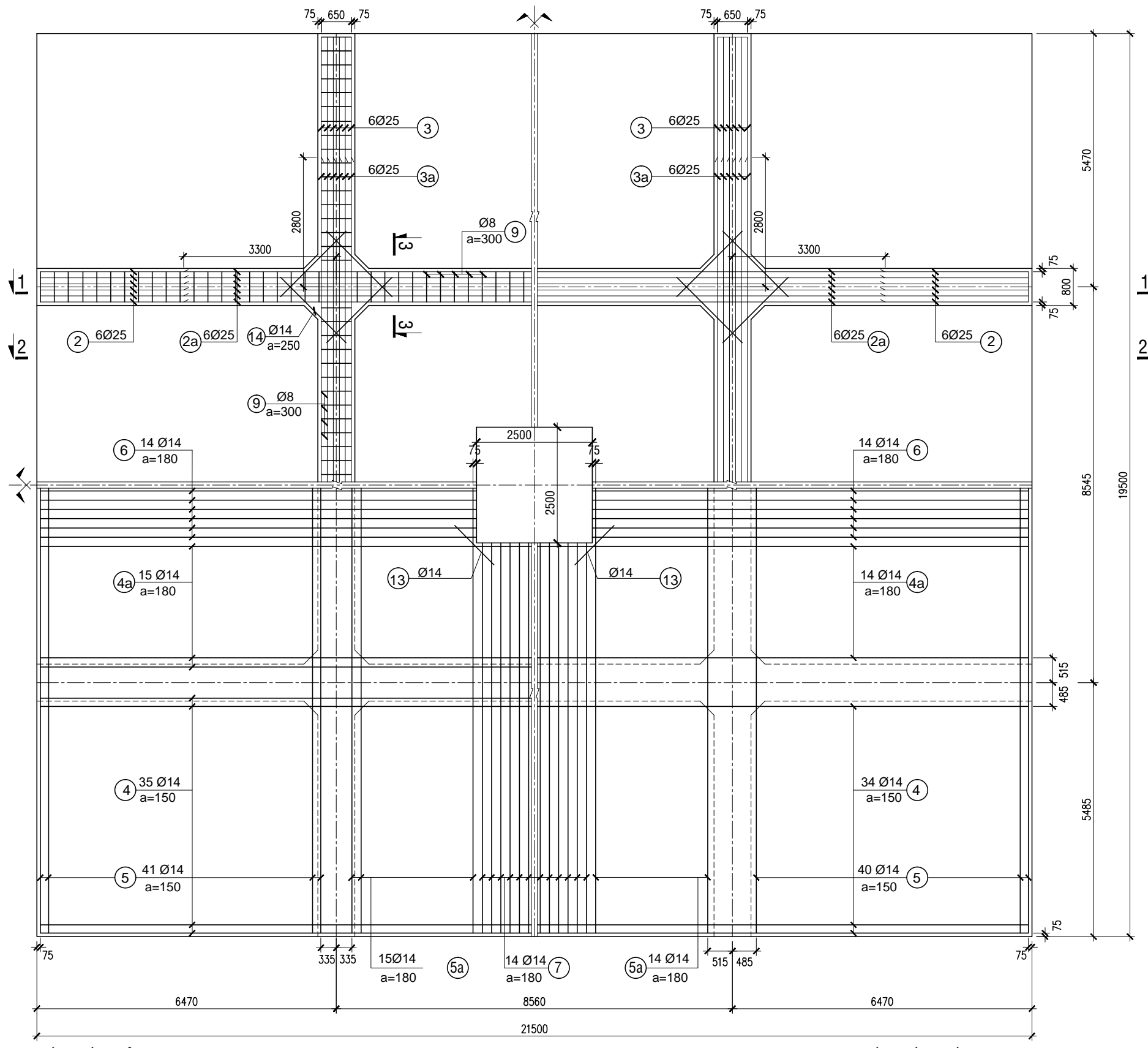
BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB8.56-22x22

SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		25	3772	176	663.84
	Chiều dài trung bình				
2		25	21850	24	524.40
2a		25	16160	24	387.84
3		25	21850	24	524.40
3a		25	16160	24	387.84
4		14	21850	216	4,719.60
5		14	21850	216	4,719.60
6		14	9600	56	537.60
7		14	9600	56	537.60
8		10	622	3200	1,990.40
9		10	5000	268	1,340.00
9a		10	4300	188	808.40
9b		10	930	376	349.68
10		10	5696	60	341.73
	Chiều dài trung bình				
11		10	4605	60	276.29
	Chiều dài trung bình				
12		10	1040	144	149.76
13		14	1200	8	9.60

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
25	2,488.32	9,582.53	25,710.68
14	10,524.00	12,712.99	
10	5,544.09	3,415.16	

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-22x22			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	ĐD1-16-14D.XD-04/13		Tờ 1/2	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				



BỐ TRÍ CỐT THÉP MÓNG
TỶ LỆ : 1/100

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/15.

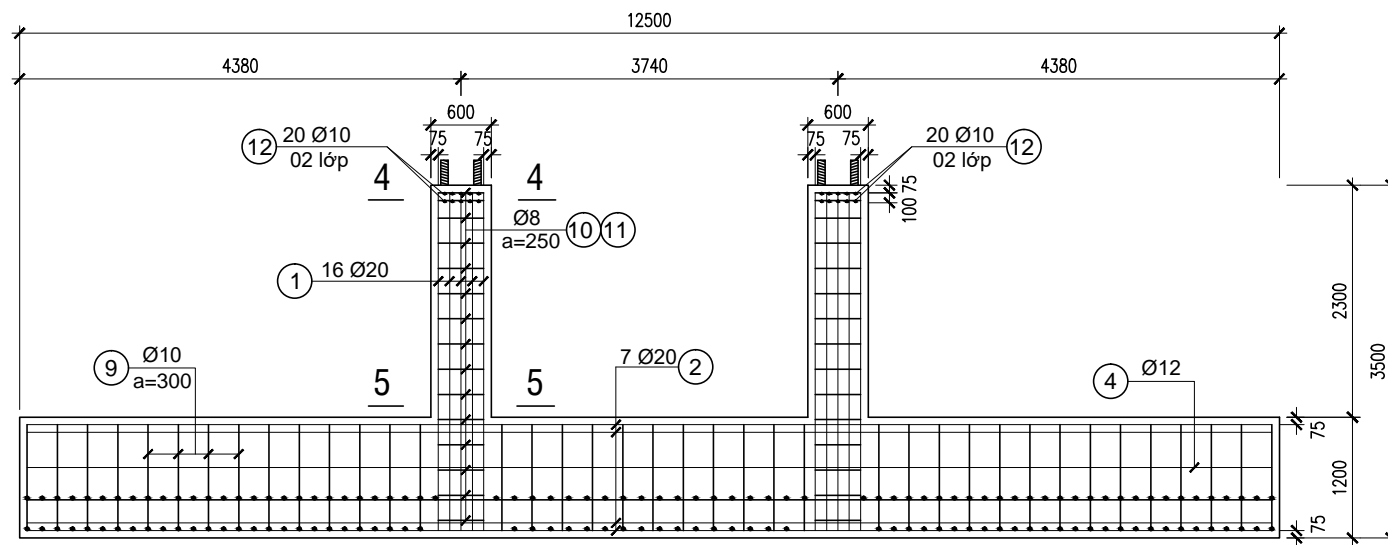
BẢNG KÊ THÉP MÓNG MB8.56-19.5x21.5

SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG THANH	Ø (mm)	CHIỀU DÀI 01 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG	CHIỀU DÀI TỔNG CỘNG (m)
1		25	3600	144	518.40
2		25	21350	24	512.40
2a		25	15160	24	363.84
3		25	19350	24	464.40
3a		25	14160	24	339.84
4		14	21350	150	3,202.50
4a		14	21350	58	1,238.30
5		14	19350	178	3,444.30
5a		14	19350	58	1,122.30
6		14	9350	56	523.60
7		14	8350	56	467.60
8		10	622	3306	2,056.33
9		8	5200	248	1,289.60
9a		8	4240	168	712.32
9b		8	1030	336	346.08
10		8	3600	60	216.00
11		8	3000	52	156.00
12		10	1040	144	149.76
13		14	1200	8	9.60
14		14	2000	80	160.00

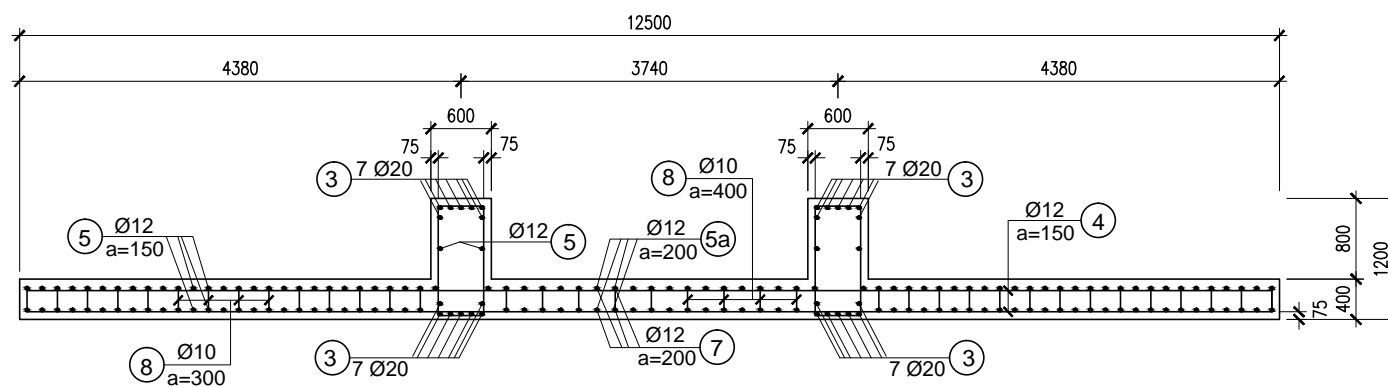
TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG THÉP CHO 01 MÓNG

Ø (mm)	CHIỀU DÀI (m)	KHỐI LƯỢNG (kg)	KHỐI LƯỢNG TỔNG CỘNG (kg)
25	2,198.88	8,467.89	23,181.71
14	10,168.20	12,283.19	
10	2,206.09	1,358.95	
8	2,720.00	1,071.68	

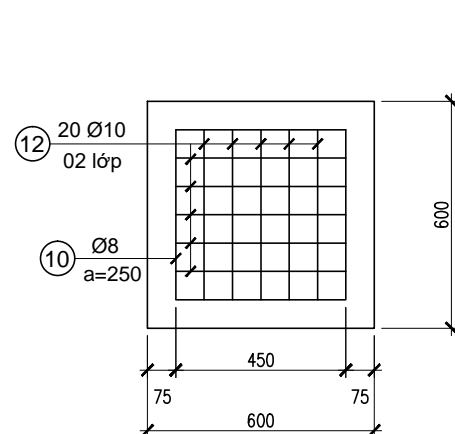
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019		
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/14	Tờ 1/2		



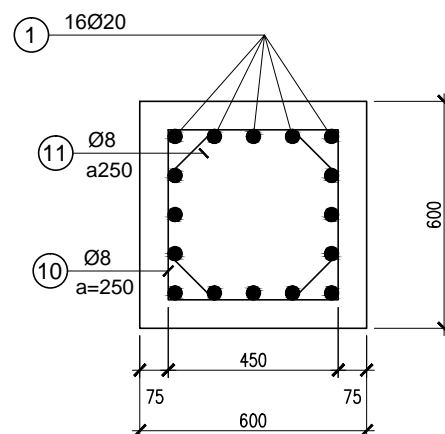
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



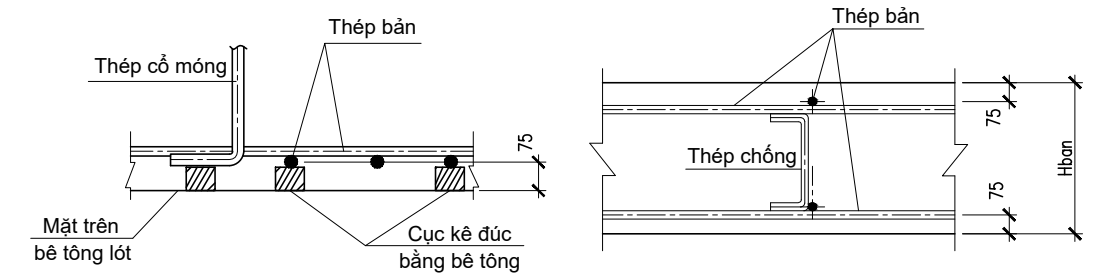
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



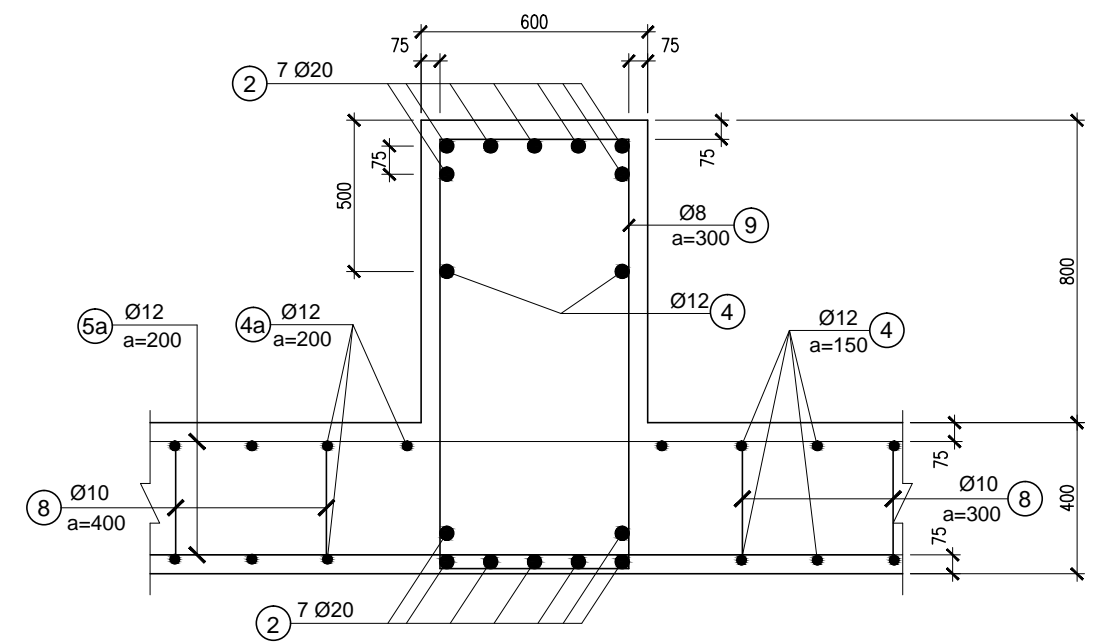
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



CHI TIẾT ĐỠ THÉP

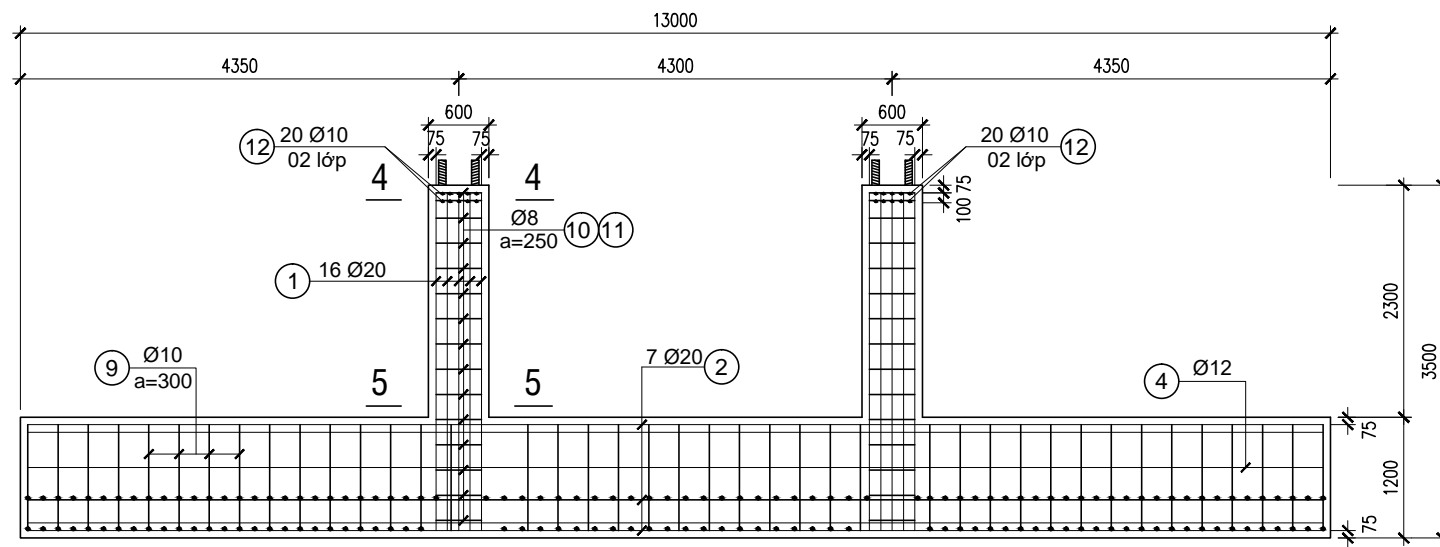


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

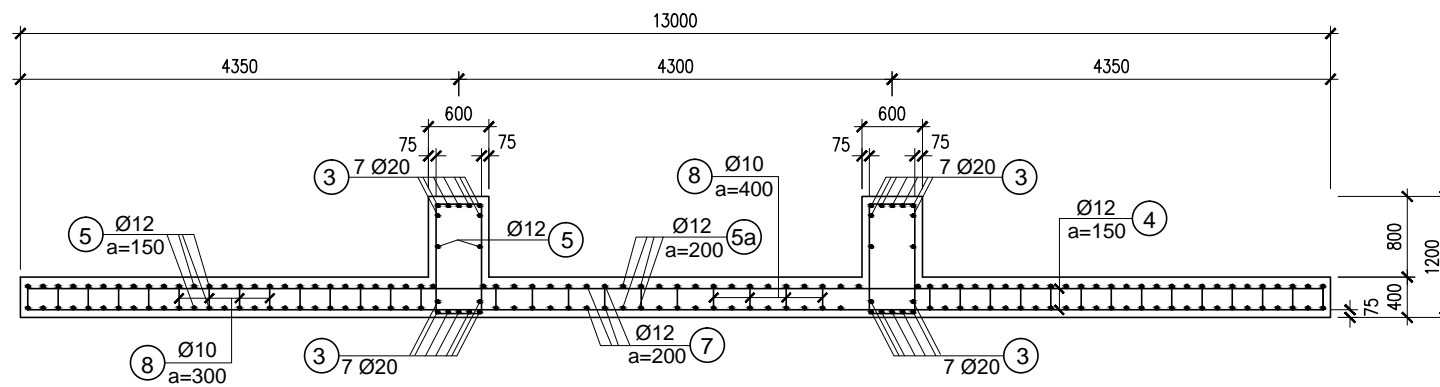
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/2.

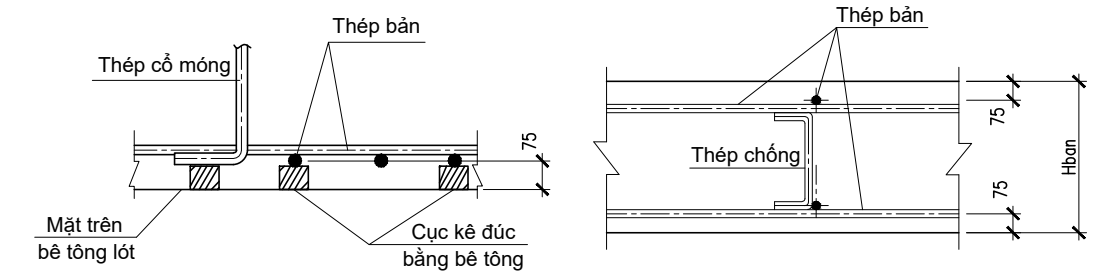
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB3.74-10.5x12.5	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/1		Tờ 2/2	



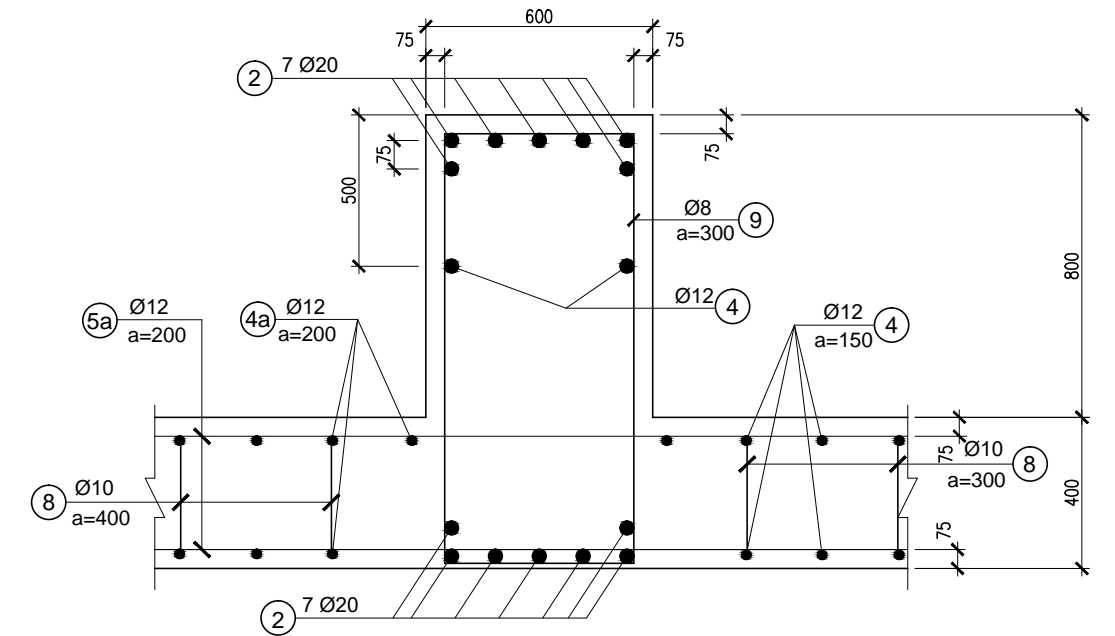
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



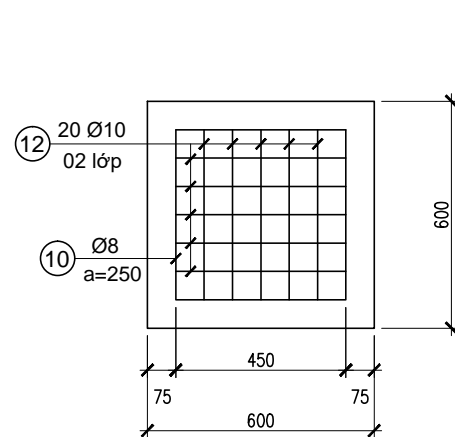
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



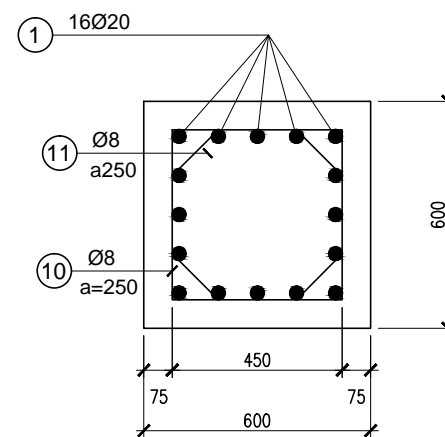
CHI TIẾT ĐỒ THÉP



MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20

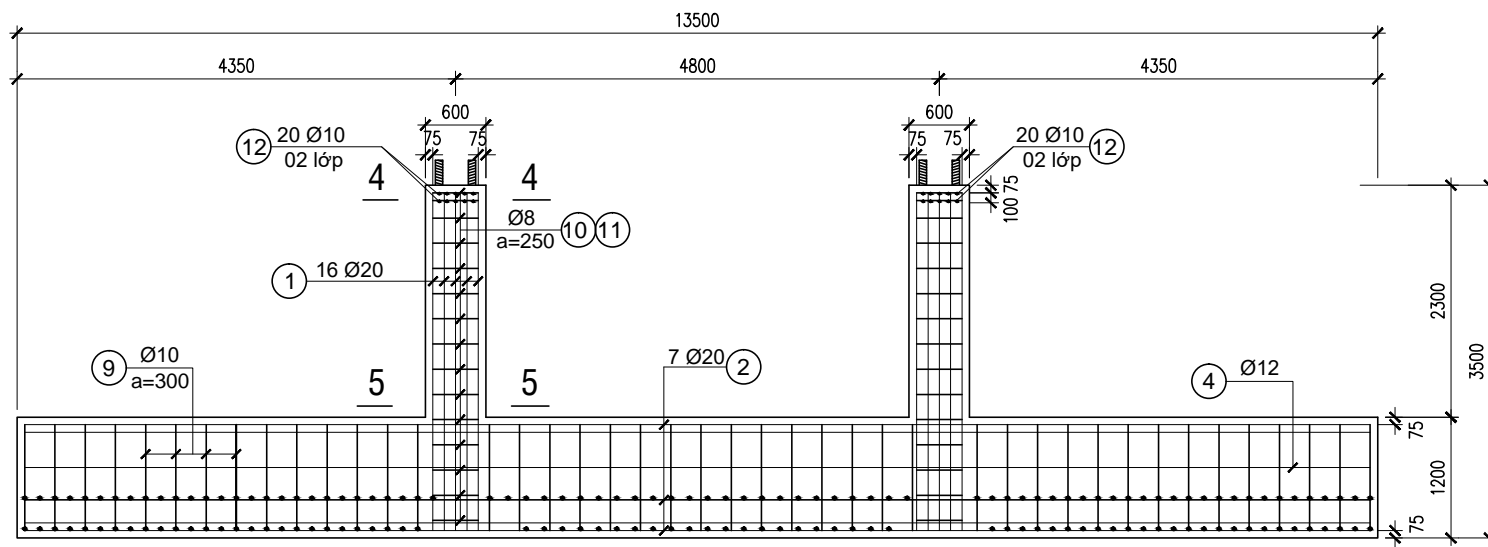


MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20

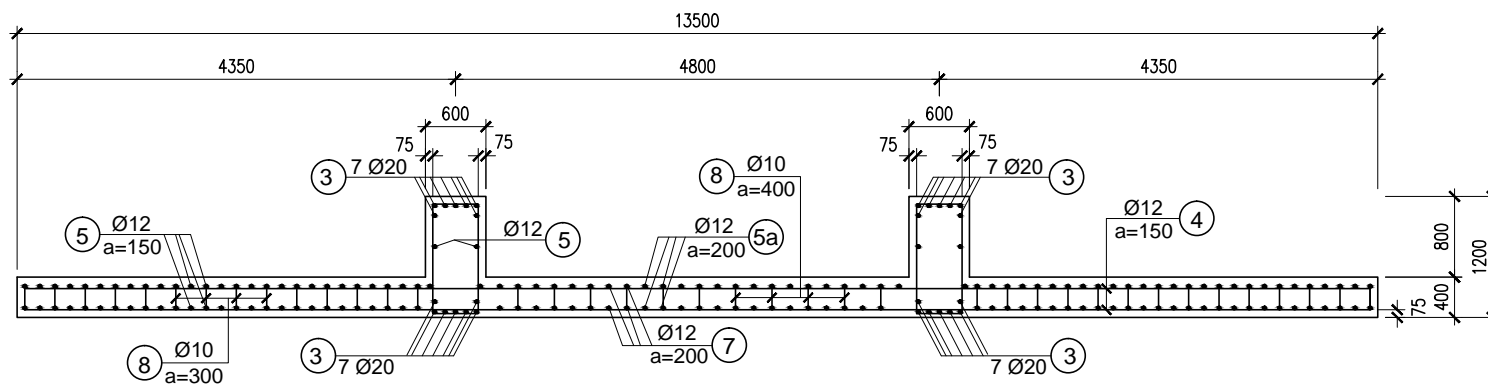
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/3.

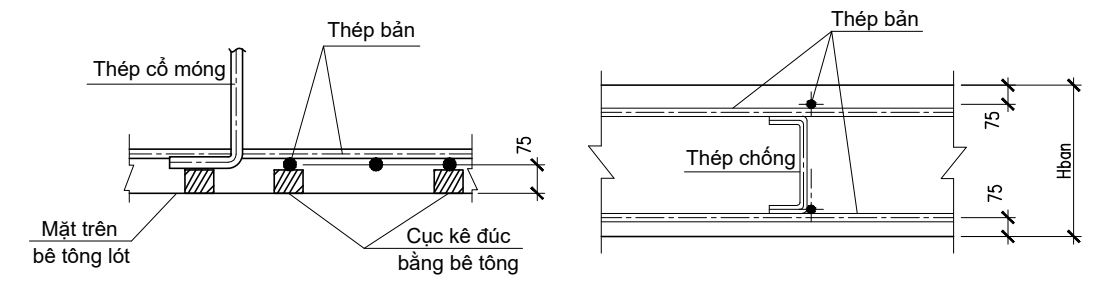
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU			
TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA					
		CÔNG TY CỔ PHẦN		BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.3-11.5x13	
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/2 12-2019 Tr 2/2	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				



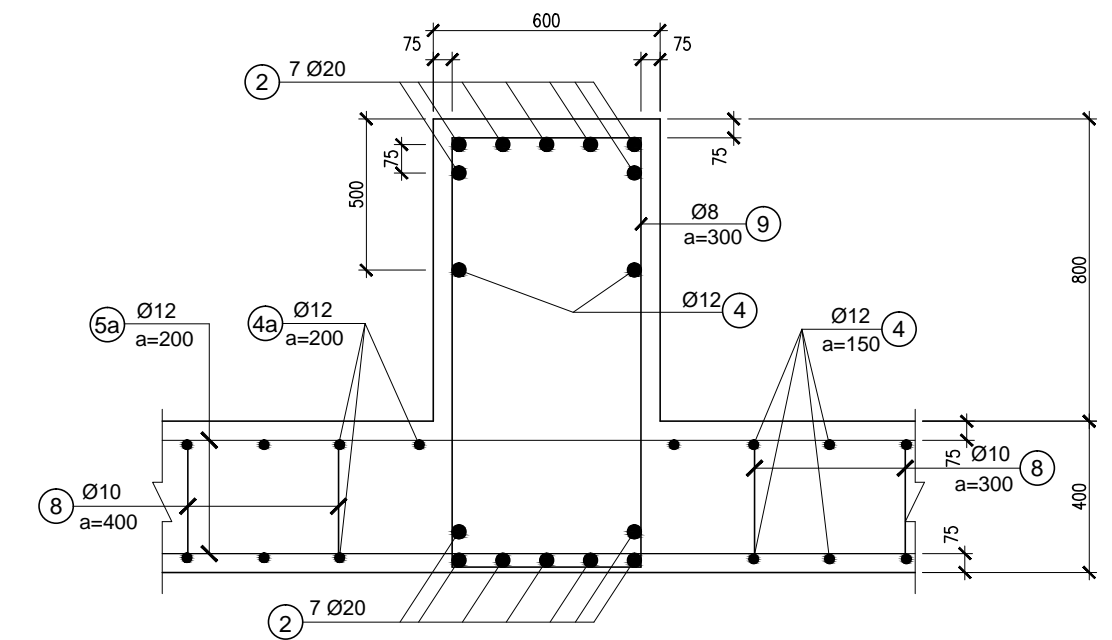
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



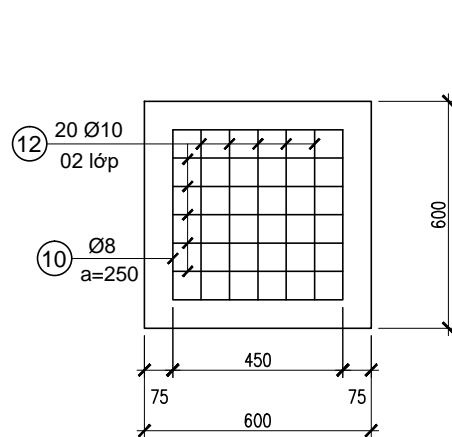
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



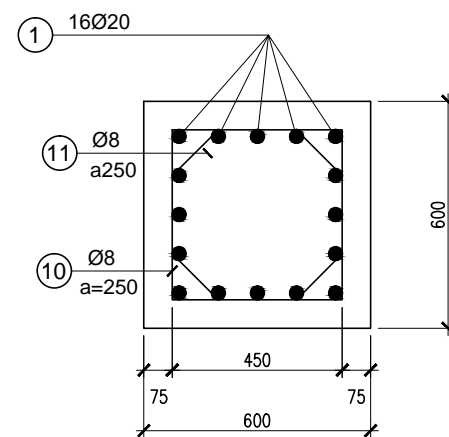
CHI TIẾT ĐỠ THÉP



MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20

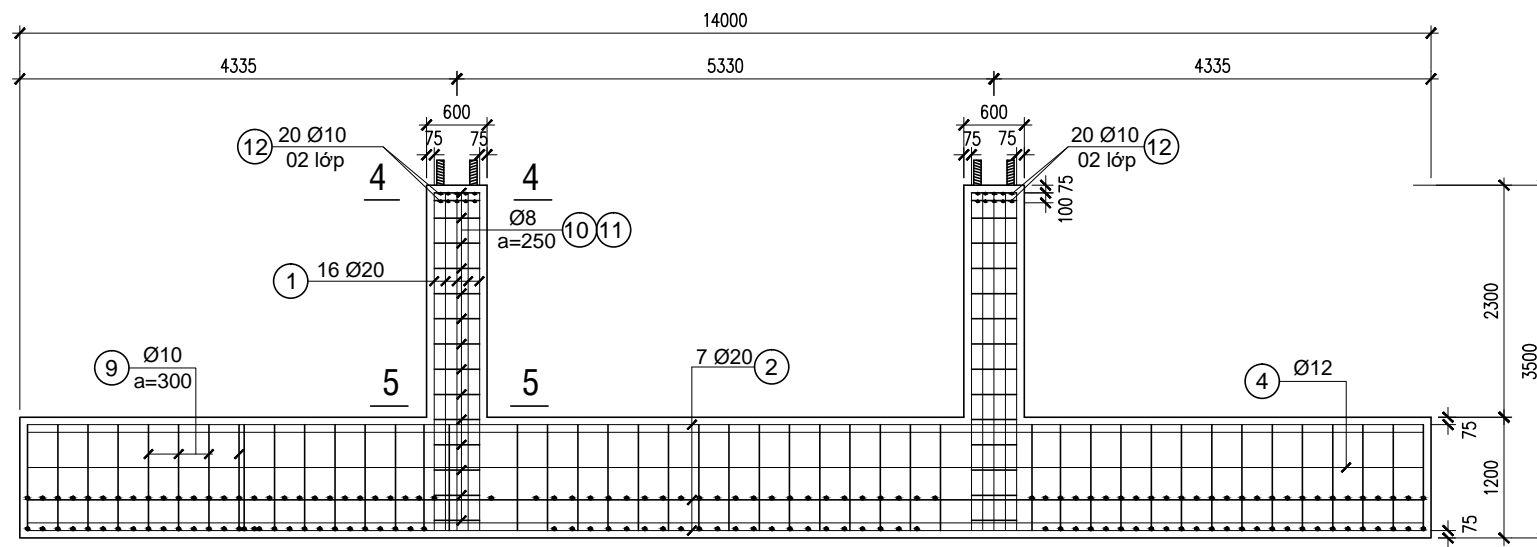


MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20

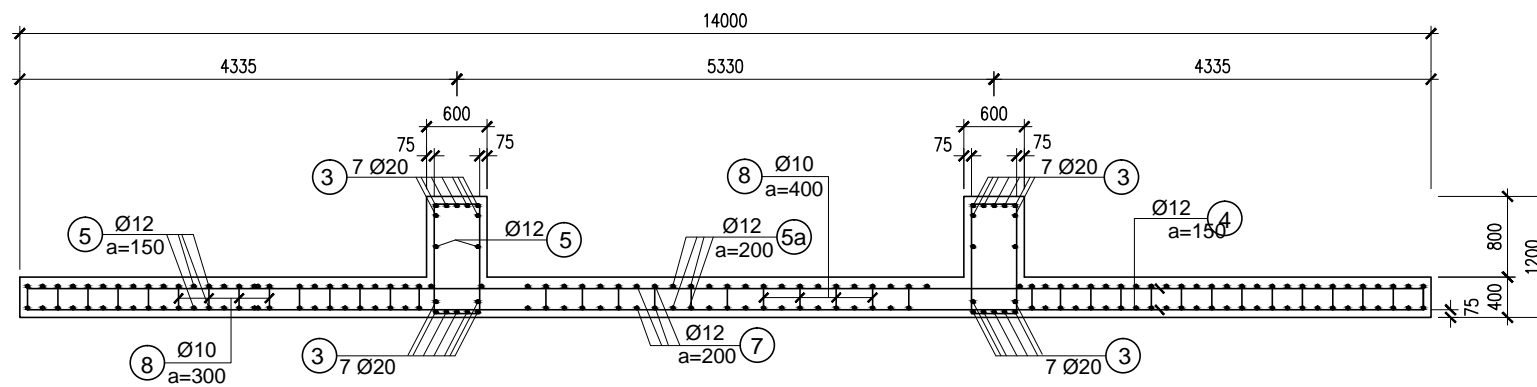
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/4.

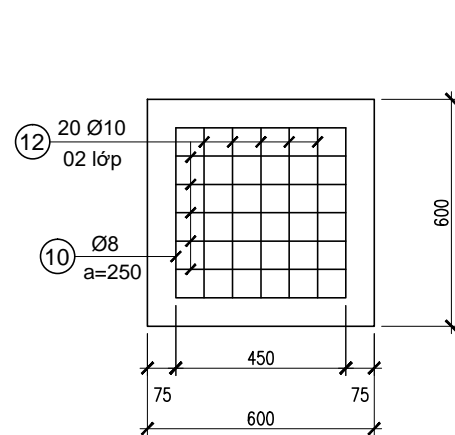
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB4.8-12x13.5		
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/3 12-2019 Tr 2/2	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				



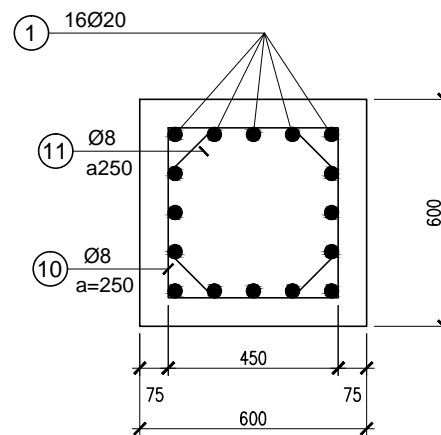
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



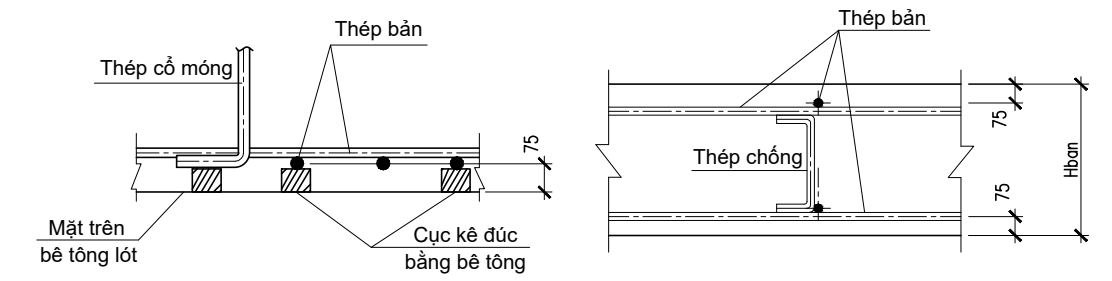
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



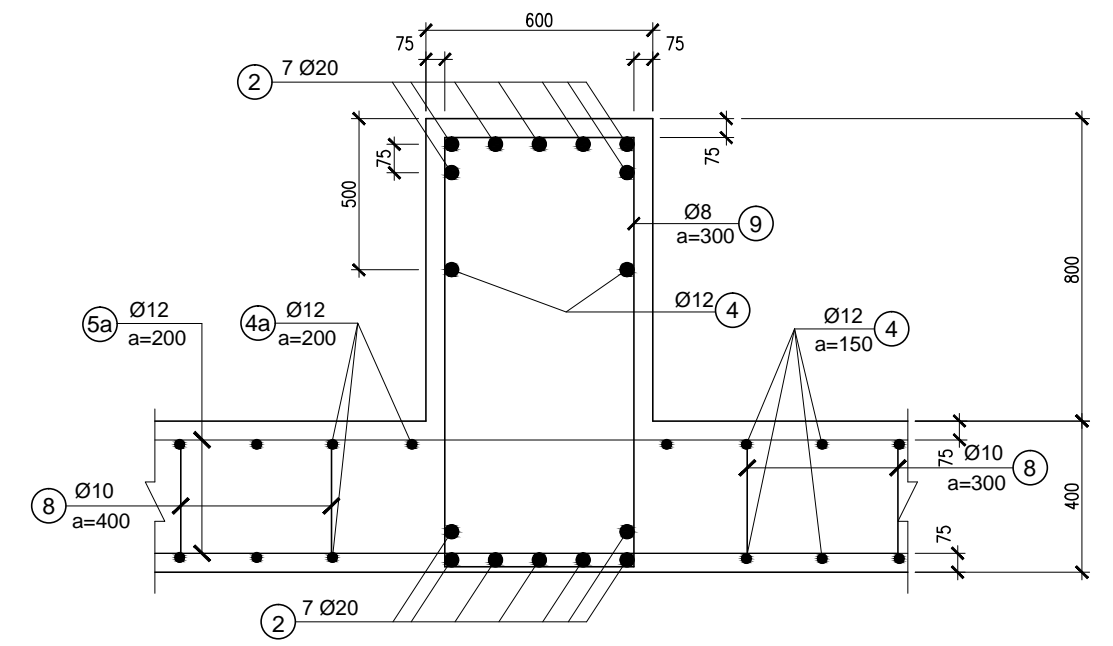
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



CHI TIẾT ĐỠ THÉP

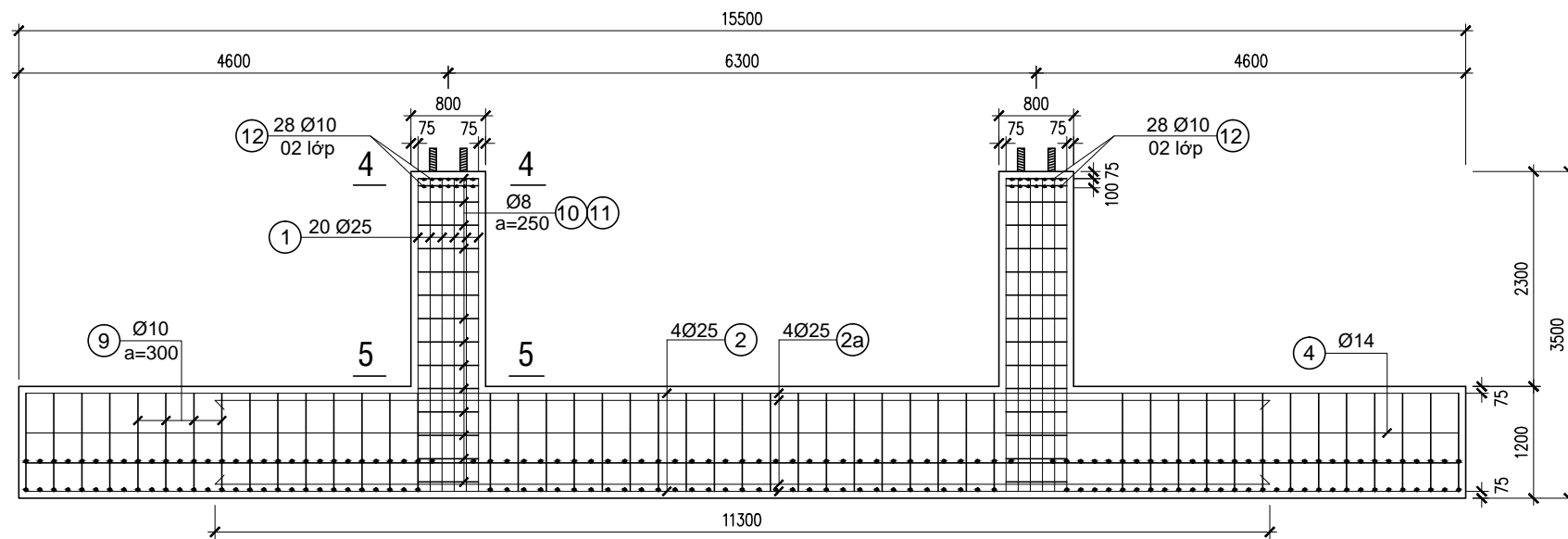


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

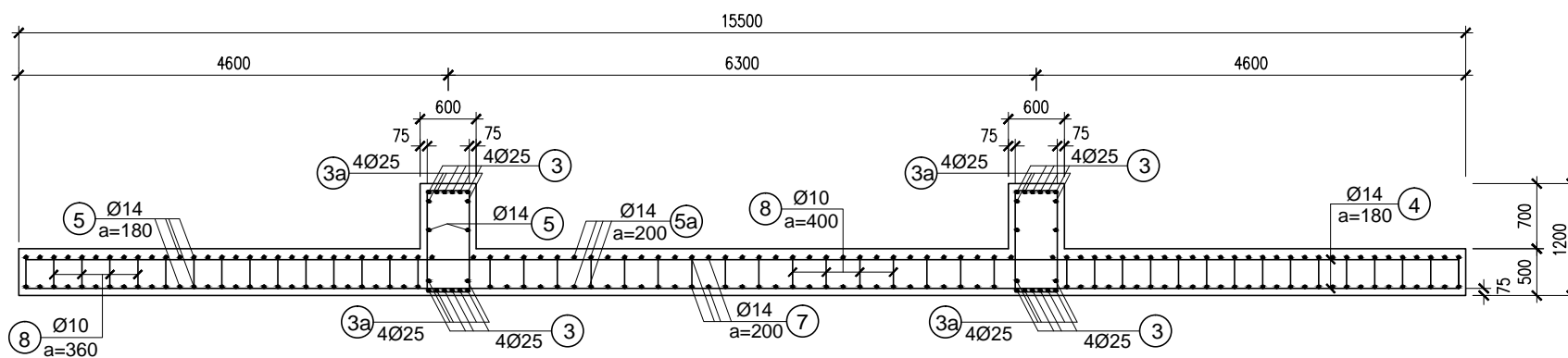
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/5.

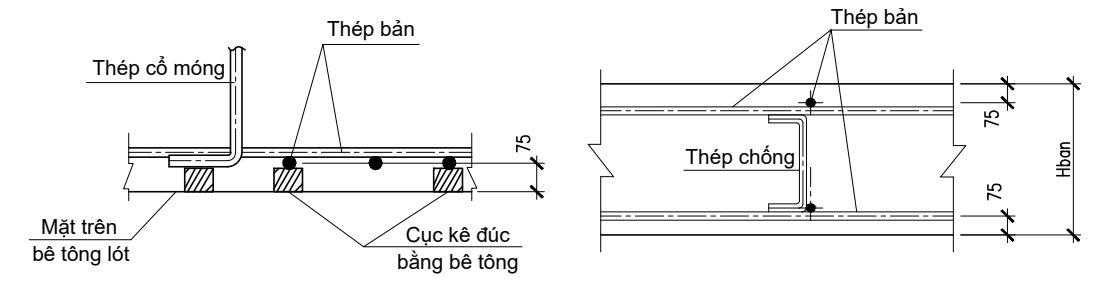
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2		ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
EVNPECC2				BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.33-12.5x14	
P.GD Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn			12-2019	
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu			ĐD1-16-14D.XD-04/4	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm			Tờ 2/2	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				



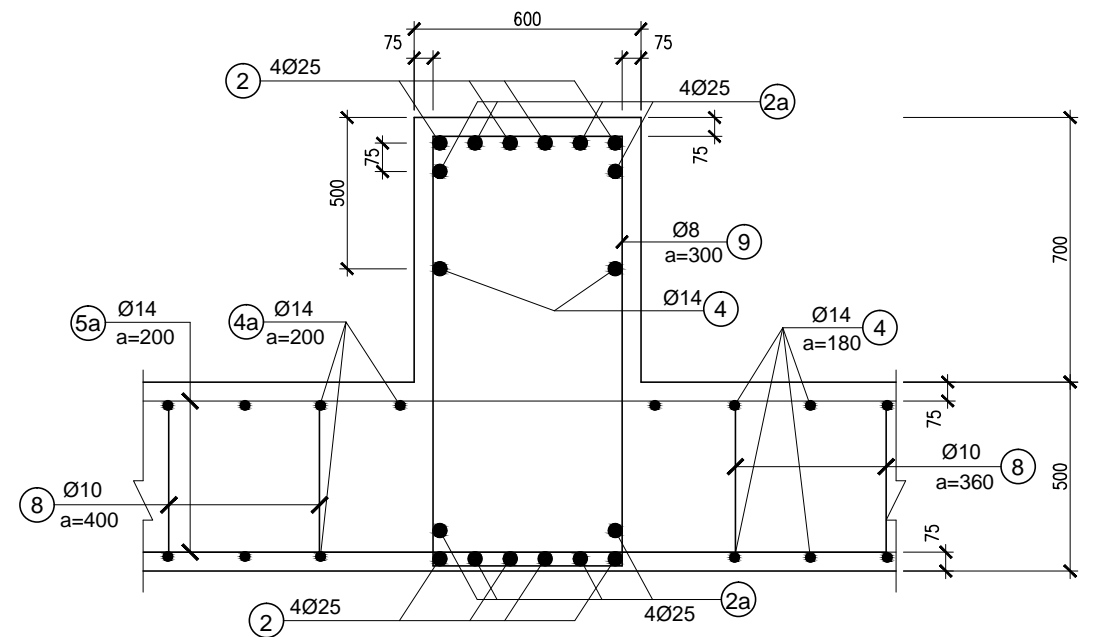
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



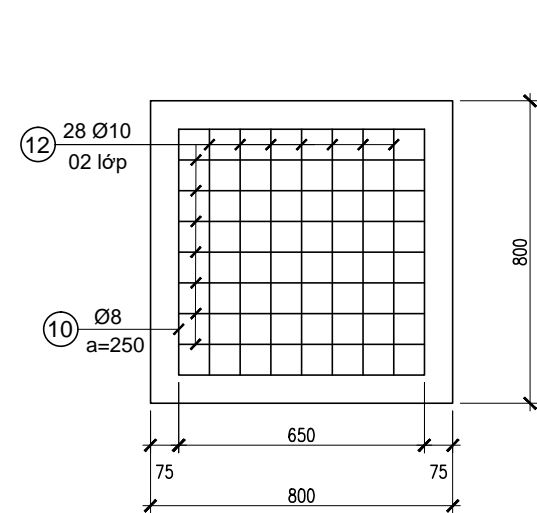
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



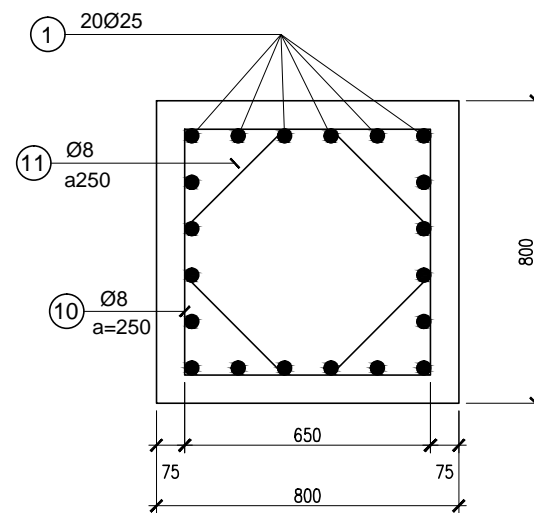
CHI TIẾT ĐỠ THÉP



MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20

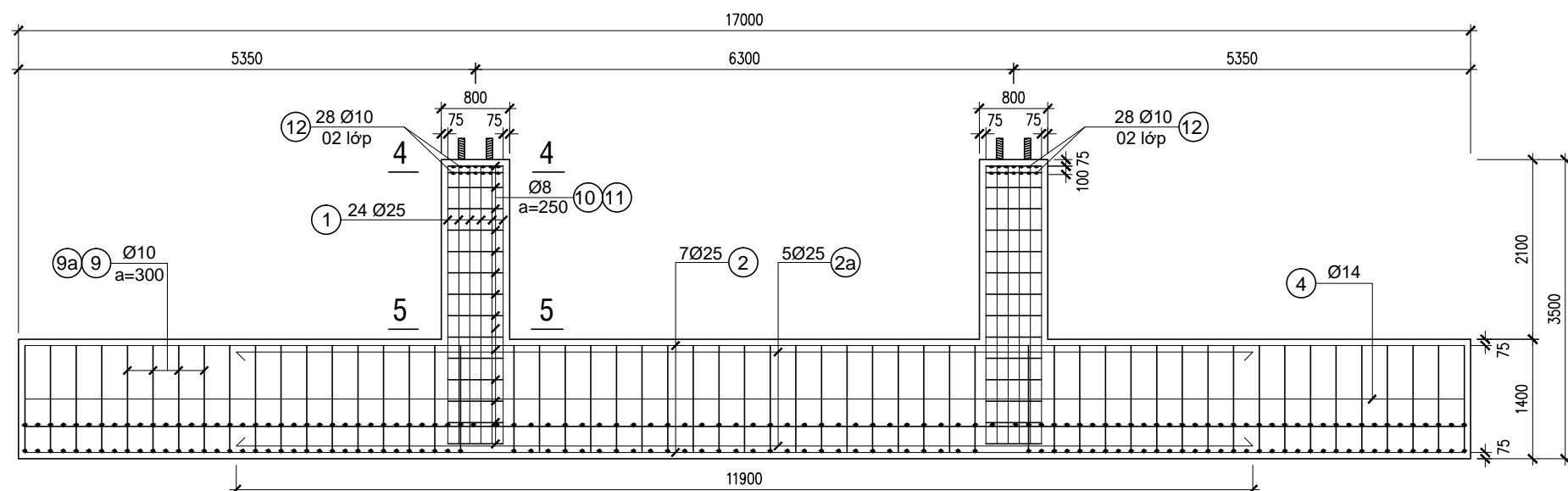


MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20

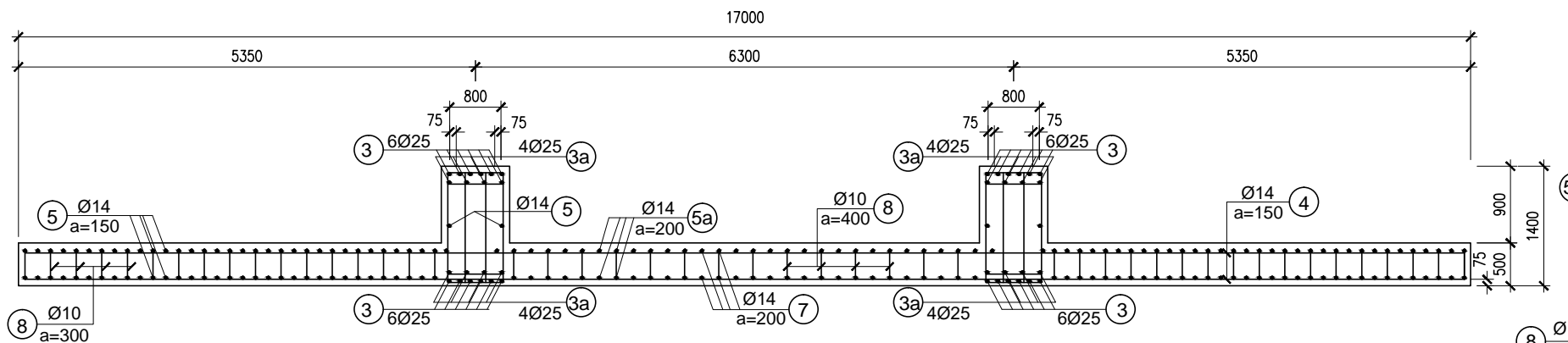
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/6.

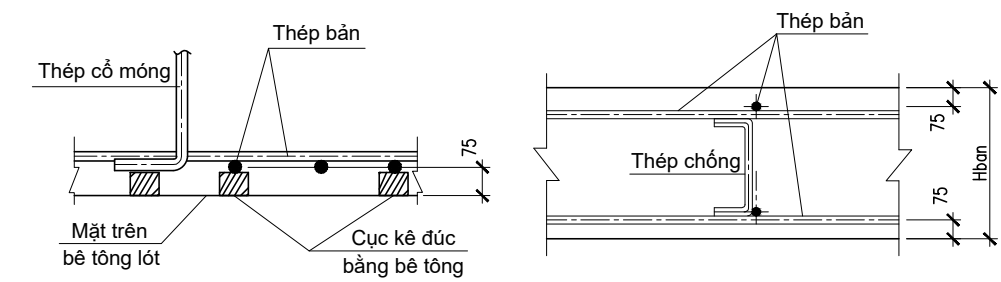
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-13x15.5		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn			12-2019	
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu			12-2019	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	ĐD1-16-14D.XD-04/5		Tờ 2/2	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				



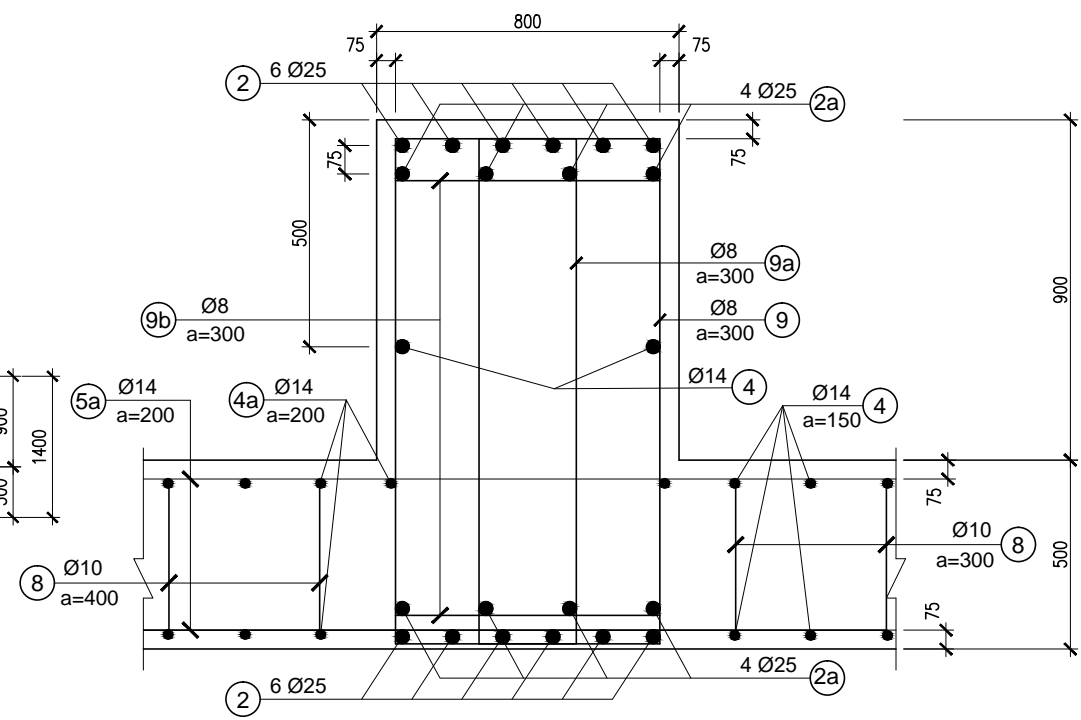
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



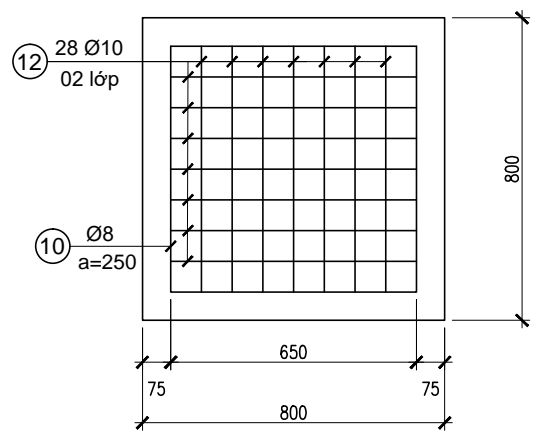
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



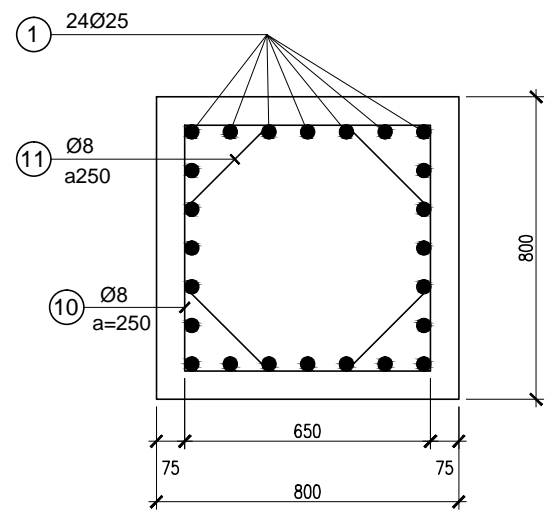
CHI TIẾT ĐỠ THÉP



MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20

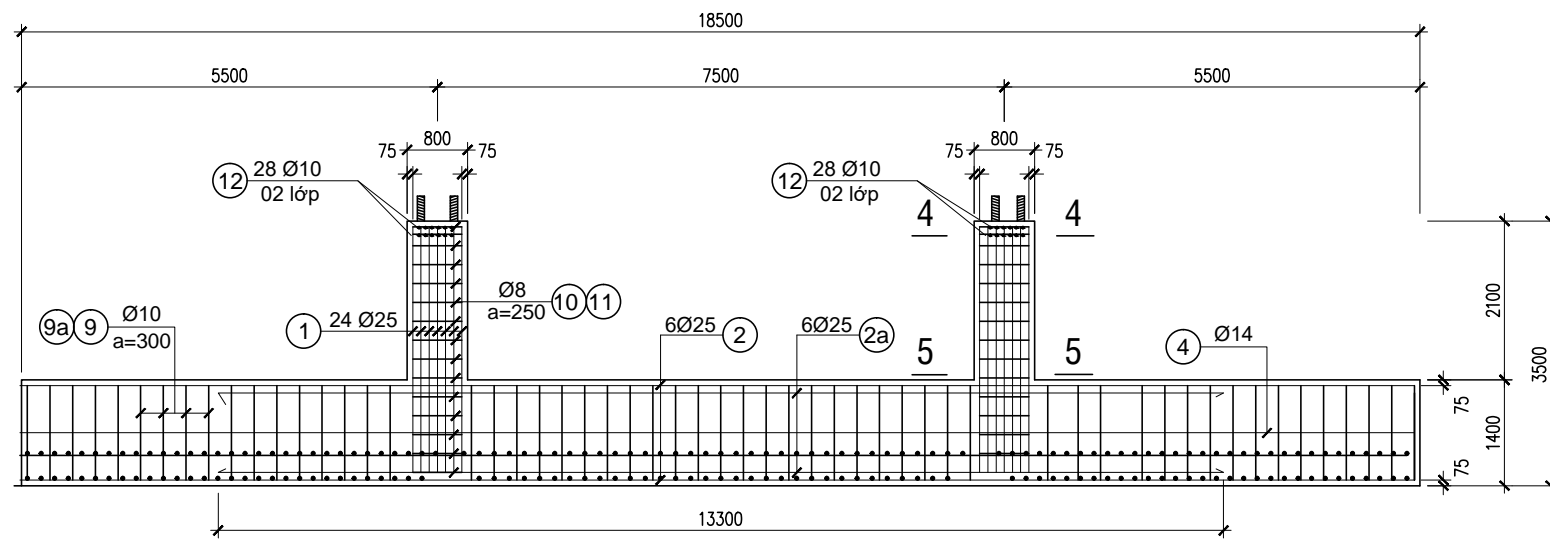


MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20

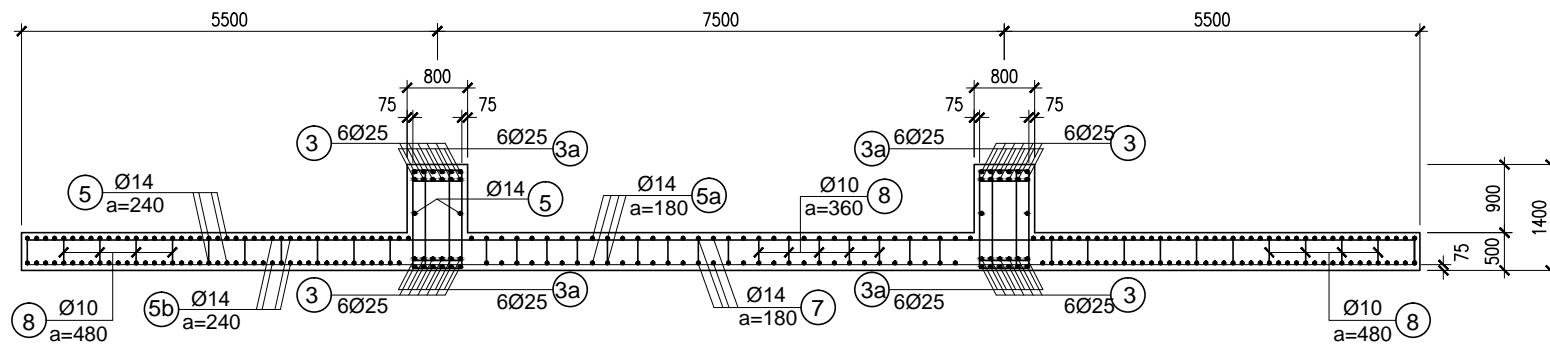
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/7.

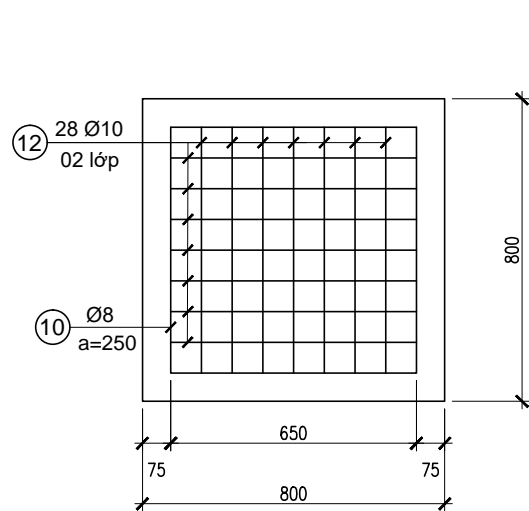
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
P.GĐ Trung tâm: Nguyễn Thanh Lâm C.N.T.K: Nguyễn Thành Văn C.T.T.K: Tiêu Minh Hiếu Kiểm tra: Nguyễn Lê Tuấn Liêm Thiết kế: Nguyễn Ngọc Phương				BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15x17	
THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/6				12-2019 Tr 2/2	



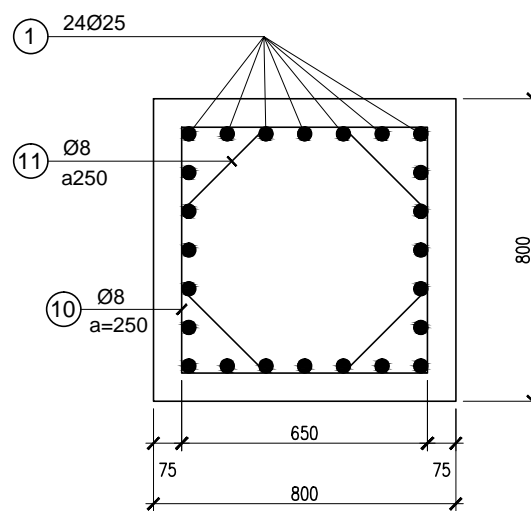
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/100



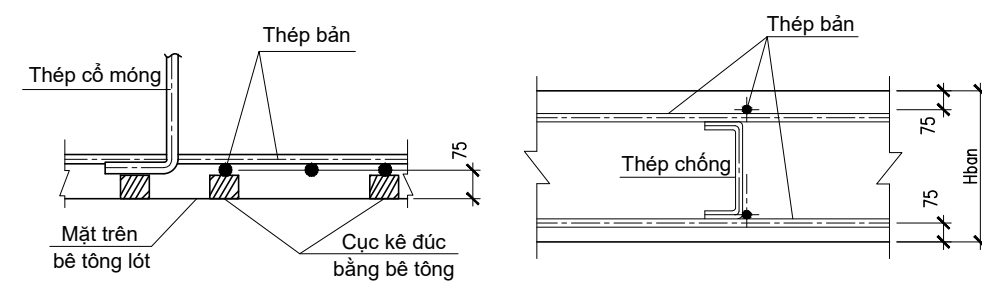
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/100



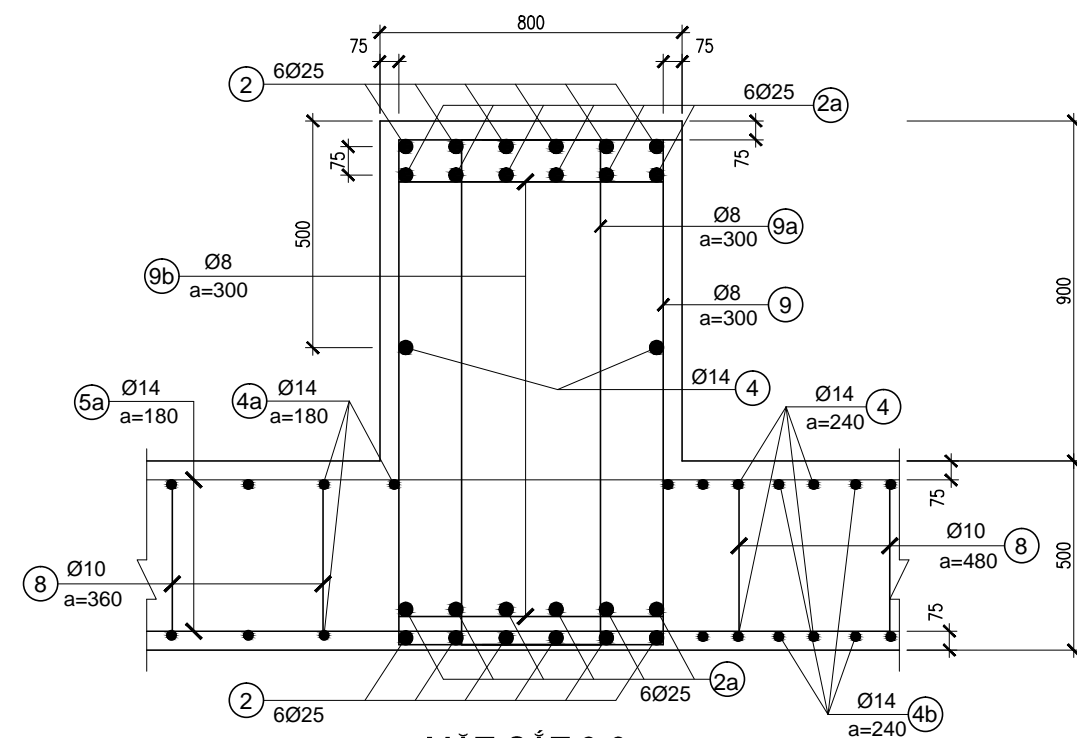
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20




CHI TIẾT ĐỠ THÉP

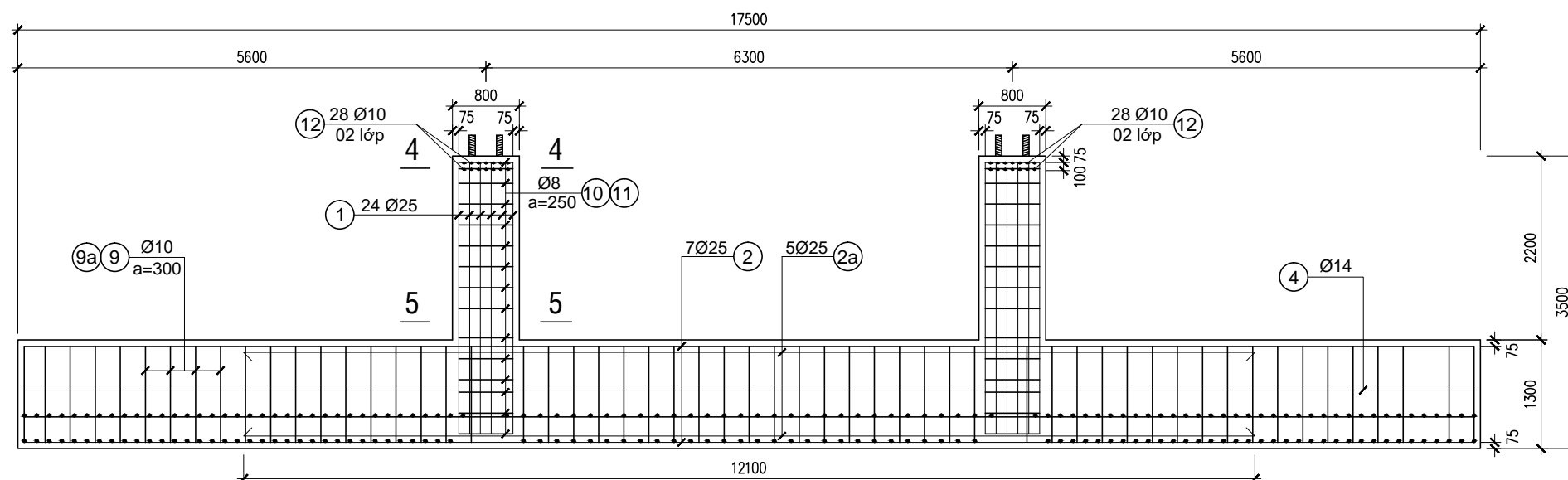


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

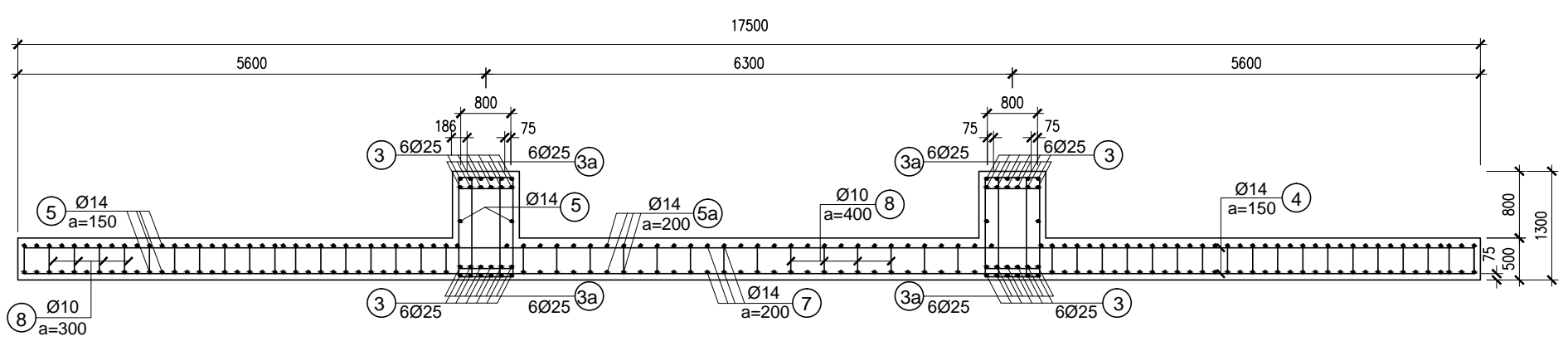
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/8.

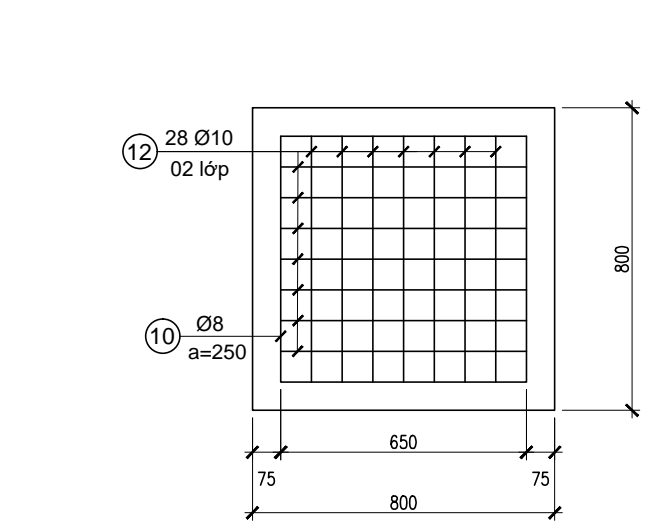
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16.5x18.5	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/7		Tờ 2/2	



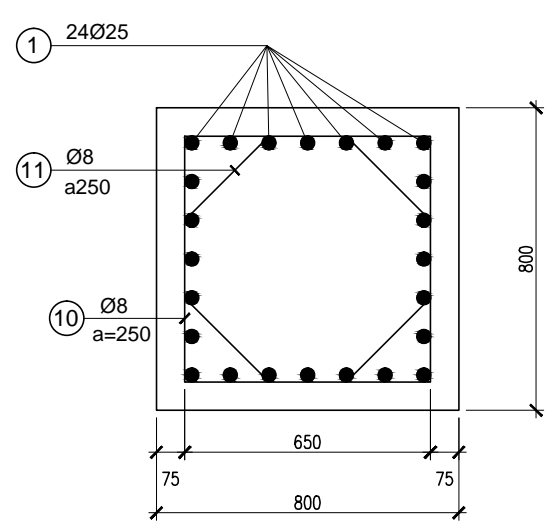
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



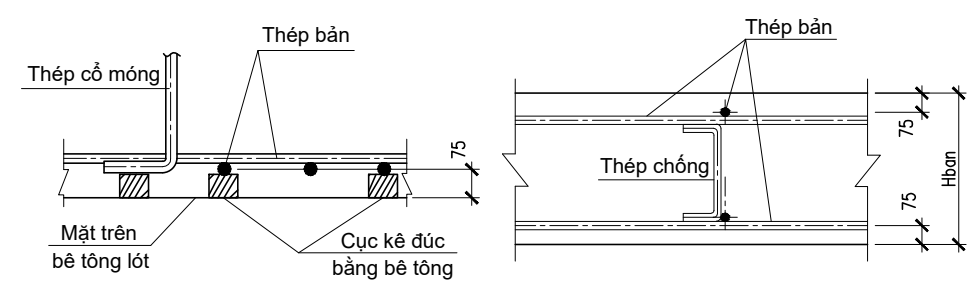
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



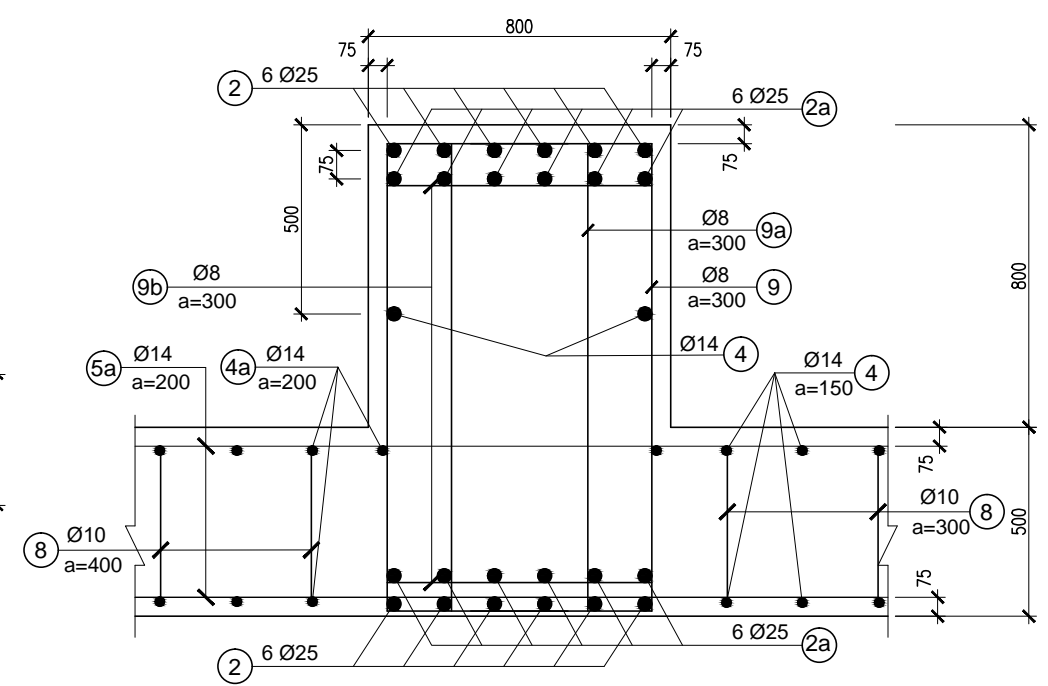
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



CHI TIẾT ĐỠ THÉP

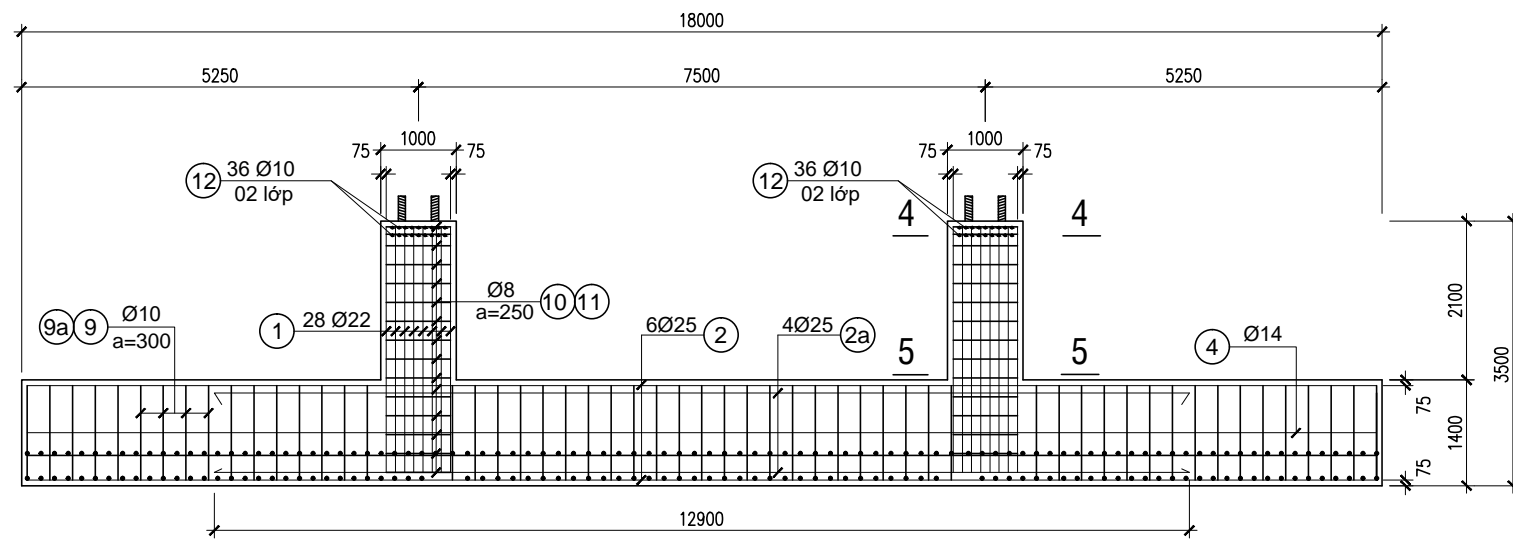


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

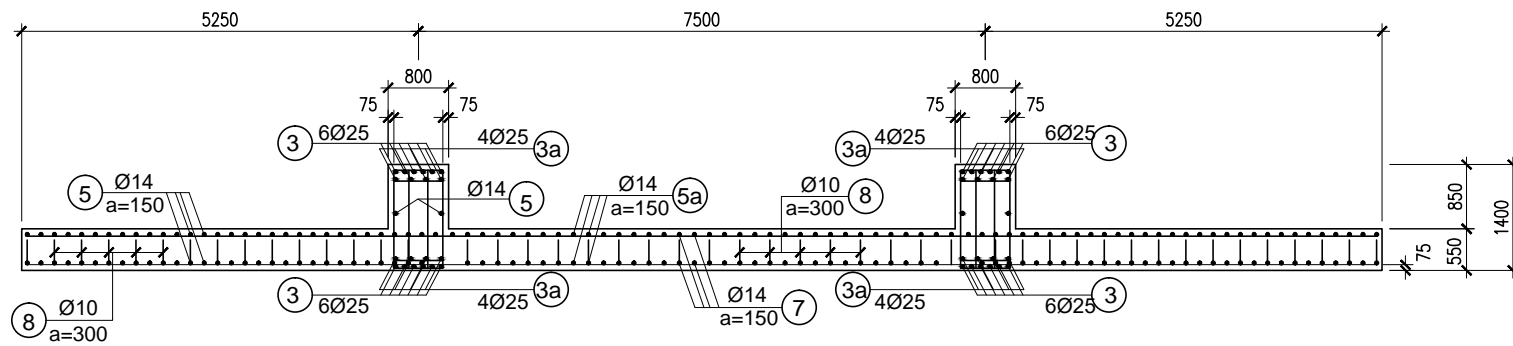
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/10.

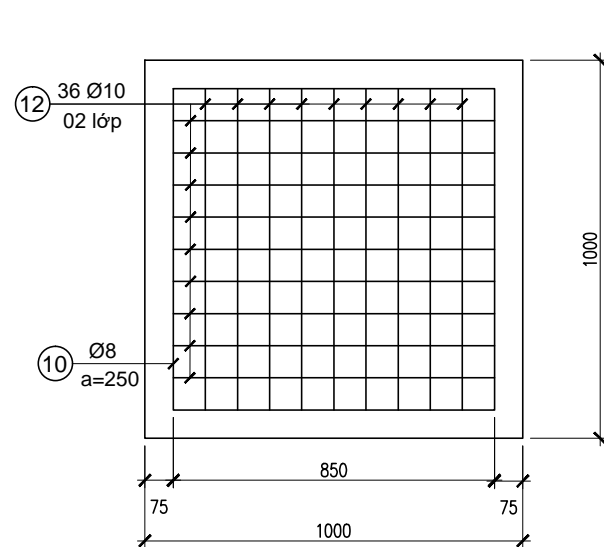
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB6.3-15.5x17.5			
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/9		Tờ 2/2	



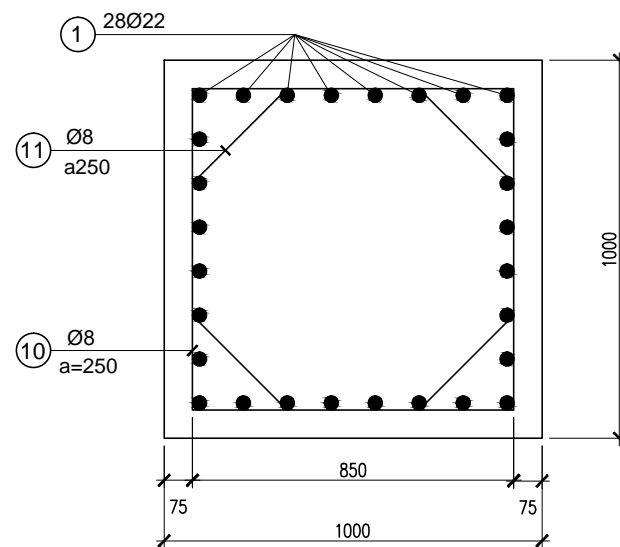
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/100



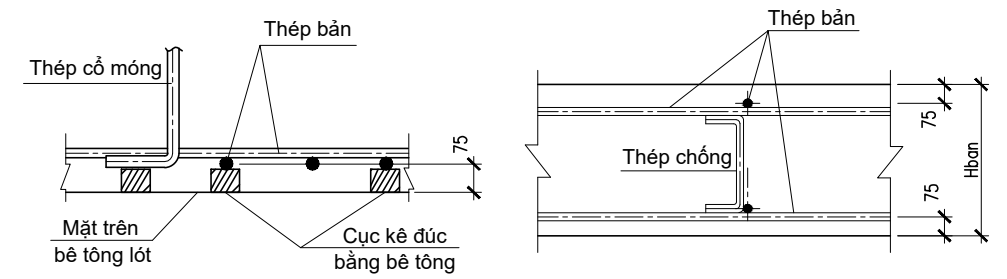
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/100



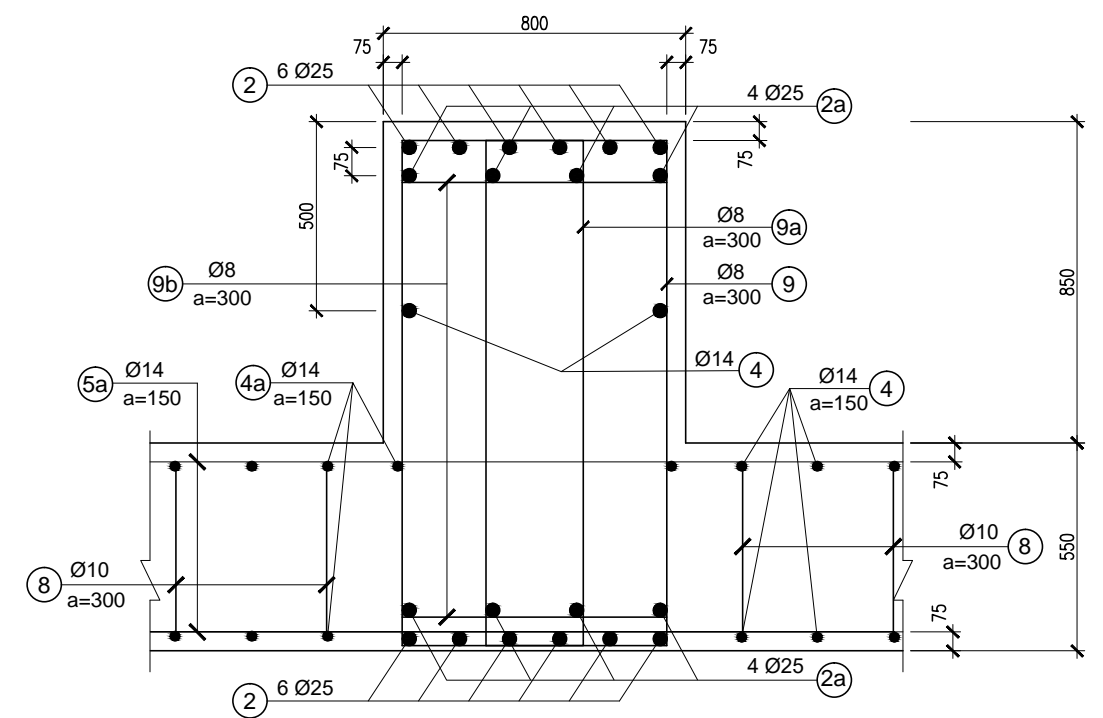
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20




CHI TIẾT ĐỠ THÉP

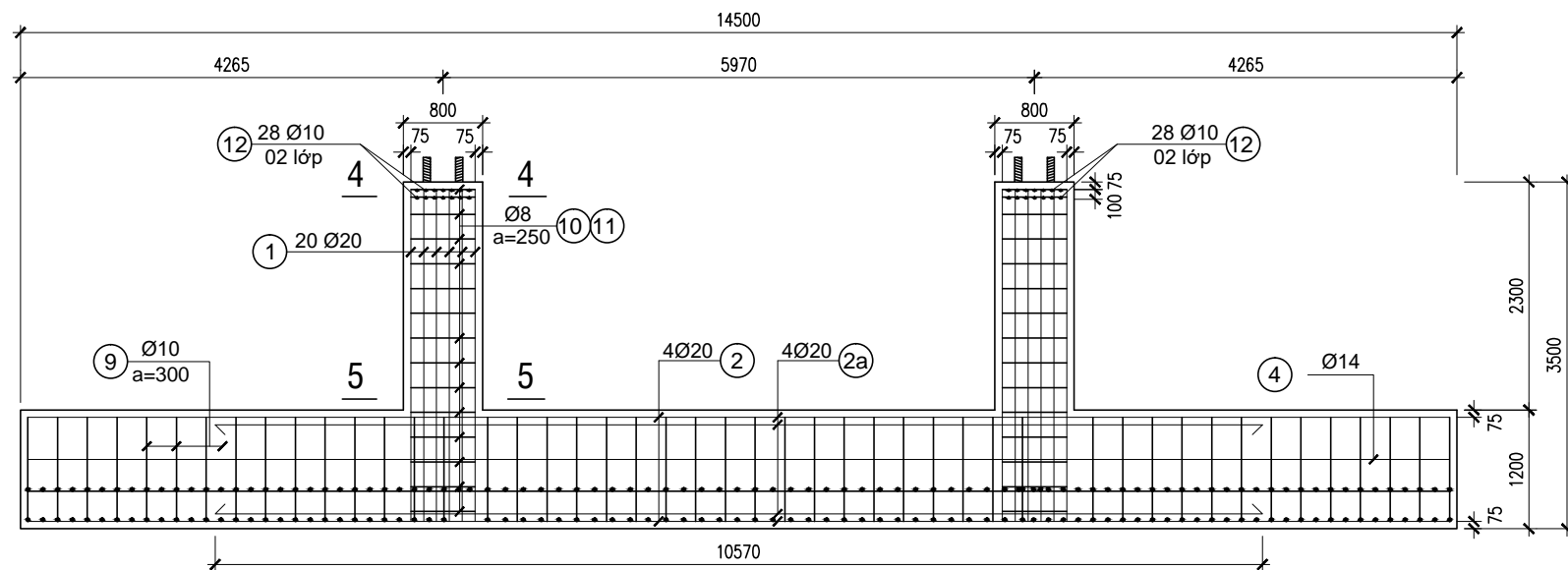


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

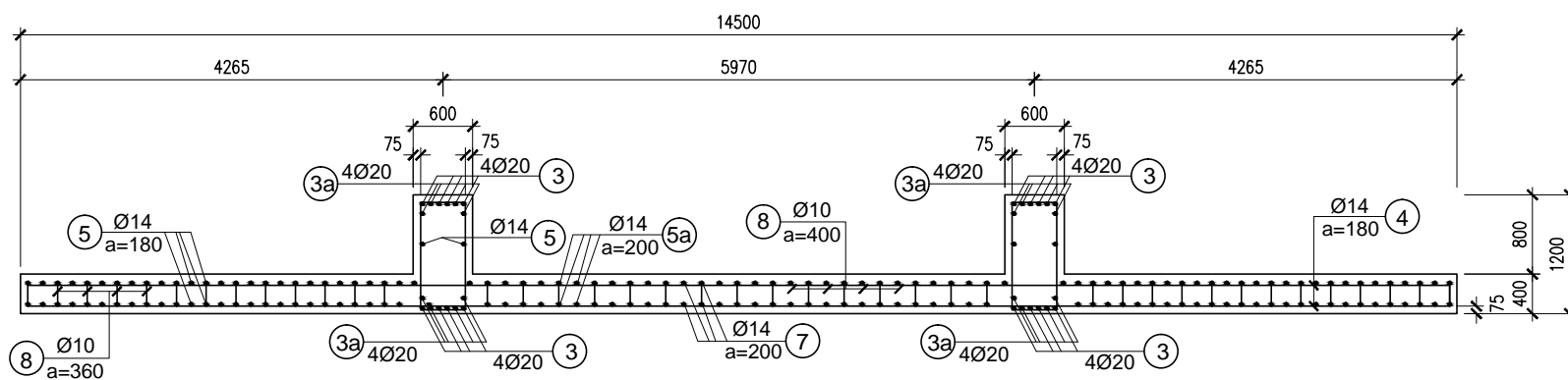
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/11.

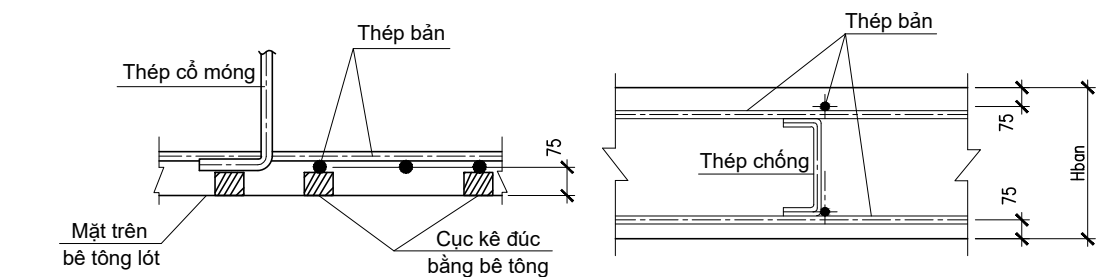
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA				ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU	
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm			BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.5-16x18	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/10		Tờ 2/2	



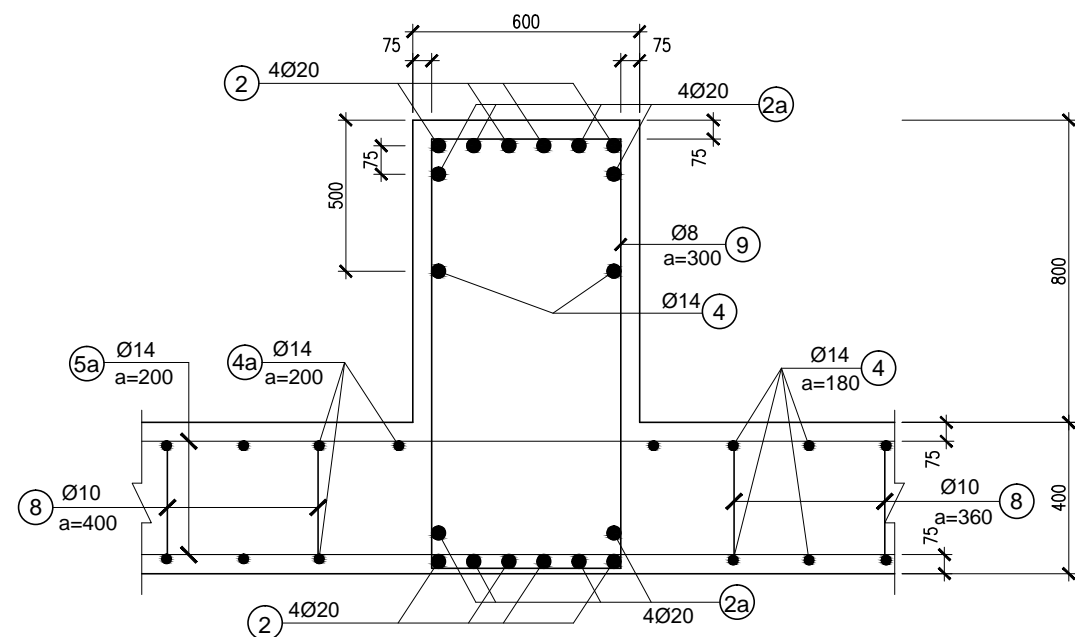
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



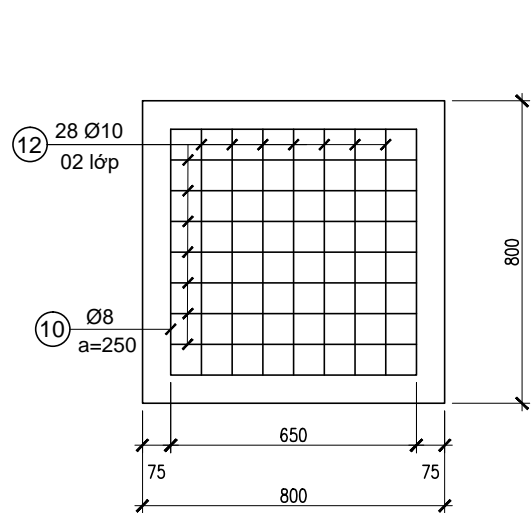
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



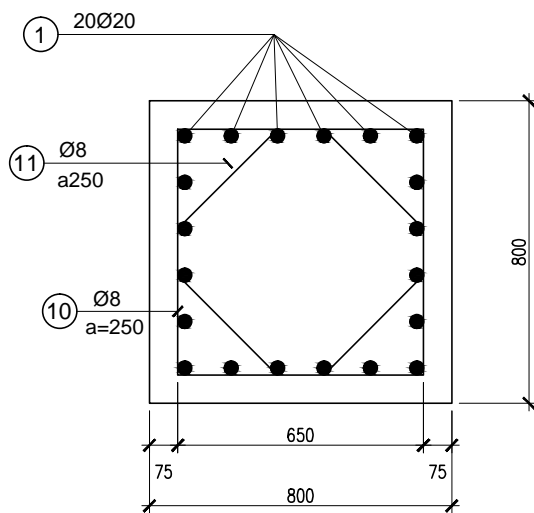
CHI TIẾT ĐỠ THÉP



MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20




MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20

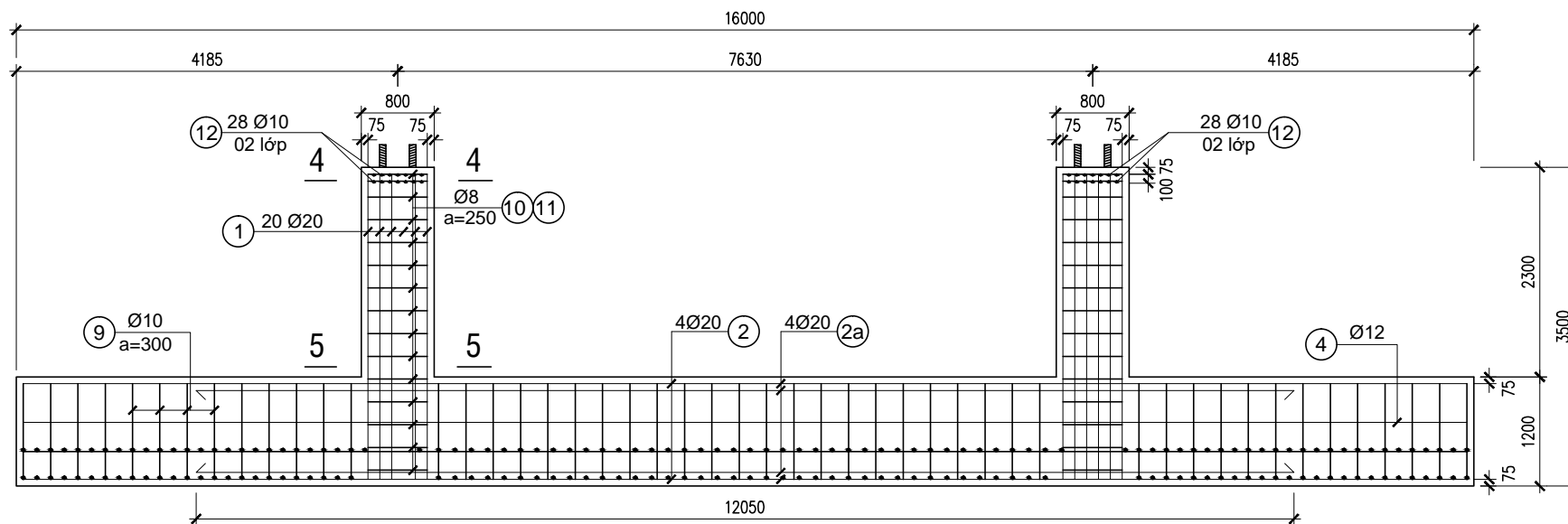


MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20

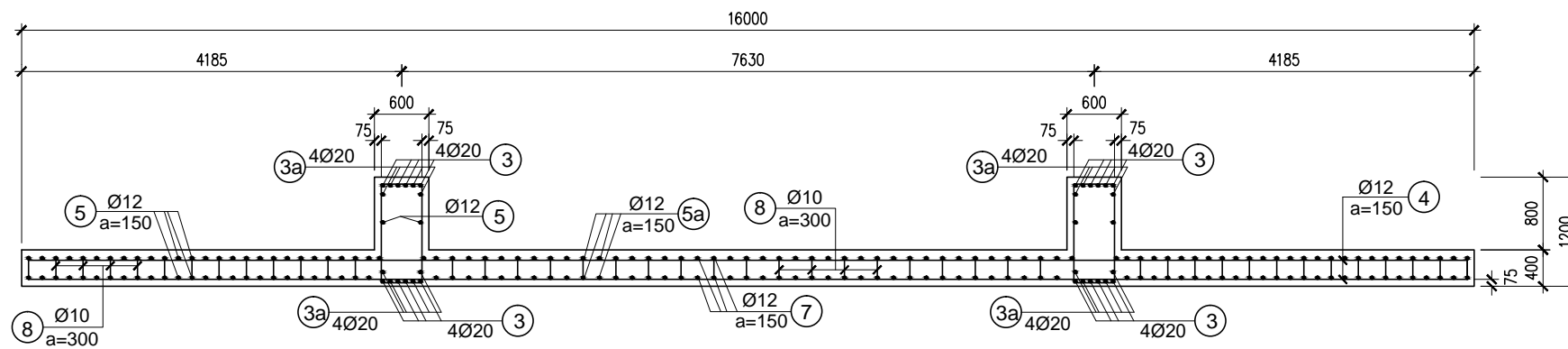
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/12.

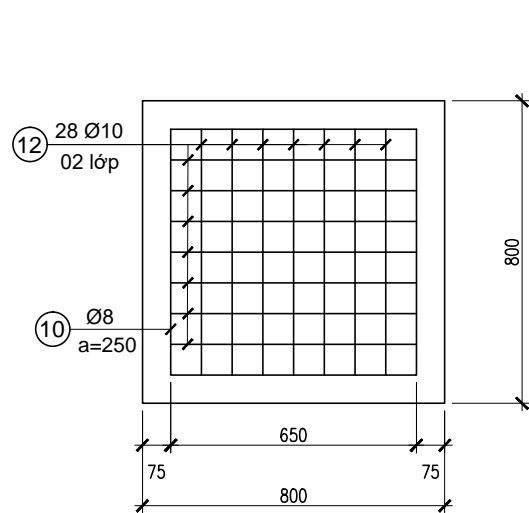
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB5.97-12.5x14.5		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu	THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		12-2019	
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm				
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương	ĐD1-16-14D.XD-04/11		Tờ 2/2	



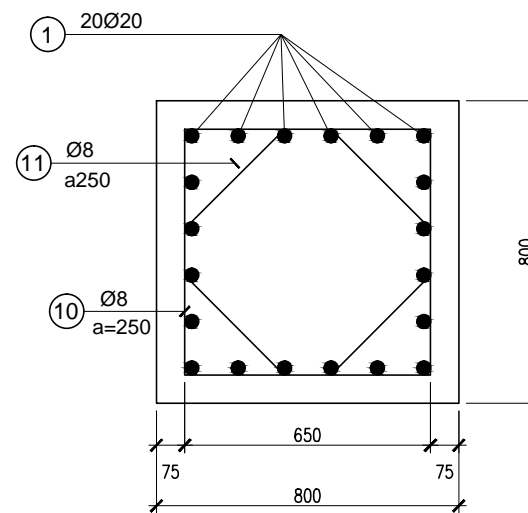
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/75



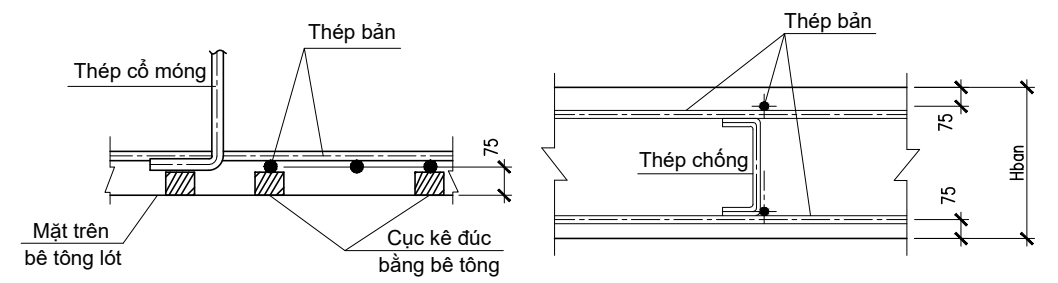
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/75



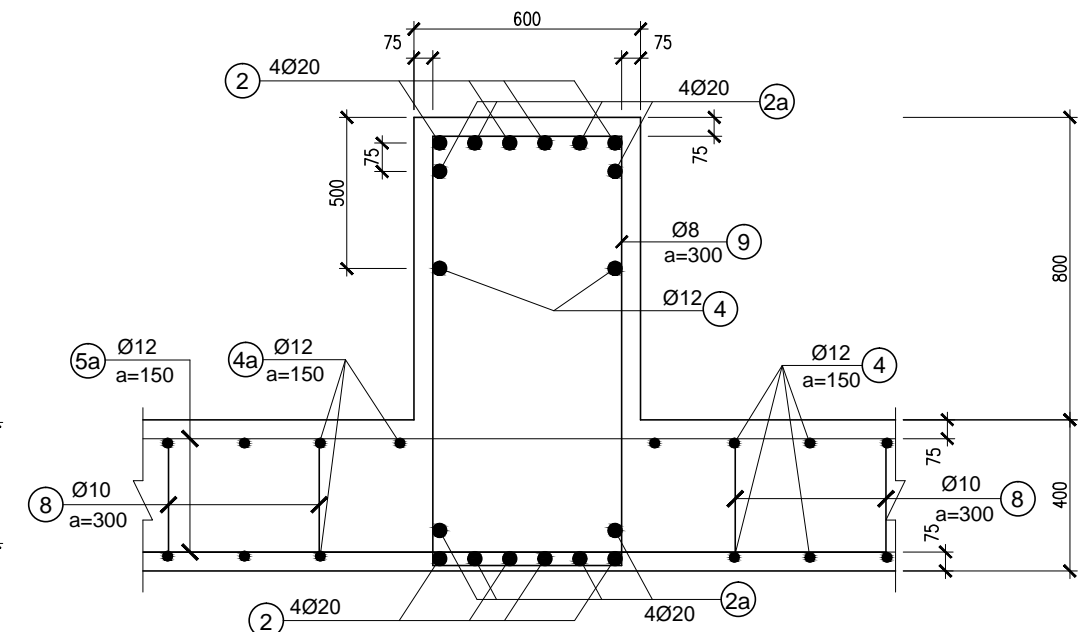
MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



CHI TIẾT ĐỠ THÉP

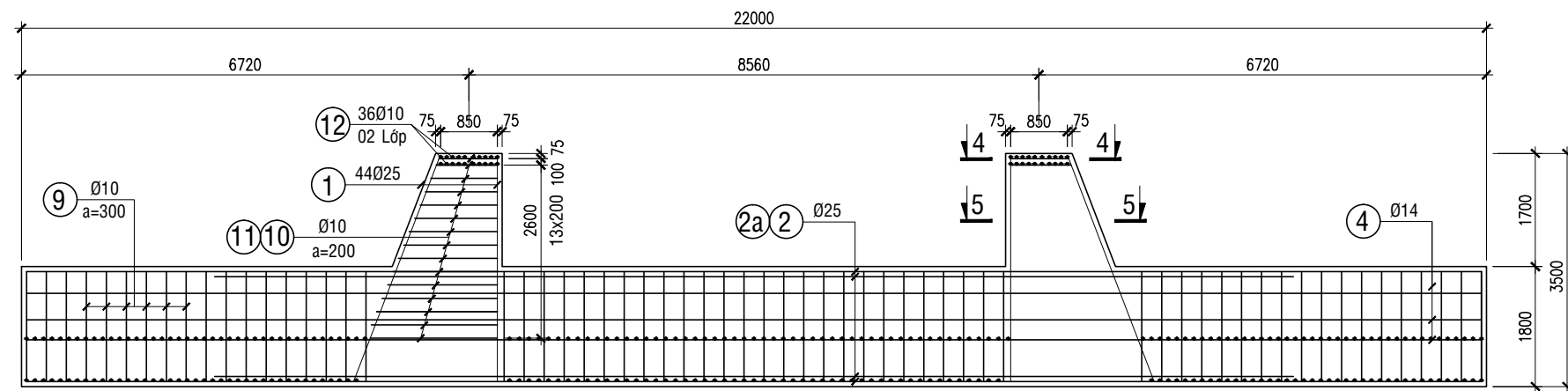


MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

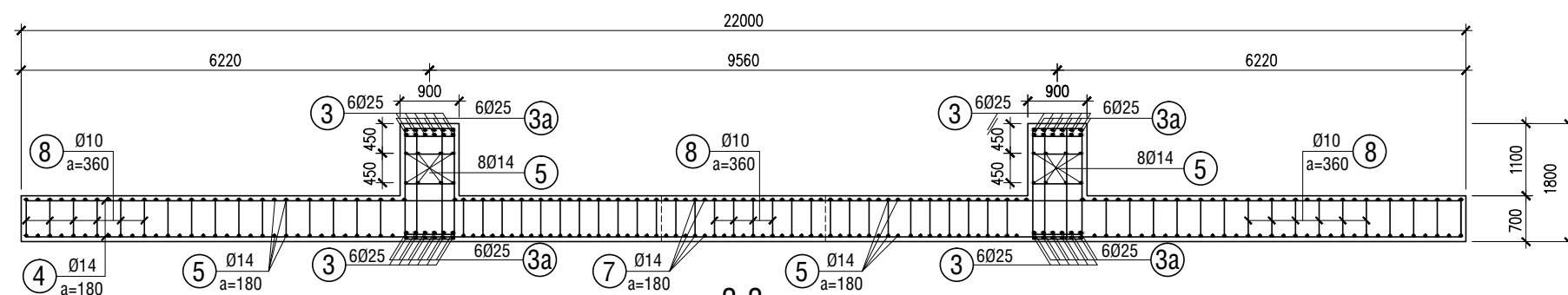
Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/13.

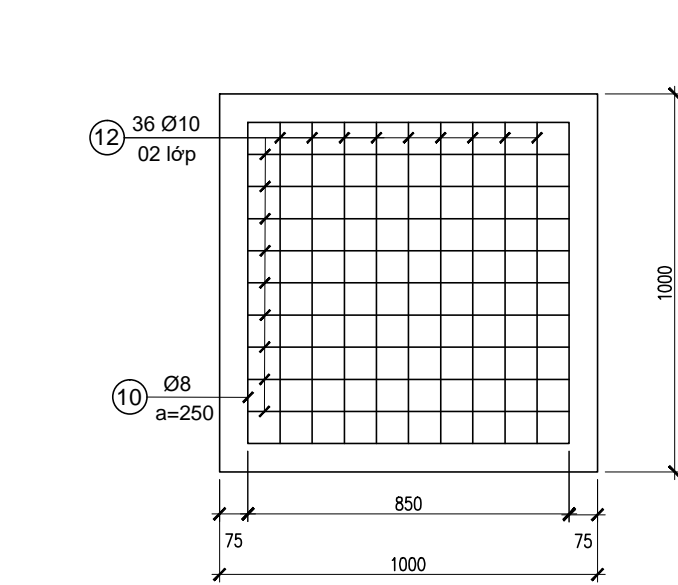
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB7.63-14x16		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm	ĐD1-16-14D.XD-04/12		12-2019	Tờ 2/2
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương				



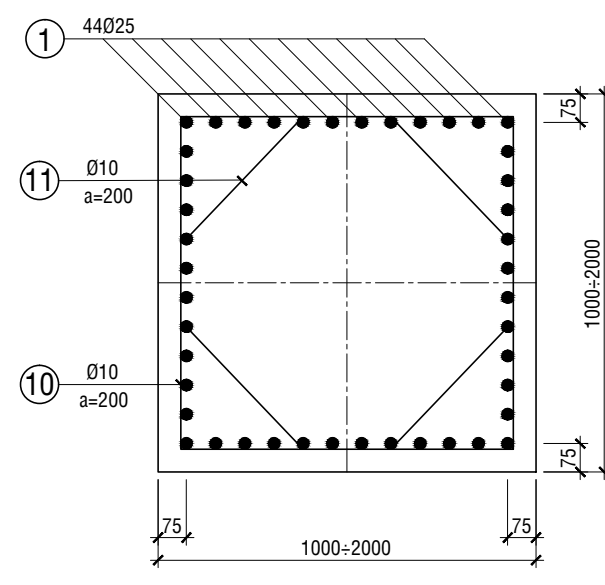
1-1
Tỷ lệ: 1/100



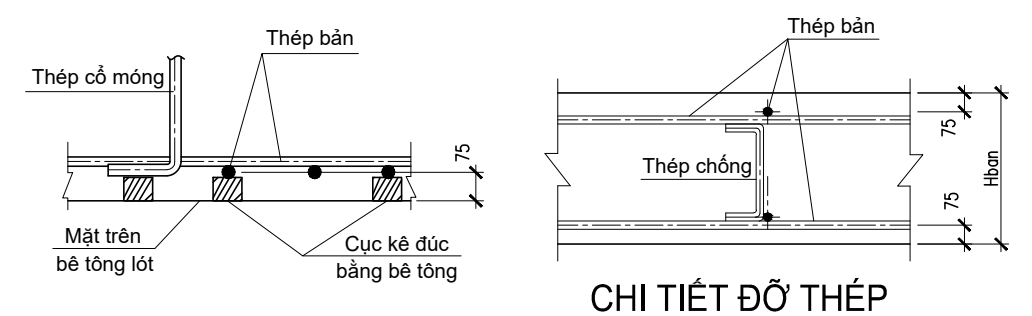
2-2
Tỷ lệ: 1/100



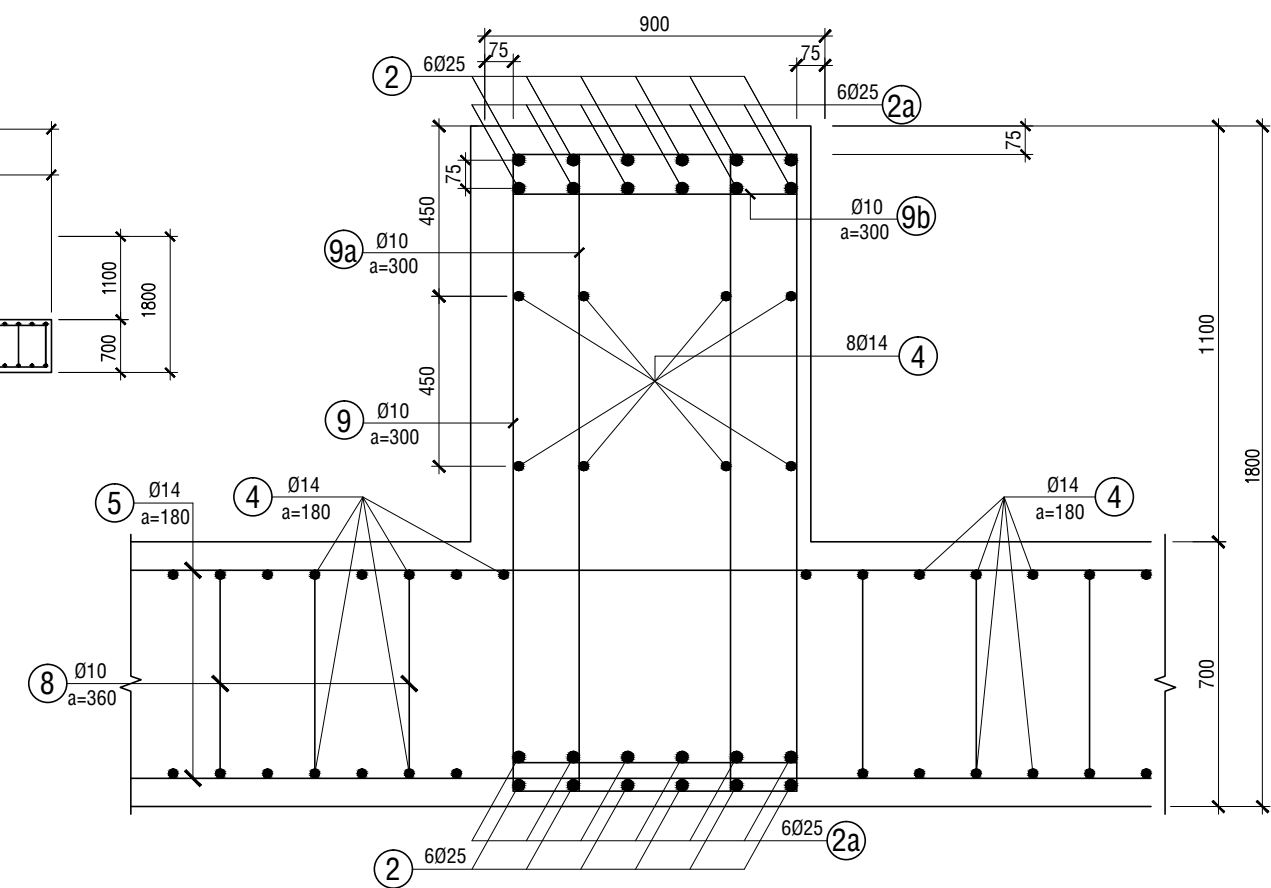
4-4
Tỷ lệ: 1/20



5-5
Tỷ lệ: 1/20



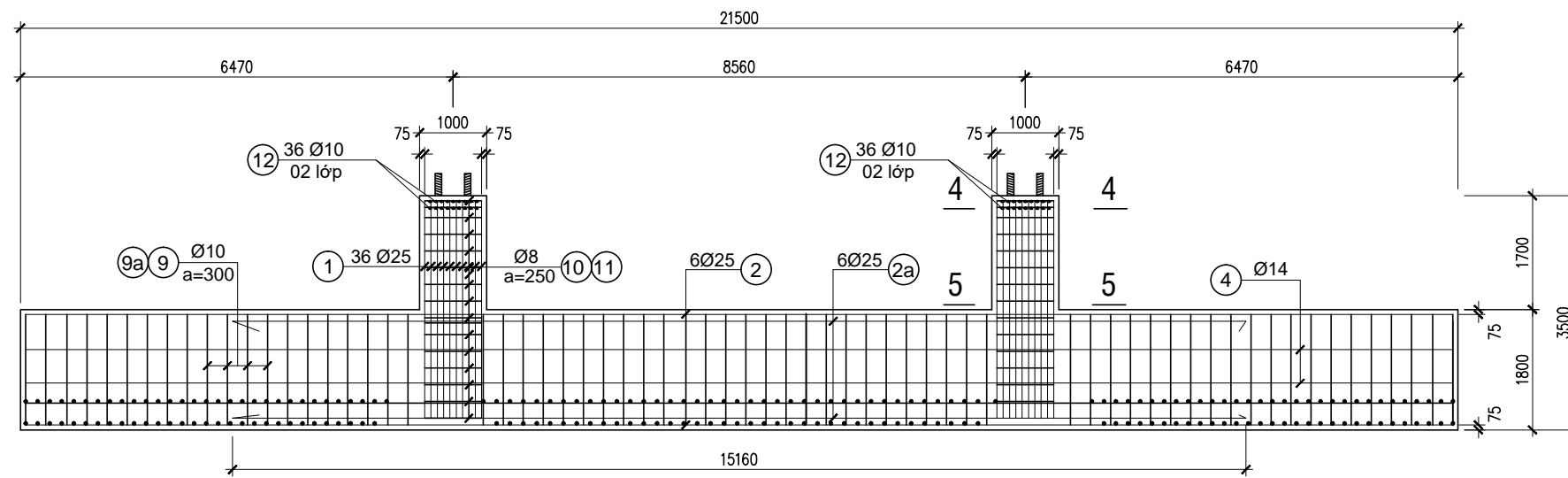
CHI TIẾT ĐỒ THÉP



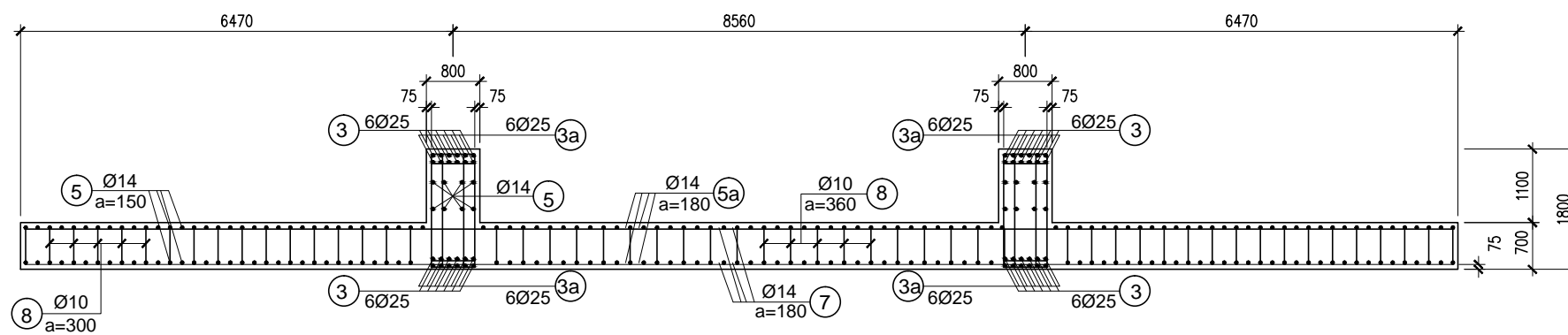
3-3
Tỷ lệ: 1/20

Ghi Chú :
 - Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
 - Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/14.

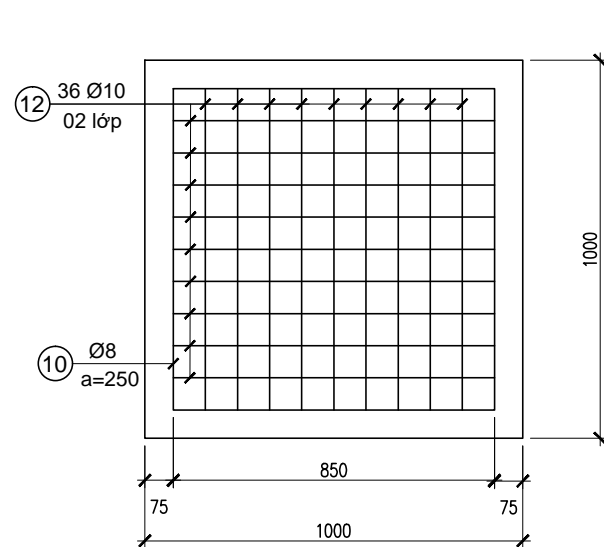
Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-22x22		
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm				
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm			THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	12-2019
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			ĐD1-16-14D.XD-04/13	Tờ 2/2



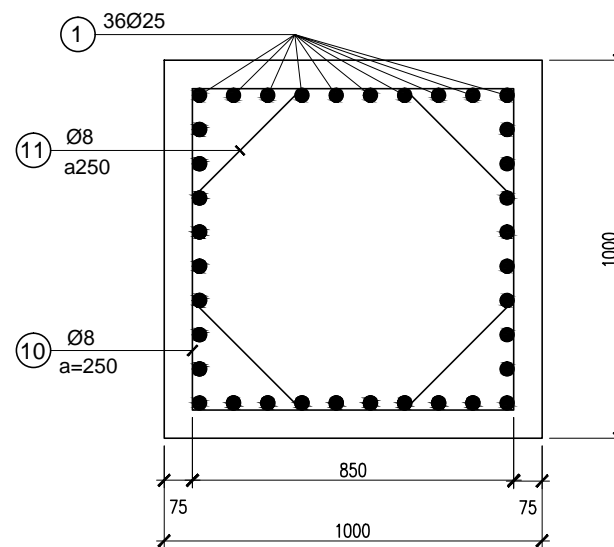
MẶT CẮT 1-1
TỶ LỆ : 1/100



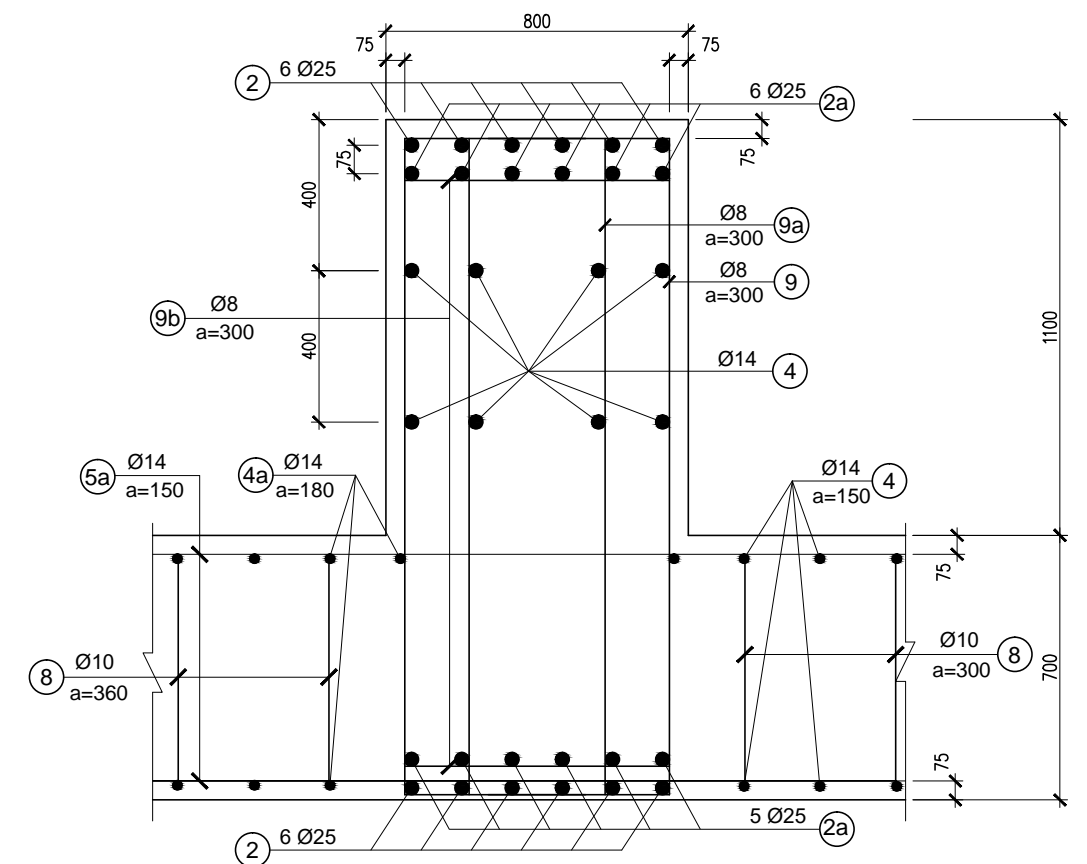
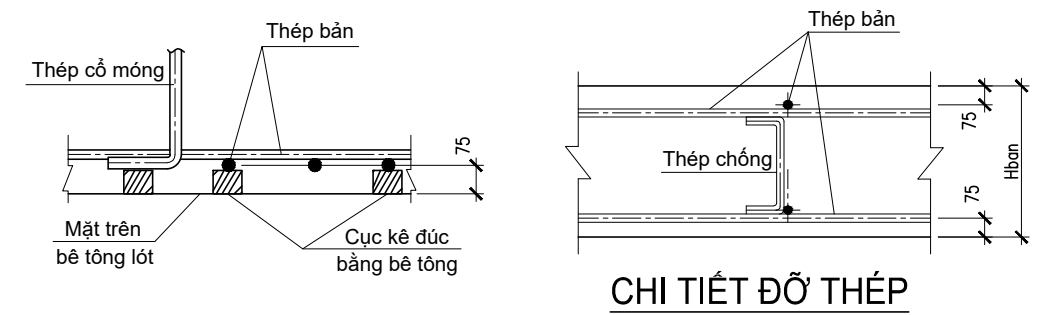
MẶT CẮT 2-2
TỶ LỆ : 1/100



MẶT CẮT 4-4
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 5-5
TỶ LỆ : 1/20



MẶT CẮT 3-3
TỶ LỆ : 1/20

Ghi Chú :

- Xem ghi chú ở bản vẽ: ĐD1-16-14D.XD-04.
- Xem cùng bản vẽ sơ đồ móng: ĐD1-16-14D.XD-02/15.

Lần sửa đổi		Diễn giải nội dung sửa đổi		Người sửa đổi	Ngày sửa đổi
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA			ĐƯỜNG DÂY 110KV BẠC LIÊU 2 - VĨNH CHÂU		
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2					
P.GĐ Trung tâm	Nguyễn Thanh Lâm	BẢN VẼ CHI TIẾT MÓNG BẢN MB8.56-19.5x21.5		THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐD1-16-14D.XD-04/14	
C.N.T.K	Nguyễn Thành Văn				
C.T.T.K	Tiêu Minh Hiếu				
Kiểm tra	Nguyễn Lê Tuấn Liêm			12-2019	
Thiết kế	Nguyễn Ngọc Phương			Tờ 2/2	